

くらしの
べんり 帳

Tiếng Việt / ベトナム語

Hướng dẫn Thủ tục Hành chính

Sổ tay Tiện ích cho
Cuộc sống tại
Thành phố Toyota

Mục lục [目次]

いざというときに Trong những tình huống khẩn cấp	2
届出・手続き Đăng ký và Các thủ tục	18
税金 Thuế	38
国民健康保険・後期高齢者医療・国民年金 Bảo hiểm y tế quốc gia, Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và Quỹ hưu trí quốc gia	44
医療費助成 Hỗ trợ chi phí y tế	50
保健・衛生 Y tế và Vệ sinh	58
福祉 Phúc lợi	62
出産・育児・教育 Sinh con, Nuôi dưỡng và Giáo dục trẻ em	84
暮らし・環境 Cuộc sống và Môi trường	104
相談 Dịch vụ tư vấn	120
教養・文化・スポーツ Văn hóa, Giáo dục và Thể thao	126
公共施設の電話番号 Số điện thoại của các cơ sở công cộng	128



いざというときに

問 消防本部指令課 TEL 35-9750(市民案内) TEL 35-9724 FAX 35-9739(一般問合せ)
 地域包括ケア企画課 TEL 34-6787 FAX 34-6793(東庁舎1階)
 防災対策課 TEL 34-6750 FAX 34-6048(南庁舎4階)



くわんせんせいの

こんなときどうする

① 火災・救急・救助のときは119番通報してください

119番通報すると……

消防本部の指令員が「火事ですか？ 救急車ですか？」と聞きます。



火災の場合

- 住所(近くの目標物、何階か)
- 何が燃えているか
- 逃げ遅れはいないか
- 通報者の氏名

救急の場合

- 住所(近くの目標物、何階か)
- 誰がどうしたのか
- 通報者の氏名
- 持病・かかりつけ病院

事故の場合

- 住所(近くの目標物)
- どういう事故か
- 通報者の氏名
- けが人は何人いるか

- 救急車は、緊急自動車であるため、サイレンを鳴らします。
- 重症の場合は、救急車だけでなく消防車も出動することがあります。
- 通報の後、救急隊が電話をかけることがあります。



緊急性が高いと判断した時は迷わず救急車を要請してください

具体的には……

- 意識がない ■けいれんが止まらない ■呼吸困難
- 激しい痛み(頭痛、胸背部痛、腹痛) ■大量の出血 ■広範囲のやけど など

救急車を呼んだ後

用意しておく便利なもの

- ☑保険証や診察券 ☑お金 ☑靴
- ☑普段飲んでいる薬(おくすり手帳)

乳幼児の場合

- ☑母子健康手帳 ☑紙おむつ
- ☑ほ乳瓶 ☑タオル

救急車が来たら伝えてほしいこと

- ☑事故や具合が悪くなった状況
 - ☑救急隊が到着するまでの変化
 - ☑行った応急手当の内容
 - ☑具合の悪い人の情報
- (持病、かかりつけの病院やクリニック、
 普段飲んでいる薬、医師の指示など)

そのほかの119番通報方法……

●音声以外の通報

- (1) ファクシミリ(ファクス119)
119番に住所や概要、通報者の氏名などを記載した用紙を送付してください。
- (2) インターネット(Net119)
事前に登録が必要なため、指令課まで相談してください。

●日本語以外の通報

通報者が日本語を話せない場合でも、指令員が消防専門の外国語通訳を活用して通報内容を確認します。(対応できる言語には限りがあります。)

●動画による119番通報システム

通報者が動画撮影した災害現場の状況を出動中の隊員が確認できるシステム。指令員が必要に応じて依頼します。



Trong những tình huống khẩn cấp

Liên hệ Phòng Chỉ huy, Trụ sở cứu hoả

Phòng Kế hoạch Chăm sóc Toàn diện Cộng đồng
Phòng Phòng chống Thảm họa thiên tai

TEL 35-9750

TEL 35-9724

TEL 34-6787

TEL 34-6750

FAX

FAX

FAX

35-9739

34-6793

34-6048

(Hướng dẫn cho cư dân)

(Giải đáp các vấn đề chung)

(Tầng 1, Tòa thị chính phía đông)

(Tầng 4, Tòa thị chính phía nam)



Trong những tình huống khẩn cấp

Khi gặp tình huống như thế này, phải làm thế nào?

1 Trong trường hợp hỏa hoạn, cấp cứu hoặc cứu hộ, hãy gọi số 119.

Khi bạn gọi số 119...

Người chỉ huy từ trụ sở cứu hoả sẽ hỏi: **“Có cháy à? Hay là cần xe cấp cứu?”**



Trong trường hợp hỏa hoạn:

- Địa chỉ (gần địa điểm nào, ở tầng mấy)
- Cái gì đang cháy
- Có người nào chưa thể thoát khỏi đám cháy không
- Tên của người thông báo

Trong trường hợp cấp cứu:

- Địa chỉ (gần địa điểm nào, ở tầng mấy)
- Ai đang gặp vấn đề gì
- Tên của người thông báo
- Có bệnh nền hoặc đang điều trị ở bệnh viện nào không

Trong trường hợp có tai nạn:

- Địa chỉ (gần địa điểm nào)
- Tai nạn đó là tai nạn gì
- Tên của người thông báo
- Có bao nhiêu người bị thương

- Xe cấp cứu là phương tiện cấp cứu khẩn cấp, nên sẽ có tiếng còi khi di chuyển.
- Trong trường hợp tình trạng nặng, không chỉ có xe cấp cứu mà còn có thể có xe chữa cháy tham gia.
- Sau khi thông báo, có thể sẽ có đội cứu thương gọi điện lại.



Khi bạn đánh giá rằng mức độ khẩn cấp là cao, đừng do dự mà hãy yêu cầu xe cấp cứu ngay.

Cụ thể các trường hợp như sau:

- Không có ý thức
- Cơ co giật không dừng
- Hô hấp khó khăn
- Đau dữ dội (đau đầu, đau ngực và lưng, đau bụng)
- Ra nhiều máu
- Bỏng nặng trên diện rộng v.v...

Những đồ vật tiện lợi cần chuẩn bị sau khi gọi xe cấp cứu:

- ✓ Thẻ bảo hiểm và thẻ khám bệnh
- ✓ Tiền
- ✓ Giày dép
- ✓ Thuốc mà bạn thường xuyên sử dụng (Sổ tay thuốc)

Trong trường hợp trẻ sơ sinh:

- ✓ Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
- ✓ Bim sơ sinh
- ✓ Bình sữa
- ✓ Khăn tẩm

Khi xe cấp cứu đến, chúng tôi muốn bạn thông báo những điều sau:

- ✓ Tình hình tai nạn hoặc tình trạng không khỏe đã diễn ra như thế nào
- ✓ Những thay đổi từ khi đội cứu thương được gọi cho đến khi họ đến nơi
- ✓ Những biện pháp sơ cứu đã thực hiện
- ✓ Thông tin về người có tình trạng không khỏe (bệnh nền, bệnh viện hoặc phòng khám thường xuyên lui tới, loại thuốc thường xuyên sử dụng, chỉ dẫn của bác sĩ, v.v....)

Các phương thức thông báo khác dùng số 119:

● Báo cáo không dùng giọng nói

(1) Fax (fax119):

Hãy gửi một tờ fax có chứa địa chỉ, khái quát sự việc, tên người thông báo, v.v... đến số Fax 119.

(2) Email (mail 119):

Vì cần đăng ký trước, vui lòng liên hệ với Phòng Chỉ huy để được tư vấn.

● Trường hợp người thông báo không nói được tiếng Nhật

Kể cả trong trường hợp người thông báo không nói được tiếng Nhật, người chỉ huy sẽ thông qua thông dịch viên chuyên ngành cứu hoả để kiểm tra nội dung báo cáo. (Sẽ có hạn chế về ngôn ngữ hỗ trợ.)

● Hệ thống thông báo đến số 119 qua video

Đây là hệ thống mà người thông báo có thể gửi video hiện trường nơi thảm họa đang xảy ra, và nhân viên được điều động sẽ kiểm tra tình hình tại nơi xảy ra vấn đề. Người chỉ huy sẽ yêu cầu sử dụng hệ thống này theo nhu cầu.

② 休日や夜間の急病のときには

問 地域包括ケア企画課

1 1次救急

投薬・注射といった処置や応急手当が受けられます。症状が重い場合は、2次救急の病院を紹介、または救急車で運びます。

2 2次救急

1次救急の医療機関で症状が重く、入院・手術を必要とする と診断された時には、**豊田厚生病院・トヨタ記念病院・足助病院・地域医療センター**が当番で対応します。ただし症状が重いと感じた場合は、早めに救急車を呼んでください。また小児科医の診療が必要と診断された子どものために、豊田厚生病院とトヨタ記念病院が当番で小児科医が診療できる体制を確保しています。

3 3次救急

豊田厚生病院・トヨタ記念病院に救命救急センターが設置されています。24時間体制で重篤救急患者の救命医療を担当します。



くわんくわんわん

月～土曜日 夜間

地域医療センター(西山町 TEL 34-3000)

区分		診療時間 ※受付は終了30分前まで
平日	内科系・外科系	午後7時～翌午前9時
土曜日	内科系	午後2時～翌午前9時
	外科系	午後7時～翌午前9時

日曜日・祝日・年末年始

豊田加茂医師会立休日救急内科診療所
(西山町 TEL 32-7150)

豊田市立南部休日救急内科診療所
(和会町 TEL 85-0099)

診療科	外来受付時間
内科、小児科	午前9時～11時30分 午後1時～4時30分

休日救急外科医療機関(当番制)

※広報とよた・市ホームページに掲載

診療科	診療時間 ※受付は終了30分前まで
外科系	午前9時～午後5時

地域医療センター(西山町 TEL 34-3000)

区分	診療時間※受付は終了30分前まで
内科系	午後5時～翌午前9時
外科系	午後5時～翌午前9時
歯科	午前10時～午後3時※8月13日～15日も診療しています

とよた急病・子育てコール24

～育救(いっきゅう)さんコール～

(TEL 0120-799192 な(やむ前に)きゅうきゅういくじ)

相談日	相談受付時間
毎日	24時間

看護師、医師などの専門職が症状に応じた医療機関案内や応急処置方法などの救急医療相談に対応します。
※年齢に関係なく相談できます

あいち救急医療ガイドホームページ

地域や診療科目などから医療機関を検索できます。

日本中毒情報センター110番 365日対応

(TEL 072-727-2499 24時間対応)

(タバコ専用 TEL 072-726-9922 24時間テブ対応)

化学物質、医薬品、動植物の毒などによって起こる急性中毒についての事故が発生している場合に情報提供を受けられます。

② Khi mắc bệnh cấp tính vào những ngày nghỉ hoặc ban đêm

Liên hệ Phòng Kế hoạch Chăm sóc Toàn diện Cộng đồng

① Cấp cứu cấp 1:

Được điều trị và sơ cứu bằng thuốc, tiêm. Trong trường hợp bệnh tình nặng, sẽ giới thiệu người bệnh đến bệnh viện cấp cứu cấp 2 hoặc di chuyển người bệnh đến bằng xe cấp cứu.

② Cấp cứu cấp 2:

Trong trường hợp tại các cơ sở y tế cấp 1 bệnh tình trở nên nặng hơn, được chẩn đoán rằng cần phải nhập viện hoặc phẫu thuật, **Bệnh viện Toyota Kosei, Bệnh viện Toyota Kinen, Bệnh viện Asuke và Trung tâm Y tế Khu vực** sẽ tiếp nhận nhận luân phiên. Tuy nhiên, hãy sớm gọi xe cấp cứu nếu cảm thấy bệnh tình trong tình trạng nặng. Ngoài ra, Bệnh viện Toyota Kosei và Bệnh viện Toyota Kinen sẽ luân phiên duy trì hệ thống các bác sĩ nhi khoa trực để điều trị cho những trẻ em được chẩn đoán là cần được chăm sóc nhi khoa.

③ Cấp cứu cấp 3:

Bệnh viện Toyota Kosei và Bệnh viện Toyota Kinen đều có Trung tâm Cấp cứu và Cứu thương. Các bệnh viện này chịu trách nhiệm chăm sóc y tế cứu sống bệnh nhân cấp cứu nghiêm trọng 24/24.



Trong những tình huống khẩn cấp

» Thứ Hai đến Thứ Bảy

Ban đêm

Trung tâm Y tế Khu vực (Nishiyama-cho **TEL 34-3000**)

Phân loại	Thời gian khám bệnh *Quầy đăng ký sẽ đóng cửa 30 phút trước thời gian kết thúc
Ngày thường	Chuyên khoa nội / Chuyên khoa ngoại Từ 7 giờ tối đến 9 giờ sáng hôm sau
Thứ Bảy	Chuyên khoa nội Từ 2 giờ tối đến 9 giờ sáng hôm sau Chuyên khoa ngoại Từ 7 giờ tối đến 9 giờ sáng hôm sau

» Chủ Nhật·Ngày lễ·Cuối năm và Đầu năm mới

Phòng khám nội trú cấp cứu ngày nghỉ của Hội bác sĩ Toyota Kamo

(Nishiyama-cho **TEL 32-7150**)

Phòng khám nội trú cấp cứu ngày nghỉ phía Nam của Thành phố Toyota

(Kazue-cho **TEL 85-0099**)

Khoa lâm sàng	Thời gian tiếp nhận bệnh nhân ngoại trú
Chuyên khoa Nội trú, nhi khoa	Từ 9 giờ sáng đến 11 giờ 30 phút trưa Từ 1 giờ chiều đến 4 giờ 30 phút chiều

Cơ sở y tế ngoại trú cấp cứu ngày nghỉ (cơ chế trực luân phiên)

* Thông tin chi tiết được đăng trên công báo và trang web chính thức của Thành phố Toyota.

Khoa lâm sàng:	Thời gian khám bệnh *Quầy đăng ký sẽ đóng cửa 30 phút trước thời gian kết thúc.
Chuyên khoa ngoại	Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều

Trung tâm Y tế Khu vực (Nishiyama-cho **TEL 34-3000**)

Phân loại	Thời gian khám bệnh *Quầy đăng ký sẽ đóng cửa 30 phút trước thời gian kết thúc.
Chuyên khoa Nội trú	Từ 5 giờ chiều đến 9 giờ sáng hôm sau
Chuyên khoa ngoại	Từ 5 giờ chiều đến 9 giờ sáng hôm sau
Nha khoa	Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều *Từ ngày 13 đến 15 tháng 8 cũng thực hiện khám bệnh.

» Tổng đài Tư vấn Bệnh cấp tính và Chăm sóc trẻ em 24 của Thành phố Toyota “Ikkyu-san Call Center” (**0120-799192**)

Ngày tư vấn	Thời gian tiếp nhận tư vấn
Hàng ngày	24/24

Đội ngũ có chuyên môn bao gồm điều dưỡng, bác sĩ, v.v... sẽ tư vấn y tế khẩn cấp, bao gồm thông tin về các cơ sở y tế và phương pháp sơ cứu theo triệu chứng.

* Tư vấn không phụ thuộc vào lứa tuổi.

» Trang web Hướng dẫn Y tế Khẩn Cấp Aichi

Bạn có thể tìm kiếm các cơ sở y tế dựa trên khu vực và chuyên khoa khám bệnh.

» Trung tâm Thông tin Ngộ độc toàn quốc - Số 110

Hỗ trợ 365 ngày trong năm

(**TEL 072-727-2499** Hỗ trợ 24/24)

(Hotline cho thuốc là **TEL 072-726-9922** Hỗ trợ ghi hình 24/24)

Có thể nhận thông tin khi có tai nạn liên quan đến trường hợp ngộ độc cấp tính do chất hóa học, thuốc và độc tố từ động, thực vật.



③ 地震が起きたら…

揺れがおさまったら

- ドア・窓を開けて出口を確保する



- ケガをしないよう靴やスリッパを履く
- 可能な範囲で火の始末をする
- 自宅を点検し、倒壊の恐れがあれば避難する

避難するとき

- ガスの元栓を閉め、電気のブレーカーを切る



- 防犯のために戸締りをする
- 緊急車両の通行を妨げないように、車は使用しない
- 近所の人や地域の役員などに行き先を伝えておく

④ 豪雨や台風にあったら…

豪雨や台風が来そうなとき

- テレビやラジオ、インターネットなどを利用して積極的に情報を収集する
- 物干し竿、植木鉢、自転車など風で飛ばされやすいものを室内に入れる
- 浸水の恐れのある場所では、食料品・衣類・寝具などを高い場所に移動させる
- 浴そうに水をはるなど、生活用水を確保する
- いつでも避難できるよう非常持ち出し品を準備する



避難するとき

- いま、避難すべきか冷静に考える
※暗い中や暴風雨の中での避難はかえって危険です。
避難が遅れたら、安全な建物の高所や土砂の影響が少ない所など、より安全な場所で助けを待ってください
- 運動靴で避難する
※長靴は中に水が入ると歩きにくくなります
- 非常持ち出し品は背負うなどして両手は自由にする
- 隣近所で声を掛け合い、歩いて避難する



3 Khi động đất xảy ra...



Sau khi động đất dừng lại

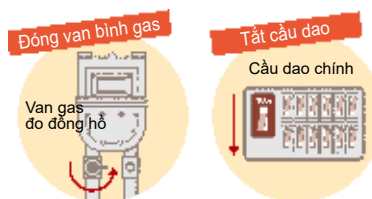
- Mở cửa sổ và cửa, kiểm tra lối ra vào



- Mang giày hoặc dép để tránh bị thương
- Dập lửa trong phạm vi có thể
- Kiểm tra nhà cửa và sơ tán nếu nhà có nguy cơ sập

Khi sơ tán

- Đóng van bình gas và tắt cầu dao điện



- Khóa cửa để đảm bảo an ninh
- Không sử dụng xe ô tô để không làm trở ngại cho các phương tiện khẩn cấp
- Thông báo cho hàng xóm, cán bộ địa phương về địa điểm bạn đến.

4 Khi gặp mưa lớn hoặc bão

Khi điều kiện thời tiết xấu như sắp có mưa lớn hoặc bão

- Sử dụng các phương tiện như TV, radio, internet và tích cực thu thập thông tin
- Đưa vào trong nhà các vật dụng dễ bị gió cuốn như sào phơi đồ, chậu cây, xe đạp, v.v...
- Ở những nơi có nguy cơ ngập lụt, di chuyển thực phẩm, quần áo, chăn gối v.v... lên vị trí cao
- Đổ nước vào bồn tắm để dự trữ nước sử dụng hàng ngày
- Chuẩn bị đồ khẩn cấp để có thể sơ tán bất cứ lúc nào.



Khi sơ tán

- Hãy suy nghĩ một cách bình tĩnh xem ngay bây giờ bạn có cần phải sơ tán hay không

* Việc sơ tán trong bóng tối hoặc trong mưa bão ngược lại có thể nguy hiểm. Nếu việc sơ tán bị trì hoãn, hãy đến những nơi an toàn hơn, ví dụ như những vị trí cao của các tòa nhà an toàn hoặc những nơi ít ảnh hưởng bởi sạt lở đất, chờ trợ giúp.

- Mang giày thể thao khi sơ tán

* Nếu mang ủng đi mưa, khi nước vào bên trong sẽ làm việc đi lại trở nên khó khăn

- Đồ khẩn cấp thì hãy làm cách nào đó để giữ trên vai, để hai tay được tự do

- Trong khu vực lảng giềng hãy gọi nhau và cùng nhau đi bộ, sơ tán



Trong những tình huống khẩn cấp

警戒レベルと避難情報



ご迷惑をさすまいに

警戒レベル	とるべき避難行動等	避難情報 (豊田市が発令)	参考となる 気象情報の例 (気象庁、愛知県 などが発表)
警戒 レベル 5	既に 災害が発生 している状況です。 命を守るための最善の行動 を取りましょう。	緊急安全確保	大雨特別警報 氾濫発生情報など
警戒 レベル 4	速やかに避難先へ避難 しましょう。安全な避難先までの移動が危険な場合は、近くの頑丈な建物や自宅内の少しでも安全な場所で身を守りましょう。	避難指示	土砂災害警戒情報 氾濫危険情報など
警戒 レベル 3	避難に時間を要する人(ご高齢の人、障がいのある人、乳幼児等)とその支援者は避難 をしましょう。その他の人は、避難の準備を整えましょう。	高齢者等避難	洪水警報 氾濫警戒情報など
警戒 レベル 2	避難に備え、ハザードマップ等により、自らの 避難行動を確認 しましょう。	発令なし	大雨注意報 洪水注意報など
警戒 レベル 1	災害への心構えを高めましょう。	発令なし	早期注意情報

避難情報の伝達

豊田市



緊急メールとよた
エリアメール・緊急速報メール
SNS (LINE・Facebook・X)



防災ラジオ



市ホームページ



防災行政無線



スマホ向け防災アプリ



テレビ・ラジオ

➡ 登録方法など詳細はP.14 参照

住民の皆さんへ

非常持ち出しリスト

準備は
できている？

- 飲料水
- 食品(すぐに食べられるもの)
- 貴重品(必要最低限)
- 現金(硬貨)
- 救急用品
- ヘルメット・防災ずきん
- マスク
- 懐中電灯
- 携帯電話
- モバイルバッテリー・充電器
- 携帯ラジオと予備電池
- 衣類
- 下着
- タオル・毛布
- 洗面用具
- ティッシュ・ウェットティッシュ・除菌シート
- 携帯トイレ
- 生理用品
- 上履き
- めがね、コンタクトレンズ

持病のある人・高齢者

- 常備薬
- 主治医の連絡先
- 持病薬メモ(お薬手帳など)
- つえ
- ホイッスル
- 大人用おむつ
- エアマット
- 入れ歯

赤ちゃんのいる家族

- ミルク
- ベビーフード
- 消毒用品
- 紙おむつ
- おしりふき
- 加熱調理器具
- 使い捨てカイロ(保温用)

感染症対策用

- 消毒液
- 除菌シート
- 体温計
- 使い捨てのビニール手袋
- パーテーション代わりになるもの

ペット

- リード
- ケージ
- ペット用食品
- 排泄用品

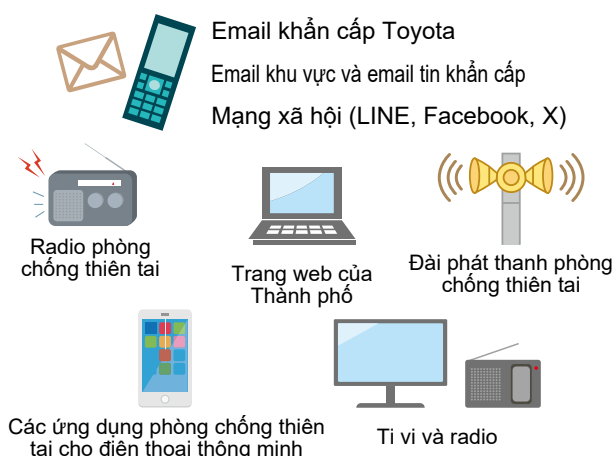


Các cấp độ cảnh báo và thông tin sơ tán

Các cấp độ cảnh báo	Các biện pháp sơ tán cần thực hiện	Thông tin sơ tán (Được công bố bởi Thành phố Toyota)	Ví dụ về thông tin thời tiết để tham khảo (Được công bố bởi Cục Khí tượng, tỉnh Aichi v.v...)
5 Các cấp độ cảnh báo	Tình trạng đã <u>xảy ra thảm họa</u> . Hãy thực hiện <u>các biện pháp tốt nhất để bảo vệ tính mạng</u> .	Bảo đảm an toàn khẩn cấp	Cảnh báo đặc biệt về mưa lớn Thông tin về nguy cơ vỡ đê v.v...
4 Các cấp độ cảnh báo	Hãy <u>nhẹ nhàng sơ tán đến nơi an toàn</u> . Nếu việc sơ tán đến nơi an toàn là nguy hiểm, dù chỉ là một chút thôi cũng hãy bảo vệ bản thân tại những địa điểm an toàn như bên trong những tòa nhà vững chắc gần đó hoặc trong nhà riêng.	Hướng dẫn sơ tán	Thông tin cảnh báo về thảm họa sạt lở đất Thông tin về nguy cơ vỡ đê
3 Các cấp độ cảnh báo	<u>Những người cần thời gian để sơ tán (người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, v.v...) và những người hỗ trợ họ hãy sơ tán ngay lập tức</u> . Những người khác hãy chuẩn bị sẵn sàng cho sự sơ tán.	Sơ tán cho người cao tuổi v.v..	Cảnh báo lũ lụt Thông tin cảnh báo vỡ đê
2 Các cấp độ cảnh báo	Chuẩn bị cho việc sơ tán và sử dụng bản đồ những vùng nguy hiểm để <u>kiểm tra về việc sơ tán</u> của bản thân.	Không có lệnh sơ tán	Chú ý về mưa lớn Chú ý về lũ lụt v.v...
1 Các cấp độ cảnh báo	Hãy nâng cao tinh thần đối mặt với thảm họa.	Không có lệnh sơ tán	Thông tin cảnh báo sớm

Thông báo về thông tin sơ tán

Thành phố Toyota



➔ Về cách đăng ký, xem chi tiết tại trang 15

Gửi đến các cư dân trong thành phố

Danh sách đồ khẩn cấp cần mang theo

Bạn đã chuẩn bị đầy đủ chưa?

- ☑ Nước uống
- ☑ Thực phẩm (loại có thể ăn ngay)
- ☑ Đồ quý giá (tối thiểu cần thiết)
- ☑ Tiền mặt (tiền xu)
- ☑ Vật dụng cấp cứu
- ☑ Mũ bảo hiểm và mũ phòng chống thiên tai
- ☑ Mặt nạ
- ☑ Đèn pin
- ☑ Điện thoại di động
- ☑ Pin dự phòng và sạc điện thoại
- ☑ Radio di động và pin dự phòng
- ☑ Quần áo
- ☑ Nội y
- ☑ Khăn tắm và chăn
- ☑ Vật dụng vệ sinh cá nhân
- ☑ Giấy ăn khô, giấy ướt và khăn ướt kháng khuẩn
- ☑ Toilet di động
- ☑ Vật dụng cho phụ nữ
- ☑ Giày dép đi trong nhà
- ☑ Kính cận hoặc kính áp tròng

Người có bệnh lý và người cao tuổi

- ☑ Thuốc thường sử dụng
- ☑ Số điện thoại của bác sĩ chính
- ☑ Ghi chép về thuốc điều trị bệnh (sổ tay thuốc v.v...)
- ☑ Gậy chống đi lại
- ☑ Còi báo động
- ☑ Tã cho người lớn
- ☑ Đệm hơi
- ☑ Răng giả

Gia đình có em bé

- ☑ Sữa cho em bé
- ☑ Thức ăn cho em bé
- ☑ Dụng cụ diệt khuẩn
- ☑ Tã giấy cho em bé
- ☑ Khăn ướt làm sạch vùng mông cho em bé
- ☑ Dụng cụ nấu ăn sử dụng nhiệt
- ☑ Miếng dán giữ nhiệt loại dùng một lần (để giữ ấm)

Đồ dùng phòng ngừa bệnh lây nhiễm

- ☑ Nước sát khuẩn
- ☑ Khăn ướt kháng khuẩn
- ☑ Nhiệt kế
- ☑ Găng tay nilon loại dùng một lần
- ☑ Vật dụng có thể thay thế cho vách ngăn

Thú cưng

- ☑ Dây dẫn thú cưng
- ☑ Lồng
- ☑ Thức ăn cho thú cưng
- ☑ Vật dụng để thú cưng đi vệ sinh



Trong những tình huống khẩn cấp

緊急時の避難先

市が指定する **広域避難地**・**緊急避難場所・避難所** は、お住まいの場所によって指定されているものではありませんので、災害時は安全に行くことができる最寄りの避難場所に避難してください。なお、大雨などで緊急避難場所などへの避難が困難な場合は、近くの頑丈な建物の2階以上や家の中でより安全な場所に緊急避難してください。

広域避難地

住宅密集地などで大火災が発生した場合、火災が収まるまでの間一時的に避難する場所です。

・ 毘森公園 ・ 西山公園 ・ 加茂川公園 ・ 中央公園 ・ 平山公園 ・ 土橋公園 ・ 井上公園

緊急避難場所・避難所

災害の危険から避難する人、災害により住居での生活が困難になった人などの一時的な生活の場として、市内の小・中学校などを緊急避難場所・避難所に指定しています。

地区	施設名(避難スペース)	緊急避難場所			避難所
		地震	風水害	風水害時の避難スペース	
崇化館	崇化館中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	拳母小学校(体育館)	○	×	—	○
	元城小学校(体育館)	○	×	—	○
	朝日小学校(体育館)	○	○	体育館	○
梅坪台	梅坪台中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	梅坪小学校(体育館)	○	○	校舎3階以上(浸水)	○
浄水	浄水中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	浄水小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	浄水北小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊田高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
朝日丘	朝日丘中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	童子山小学校(体育館)	○	○	校舎3階以上(浸水)	○
	根川小学校(体育館)	○	×	—	○
	衣丘小学校(体育館)	○	○	体育館	○
逢妻	逢妻中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	小清水小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	美山小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	衣台高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
高橋	高橋中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	寺部小学校(体育館)	○	×	—	○
	平井小学校(体育館)	○	○	北校舎1・2階 南校舎2階	○
	矢並小学校(体育館)	○	○	体育館	○
美里	市木小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	美里中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	野見小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	東山小学校(体育館)	○	○	体育館	○
益富	広川台小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	益富中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	古瀬間小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	五ヶ丘小学校(体育館)	○	○	体育館	○
豊南	五ヶ丘東小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊南中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	前山小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	山之手小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	平和小学校(体育館)	○	○	体育館	○

地区	施設名(避難スペース)	緊急避難場所			避難所
		地震	風水害	風水害時の避難スペース	
末野原	末野原中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	寿恵野小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	大林小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊野高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
上郷	上郷中学校(体育館)	○	○	校舎3階以上(浸水)	○
	高嶺小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	畝部小学校(体育館)	○	×	—	○
	上郷コミュニティセンター(ホール)	○	○	庁舎2階以上(浸水)	○
竜神	竜神中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	竹村小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	土橋小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊田工科高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
若林	高岡中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	若林東小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	若林西小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊田南高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
前林	前林中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	堤小学校(体育館)	○	○	校舎2階以上(浸水)	○
	駒場小学校(体育館)	○	×	—	○
	堤ヶ丘こども園(ホール)	○	○	ホール	○
若園	堤こども園(ホール)	○	○	ホール	○
	若園中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	若園小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	猿投台中学校(体育館)	○	○	体育館	○
猿投台	青木小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	西広瀬小学校(校舎2階音楽室等)	○	×	—	○
	緑のリサイクルセンター	×	○	研修室	×
	越戸こども園(ホール)	○	×	—	○
井郷	井郷中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	四郷小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	井上小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	猿投農林高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
猿投北	猿投中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	加納小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	広沢こども園	○	○	体育館	○
	保見中学校(体育館)	○	○	体育館	○
保見	大畑小学校(体育館)	○	○	体育館	○

Nơi sơ tán trong trường hợp khẩn cấp

Các khu vực sơ tán diện rộng, địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi sơ tán do thành phố chỉ định không dựa trên địa điểm cư trú của bạn, vì vậy khi có thảm họa xảy ra hãy sơ tán đến địa điểm sơ tán gần nhất mà bạn có thể đến an toàn. Trong trường hợp khẩn cấp như mưa lớn làm cho việc di chuyển đến nơi sơ tán khẩn cấp trở nên khó khăn, hãy lập tức sơ tán đến tầng 2 hoặc cao hơn của một tòa nhà vững chắc gần đó hoặc đến nơi an toàn hơn trong nhà riêng của bạn.

Khu vực sơ tán diện rộng

Đây là các địa điểm sơ tán tạm thời khi có đám cháy lớn xảy ra trong khu vực dân cư đông đúc, cho đến khi đám cháy được kiểm soát.

• Công viên Himorogi • Công viên Nishiyama • Công viên Kamogawa • Công viên Chuō • Công viên Hirayama • Công viên Tsuchihashi • Công viên Inoue

Địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi sơ tán

Các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố được chỉ định làm địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi sơ tán như là nơi sinh sống tạm thời cho những đối tượng cần sơ tán khỏi nguy cơ thiên tai hoặc những người gặp khó khăn khi sinh sống tại nhà riêng do thiên tai.

Khu vực	Tên cơ sở (Khu vực sơ tán)	Địa điểm sơ tán khẩn cấp			Nơi sơ tán
		Động đất	Thiên tai do bão lũ	Khu vực sơ tán khi có thiên tai do bão lũ	
Sokakan	Trường Trung học cơ sở Sokakan (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Koromo (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường Tiểu học Motoshiro (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường Tiểu học Asahi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Umetsubodai	Trường Trung học cơ sở Umetsubodai (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Umetsubo (Nhà thể chất)	○	○	Từ tầng 3 trở lên của khu giảng đường (trường hợp ngập lụt)	○
Josui	Trường Trung học cơ sở Josui (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Josui (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Josui Kita (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học phổ thông Toyota (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Asahigaoka	Trường Trung học cơ sở Asahigaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Dojiyama (Nhà thể chất)	○	○	Tầng 3 trở lên của khu giảng đường (trường hợp ngập lụt)	○
	Trường Tiểu học Negawa (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường Tiểu học Koromogaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Aizuma	Trường Trung học phổ thông Toyota Nishi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Aizuma (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Koshimizu (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Miyama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Takahashi	Trường Trung học phổ thông Koromodai (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Takahashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Terabe (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường Tiểu học Hirai (Nhà thể chất)	○	○	Tầng 1 và 2 của khu giảng đường phía bắc Tầng 2 của khu giảng đường phía nam	○
Misato	Trường Tiểu học Yanami (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Ichigi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Misato (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Nomi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Masutomi	Trường Tiểu học Higashiyama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Hirokawadai (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Masutomi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Kosema (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Honan	Trường Tiểu học Itsutsugaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Itsutsugaoka Higashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Honan (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Maeyama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Suenohara	Trường Tiểu học Yamanote (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Heiwa (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Suenohara (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Sueno (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Kamigo	Trường Tiểu học Obayashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học phổ thông Yutakano (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Kamigo (Nhà thể chất)	○	○	Từ tầng 3 trở lên của khu giảng đường (trường hợp ngập lụt)	○
	Trường Tiểu học Takane (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Ryujin	Trường Tiểu học Unebe (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trung tâm Cộng đồng Kamigo (Hội trường)	○	○	Từ tầng 2 trở lên của nhà thi chính (trường hợp ngập lụt)	○
	Trường Trung học cơ sở Ryujin (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Takemura (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Wakabayashi	Trường Tiểu học Tsuchihashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học Khoa học và Kỹ thuật Toyota (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Takaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Wakabayashi Higashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Maebayashi	Trường Tiểu học Wakabayashi Nishi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Toyota Minami (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Maebayashi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Tsutsumi (Nhà thể chất)	○	○	Từ tầng 2 trở lên của khu giảng đường (trường hợp ngập lụt)	○
Wakazono	Trường Tiểu học Komaba (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường mầm non Tsutsumigaoka (Hội trường)	○	○	Hội trường	○
	Trường mầm non Tsutsumi (Hội trường)	○	○	Hội trường	○
	Trường Trung học cơ sở Wakazono (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Sanagedai	Trường Tiểu học Wakazono (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Sanagedai (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Aoki (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Nishi Hirose (Phòng âm nhạc tầng 2 của khu giảng đường, v.v...)	○	×	—	○
Isato	Trung tâm Tái chế Midori	×	○	Phòng nghiên cứu	×
	Trường mầm non Koshido (Hội trường)	○	×	—	○
	Trường Trung học cơ sở Isato (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Shigo (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Homi	Trường Tiểu học Inoue (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học phổ thông Sanage Norin (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Sanage (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Kano (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Sanagekita	Trường mầm non Hirokawa	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Homi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Obata (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Obata (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○



地区	施設名(避難スペース)	緊急避難場所			避難所
		地震	風水害	風水害時の避難スペース	
保見	伊保小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	東保見小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	西保見小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	トヨタスポーツセンター(第2体育館)	○	○	第2体育館	○
石野	石野中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	東広瀬小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	中金小学校(体育館)	○	×	—	○
	上鷹見こども園(遊戯室等)	○	×	—	○
	ルネサンス豊田高等学校(体育館)	○	×	—	○
			(土砂災害)		
松平	松平こども園(遊戯室等)	○	○	保育室	○
	幸海小学校(体育館)	○	○	—	○
	岩倉小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	九久平小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	滝脇小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	豊松小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	松平高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
藤岡	石畳小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	藤岡中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	藤岡体育センター(体育館)	○	○	体育館	○
	御作小学校(北校舎2階図書室等)	○	○	校舎2階以上(土砂)	○
藤岡南	加茂丘高等学校(体育館)	○	○	体育館	○
	中山小学校(体育館)	○	○	体育館	○
小原	本城小学校(南校舎2階理科室等)	○	○	校舎2階以上(土砂)	○
	小原福祉センター(研修室・集会室)	○	○	研修室・集会室	○
	小原北部生活改善センター(集会室)	○	×	—	○
	小原町勤労者研修センター(研修室)	○	○	研修室	○
	小原交流館(ふれあいホール)	○	○	ふれあいホール	○

地区	施設名(避難スペース)	緊急避難場所			避難所
		地震	風水害	風水害時の避難スペース	
足助	足助中学校(南校舎4階礼法室等)	○	○	南校舎(土砂)	○
	足助小学校(南校舎2階会議室等)	○	○	北校舎1・2階 南校舎2階以上(土砂)	○
	冷田小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	霧山多目的集会所(集会室)	×	○	集会室	○
	萩野小学校(ランチルーム等)	○	○	校舎2階以上(浸水・土砂)	○
	新盛小学校(体育館)	○	○	校舎2階以上(浸水)	○
	大蔵小学校(和室等)	○	○	校舎2階以上(浸水・土砂)	○
下山	花山小学校(体育館)	○	○	体育館	○
	下山中学校(体育館)	○	○	体育館	○
	下山基幹集落センター(ホール)	○	○	ホール	○
	下山保健福祉センター(東側ホール)	○	○	東側ホール(土砂)	○
	巴ヶ丘小学校(体育館)	○	○	体育館	○
旭	旭支所(2階第1・2会議室)	○	○	庁舎2階以上(浸水・土砂)	○
	笹戸会館(ホール)	○	○	ホール(土砂)	○
	敷島会館(ホール)	○	○	ホール	○
	築羽会館(ホール)	○	○	ホール	○
	浅野会館(ホール)	×	×	—	○
稲武	稲武交流館(研修室)	○	○	研修室	○
	野入集会所(集会室)	○	○	集会室	○
	押山地区振興施設(研修室)	○	×	—	○
	稲武中学校(多目的ホール等)	○	○	校舎2階以上(浸水)	○
	稲武小田木老人憩の家(集会室)	×	×	—	○
			(土砂災害)		

※風水害の種類：浸水（洪水、内水氾濫）、土砂災害（崖崩れ、土石流、地滑り）

※○は使用可、×は使用不可



Khu vực	Tên cơ sở (Khu vực sơ tán)	Địa điểm sơ tán khẩn cấp			Nơi sơ tán
		Động đất	Thiên tai do bão lũ	Khu vực sơ tán khi có thiên tai do bão lũ	
Homi	Trường Tiểu học Ibo (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Higashi Homi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Nishi Homi (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trung tâm Thể thao Toyota (Nhà thể chất thứ 2)	○	○	Nhà thể chất thứ 2	○
Ishino	Trường Trung học cơ sở Ishino (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Higashi Hirose (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Nakagane (Nhà thể chất)	○	×	—	○
	Trường mầm non Kamitakami (Phòng vui chơi, v.v...)	○	×	—	○
	Trường Trung học phổ thông Renaissance Toyota	○	×	—	○
	Trường mầm non Matsudaira (Phòng vui chơi, v.v...)	○	○	Phòng chăm sóc trẻ	○
Matsudaira	Trường Tiểu học Kokai (Nhà thể chất)	○	○	—	○
	Trường Tiểu học Iwakura (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Kugyudaira (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Takiwaki (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Toyomatsu (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học phổ thông Matsudaira (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Fujioka	Trường Tiểu học Ishidatami (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học cơ sở Fujioka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trung tâm thể dục Fujioka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Mitsukuri (Thư viện tầng 2 của khu giảng đường phía bắc, v.v...)	○	○	Từ tầng 2 trở lên của khu giảng đường (Trường hợp sạt lở đất)	○
Fujiokaminami	Trường Trung học phổ thông Kamogaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Tiểu học Nakayama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
Obara	Trường Tiểu học Honjo (Phòng Khoa học tự nhiên tầng 2 khu giảng đường phía nam, v.v...)	○	○	Từ tầng 2 trở lên (Trường hợp sạt lở đất)	○
	Trung tâm phúc lợi Obara (Phòng nghiên cứu, phòng tập trung)	○	○	Phòng nghiên cứu, phòng tập trung	○
	Trung tâm Cải thiện cuộc sống Obara Hokubu (Phòng tập trung)	○	×	—	○
	Trung tâm Đào tạo lao động Obara- chou (Phòng nghiên cứu)	○	○	Phòng nghiên cứu	○
	Trung tâm Văn hóa và giải trí Obara (Hội trường Fureai)	○	○	Hội trường Fureai	○

Khu vực	Tên cơ sở (Khu vực sơ tán)	Địa điểm sơ tán khẩn cấp			Nơi sơ tán
		Động đất	Thiên tai do bão lũ	Khu vực sơ tán khi có thiên tai do bão lũ	
Asuke	Trường Trung học cơ sở Asuke (Phòng nghỉ thức tầng 4 khu giảng đường phía nam, v.v...)	○	○	Khu giảng đường phía nam (Trường hợp sạt lở đất)	○
	Trường Tiểu học Asuke (Phòng họp tầng 2 khu giảng đường phía nam, v.v...)	○	○	Tầng 1 và 2 khu giảng đường phía bắc Từ tầng 2 trở lên khu giảng đường phía nam (Trường hợp sạt lở đất)	○
	Trường Tiểu học Hieda (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Địa điểm tập trung đa năng Kiriyaama (Phòng tập trung)	×	○	Phòng tập trung	○
	Trường Tiểu học Hagino (Phòng ăn trưa, v.v...)	○	○	Từ tầng 2 trở lên khu giảng đường (Trường hợp ngập lụt, sạt lở đất)	○
	Trường Tiểu học Shimmori (Nhà thể chất)	○	○	Từ tầng 2 trở lên khu giảng đường (Trường hợp ngập lụt)	○
Shimoyama	Trường tiểu học Okura (Phòng kiểu Nhật, v.v...)	○	○	Từ tầng 2 trở lên khu giảng đường (Trường hợp ngập lụt và sạt lở đất)	○
	Trường Tiểu học Hanayama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trường Trung học Shimoyama (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Trung tâm lõi dân cư Shimoyama (Hội trường)	○	○	Hội trường	○
Asahi	Trung tâm y tế và phúc lợi Shimoyama (Hội trường phía đông)	○	○	Hội trường phía đông (Trường hợp sạt lở đất)	○
	Trường tiểu học Tomoegaoka (Nhà thể chất)	○	○	Nhà thể chất	○
	Chi nhánh Asahi (Phòng họp số 1 và 2, tầng 2)	○	○	Từ tầng 2 trở lên của tòa nhà thị chính (Trường hợp ngập lụt và sạt lở đất)	○
	Trung tâm Sasado (Hội trường)	○	○	Hội trường (Trường hợp sạt lở đất)	○
Inabu	Trung tâm Shikishima (Hội trường)	○	○	Hội trường	○
	Trung tâm Tsukuba (Hội trường)	○	○	Hội trường	○
	Trung tâm Asano (Hội trường)	×	×	—	○
	Trung tâm Văn hóa và giải trí Inabu (Phòng nghiên cứu)	○	○	Phòng nghiên cứu	○
	Địa điểm tập trung Noiri (Phòng tập trung)	○	○	Phòng tập trung	○
	Cơ sở Phát triển Khu vực Oshiyama (Phòng nghiên cứu)	○	×	—	○
Inabu	Trường Trung học cơ sở Inabu (Hội trường đa chức năng, v.v...)	○	○	Từ tầng 2 của khu giảng đường (Trường hợp ngập lụt)	○
	Nhà dưỡng lão Inabu Otagi (Phòng tập trung)	×	×	—	○

* Các loại thiên tai do bão lũ: Ngập lụt (lũ lụt, ngập nước bên trong
đê), sạt lở đất (sạt lở, đất chuồi, lở đất)

* Dấu ○: có thể sử dụng; Dấu ×: không thể sử dụng

災害時の連絡先

問 災害対策本部

TEL 31-3210 FAX 34-6048

地区対策班

各交流館 ※避難場所開設時 電話番号は128~132 ページ参照

【旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡地区】各支所 電話番号は34 ページ参照



くわんてんし

災害対策本部

大雨や台風、地震などにより市内で大規模な災害が発生した場合、または発生するおそれがある場合、市役所に災害対策本部を設置して、情報収集や応急対策活動などを実施します。

災害関連の情報を知るには

市では、地震や気象などの情報を様々な手段で市民の皆さんに提供しています。

緊急メールとよた

地震情報や気象情報(市に発表された気象注意報・警報・特別警報など)を登録されたメールアドレスに配信します。

登録方法

t-toyota-city@sg-p.jpへ空メールを送信してください。案内メールが届くので、手順に従って手続きをしてください。

※二次元コードを読み取って、メールを送信できます。



エリアメール・緊急速報メール

携帯電話会社の緊急速報機能を使って、避難情報など緊急性の高い災害関連情報をエリア内にある携帯電話に配信します。NTTドコモの緊急速報「エリアメール」、KDDI、ソフトバンク、楽天モバイルの「緊急速報メール」は、豊田市を対象エリアとし、市内にある携帯電話(対応機種)へ一斉にメールを配信するシステムです。事前に登録する必要はなく、受信にかかる月額使用料や通信料も無料で利用することができます。

市公式SNS(LINE、Facebook、X)

各種SNSで避難情報など緊急性の高い情報を配信します。

登録方法

各種2次元コードを読み取ってアクセス登録できます。



LINE



Facebook



X

防災ラジオ

緊急地震速報や避難情報等の緊急情報をお知らせするラジオです。情報を受信すると自動で起動し、赤色ランプの点滅と音声で緊急情報をお伝えします。

Thông tin liên lạc trong trường hợp thiên tai

Liên hệ Thien Thien Response Center **TEL 31-3210 TEL 34-6048**

Ban ứng phó khu vực

Các trung tâm Văn hóa và giải trí *Khi có thiết lập địa điểm sơ tán

Xem số điện thoại tại trang 129-133

[Các khu vực Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama, Fujioka]: Các chi nhánh

Xem số điện thoại tại trang 35

Trung tâm ứng phó thiên tai

Trong trường hợp xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra thiên tai lớn như mưa lớn, bão, động đất, v.v... trong thành phố, Trung tâm ứng phó thiên tai sẽ được thành lập tại văn phòng thành phố để thực hiện việc thu thập thông tin và tiến hành các hoạt động ứng phó khẩn cấp khác.

Để biết các thông tin liên quan đến thiên tai...

Trong thành phố, chúng tôi cung cấp thông tin về động đất, thời tiết, v.v... cho cộng đồng thông qua nhiều phương tiện khác nhau.



Urgent Email Toyota

Chúng tôi sẽ gửi thông tin về động đất và thời tiết (cảnh báo thời tiết, cảnh báo hoặc cảnh báo đặc biệt từ thành phố) đến địa chỉ email bạn đã đăng ký.

● Cách đăng ký

Gửi một email trống đến địa chỉ t-toyota-city@sg-p.jp. Bạn sẽ nhận được một email hướng dẫn, hãy thực hiện theo hướng dẫn để hoàn tất quy trình.

* Bạn cũng có thể quét mã QR code và gửi email.



Email khu vực và Email tin khẩn cấp

Chúng tôi sử dụng chức năng cảnh báo khẩn cấp của các nhà mạng di động và gửi đến điện thoại di động trong khu vực các thông tin liên quan đến thiên tai có tính khẩn cấp cao, ví dụ như thông tin sơ tán. Hệ thống thông báo khẩn cấp "Email khu vực" của NTT Docomo, "Emergency tin khẩn cấp" của KDDI, SoftBank, và Rakuten Mobile nhằm mục đích gửi email đồng loạt đến các số điện thoại di động (các loại điện thoại có hỗ trợ tính năng) trên toàn bộ khu vực Thành phố Toyota. Bạn không cần đăng ký trước, và cũng có thể sử dụng miễn phí mà không mất phí sử dụng hàng tháng hoặc phí đường truyền.



Mạng xã hội chính thức của thành phố (LINE, Facebook, X)

Thông qua các mạng xã hội LINE, Facebook, và Twitter, chúng tôi sẽ cung cấp các thông tin có tính khẩn cấp cao, ví dụ như thông tin sơ tán.

● Cách đăng ký

Bạn có thể quét mã QR code tương ứng để truy cập và đăng ký.



LINE



Facebook



X



Radio nhận thông tin khẩn cấp (Bousai Radio)

Đây là một radio thông báo các thông tin có tính khẩn cấp cao như cảnh báo động đất khẩn cấp, thông tin sơ tán. Khi nhận được thông tin, radio sẽ tự động kích hoạt, và sẽ truyền đi thông tin khẩn cấp bằng đèn đỏ nhấp nháy cùng với âm thanh.



Trong những tình huống khẩn cấp

ラジオ・ラビートFM78.6MHz

災害の発生又は発生するおそれのある時には、ラジオ・ラビートから緊急放送が行われます。

ひまわりネットワーク

災害の発生又は発生するおそれのある時には、ラジオ・ラビートから緊急放送が行われます。

■ ひまわり12(地デジ12ch)

市ホームページ

<https://www.city.toyota.aichi.jp/>

市ホームページでは、震度情報、雨量、水位、河川監視カメラ映像、指定緊急避難場所・避難所、洪水・地震ハザードマップを確認することができます。

とよたiマップ(防災マップ)

<https://www2.wagmap.jp/toyotacity/Portal>

緊急避難場所・避難所や、南海トラフ地震の震度想定、浸水想定等を地図に重ねて確認することができます。

豊田市防災気象情報サイト

<https://toyota-city.bosai.info/>

豊田市域における雨雲の動きや支所エリアごとのピンポイント天気予報等の詳細な気象情報を確認することができます。

Yahoo! 防災速報(スマホ向けアプリ)

市が発令した避難情報や市内の豪雨予報、地震情報などのほか、ヤフーとの災害協定に基づき、市からの緊急情報等を確認することができます。

ひまわりアプリ(スマホ向けアプリ)

市が配信する防災情報や河川監視カメラの映像を確認することができます。

Safety tips(スマホ向けアプリ)

観光庁監修の外国人向け災害情報提供アプリです。10か国以上に翻訳された気象情報・避難情報等を収集することができます。使用料は無料です。

防災行政無線(屋外拡声子局)

緊急時には防災行政無線屋外拡声子局からサイレンを鳴らして避難情報の発令等をお知らせします

テレホンサービス

音声放送を聞き漏らしたり、よく聞こえなかった場合は、音声放送のテレホンサービスを利用できます。

TEL 0120-34-0174(通話料無料)またはTEL 37-3530(通話料有料)

Đài phát thanh Radio Loveat FM78.6MHz

Trong trường hợp xảy ra thiên tai hoặc có khả năng xảy ra, đài phát thanh Radio Loveat sẽ phát sóng thông báo khẩn cấp.

Himawari Network

Trong trường hợp xảy ra thiên tai hoặc có khả năng xảy ra, Himawari Network sẽ phát sóng thông báo khẩn cấp.

■ Himawari 12 (mặt đất 12)

Trang web chính thức của thành phố <http://www.city.toyota.aichi.jp/>

Trên trang web chính thức của thành phố, bạn có thể kiểm tra thông tin về cường độ địa chấn, lượng mưa, mực nước, hình ảnh từ camera giám sát sông ngòi, địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi sơ tán khẩn cấp được chỉ định, bản đồ vùng có nguy cơ lũ lụt và động đất.

Toyota iMap (Bản đồ phòng chống thiên tai) <http://www2.wagmap.jp/toyotacity/Portal>

Bạn có thể kiểm tra trên bản đồ các địa điểm sơ tán khẩn cấp và nơi sơ tán, dự đoán cường độ địa chấn và ngập lụt phát sinh từ động đất rãnh Nankai.

Trang thông tin thời tiết và phòng chống thiên tai của Thành phố Toyota <https://toyota-city.bosai.info/>

Bạn có thể kiểm tra thông tin chi tiết về chuyển động của đám mây mưa trên địa bàn thành phố Toyota và các tiêu điểm dự báo thời tiết chi tiết theo từng khu vực.

Yahoo! Báo cáo khẩn cấp phòng chống thiên tai (Dành cho điện thoại thông minh)

Ngoài thông tin sơ tán, dự báo cơn mưa lớn tại thành phố, thông tin động đất v.v... do thành phố phát đi, cũng có thể sử dụng ứng dụng này để kiểm tra các thông tin khẩn cấp từ thành phố dựa trên thỏa thuận về phòng chống thiên tai với Yahoo.

Ứng dụng Himawari (Dành cho điện thoại thông minh)

Ứng dụng này cho phép bạn xem thông tin về phòng chống thiên tai và hình ảnh từ camera giám sát sông ngòi được cung cấp bởi thành phố Toyota.

Ứng dụng Safety tips (Dành cho điện thoại thông minh)

Ứng dụng cung cấp thông tin phòng chống thiên tai cho người nước ngoài do Bộ Du lịch quản lý. Bạn có thể thu thập thông tin về thời tiết và thông tin sơ tán được dịch sang hơn 10 ngôn ngữ khác nhau. Ứng dụng này miễn phí.

Đài phát thanh phòng chống thiên tai (Loa phát thanh ngoài trời)

Trong tình huống khẩn cấp, Đài phát thanh phòng chống thiên tai ngoài trời sẽ kêu gọi và thông báo về việc sơ tán thông tin.

» Dịch vụ điện thoại

Nếu không nghe rõ hoặc bỏ sót thông tin phát sóng âm thanh, bạn có thể sử dụng dịch vụ điện thoại sau để nghe lại: **TEL 0120-34-0174** (Miễn phí) hoặc **TEL 37-3530** (Cuộc gọi có tính phí)



Trong những tình huống khẩn cấp



届出・手続

住所・戸籍の届出、印鑑登録、各種証明

問 市民課(南庁舎1階) TEL 34-6768 FAX 34-6191 支所・出張所→34ページをご覧ください。



届出・手続き

★市ホームページ「くらしの手続きナビ」で住所異動や戸籍の届出をする際に、市役所で必要となる主な手続や持ち物等をあらかじめ確認できます。



★市ホームページで市民課窓口の混雑状況が確認できます。



住民登録

問 記録担当 TEL 34-6768

住民基本台帳に、市民一人ひとりの氏名、住所、生年月日、続柄などを記録します。記録により、小・中学校への入学、国民健康保険の加入、そのほかの行政サービスが受けられます。

種類	届出場所	必要なもの	届出期間
転入届	市民課 支所・出張所	転出証明書(前住所地で「転入届の特例」を適用された場合は不要) マイナンバーカード(保有している場合) ※国外から転入の場合は市ホームページを確認	転入日(新しい住所地に住み始めた日)から14日以内
転出届 (注)	市民課 支所・出張所	マイナンバーカード(保有している場合) 国民健康保険の被保険者証又は資格確認書(加入者の場合) 印鑑登録証(登録者の場合) そのほか豊田市から発行されているもの(子ども医療費受給者証など)	転出日(新しい住所地に住み始める日)の1か月前から転出日の後14日以内
転居届	市民課 支所・出張所	マイナンバーカード(保有している場合) 国民健康保険の被保険者証又は資格確認書(加入者の場合) そのほか豊田市から発行されているもの(子ども医療費受給者証など)	転居日(新しい住所地に住み始めた日)から14日以内

- 上記の届出の際に、本人確認できるもの(自動車運転免許証など)を持参してください。
- 外国人住民も住所の異動がある場合は届出が必要です。詳しくは22ページをご覧ください。
- マイナンバーカードを持つ人は、転出届の手続の際に紙の転出証明書の交付を省略した住所異動(「転入届の特例」)を選択することも可能です。

(注) 転出届については、郵送で手続することができます。①届出書(届出人の氏名と異動日、豊田市での住所、新しい住所、異動する人全員の氏名と生年月日、昼間に連絡可能な電話番号を記載してください)②返信用封筒(返信用切手をはり、宛名を記入してください)③国民健康保険証(加入者)④本人確認できるもの(自動車運転免許証など)のコピーを市民課に郵送してください。また、マイナンバーカードを使用したマイナポータルアプリからの手続も可能です。詳しくは市ホームページを確認してください。



Đăng ký và Các thủ tục

Đăng ký địa chỉ và hộ khẩu, Đăng ký con dấu và Các loại giấy chứng nhận

Liên hệ Phòng Dân cư (Tầng 1, Toà Nam) **TEL 34-6768 FAX 34-6191**

Các chi nhánh/phòng làm việc → Vui lòng xem tại trang 35.

★ Trước khi thực hiện các thủ tục như thay đổi địa chỉ hoặc đăng ký hộ khẩu trên trang web chính thức của thành phố "Hướng dẫn các thủ tục cuộc sống", bạn có thể kiểm tra trước tại Toà thị chính về các thủ tục chính cần thiết và các giấy tờ cần chuẩn bị.



★ Bạn có thể kiểm tra trên trang web chính thức của thành phố xem quầy tiếp nhận của Phòng Dân cư có đang trong tình trạng quá tải hay không.



Đăng ký cư trú

Liên hệ Người phụ trách đăng ký **TEL 34-6768**

Sổ cơ sở dữ liệu cư trú sẽ ghi lại các thông tin như tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh, quan hệ gia đình, v.v... của mỗi công dân. Những thông tin này được sử dụng để đăng ký nhập học tại các trường tiểu học và trung học, tham gia bảo hiểm y tế quốc gia và sử dụng các dịch vụ hành chính khác.

Phân loại	Địa điểm đăng ký	Giấy tờ cần thiết	Thời hạn đăng ký
Đăng ký chuyển đến thành phố	Phòng Dân cư Chi nhánh/ Phòng làm việc	- Giấy chứng minh về việc chuyển đi khỏi thành phố (Không cần nếu tại địa chỉ cũ đã áp dụng "Quy định đặc biệt về đăng ký chuyển đến thành phố") - Thẻ My Number (Nếu có) * Nếu chuyển đến thành phố từ nước ngoài, vui lòng kiểm tra trên trang web của thành phố.	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến thành phố (ngày bắt đầu sống tại địa chỉ mới)
Đăng ký chuyển đi khỏi thành phố (Lưu ý)	Phòng Dân cư Chi nhánh/ Phòng làm việc	- Thẻ My Number (Nếu có) - Thẻ Bảo hiểm của chương trình bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (Nếu đã tham gia) - Giấy chứng nhận đăng ký con dấu (Nếu đã đăng ký) - Và các loại giấy tờ khác được cấp bởi Thành phố Toyota (Ví dụ, Giấy chứng nhận người thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ em, v.v...)	1 tháng trước ngày chuyển đi khỏi thành phố (ngày bắt đầu sống tại địa chỉ mới) đến 14 ngày sau ngày chuyển đi
Đăng ký chuyển nhà (trong thành phố)	Phòng Dân cư Chi nhánh/ Phòng làm việc	Thẻ My Number (Nếu có) - Thẻ Bảo hiểm của chương trình bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (Nếu đã tham gia) - Và các loại giấy tờ khác được cấp bởi Thành phố Toyota (Ví dụ, Giấy chứng nhận người thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ em, v.v...)	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển nhà (ngày bắt đầu sống tại địa chỉ mới)

- Trong quá trình làm các thủ tục đăng ký trên, bạn vui lòng mang theo giấy tờ xác minh danh tính (như giấy phép lái xe ô tô v.v...).
- Người nước ngoài cũng cần đăng ký khi có sự thay đổi địa chỉ cư trú. Xem chi tiết tại trang 23.
- Những người có thẻ My Number cũng có thể bỏ qua thủ tục xin cấp giấy xác nhận thay đổi địa chỉ bằng giấy và chọn thay đổi địa chỉ của mình ("Quy định đặc biệt về đăng ký chuyển đến thành phố").

Lưu ý: Thủ tục đăng ký chuyển đi khỏi thành phố cũng có thể được thực hiện qua gửi thư đường bưu điện. Vui lòng gửi đến Phòng Dân cư các tài liệu sau:

- (1) Đơn đăng ký (Vui lòng ghi rõ: Tên người đăng ký, ngày thay đổi, địa chỉ tại Thành phố Toyota, địa chỉ mới, tên và ngày tháng năm sinh của tất cả những người có địa chỉ thay đổi, số điện thoại liên lạc vào ban ngày),
 - (2) Phong bì dùng cho việc phản hồi (dán tem dùng cho việc phản hồi và ghi rõ tên, địa chỉ người nhận),
 - (3) Thẻ Bảo hiểm y tế quốc gia (với người tham gia),
 - (4) Bản sao của giấy tờ xác minh danh tính (như giấy phép lái xe ô tô v.v...).
- Ngoài ra, cũng có thể thực hiện thủ tục điện tử thông qua ứng dụng Mynaportal bằng cách sử dụng Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card). Vui lòng kiểm tra trên trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.



戸籍の届出

問 戸籍担当 TEL 34-6994

個人の氏名、生年月日、親子関係、夫婦関係などを証明するのが戸籍です。戸籍は、すべての身分関係の元になりますので、出生や死亡のほか、婚姻、認知、養子縁組、離婚など、身分に変更が生じる時は、誤りなく届け出てください。

◎届出場所 市民課、各支所・出張所

- 閉庁時は、市役所南庁舎1階警備室と足助支所警備室で受け付けます。
- そのほかの届出に関することは、市民課までお問い合わせください。

種類	届出市区町村	必要なもの	届出期間
出生届	本籍地 届出人の所在地 出生地	出生届 出生証明書 印鑑(届出人<父または母>の認印)※ 母子健康手帳	生まれた日を含め14日以内
死亡届	本籍地 届出人の所在地 死亡地	死亡届 死亡診断書又は死体検案書 印鑑(届出人<親族等>の認印)※	死亡の事実が分かってから7日以内
婚姻届	夫婦の本籍地 夫婦の所在地	婚姻届 印鑑(夫婦認印各1本<旧姓>)※ 国民健康保険の被保険者証又は資格確認書(加入者の場合)	
離婚届	夫婦の本籍地 夫婦の所在地	離婚届 印鑑(夫婦認印各1本)※ 国民健康保険の被保険者証又は資格確認書(加入者の場合)	調停・審判等による場合は成立の日又は確定の日を含め10日以内
転籍届	本籍地 届出人の所在地 新しい本籍地	転籍届 印鑑(筆頭者および配偶者の認印各1本)※	

- 婚姻、離婚、養子縁組、養子離縁、認知の各届は身分関係に変更が生じるため、届出の際は、本人確認できるもの(自動車運転免許証など)を持参してください。
 - 届出により氏名が変わる場合は、マイナンバーカードを持参してください。
 - 外国籍の人の届出については、事前に市民課にお問い合わせください。
 - 他市区町村役場に電話確認が必要となる場合がありますので、できるだけ午後4時までにお越しください。
- ※戸籍の届出は、印鑑を押さずに届け出ることも可能です。



Đăng ký hộ khẩu

Liên hệ Người quản lý hộ khẩu **TEL 34-6994**

Hộ khẩu là tài liệu chứng minh các thông tin về tên, ngày tháng năm sinh, mối quan hệ cha mẹ, mối quan hệ vợ chồng của cá nhân. Hộ khẩu là cơ sở của các mối quan hệ về danh phận, vì vậy khi có sự thay đổi về danh phận như sinh con, chết, kết hôn, nhận cha/ mẹ cho con, nhận con nuôi, li hôn v.v..., hãy đăng ký một cách chính xác.

📍 Địa điểm đăng ký Phòng Dân cư, các chi nhánh/phòng làm việc

- Trong trường hợp toà thị chính đã đóng cửa, bạn có thể nộp tại Phòng bảo vệ tầng 1 của tòa Nam và Phòng bảo vệ tại chi nhánh phường Asuke.
- Đối với các loại đăng ký khác, vui lòng liên hệ với Phòng Dân cư.

Phân loại	Địa điểm đăng ký	Giấy tờ cần thiết	Thời hạn đăng ký
Đăng ký khai sinh	Nguyên quán Địa chỉ hiện tại của người đăng ký Nơi sinh	- Giấy đăng ký khai sinh - Giấy chứng sinh - Con dấu (con dấu xác nhận của người đăng ký <cha hoặc mẹ>)* - Sổ tay sức khỏe mẹ và bé	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày sinh.
Đăng ký khai tử	Nguyên quán Địa chỉ hiện tại của người đăng ký Nơi tử vong	- Đăng ký khai tử - Giấy chứng tử hoặc bản kết luận giám định tử thi - Con dấu (con dấu xác nhận của người đăng ký <người thân, v.v...>)*	Trong vòng 7 ngày kể từ khi biết được sự việc tử vong.
Đăng ký kết hôn	Nguyên quán của vợ, chồng Địa chỉ hiện tại của vợ, chồng	- Giấy đăng ký kết hôn - Con dấu (chồng, vợ mỗi người 1 con dấu xác nhận <họ cũ trước khi đổi >)* - Thẻ Bảo hiểm của chương trình bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (Nếu đã tham gia)	
Đăng ký ly hôn	Nguyên quán của vợ, chồng Địa chỉ hiện tại của vợ, chồng	- Đơn ly hôn - Con dấu (chồng, vợ mỗi người 1 con dấu xác nhận)* - Thẻ Bảo hiểm của chương trình bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (Nếu đã tham gia)	Trường hợp thông qua hòa giải, xét xử,... thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực hoặc ngày được xác nhận.
Đăng ký chuyển khẩu	Nguyên quán Địa chỉ hiện tại của người đăng ký Địa chỉ mới	- Đơn đăng ký chuyển khẩu - Con dấu (chủ hộ và người phối ngẫu mỗi người 1 con dấu xác nhận)*	

- Mọi đăng ký liên quan đến hôn nhân, ly hôn, nhận con nuôi, chấm dứt việc nhận con nuôi và nhận cha/ mẹ cho con đều làm phát sinh sự thay đổi trong các mối quan hệ về danh phận, vì vậy khi đăng ký vui lòng mang theo giấy tờ có thể xác minh danh tính của bản thân (giấy phép lái xe ô tô, v.v...).
- Trường hợp họ tên của bạn thay đổi từ việc đăng ký, vui lòng mang theo thẻ My Number.
- Đối với đăng ký của người nước ngoài, vui lòng liên hệ với Phòng Dân cư.
- Trong một số trường hợp cần phải gọi điện xác nhận với ủy ban hành chính của địa phương khác, vì vậy xin vui lòng đến trước 4 giờ chiều nếu có thể.

* Bạn cũng có thể đăng ký hộ khẩu mà không cần con dấu.



外国人住民の手続

問 記録担当 TEL 34-6768

外国人住民とは

外国人住民として住民票が作成される人は、

- ①中長期在留者
- ②特別永住者
- ③出生による経過滞在者・国籍喪失による経過滞在者
- ④一時庇護許可者・仮滞在許可者です。

住所の異動(転入・転出・転居)

日本人住民と同様の手続が必要です(18ページの「住民登録」を参照)。

- 届出受付窓口は、本庁市民課及び豊田市内の支所・出張所。
- 代理人による届出も可能です。

注意点

- ①18ページに記載の「必要なもの」の他に、「在留カード」又は、「特別永住者証明書(みなし特別永住者証明書※1)」が必要です。
- ②転入や転居に伴い、世帯主との続柄が変更となる場合や、新たに続柄を設定する場合には、世帯主との続柄が分かる立証資料及び、その翻訳文が必要です。
- (※1)特別永住者の「外国人登録証明書」は、平成24年7月9日以降、「特別永住者証明書」とみなされます(平成24年7月9日時点で16歳未満であった方のみ所持)。有効期間は、16歳の誕生日までです。

特別永住者証明書の申請・交付

みなし特別永住者証明書からの切り替え、特別永住者証明書の有効期間更新などの申請については下記のとおりです(申請及び特別永住者証明書の受取り窓口は、市民課のみ)。

種類	申請期間	提示書類	提出書類
①氏名、生年月日、性別、国籍、地域の変更	変更を生じてから14日以内	・旅券(※3) ・特別永住者証明書	・写真1枚(※4) ・立証資料(要翻訳文)
②特別永住者証明書の有効期間更新	有効期間満了日の2か月前から有効期間満了日まで(※2)	・旅券(※3) ・特別永住者証明書	・写真1枚(※4)
③紛失等による再交付申請(※5)	紛失等の事実を知った日から14日以内	・旅券(※3)	・写真1枚(※4) ・特別永住者証明書を失ったことを証明する資料
④汚損等による再交付申請		・旅券(※3) ・特別永住者証明書	・写真1枚(※4)

種類	申請期間	提示書類	提出書類
⑤交換希望による再交付申請		・旅券(※3) ・特別永住者証明書	・写真1枚(※4) ・手数料納付書(収入印紙1,600円分)
⑥みなし特別永住者証明書の有効期間満了前の申請	みなし特別永住者証明書の有効期間満了日まで	・旅券(※3) ・みなし特別永住者証明書	・写真1枚(※4)

(※2)16歳未満の場合は16歳の誕生日の6か月前から有効期間満了日まで

(※3)提示できない場合は「旅券を提示できない理由書」が必要。理由書は市民課にあります。

(※4)有効期限が16歳の誕生日となる特別永住者証明書を申請する場合は不要。写真の大きさ:縦4センチ×横3センチ

(※5)警察署での遺失届等が必要な場合もあります。

出生届・死亡届の提出

- ▶外国人住民の方の出生や死亡に関する届出窓口は、市民課のみ。

注意点

届出には、旅券や家族関係の立証資料及び、その翻訳文が必要となる場合がありますので、事前にお問い合わせください。

その他の注意点

- 「在留カード」に関する申請・問合せ窓口は、地方出入国在留管理局となります。
- 「在留カード」の、氏名、生年月日、性別、国籍の変更や在留資格、在留期限に関する届出は地方出入国在留管理局のみで、市役所へ届出する必要はありません。
- 従来の外国人登録原票記載事項証明書を発行することはできません(住民登録している人には、住民票の写しを発行することができます)。
- 外国人登録法廃止以前の外国人登録原票の記載に関する証明が必要な場合には、「保有個人情報開示請求書」により、ご自身で直接出入国在留管理局に開示請求する必要があります。



Thủ tục cho cư dân người nước ngoài

Liên hệ **Quầy đăng ký** TEL **34-6768**

Cư dân người nước ngoài là ai

Cư dân người nước ngoài được xem xét để lập giấy Giấy đăng ký cư trú bao gồm:

- (1) Người cư trú trong thời gian trung và dài hạn
- (2) Thường trú nhân đặc biệt
- (3) Người ở lại tạm thời vì sinh con hoặc mất quốc tịch
- (4) Người được cấp phép tị nạn tạm thời hoặc được phép lưu trú tạm thời.

Thay đổi địa chỉ (chuyển đến thành phố, chuyển đi khỏi thành phố, chuyển nhà trong thành phố)

Bạn cần thực hiện các thủ tục giống như người dân Nhật Bản (xem tại trang 19 về "Đăng ký cư trú").

- Địa điểm tiếp nhận đơn là Phòng Dân cư của trụ sở chính Toà thị chính và các chi nhánh/ phòng làm việc tại Thành phố Toyota.
- Có thể thực hiện đăng ký thông qua người uỷ quyền.

Lưu ý

- (1) Ngoài các tài liệu cần thiết đã được liệt kê trên trang 19, bạn cũng cần có "Thẻ cư trú" hoặc "Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt" (hoặc "Giấy chứng nhận như là thường trú nhân đặc biệt *1").
- (2) Trong trường hợp có thay đổi quan hệ với chủ hộ hoặc thiết lập quan hệ mới với chủ hộ khi bạn chuyển đến hoặc chuyển nhà, bạn cần có tài liệu chứng minh quan hệ với chủ hộ cùng với bản dịch của các tài liệu đó.

*1) Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài của những thường trú nhân đặc biệt được coi là "Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt" kể từ ngày 9 tháng 7 năm 2012 (chỉ áp dụng cho những người dưới 16 tuổi vào thời điểm đó), có hiệu lực đến ngày sinh nhật 16 tuổi.

Yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt

Về yêu cầu thay đổi từ Giấy chứng nhận như là thường trú nhân đặc biệt và gia hạn Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt sẽ được thực hiện như sau (điểm tiếp nhận đơn yêu cầu và cấp Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt chỉ có tại Phòng Dân cư).

Phân loại	Thời hạn đăng ký	Tài liệu xuất trình	Tài liệu phải nộp
(1) Thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch hoặc vùng lãnh thổ	Phải thực hiện thay đổi trong vòng 14 ngày kể từ khi có sự thay đổi.	- Hộ chiếu (*3) - Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt	- Ảnh: 1 tấm (*4) - Tài liệu chứng minh (cần kèm theo bản dịch)
(2) Gia hạn Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt	Từ 2 tháng trước ngày hết hạn đến ngày hết hạn (*2)	- Hộ chiếu (*3) - Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt	- Ảnh: 1 tấm (*4)
(3) Yêu cầu cấp lại do bị mất, v.v... (*5)	Trong vòng 14 ngày kể từ khi phát hiện ra việc mất hoặc lý do khác.	- Hộ chiếu (*3)	- Ảnh: 1 tấm (*4) - Tài liệu xác minh việc mất Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt
(4) Yêu cầu cấp lại do bị bản hoặc hư hỏng v.v...		- Hộ chiếu (*3) - Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt	- Ảnh: 1 tấm (*4)

Phân loại	Thời hạn đăng ký	Tài liệu xuất trình	Tài liệu phải nộp
(5) Yêu cầu cấp lại do muốn được cấp đổi		- Hộ chiếu (*3) - Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt	- Ảnh: 1 tấm (*4) - Hóa đơn đóng phí (1,600 yên bằng tem thuế)
(6) Yêu cầu trước ngày hết hạn của Giấy chứng nhận như là thường trú nhân đặc biệt	Đến ngày hết hạn của Giấy chứng nhận như là thường trú nhân đặc biệt	- Hộ chiếu (*3) - Giấy chứng nhận như là thường trú nhân đặc biệt	- Ảnh: 1 tấm (*4)

*2) Trong trường hợp dưới 16 tuổi: Từ 6 tháng trước ngày sinh nhật 16 tuổi đến ngày hết hạn.

*3) Trong trường hợp không thể xuất trình, cần có "Bản giải trình lý do không thể cung cấp hộ chiếu." Bản giải trình có tại Phòng Dân cư.

*4) Không cần thiết khi bạn yêu cầu Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt có thời hạn đến ngày sinh nhật 16 tuổi. Kích thước ảnh: dài 4 cm x rộng 3 cm.

*5) Có trường hợp bạn sẽ cần báo cáo tại cơ quan cảnh sát nếu bị mất Giấy chứng nhận thường trú nhân đặc biệt.

Nộp đơn đăng ký khai sinh và đăng ký khai tử đối với cư dân người nước ngoài

- ▶ Điểm tiếp nhận đơn đăng ký liên quan đến sinh và khai tử của cư dân người nước ngoài chỉ có tại Phòng Dân cư.

Lưu ý

Để nộp đơn, có trường hợp sẽ cần đến hộ chiếu, tài liệu chứng minh mối quan hệ gia đình cùng bản dịch của tài liệu chứng minh, vì vậy hãy liên hệ trước.

Lưu ý khác

- Điểm tiếp nhận và thông tin liên quan đến "Thẻ cư trú" là Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Cư trú khu vực.
- Thông báo về thay đổi tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch, tình trạng cư trú và thời hạn cư trú trên Thẻ cư trú chỉ có thể được thực hiện tại Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Cư trú khu vực và không cần phải đến toà thị chính.
- Không còn cấp Giấy chứng nhận nội dung Giấy tờ gốc đăng ký người nước ngoài như trước đây (đối với những người đã đăng ký cư trú, có thể cấp Giấy đăng ký cư trú).
- Trong trường hợp cần chứng minh nội dung được ghi trên Giấy tờ gốc đăng ký người nước ngoài trước khi Luật Đăng ký người nước ngoài bị bãi bỏ, bạn cần tự mình yêu cầu cung cấp thông tin bằng cách gửi "Đơn yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân" trực tiếp đến Cục Quản lý xuất nhập cảnh và Cư trú khu vực.



印鑑登録

問 印鑑担当 TEL 34-6733

印鑑登録証明書は、財産及び権利義務に多大な関わりがありますので、印鑑の登録申請は本人の意思確認が必要です。印鑑登録者には印鑑登録証(カード)を交付します。



届出・手続き

印鑑登録ができる人

豊田市に住民登録をしている人
(15歳未満の方は不可。成年被後見人の方は手続方法が異なりますのでお問い合わせください)

◎登録申請場所

市民課(駅西口サービスセンターは不可)、各支所・出張所

▶即日に登録証が交付できる場合

①登録者本人が来庁し、官公署発行の顔写真付きの本人確認書類を提示した場合

◎申請に必要なもの

- ☑登録する印鑑
- ☑官公署発行の顔写真付きの本人確認書類(原本で有効期限内のもの)、自動車運転免許証、パスポート(日本国発行のもの)、マイナンバーカード、身体障がい者手帳、在留カード、写真付きの住民基本台帳カードなど
- ☑印鑑登録申請書(窓口にあります)

②登録者本人が来庁し、保証書により本人確認された場合

◎申請に必要なもの

- ☑登録する印鑑
- ☑健康保険被保険者証又は資格確認書、年金手帳、年金証書等の本人確認書類(原本で有効期限内のもの)2点必要
- ☑印鑑登録申請書(窓口にあります)
- ☑保証書※(窓口にあります)

※豊田市で印鑑登録をされている方のみ保証人となります。保証書に保証人となる人の署名、印鑑登録証(カード)、登録印が必要です。



▶即日に登録証が交付できない場合 (確認のお手紙を送ります)

③登録者本人が来庁し①、②の方法でも本人確認ができない場合、又は、代理人が来庁し登録申請される場合

◎申請に必要なもの

- ☑登録する印鑑
- ☑窓口に来庁される人の本人確認書類(原本で有効期限内のもの)
 - 登録者本人の場合:健康保険被保険者証又は資格確認書、年金手帳、年金証書等の本人確認書類が2点必要です。
 - 代理人の場合:官公署発行の顔写真付きの本人確認書類(自動車運転免許証、パスポート(日本国発行のもの)、マイナンバーカード、身体障がい者手帳、在留カード、写真付きの住民基本台帳カードなど)を1点、又は健康保険被保険者証又は資格確認書、年金手帳、年金証書等の本人確認書類が2点必要です。
- ☑印鑑登録申請書(窓口にあります)

登録印鑑について

- 登録することができる印鑑は、1人1個
- 外枠又は文字の一部が欠けているものは登録不可
- ゴム印その他の印鑑でその形態が変形しやすいものは登録不可
- 世帯内での同じ印鑑、印影が似ている印鑑は登録不可

印鑑登録証明書を申請する場合

印鑑登録証(カード)と自動車運転免許証などの本人確認書類(原本で有効期限内のもの)を必ず持参してください。申請書に登録者の住所、氏名、性別、生年月日を記入し、印鑑登録証(カード)と一緒に窓口に出してください。

Đăng ký con dấu

Liên hệ Bộ phận con dấu **TEL 34-6733**

Chứng nhận đăng ký con dấu có liên quan mật thiết đến tài sản, quyền và nghĩa vụ, do đó khi yêu cầu đăng ký con dấu cần thực hiện kiểm tra ý thức của bản thân người đăng ký. Người đăng ký con dấu sẽ được phát Thẻ đăng ký con dấu.

Người có thể đăng ký con dấu

Người đang có đăng ký cư trú tại Thành phố Toyota (Không áp dụng cho người dưới 15 tuổi. Quy trình thực hiện đối với người được giám hộ sau khi trưởng thành sẽ khác, vì vậy vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Địa điểm nộp đơn đăng ký

Phòng Dân cư (không thể thực hiện tại Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố), các chi nhánh/phòng làm việc tại Thành phố Toyota

Trường hợp có thể cấp Thẻ đăng ký ngay trong ngày

- (1) Trường hợp người đăng ký đến trực tiếp và xuất trình các giấy tờ xác minh danh tính có hình ảnh cấp bởi cơ quan nhà nước, cần có các giấy tờ sau đây để đăng ký:

Các giấy tờ cần thiết cho việc đăng ký

- ✓ Con dấu cần đăng ký
 - ✓ Giấy tờ xác minh danh tính có hình ảnh cấp bởi cơ quan nhà nước (bản gốc và còn hiệu lực): Bằng lái xe ô tô, Hộ chiếu (do Nhật Bản cấp), Thẻ My Number, Sổ tay người khuyết tật thể chất, Thẻ cư trú, Thẻ đăng ký thường trú cơ bản có hình ảnh, v.v...
 - ✓ Phiếu yêu cầu đăng ký con dấu (có sẵn tại quầy tiếp nhận)
- (2) Nếu người đăng ký đến trực tiếp và xác minh danh tính bằng Giấy bảo lãnh, cần có các giấy tờ sau đây để đăng ký:

Các giấy tờ cần thiết cho việc đăng ký

- ✓ Con dấu cần đăng ký
- ✓ 2 giấy tờ xác minh danh tính (bản gốc và còn hiệu lực), ví dụ: Thẻ Bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Sổ Bảo hiểm xã hội, Giấy chứng nhận hưu trí, v.v...
- ✓ Phiếu yêu cầu đăng ký con dấu (có sẵn tại quầy tiếp nhận)
- ✓ Giấy bảo lãnh* (có sẵn tại quầy tiếp nhận)

* Chỉ những người đã đăng ký con dấu tại Thành phố Toyota mới có thể đứng ra làm người bảo lãnh. Giấy bảo lãnh cần có chữ ký, Thẻ đăng ký con dấu và con dấu đăng ký của người bảo lãnh.

Trường hợp không thể cấp Thẻ đăng ký trong ngày (Sẽ có một thư xác nhận được gửi)

- (3) Trong trường hợp người đăng ký đến cơ quan thực hiện thủ tục đăng ký và không thể xác minh danh tính bằng cách (1) hoặc (2), hoặc trong trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký thông qua người ủy quyền

Các giấy tờ cần thiết cho việc đăng ký

- ✓ Con dấu cần đăng ký
- ✓ Giấy tờ xác minh danh tính của người đến cơ quan (bản gốc và còn hiệu lực):
 - Trong trường hợp người đăng ký tự mình thực hiện: Cần 2 giấy tờ xác minh danh tính như Thẻ Bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Sổ Bảo hiểm xã hội, Giấy chứng nhận hưu trí, v.v...
 - Trong trường hợp thực hiện thông qua người ủy quyền: Cần 1 giấy tờ xác minh danh tính có hình ảnh cấp bởi cơ quan nhà nước (Bằng lái xe ô tô, Hộ chiếu do Nhật Bản cấp), Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card), Sổ tay người khuyết tật thể chất, Thẻ cư trú, Thẻ đăng ký thường trú cơ bản có hình ảnh, v.v... hoặc 2 giấy tờ xác minh danh tính như Thẻ Bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Sổ Bảo hiểm xã hội, Giấy chứng nhận hưu trí, v.v...
- ✓ Phiếu yêu cầu đăng ký con dấu (có sẵn tại quầy tiếp nhận)

Về con dấu muốn đăng ký

- Mỗi người chỉ được đăng ký một con dấu.
- Không thể đăng ký con dấu nếu một phần của viền ngoài hoặc chữ bị thiếu.
- Không thể đăng ký con dấu cao su hoặc con dấu có hình dạng thay đổi dễ dàng.
- Không thể đăng ký những con dấu giống nhau trong cùng một hộ gia đình và hình ảnh con dấu khi đóng xuống giống nhau.

Trường hợp yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký con dấu

Trường hợp yêu cầu Giấy chứng nhận đăng ký con dấu
Hãy đảm bảo bạn mang theo Thẻ đăng ký con dấu và giấy tờ xác minh danh tính (bản gốc và còn hiệu lực), ví dụ: Bằng lái xe ô tô v.v... Hãy điền thông tin địa chỉ, tên, giới tính và ngày tháng năm sinh của người đăng ký lên biểu mẫu yêu cầu, sau đó nộp đơn cùng với Thẻ đăng ký con dấu tại quầy tiếp nhận.



自動車臨時運行許可

問 印鑑担当 TEL 34-6733

未登録の自動車や自動車検査証の有効期限の過ぎた自動車を新規登録や新規検査、車検切れ継続検査のため、陸運支局等へ回送する場合などに、あらかじめ、運行の期間、目的、経路などを特定した上で特例的に運行を許可する制度です。臨時運行許可申請書に基づき、臨時運行許可証及び臨時運行許可番号標が交付されます。

許可の対象となる自動車

普通自動車、小型自動車、検査対象軽自動車、排気量250ccを超えるオートバイ

◎申請場所 市民課、足助支所、小原支所、下山支所、藤岡支所

◎運行の目的

車検、登録、予備検査、車両整備等のための回送に限りです。

◎運行の期間

必要最小限の期間となります。

◎申請に必要なもの

- ①臨時運行許可申請書
- ②自動車検査証、抹消登録証明書、自動車通関証明書、自動車検査証返納証明書等の自動車の同一性を確認できる書類原本(電子化された自動車検査証をお持ちの人は「自動車検査証記録事項」も必要です)
- ③自動車損害賠償責任保険又は自動車損害賠償責任共済証明書の紙原本(運行の期間有効であるもの)
※電子証明書及びそれを印刷したものは不可。保険会社が発行した紙原本をご持参ください。
- ④自動車運転免許証など申請人の本人確認書類(原本で有効期限内のもの)
- ⑤手数料:750円

◎臨時運行許可証及び臨時運行許可番号標の返却

有効期間が切れた翌日から5日以内



マイナンバーカードに関すること

問 マイナンバーカード交付窓口(南庁舎1階)

TEL 0570-083-130(マイナンバーカードコールセンター)

FAX 37-1617

- マイナンバーカードに関するお知らせ・手続・制度・用途等について紹介しています。
- マイナンバーカード交付窓口の混雑状況が見られます。来庁時の参考にしてください。



◎マイナンバーカードの主な手続

申請者本人が窓口に来る場合

種類	必要なもの	受付場所
カードの申請※1	・運転免許証等の本人確認書類 ・通知カードまたは個人番号通知書(持っている人) ・住基カード(持っている人)	・市役所のみ の手続きです ・交付までに 通常1か月 ほどかかります
住所・氏名の変更		
電子証明書の更新	・マイナンバーカード	・市役所・支所・出張所で 手続ができます
暗証番号の変更・再設定(ロック解除)		

※1マイナンバーカードの申請は、ご自身でインターネットまたは郵送で行うことができます。お手元に申請書が必要です。申請書は電話で請求できます。カードを紛失した場合、再発行の申請ができます(有料)。来庁しての申請であれば、特急発行(約1週間)でのカード発行を選択できます。

- 令和6年12月2日より1歳未満のお子様のマイナンバーカードには顔写真がありません。
- 代理人が手続する場合や、そのほかの手続に関することは、お問い合わせください。

住民票や戸籍等の主な証明書

問 支援・証明担当 TEL 34-6625

種類	手数料
住民票の写し★◎	1通150円
除票の写し◎	1通150円
印鑑登録証明書★◎	1枚150円
戸籍全部(個人)事項証明書★◎(注1)	1通450円
除籍全部(個人)事項証明書◎ 除籍・改製原戸籍謄抄本◎(注1)	1通750円
身分証明書◎	1枚150円
戸籍附票の写し◎	1通150円
戸籍受理証明書	1枚350円
住民票記載事項証明書◎	1枚150円

- 証明書等の申請には、本人確認できるもの(マイナンバーカードなど)を持参してください。

Giấy phép vận chuyển xe tạm thời

Liên hệ Bộ phận con dấu **TEL 34-6733**

Điểm đặc biệt của hệ thống này là cho phép điều khiển xe ô tô chưa được đăng ký, xe ô tô có giấy chứng nhận kiểm định đã hết hạn đến Cục vận tải đường bộ, v.v... để thực hiện đăng ký mới, kiểm định mới hoặc gia hạn kiểm định, với điều kiện đã xác định trước thời gian, mục đích và tuyến đường vận chuyển. Dựa trên đơn đăng ký giấy phép vận chuyển xe tạm thời, người đăng ký sẽ được cấp Giấy phép vận chuyển xe tạm thời và Biển số vận chuyển xe tạm thời.

» Xe ô tô được cấp phép

Các loại xe ô tô thông thường, xe ô tô cỡ nhỏ, xe ô tô hạng nhẹ cần đăng kiểm, xe máy có dung tích động cơ trên 250cc.

📍 Địa điểm nộp đơn yêu cầu

Phòng Dân cư, Chi nhánh Asuke, Chi nhánh Obara, Chi nhánh Shimoyama, Chi nhánh Fujioka.

📍 Mục đích của việc vận chuyển

Chỉ giới hạn cho mục đích vận chuyển xe để kiểm định, đăng ký, kiểm định dự phòng, bảo dưỡng xe, v.v...

📍 Thời gian vận chuyển

Thời gian tối thiểu cần thiết.

📍 Các tài liệu cần thiết để nộp đơn

- (1) Đơn yêu cầu cấp giấy phép vận chuyển xe tạm thời.
- (2) Bản gốc của các tài liệu có thể xác nhận về tính đồng nhất của xe ô tô, ví dụ: Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, giấy chứng nhận hủy đăng ký xe, giấy chứng nhận thông quan xe ô tô, giấy chứng nhận trả lại giấy kiểm định xe ô tô, v.v... (Nếu bạn có Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô bản điện tử, bạn cũng cần có thêm "Hồ sơ chứng nhận kiểm định xe ô tô").
- (3) Bản gốc bằng giấy của Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe ô tô (có hiệu lực trong thời gian vận chuyển).
*Không chấp nhận chứng nhận điện tử hoặc bản in từ chứng nhận điện tử. Vui lòng mang theo bản gốc bằng giấy do công ty bảo hiểm cấp.
- (4) Giấy tờ xác nhận danh tính của người đăng ký, ví dụ: Giấy phép lái xe ô tô của người đăng ký (Bản gốc và còn hiệu lực).
- (5) Phí: 750 yên.

📍 Trả lại Giấy phép vận chuyển xe tạm thời và Biển số vận chuyển xe tạm thời

Trong vòng 5 ngày kể từ ngày sau ngày hết hiệu lực.



Về Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

Liên hệ Quầy cấp thẻ My Number (tầng 5 Toà Nam)

TEL 0570-083-130 FAX 37-1617

(Trung tâm hỗ trợ Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card))

- Cung cấp thông tin về thông báo, thủ tục, chế độ và mục đích sử dụng liên quan đến Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card).
- Có thể xem tình trạng đồng đúc tại quầy cấp Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card). Vui lòng tham khảo khi đến trụ sở.



📍 Thủ tục chính với Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

Khi người nộp đơn trực tiếp đến quầy tiếp nhận

Phân loại	Giấy tờ cần thiết	Địa điểm tiếp nhận
Đăng ký thẻ*1	- Giấy tờ xác minh danh tính, ví dụ như Giấy phép lái xe, v.v... - Thẻ thông báo hoặc Giấy thông báo mã số cá nhân (nếu có) - Thẻ định danh quốc gia (nếu có)	- Thủ tục này chỉ được thực hiện tại toà thị chính thành phố - Thông thường sẽ mất khoảng 1 tháng cho quá trình cấp thẻ
Thay đổi địa chỉ và tên		
Cập nhật Giấy chứng nhận điện tử	- Thẻ My Number (Số cá nhân)	- Có thể làm thủ tục tại toà thị chính thành phố, các chi nhánh, phòng làm việc.
Thay đổi mặt khẩu hoặc thiết lập lại Mặt khẩu (Mở khóa)		

*1 Bạn có thể tự mình nộp đơn để đăng ký Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card) qua đường bưu điện hoặc Internet. Bạn cần chuẩn bị sẵn biểu mẫu đơn đăng ký. Bạn cũng có thể yêu cầu qua điện thoại để xin cấp biểu mẫu đơn đăng ký.
Trong trường hợp bị mất thẻ, bạn có thể làm thủ tục xin cấp lại (có thu phí). Nếu đăng ký trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính, bạn có thể chọn hình thức cấp nhanh (khoảng 1 tuần).

- Từ ngày 02/12/2024, Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card) của trẻ em dưới 1 tuổi sẽ không có ảnh chân dung.
- Vui lòng liên hệ trong trường hợp người đại diện thực hiện thủ tục hoặc cần biết thêm chi tiết về các thủ tục khác.

Các loại giấy chứng nhận chính như Giấy đăng ký cư trú, Sổ hộ khẩu, v.v...

Liên hệ Bộ phận hỗ trợ và chứng thực **TEL 34-6625**

Phân loại	Phí dịch vụ
Bản sao Giấy đăng ký cư trú ★◎	150 yên cho mỗi bản sao
Bản sao nội dung tách hộ khẩu◎	150 yên cho mỗi bản sao
Giấy chứng nhận đăng ký con dấu ★◎	150 yên cho mỗi bản sao
Bản sao Giấy chứng nhận nội dung toàn bộ hộ khẩu (cá nhân) ★◎ (Lưu ý 1)	450 yên cho mỗi bản sao
Bản sao Giấy chứng nhận toàn bộ nội dung tách hộ khẩu (cá nhân) ◎	
Bản sao của Sổ hộ khẩu gốc đã có tách hộ khẩu hoặc làm lại◎ (Lưu ý 1)	750 yên cho mỗi bản sao
Giấy chứng minh nhân thân ◎	150 yên cho mỗi bản sao
Bản sao nội dung tách hộ khẩu ◎	150 yên cho mỗi bản sao
Giấy chứng nhận tiếp nhận hộ khẩu	350 yên cho mỗi bản sao
Giấy chứng nhận nội dung giấy đăng ký cư trú ◎	150 yên cho mỗi bản sao

- Để yêu cầu các loại Giấy chứng nhận, vui lòng mang theo giấy tờ có thể xác minh danh tính (ví dụ: thẻ My Number, v.v...).



- 表中の(注1)の証明書は、本籍地が豊田市以外でも豊田市で取得することが可能です(本人、配偶者及び本人の直系親族からの申請の場合)。
- 戸籍の請求には、本籍と筆頭者の記載が必要です。
- 市税に関する証明・閲覧は40ページをご覧ください。

◎取扱窓口

市民課、各支所・出張所、駅西口サービスセンター

※証明ごとに取扱窓口が一部異なります。詳しくは市ホームページをご覧ください。

◎支払いのキャッシュレス化

全ての取扱窓口において、証明書交付手数料のお支払いにクレジットカード、電子マネー、QRコード決済がご利用いただけます。

※QRコードは株式会社デンソーウェーブの登録商標です。

証明書のコンビニ交付

マイナンバーカードを使って、コンビニエンスストアなどにて表内★印の証明書が交付できます。

なお、令和7年4月1日より住民票の写し、印鑑登録証明書は1通100円で取得できるようになります。窓口で取得するよりも50円お得です。

◎交付に必要なもの

マイナンバーカード

※利用者証明用電子証明書(4桁の暗証番号)が搭載されているもの

◎交付ができる店舗

※マルチコピー機設置店に限ります

セブン-イレブン、ローソン、ファミリーマート、ミニストップ、イオン、ココカラファインヘルスケア

◎利用できる時間

午前6時30分～午後11時(臨時メンテナンス日を除く)

証明書の電子申請

表内◎印の証明書について、「あいち電子申請・届出システム」を利用して、インターネットから原則24時間・365日申請することができます。

詳しくは市ホームページをご覧ください。

◎交付に必要なもの

☑マイナンバーカード

※署名用電子証明書(6～16桁の暗証番号)が搭載されているもの

☑マイナンバーカードの電子証明書読み取りに対応したスマートフォン又はICカードリーダー

☑クレジットカードなどキャッシュレス決済ができるもの

おくやみコーナー

問 市民相談課 TEL 34-6080(南庁舎1階)

死亡後の豊田市の各種手続きを、ワンストップで行うための窓口を開設しています。死亡届を提出後、豊田市に住民登録があった故人のご遺族が利用できます。

※完全予約制です。予約受付日から3開庁日以降の予約ができます。

- Tại thành phố Toyota, có thể cấp các loại giấy chứng nhận tại mục (Lưu ý 1) trong bảng ngay cả khi hộ khẩu gốc không nằm ở Toyota (Trường hợp người nộp đơn là bản thân, vợ/chồng hoặc thân nhân trực hệ của người yêu cầu).
- Đối với việc chứng thực liên quan đến hộ khẩu, bạn cần phải cung cấp thông tin về địa chỉ hộ khẩu và người đứng đầu hộ khẩu.
- Để biết thêm về thủ tục xác thực và và tra cứu về thuế thành phố, vui lòng xem tại trang 41.

📍 Địa điểm tiếp nhận

Phòng dân cư, các chi nhánh/ phòng làm việc, Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố

* Địa điểm tiếp nhận có thể khác nhau cho từng loại giấy tờ. Vui lòng kiểm tra trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.

📍 Thanh toán không dùng tiền mặt

Tại tất cả các quầy tiếp nhận, bạn có thể sử dụng thẻ tín dụng, tiền điện tử và thanh toán qua mã QR để trả tiền phí cấp giấy tờ.

* Mã QR là thương hiệu đã đăng ký của Công ty Denso Wave Incorporated.

Cấp giấy tờ tại các cửa hàng tiện lợi

Bạn có thể sử dụng thẻ My Number để yêu cầu các loại giấy xác thực có đánh dấu ★ trong bảng và giấy chứng nhận thuế thu nhập tại các cửa hàng tiện lợi v.v...

Ngoài ra, kể từ ngày 01/4/2025, bạn có thể xin cấp bản sao Giấy đăng ký cư trú, Giấy chứng nhận đăng ký con dấu với giá 100 yên/bản, tiết kiệm 50 yên so với việc xin tại quầy.

📍 Giấy tờ cần thiết cho việc cấp giấy tờ

Thẻ My Number

* Thẻ có tích hợp giấy chứng nhận điện tử dùng cho mục đích xác minh danh tính người sử dụng (mã PIN 4 chữ số)

📍 Cửa hàng có thể cấp giấy tờ

* Chỉ các cửa hàng có máy photocopy

Seven-Eleven, Lawson, FamilyMart, Mini Stop, Aeon, Koko Kara Fine Health Care

📍 Thời gian sử dụng

Từ 6:30 sáng đến 11:00 tối (trừ những ngày bảo trì tạm thời)

Yêu cầu online các giấy tờ xác thực

Đối với các loại giấy tờ có đánh dấu © trong bảng, về nguyên tắc bạn có thể sử dụng "Hệ thống đăng ký và báo cáo điện tử Aichi" và thực hiện yêu cầu trên Internet 24/7.

Thông tin chi tiết xem tại trang web của thành phố.

📍 Giấy tờ cần thiết cho việc cấp giấy tờ

✔ Thẻ My Number

* Thẻ có tích hợp giấy chứng nhận điện tử dùng cho mục đích xác minh chữ ký (mã PIN 6-16 chữ số)

✔ Điện thoại thông minh hoặc đầu đọc thẻ IC có khả năng đọc chứng nhận điện tử trên thẻ My Number (My Number Card)

✔ Phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt như thẻ tín dụng, v.v...

Góc Tường niệm

Liên hệ Phòng Tư vấn Cư dân

TEL 34-6080 (tầng 1 tòa Nam)

Chúng tôi đã thiết lập một quầy tiếp nhận để tiến hành các thủ tục khác nhau của thành phố Toyota sau khi người chết qua đời, để có thể thực hiện tất cả các thủ tục một cách tiện lợi. Sau khi nộp giấy báo tử, gia đình của người đã chết có thể sử dụng dịch vụ này nếu họ đã đăng ký cư trú ở Thành phố Toyota.

* Cần phải đặt hẹn trước. Bạn có thể đặt hẹn kể từ ngày tiếp nhận đặt hẹn cho đến sau 3 ngày mở cửa.

市役所庁舎・出張所案内 | 市役所庁舎案内

市役所庁舎

住所 〒471-8501 豊田市西町3丁目60番地
電話 31-1212(代表)
FAX 33-2221
業務時間 午前8時30分～午後5時15分
 土・日曜日、祝日、12月29日～1月3日を除きます

届出・手続き



拡大地図



市役所庁舎の各課ご案内

※各課の直通番号を掲載しています。

左図① 南庁舎

階	課名	電話	FAX
6階	議会局	34-6665	34-6566
5階	市長公室	秘書課 34-6601	33-7155
	市長公室	広報課 34-6604	34-1528
		経営戦略課 34-3360	34-1528
4階	企画政策部	企画課 34-6602	34-2192
		財政課 34-6614	32-9479
		資産経営課 34-6605	34-2192
		未来都市推進課 34-6982	32-9479
	地域活躍部	交通安全防犯課 34-6633	32-3794
		防災対策課 34-6750	34-6048
		地域交流課 34-6629	35-4745
3階	総務部	庶務課 34-6607	33-2221
		法務課 34-6608	33-2221
		人事課 34-6609	34-6815
		行政改革推進課 34-6652	34-6815
		財産管理課 34-6615	31-6881
		契約課 34-6616	34-6789
		情報戦略課 34-6946	31-8623
	市民部	資産税課 34-6618	31-8969
	選挙管理委員会事務局	34-6667	31-8623
2階	市民部	市民税課 34-6617	31-4488
		債権管理課 34-6619	31-4489
	魅力創造部	学び体験推進課 34-6660	32-9779
		スポーツ振興課 34-6632	32-9779
		観光誘客推進課 34-6758	32-9779
		シティプロモーション戦略課 34-6761	32-9779
		ラリーまちづくり推進課 34-6950	32-9779
		文化振興課 34-6631	34-6766
	会計管理者	会計課 34-6664	35-3541

Tòa thị chính thành phố

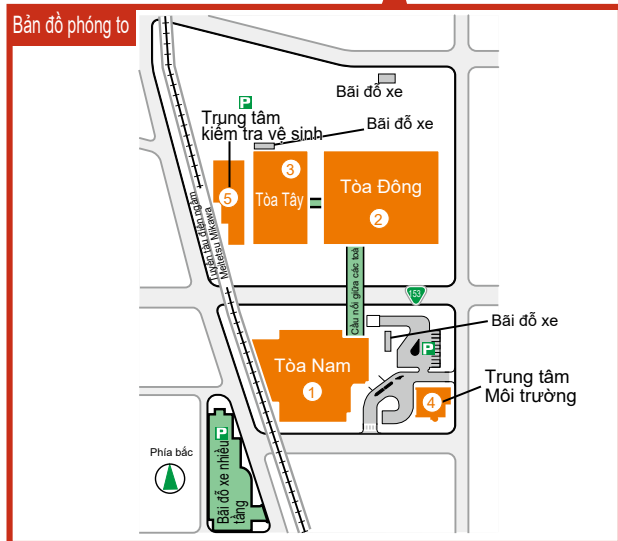
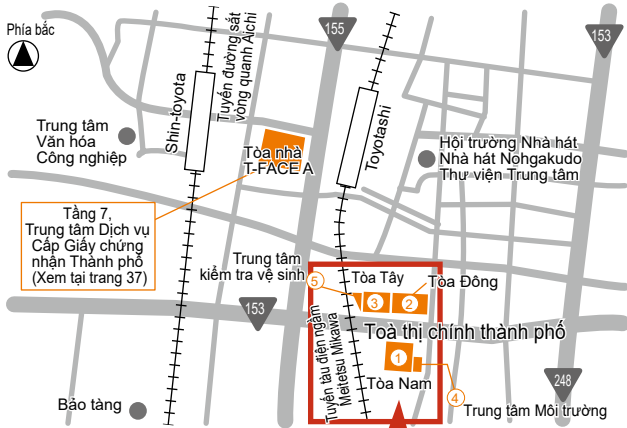
Địa chỉ 〒471-8501

3-60 Nishimachi, Toyota

Điện thoại 31-1212 (chính)

Fax 33-2221

Giờ làm việc Từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều
Trừ ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ và thời gian từ ngày 29/12 đến ngày 03/01



Hướng dẫn về các phòng ban tại Toà thị chính thành phố

* Chúng tôi ghi ở đây số điện thoại liên hệ trực tiếp của từng phòng ban.

① bản đồ bên trái Tòa Nam

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 6	Cục Hội đồng Thành phố	34-6665	34-6566
Tầng 5	Văn phòng Thị trưởng	Phòng Thư ký	34-6601 : 33-7155
	Văn phòng Thị trưởng	Phòng Quảng bá - Thông tin	34-6604 : 34-1528
		Phòng Chiến lược Quản lý	34-3360 : 34-1528
		Phòng Quy hoạch	34-6602 : 34-2192
	Bộ phận Quy hoạch và Chính sách	Phòng Tài chính	34-6614 : 32-9479
		Phòng Quản lý Tài sản	34-6605 : 34-2192
		Phòng Xúc tiến Thành phố Tương lai	34-6982 : 34-9479
	Bộ phận Phát triển Địa phương	Phòng An toàn Giao thông và Phòng chống Tội phạm	34-6633 : 32-3794
		Phòng Phòng chống Thiên tai	34-6750 : 34-6048
		Phòng Trao đổi cộng đồng	34-6629 : 35-4745
Tầng 4		Phòng Hành chính	34-6607 : 33-2221
		Phòng Pháp chế	34-6608 : 33-2221
		Phòng Nhân sự	34-6609 : 34-6815
	Bộ phận Tổng hợp	Phòng Đẩy mạnh cải cách hành chính	34-6652 : 34-6815
		Phòng Quản lý tài sản	34-6615 : 31-6881
		Phòng Hợp đồng	34-6616 : 34-6789
		Phòng Chiến lược thông tin	34-6946 : 31-8623
	Bộ phận Dân cư	Phòng Thuế tài sản	34-6618 : 31-8969
	Văn phòng Ủy ban quản lý bầu cử		34-6667 : 31-8623
	Bộ phận Dân cư	Phòng Thuế thị	34-6617 : 31-4488
		Phòng Quản lý Nghĩa vụ	34-6619 : 31-4489
Tầng 3		Phòng Xúc tiến trải nghiệm học tập	34-6660 : 32-9779
		Phòng Xúc tiến thể thao	34-6632 : 32-9779
		Phòng Xúc tiến thu hút khách du lịch	34-6758 : 32-9779
	Bộ phận Sáng tạo sức hút của thành phố	Phòng Chiến lược quảng bá thành phố	34-6761 : 32-9779
		Phòng Xúc tiến các giải đua xe	34-6950 : 32-9779
		Phòng Xúc tiến văn hóa	34-6631 : 34-6766
Tầng 2	Người phụ trách kế toán	Phòng Kế toán	34-6664 : 35-3541

階		課名	電話	FAX
1階	市民部	市民相談課	34-6626	31-8252
		市民課	34-6768	34-6191
		国保年金課	34-6637	34-6007

左図② 東庁舎

階		課名	電話	FAX
6階	教育部	教育政策課	34-6658	34-6771
		学校教育課	34-6661	31-9145
		学校づくり推進課	34-6659	35-4551
		保健給食課	34-6663	34-6824
5階	総務部	監査委員事務局	34-6666	31-3550
		情報システム課	34-6611	33-2411
4階	保健部	健康政策課	34-6723	31-6320
		保健衛生課	34-6181	31-6630
		感染症予防課	34-6180	34-6929
		健康づくり応援課	34-6627	34-6186
		保健支援課	34-6855	34-6051
3階	保健センター			
2階	こども・若者部	こども・若者政策課	34-6630	34-6938
		こども相談課	34-6965	32-2098
		おやこ応援課	34-6966	32-2098
		保育課	34-6809	32-2088
1階	福祉部	地域包括ケア企画課	34-6787	34-6793
		やすらぎ福祉総務課	34-6706	34-6755
		よりそい支援課	34-6791	33-2940
		障がい福祉課	34-6751	33-2940
		高齢福祉課	34-6984	34-6793
		介護保険課	34-6634	34-6034
		福祉医療課	34-6743	34-6732

左図③ 西庁舎

階		課名	電話	FAX
8階	美術・博物部	文化財課	32-6561	34-0095
	総務部	技術管理課	34-6612	34-6770
		用地審査課	34-6679	34-6770
	土地開発公社	業務課	34-6668	33-6996
7階	産業部	産業振興課	34-6641	35-4317
		産業人材活躍課	34-6774	35-4317
		農政企画課	34-6640	33-8149
		農業振興課	34-6785	33-8149
		農業委員会事務局	34-6639	33-8149
		農地整備課	34-6647	33-8149
6階	建設部	建設企画課	34-6682	31-3540
		土木管理課	34-6644	33-2460
		道路維持課	34-6645	34-6945
		道路予防保全課	34-6683	31-3540
		河川課	34-6672	33-2460
5階	建設部	幹線道路推進課	34-6673	35-8196
		街路課	34-6651	35-8196
		土木課	34-6646	34-6301
	都市整備部	市街地整備課	34-6675	34-6912

階		課名	電話	FAX
4階	都市整備部	都市整備課	34-6622	34-6764
		開発調整課	34-6744	34-6011
		建築相談課	34-6649	34-6948
		建築整備課	34-6648	33-2080
		都市計画課	34-6620	34-6764
		建築事業推進課	34-6953	33-2080
		建築保全・住宅課	34-6910	34-6056
3階	都市整備部	交通政策課	34-6603	33-2433
		区画整理支援課	34-6769	33-2369
		公園緑地課	34-6621	34-4500
		(上下水)総務課	34-6653	36-5529
2階	上下水道局	経営管理課	34-6623	36-5529
		生活福祉課	34-6635	34-6798
		下水道施設課	34-6964	32-3171
1階	上下水道局	下水道建設課	34-6624	32-3171
		(上下水)企画課	34-6792	33-9096
		料金課	34-6696	34-6655
		水道整備課	34-6656	33-9096

左図④ 環境センター

階		課名	電話	FAX
3階	環境部	廃棄物対策課	34-6710	34-6976
2階	環境部	環境保全課	34-6628	34-6684
1階	環境部	環境政策課	34-6650	34-6759

左図⑤ 衛生試験所

	課名	電話	FAX
保健部	保健衛生課 衛生試験所	34-6188	34-6174

他施設内の課

ものづくり創造拠点 SENTAN

	課名	電話	FAX
産業部	次世代産業課	47-1250	47-1252

渡刈クリーンセンター

	課名	電話	FAX
環境部	循環型社会推進課	71-3001	71-3000
	清掃業務課	71-3003	71-3000
	清掃施設課	28-2000	28-2212

足助支所

	課名	電話	FAX
産業部	農地整備課	62-0605	62-0606
	地域担当		
建設部	森林課	62-0602	62-0612
	地域建設課	62-0604	62-0606
美術・博物部	文化財課 足助分室	62-0609	62-0606
地域活躍部	総合山村室	62-0610	62-0614

産業文化センター

	課名	電話	FAX
地域活躍部	多様性社会共創課	34-6963	31-3270

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 1	Bộ phận Dân cư	Phòng Tư vấn dân cư	34-6626 : 31-8252
		Phòng Dân cư	34-6768 : 34-6191
		Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí	34-6637 : 34-6007

2 bản đồ bên trái Tòa Đông

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 6	Bộ phận Giáo dục	Phòng Chính sách giáo dục	34-6658 : 34-6771
		Phòng Giáo dục trường học	34-6661 : 31-9145
		Phòng Xúc tiến xây dựng trường học	34-6659 : 35-4551
		Phòng Bữa ăn sức khỏe	34-6663 : 34-6824
	Cục Ủy ban Kiểm toán	34-6666	31-3550
Tầng 5	Bộ phận Tổng hợp	Phòng Hệ thống thông tin	34-6611 : 33-2411
Tầng 4	Bộ phận Y tế	Phòng Chính sách y tế	34-6723 : 31-6320
		Phòng Bảo hiểm và vệ sinh	34-6181 : 31-6630
		Phòng chống bệnh lây truyền	34-6180 : 34-6929
		Phòng Hỗ trợ xây dựng sức khỏe	34-6627 : 34-6186
		Phòng Hỗ trợ y tế	34-6855 : 34-6051
Tầng 3	Trung tâm Y tế		
Tầng 2	Bộ phận trẻ em và thanh thiếu niên	Phòng Chính sách trẻ em và thanh thiếu niên	34-6630 : 34-6938
		Phòng Tư vấn về trẻ em	34-6965 : 32-2098
		Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em	34-6966 : 32-2098
		Phòng Quản lý trường mầm non	34-6809 : 32-2088
Tầng 1	Bộ phận Phúc lợi	Phòng Kế hoạch chăm sóc toàn diện cộng đồng	34-6787 : 34-6793
		Phòng Phúc lợi tổng hợp Yasuragi	34-6706 : 34-6755
		Phòng Hỗ trợ tư vấn	34-6791 : 33-2940
		Phòng Phúc lợi người khuyết tật	34-6751 : 33-2940
		Phòng Phúc lợi người cao tuổi	34-6984 : 34-6793
		Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	34-6634 : 34-6034
		Phòng Y tế và phúc lợi xã hội	34-6743 : 34-6732

3 bản đồ bên trái Tòa nhà Tây

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 8	Bộ phận Nghệ thuật và Bảo tàng	Phòng Di sản Văn hóa	32-6561 : 34-0095
		Phòng Quản lý kỹ thuật	34-6612 : 34-6770
	Bộ phận Tổng hợp	Phòng Thẩm định sử dụng đất	34-6679 : 34-6770
		Phòng Nghiệp vụ	34-6668 : 33-6996
Tầng 7	Bộ phận Sản xuất	Phòng Phát triển công nghiệp	34-6641 : 35-4317
		Phòng Xúc tiến nguồn nhân lực cho công nghiệp	34-6774 : 35-4317
		Phòng Kế hoạch nông nghiệp	34-6640 : 33-8149
		Phòng Phát triển nông nghiệp	34-6785 : 33-8149
		Văn phòng Ủy ban nông nghiệp	34-6639 : 33-8149
		Phòng Quản lý đất nông nghiệp	34-6647 : 33-8149
Tầng 6	Bộ phận Xây dựng	Phòng Kế hoạch xây dựng	34-6682 : 31-3540
		Phòng Quản lý cầu đường	34-6644 : 33-2460
		Phòng Bảo trì đường bộ	34-6645 : 34-6945
		Phòng phòng ngừa và bảo đảm an toàn đường bộ	34-6683 : 31-3540
		Phòng Quản lý sông ngòi	34-6672 : 33-2460
Tầng 5	Bộ phận Xây dựng	Phòng Xúc tiến xây dựng hệ thống đường trục	34-6673 : 35-8196
		Phòng Đường đô thị	34-6651 : 35-8196
		Phòng Cầu đường	34-6646 : 34-6301
	Bộ phận Quy hoạch đô thị	Phòng Quy hoạch đô thị	34-6675 : 34-6912

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 4	Bộ phận Quy hoạch đô thị	Phòng Quy hoạch đô thị	34-6622 : 34-6764
		Phòng Điều chỉnh phát triển	34-6744 : 34-6011
		Phòng Tư vấn kiến trúc	34-6649 : 34-6948
		Phòng Quy hoạch kiến trúc	34-6648 : 33-2080
		Phòng Kế hoạch thành phố	34-6620 : 34-6764
		Phòng Xúc tiến kinh doanh xây dựng	34-6953 : 33-2080
		Phòng Bảo tồn xây dựng và nhà ở	34-6910 : 34-6056
Tầng 3	Bộ phận Quy hoạch đô thị	Phòng Chính sách giao thông	34-6603 : 33-2433
		Phòng Hỗ trợ quy hoạch đất đai	34-6769 : 33-2369
		Phòng Không gian xanh công viên	34-6621 : 34-4500
	Cục Cấp thoát nước	(Cấp thoát nước) Phòng Tổng hợp	34-6653 : 36-5529
Tầng 2	Bộ phận Phúc lợi	Phòng Quản lý doanh nghiệp	34-6623 : 36-5529
		Phòng Phúc lợi cuộc sống	34-6635 : 34-6798
		Phòng Cơ sở hệ thống nước thải	34-6964 : 32-3171
Tầng 1	Cục Đường ống cấp thoát nước	Phòng Xây dựng đường ống nước thải	34-6624 : 32-3171
		(Cấp thoát nước) Phòng Kế hoạch	34-6792 : 33-9096
		Phòng Chi phí sử dụng	34-6696 : 34-6655
		Phòng Bảo trì đường ống nước	34-6656 : 33-9096

4 bản đồ bên trái Trung tâm Môi trường

Tầng	Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Tầng 3	Bộ phận Môi trường	Phòng Xử lý chất thải	34-6710 : 34-6976
Tầng 2	Bộ phận Môi trường	Phòng Bảo tồn môi trường	34-6628 : 34-6684
Tầng 1	Bộ phận Môi trường	Phòng Chính sách môi trường	34-6650 : 34-6759

5 bản đồ bên trái Trung tâm Kiểm tra vệ sinh

Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Bộ phận Y tế	Phòng Y tế và vệ sinh Trung tâm Kiểm tra vệ sinh	34-6188 : 34-6174

Các phòng ban khác

Trung tâm Sáng tạo Sản xuất SENTAN

Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Bộ phận Sản xuất	Phòng Sản xuất Thế hệ Tương lai	47-1250 : 47-1252

Trung tâm Xử lý sạch rác Togari

Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Bộ phận Môi trường	Phòng Xúc tiến xã hội tuần hoàn	71-3001 : 71-3000
	Phòng Nghiệp vụ vệ sinh	71-3003 : 71-3000
	Phòng Cơ sở vệ sinh	28-2000 : 28-2212

Chi nhánh Asuke

Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Bộ phận Sản xuất	Phòng Phát triển đất nông nghiệp	62-0605 : 62-0606
	Người phụ trách khu vực	
Bộ phận Xây dựng	Phòng Rừng	62-0602 : 62-0612
	Phòng Xây dựng khu vực	62-0604 : 62-0606
Bộ phận Nghệ thuật và Bảo tàng	Phòng Di sản văn hóa Chi nhánh Asuke	62-0609 : 62-0606
Bộ phận Hoạt động cộng đồng	Phòng Nông thôn tổng hợp	62-0610 : 62-0614

Trung tâm Văn hóa và Công nghiệp

Tên phòng ban	Điện thoại	FAX
Bộ phận Hoạt động cộng đồng	Phòng Đa dạng và Hòa hợp	34-6963 : 31-3270

市役所庁舎・出張所案内 II 支所・出張所案内

支所・出張所のご案内

支所・出張所名	住所	電話	FAX
旭支所	小渡町船戸15-1	68-2213	68-3476
足助支所	足助町宮ノ後26-2	62-0600	62-0606
稲武支所	稲武町竹ノ下1-1	82-2511	82-3272
小原支所	小原町上平441-1	65-2001	65-3695
下山支所	大沼町越田和37-1	90-4411	90-3344
藤岡支所	藤岡飯野町田中245	76-2103	76-4852
高橋支所 (高橋コミュニティセンター内)	東山町2-1-1	80-0077	80-0092
上郷支所 (上郷コミュニティセンター内)	上郷町5-1-1	21-0001	21-5095

支所・出張所名	住所	電話	FAX
高岡支所 (高岡コミュニティセンター内)	高岡町長根51	53-7779	53-3516
猿投支所 (猿投コミュニティセンター内)	四郷町東畑70-1	45-1211	45-4824
松平支所 (松平コミュニティセンター内)	九久平町寺前16	58-0001	58-0049
保見出張所	保見町四反田121-1	48-8006	48-9345
石野出張所	力石町深田57-2	41-2001	42-1861



届出・手続き

業務時間のご案内

午前8時30分～午後5時15分 ※土・日曜日、祝日、12月29日～1月3日を除く

支所・出張所の主な窓口サービス(証明書等の発行など)

▶ 届出・手続き

- 住民票の写し、印鑑登録証明書、戸籍全部(個人)事項証明書等の交付
- 住民票の写しと戸籍証明書の広域交付
- 住民異動の手続き(外国籍の人も含む)
- 戸籍に関する届出の受理(外国籍の人は本庁のみ)
- 印鑑の新規登録と廃止、登録印の変更等の手続き
- 公的年金現況届証明の交付
- 所得課税証明書(非課税証明書も含む)の交付
- 納税証明書(軽自動車継続検査用も含む)の交付
- 固定資産課税台帳登録事項証明書の交付
- 土地証明書(車庫証明用)、家屋証明書(建築確認用)の交付
- 事業証明書の交付
※詳しくは40ページを参照ください。
- 原動機付自転車、小型特殊自動車の登録、廃車、名義変更手続き
- マイナンバーカードの電子証明書の有効期限更新や暗証番号のロック解除など

▶ 国民健康保険・後期高齢者医療・国民年金

- 国民健康保険の資格取得、喪失の手続き
- 国民年金の資格取得、喪失の手続き
- 国民健康保険と後期高齢者医療の葬祭費支給申請の手続き

▶ 子ども

- 子ども医療費受給者証の交付、変更、喪失の手続き
- 児童手当の申請、変更、消滅の手続き

▶ くらし・環境

- し尿くみ取りの申込みなどの手続き、くみ取り確認券の売り渡しと払い戻し
- 粗大ごみ処理手数料納付券(粗大ごみシール)の販売

▶ 市税等の納付

- 市税(市県民税・固定資産税・国民健康保険税・軽自動車税)
- 保険料(介護保険料・後期高齢者医療保険料)
※保険料は納付書の持参が必要です。

Hướng dẫn về các chi nhánh và phòng làm việc

Tên của chi nhánh và phòng làm việc	Địa chỉ	Điện thoại	FAX
Chi nhánh Asahi	15-1 Funato, Odo-cho	68-2213	68-3476
Chi nhánh Asuke	26-2 Miyanoato, Asuke-cho	62-0600	62-0606
Chi nhánh Inabu	1-1 Takenoshita, Inabu-cho	82-2511	82-3272
Chi nhánh Obara	441-1 Uedaira, Obara-cho	65-2001	65-3695
Chi nhánh Shimoyama	37-1 Koedawa, Onuma-cho	90-4411	90-3344
Chi nhánh Fujioka	245, Tanaka, Fujiokaiino-cho	76-2103	76-4852
Chi nhánh Takahashi (Bên trong Trung tâm Cộng đồng Takahashi)	2-1-1 Higashiyama-cho	80-0077	80-0092
Chi nhánh Kamigo (Bên trong Trung tâm Cộng đồng Kamigo)	5-1-1 Kamigo-cho	21-0001	21-5095

Tên của chi nhánh và phòng làm việc	Địa chỉ	Điện thoại	FAX
Chi nhánh Takaoka (Bên trong Trung tâm Cộng đồng Takaoka)	51 Nagane, Takaoka-cho	53-7779	53-3516
Chi nhánh Sanage (Bên trong Trung tâm Cộng đồng Sanage)	70-1, Higashibata Shigo-cho	45-1211	45-4824
Chi nhánh Matsudaira (Bên trong Trung tâm Cộng đồng Matsudaira)	16 Teramae Kugyudaira-cho	58-0001	58-0049
Chi nhánh Homi	121-1 Shitanda Homi-cho	48-8006	48-9345
Chi nhánh Ishino	57-2 Fukada, Chikaraishi-cho	41-2001	42-1861



Đăng ký và Các thủ tục

Thời gian làm việc

Từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều * Trừ thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày nghỉ lễ và thời gian từ ngày 29/12 đến 03/01.

Các dịch vụ chính tại quầy tiếp nhận của các chi nhánh/ phòng làm việc (bao gồm việc cấp các loại giấy chứng nhận, v.v...)

Đăng ký và thủ tục

- Cấp các loại giấy tờ như bản sao giấy chứng nhận cư trú, giấy chứng nhận đăng ký con dấu, giấy chứng nhận toàn bộ hộ khẩu (cá nhân), v.v....
 - Cấp bản sao giấy chứng nhận cư trú và cấp giấy chứng nhận hộ khẩu trên toàn quốc
 - Thủ tục thay đổi thông tin biến động cư trú (bao gồm cả thủ tục cho người nước ngoài)
 - Tiếp nhận thông tin đăng ký về sổ hộ khẩu (đối với người nước ngoài chỉ tiếp nhận tại toà thị chính trụ sở chính)
 - Thủ tục đăng ký con dấu mới và hủy đăng ký, thay đổi thông tin về con dấu đã đăng ký
 - Cấp giấy chứng nhận tình trạng hiện tại của lưu trú nhận từ nguồn quỹ lưu trú nhà nước
 - Cấp giấy chứng nhận thuế thu nhập (bao gồm cả giấy chứng nhận miễn thuế)
 - Cấp giấy chứng nhận nộp thuế (bao gồm cả gia hạn đăng kiểm xe ô tô hạng nhẹ)
 - Cấp giấy chứng nhận nội dung đăng ký sổ thuế tài sản cố định
 - Cấp giấy chứng nhận đất đai (dành cho cho cấp phép nhà để xe ô tô) và giấy chứng nhận nhà ở (dùng để xác nhận xây dựng)
 - Cấp giấy chứng minh hoạt động kinh doanh.
- *Thông tin chi tiết xem tại trang 41.
- Thủ tục đăng ký, hủy đăng ký và thay đổi tên chủ sở hữu đối với xe đạp có gắn động cơ, xe ô tô đặc thù cỡ nhỏ
 - Gia hạn thời hạn hiệu lực giấy chứng nhận điện tử và mở khóa mã PIN của Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card), v.v...

Bảo hiểm y tế quốc gia, Chăm sóc y tế cho người cao tuổi và Bảo hiểm xã hội quốc gia

- Thủ tục xin gia nhập và rút khỏi Bảo hiểm y tế quốc gia
- Thủ tục xin gia nhập và rút khỏi Bảo hiểm xã hội quốc gia
- Thủ tục xin hỗ trợ chi phí tang lễ theo bảo hiểm y tế quốc gia và bảo hiểm y tế cho người cao tuổi

Trẻ em

- Cấp, thay đổi và hủy giấy chứng nhận người thụ hưởng chi phí y tế cho trẻ em
- Thủ tục đăng ký, thay đổi, chấm dứt trợ cấp trẻ em

Cuộc sống và môi trường

- Thủ tục đăng ký thu gom chất thải phân, bán và hoàn trả vé thu gom
- Bán vé thu phí xử lý rác cỡ lớn (tem rác cỡ lớn)

Nộp thuế thành phố v.v...

- Thuế thành phố (Thuế thị dân, Thuế tài sản cố định, Thuế bảo hiểm y tế quốc gia, thuế xe ô tô hạng nhẹ)
- Phí bảo hiểm (Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng và phí bảo hiểm y tế cho người cao tuổi)

* Cần mang theo phiếu yêu cầu thanh toán khi nộp phí bảo hiểm.

旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所では次のサービスも取り扱っています

- 評価額通知書(本人で非課税物件のみ対象)
- 国民健康保険の医療費などの払い戻し手続き
- 後期高齢者医療の医療費などの払い戻し手続き
- 心身・精神障がい者、母子家庭などの医療費受給資格取得、変更、喪失手続き
- 福祉給付金受給資格の認定、変更、喪失手続き
- 福祉医療の医療費などの払い戻し手続き
- 介護保険認定申請
- 児童扶養手当・県遺児手当・市ひとり親手当の申請、変更、喪失、現況手続き
- 愛知県収入証紙の売りさばき

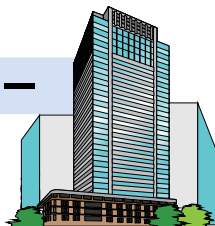
○注意事項

※証明内容については本庁へお尋ねください。 ※このほかにも取り扱い業務がありますので、お問い合わせください。

休日でも利用できます！

豊田市駅西口サービスセンター

市民課業務の証明書等の発行や市税等の納付窓口です。



電話	36-6711
場所	T-FACE A館 7階
業務時間	午前10時～午後6時30分(休業日を除く毎日営業)
休業日	①5月3日～5日 ②12月29日～1月3日 ③上記①②に連続する土・日曜日と振替休日

駅西口サービスセンターの主な窓口サービス

》証明書等の発行

- 住民票の写し、印鑑登録証明書の交付
- 戸籍全部(個人)事項証明書等の交付
- 身分証明書の交付
- 戸籍附票の写しの交付
- 所得課税証明書(非課税証明書も含む)の交付
- 納税証明書(軽自動車継続検査用も含む)の交付
- 固定資産課税台帳登録事項証明書の交付
- 土地証明書(車庫証明用)、
家屋証明書(建築確認用)の交付

》市税等の納付

- 市税(市県民税・固定資産税・国民健康保険税・軽自動車税等)
- 保険料(介護保険料・後期高齢者医療保険料)
- 水道事業(上下水道使用料金・下水道事業受益者負担金)

》その他の業務

- 愛知県収入証紙・粗大ごみ処理手数料納付券の売りさばき

その他

市役所本庁閉庁時などは、証明書の内容によって発行できない場合もありますので、ご了承ください。
市税等の納付のうち、保険料には納付書の持参が必要、水道事業の納付には支払指定期限内の納付書の持参が必要となります。



Tại các chi nhánh Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka, còn có các dịch vụ sau

- Giấy thông báo giá trị thẩm định (Chỉ áp dụng cho chính chủ và chỉ đối với tài sản được miễn thuế)
- Thủ tục hoàn trả chi phí y tế liên quan đến bảo hiểm y tế quốc gia
- Thủ tục hoàn trả chi phí y tế cho người cao tuổi
- Thủ tục đăng ký, thay đổi và huỷ tư cách hưởng chi phí y tế cho người khuyết tật tinh thần và thể chất, gia đình có bố/mẹ đơn thân
- Thủ tục đăng ký, thay đổi và huỷ tư cách hưởng tiền trợ cấp xã hội
- Thủ tục hoàn trả chi phí y tế liên quan đến phúc lợi y tế
- Đăng ký tư cách hưởng bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng
- Thủ tục đăng ký, thay đổi, huỷ tư cách, xác nhận tình trạng hiện tại đối với trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em, trợ cấp trẻ mồ côi của tỉnh và trợ cấp trẻ mồ côi trong gia đình đơn thân của thành phố
- Bán các loại tem thuế của tỉnh Aichi

○ Lưu ý *Vui lòng liên hệ với toà thị chính trụ sở chính cơ quan chính để biết nội dung chi tiết của các loại giấy tờ
* Ngoài ra, chúng tôi cũng cung cấp các dịch vụ khác. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.



Đăng ký và Các thủ tục

Có thể sử dụng dịch vụ vào những ngày nghỉ!

Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố

Là nơi cấp các loại giấy chứng nhận của Phòng Dân cư và tiếp nhận nộp thuế thành phố, v.v...



Điện thoại 36-6711

Địa điểm Tầng 7, Tòa nhà T-FACE

Giờ làm việc Giờ làm việc: 10 giờ sáng đến 6 giờ 30 chiều (mở cửa hàng ngày, trừ các ngày nghỉ)

Đã đóng (1) Từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 5
(2) Từ ngày 29 tháng 12 đến ngày 3 tháng 1
(3) Các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày lễ nghỉ bù liên tiếp với các ngày nêu tại mục 1, 2 nêu trên

Các dịch vụ chính tại quầy tiếp nhận của Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố

» Cấp các loại giấy chứng nhận

- Cấp bản sao của sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận đăng ký con dấu
- Cấp giấy chứng nhận toàn bộ hộ khẩu (cá nhân)
- Cấp giấy chứng minh nhân thân
- Cấp bản sao nội dung tách hộ khẩu
- Cấp giấy chứng nhận thuế thu nhập (bao gồm cả giấy chứng nhận miễn thuế)
- Cấp giấy chứng nhận nộp thuế (bao gồm cả gia hạn đăng kiểm xe ô tô hạng nhẹ)
- Cấp giấy chứng nhận nội dung đăng ký sổ thuế tài sản cố định
- Cấp giấy chứng nhận đất đai (dành cho cấp phép nhà để xe ô tô), giấy chứng nhận nhà ở (dùng để xác nhận xây dựng)

» Nộp thuế thành phố v.v...

- Thuế thành phố (Thuế thị dân, Thuế tài sản cố định, Thuế bảo hiểm y tế quốc gia, Thuế xe ô tô hạng nhẹ, v.v...)
- Phí bảo hiểm (Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng và Phí bảo hiểm y tế người cao tuổi)
- Dịch vụ cung cấp nước (Phí sử dụng nước sạch và Phí sử dụng hệ thống cấp thoát nước đối với phần phải trả phí)

» Các dịch vụ khác

- Bán các loại tem thuế và tem xử lý rác kích cỡ lớn của tỉnh Aichi

Khác

Vào những thời điểm mà toà thị chính trụ sở chính đóng cửa, có thể có những trường hợp không thể cấp các loại giấy chứng nhận tùy thuộc vào nội dung của giấy chứng nhận, vì vậy xin vui lòng thông cảm.

Khi nộp các loại thuế của thành phố và các khoản phí khác, đối với phí bảo hiểm, bạn cần mang theo hóa đơn thanh toán, còn đối với dịch vụ sử dụng nước, bạn cần mang theo hóa đơn thanh toán trong thời hạn thanh toán đã được chỉ định.



税金

納税

市税等納期限一覧

問 債権管理課

TEL 34-6619 FAX 31-4489 (南庁舎2階)

納期限	市県民税・ 森林環境税 (普通徴収)	固定資産税 都市計画税	軽自動車税 (種別割)	国民健康保険	後期高齢者 医療保険料	介護保険料
4月末		1期	納期限は5月末日			
5月末						
6月末	1期			1期		1期
7月末		2期		2期	1期	2期
8月末	2期			3期	2期	3期
9月末				4期	3期	4期
10月末	3期			5期	4期	5期
11月末				6期	5期	6期
12月末		3期		7期	6期	7期
1月末	4期			8期	7期	8期
2月末		4期		9期	8期	
3月末				10期	9期	

※12月は25日が納期限。各納期限が金融機関休業日に当たる場合は翌営業日となります

◎納付場所 次の市指定金融機関など(本店とすべての支店) 【令和7年4月1日現在】

三菱UFJ銀行、みずほ銀行、大垣共立銀行、十六銀行、三十三銀行、百五銀行、あいち銀行、名古屋銀行、岡崎信用金庫、瀬戸信用金庫、豊田信用金庫、碧海信用金庫、信用組合愛知商銀、イオ信用組合、東海労働金庫、あいち豊田農業協同組合、ゆうちょ銀行・郵便局(愛知、岐阜、三重、静岡)、豊田市役所内指定金融機関窓口、全国のコンビニエンスストア

- 納付書に二次元コードがある場合、全国の対応金融機関及びゆうちょ銀行・郵便局でも納付できます。
- 市税・介護保険料・後期高齢者医療保険料は、各支所・出張所、駅西口サービスセンター(T-FACE A館7階)でも納付できます。
- 市役所内指定金融機関窓口では、市税・保険料については午前9時～午後4時まで納付できます。

口座振替をご利用ください

問 債権管理課 TEL 34-6852 FAX 31-4489

口座振替とは指定された預貯金口座から自動的に市税などに振り替えて納める制度です。

毎月15日までに申し込むと翌月末の納期限のものから振替が始まります。



◎申込み方法

- ①ウェブサイト
- ②スマートフォンアプリ
- ③預貯金通帳とその届出印、及び納税(入)通知書が領収書を持って市指定金融機関かゆうちょ銀行・郵便局へ(郵送専用申込書での申込みも可能)。

地方税お支払サイトによる納付方法

問 債権管理課 TEL 34-6852 FAX 31-4489

地方税お支払サイトから市税を納付することができます。



◎対象

市県民税・森林環境税(普通徴収)、固定資産税・都市計画税、軽自動車税(種別割)、国民健康保険税

◎利用できる決済手段

クレジットカード、ペイジー、インターネットバンキング等

◎利用にあたって

対応しているクレジットカードブランド、スマートフォン決済アプリ、金融機関等については地方税共同機構のホームページをご覧ください。



税金



Thuế

Nộp thuế

Danh sách thời hạn nộp thuế thành phố

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6619 FAX 31-4489

(Tầng 2, tòa Nam)

Thời hạn nộp	Thuế thị dân tỉnh, thành phố và thuế môi trường rừng (thuế thông thường)	Thuế tài sản cố định Thuế kế hoạch đô thị	Thuế xe ô tô hạng nhẹ (Phân loại thuế)	Bảo hiểm y tế quốc gia	Phí bảo hiểm y tế người cao tuổi	Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng
Cuối tháng 4		Kỳ 1	Thời hạn nộp là vào ngày cuối cùng của tháng 5			
Cuối tháng 5						
Cuối tháng 6	Kỳ 1			Kỳ 1		Kỳ 1
Cuối tháng 7		Kỳ 2		Kỳ 2	Kỳ 1	Kỳ 2
Cuối tháng 8	Kỳ 2			Kỳ 3	Kỳ 2	Kỳ 3
Cuối tháng 9				Kỳ 4	Kỳ 3	Kỳ 4
Cuối tháng 10	Kỳ 3			Kỳ 5	Kỳ 4	Kỳ 5
Cuối tháng 11				Kỳ 6	Kỳ 5	Kỳ 6
Cuối tháng 12		Kỳ 3		Kỳ 7	Kỳ 6	Kỳ 7
Cuối tháng 1	Kỳ 4			Kỳ 8	Kỳ 7	Kỳ 8
Cuối tháng 2		Kỳ 4		Kỳ 9	Kỳ 8	
Cuối tháng 3				Kỳ 10	Kỳ 9	

* Thời hạn cho tháng 12 là vào ngày 25. Nếu bất kỳ kỳ hạn nào trùng với ngày nghỉ của ngân hàng, thì kỳ hạn sẽ được kéo dài đến ngày làm việc tiếp theo.

● **Địa điểm nộp:** Địa điểm nộp: Các ngân hàng và tổ chức tín dụng được chỉ định bởi thành phố, bao gồm cả trụ sở chính và tất cả các chi nhánh của chúng. [Tính đến ngày 01/04/2025]

Ngân hàng Mitsubishi UFJ, Ngân hàng Mizuho, Ngân hàng Ogaki Kyoritsu, Ngân hàng Juuroku, Ngân hàng Sanjuusanginkou, Ngân hàng Hyakugo, Ngân hàng Aichi, Ngân hàng Nagoya, Hợp tác xã tín dụng Okazaki, Hợp tác xã tín dụng Seto, Hợp tác xã tín dụng Toyota, Hợp tác xã tín dụng Hekikai, Hợp tác xã tín dụng Aichi Shogin, Hợp tác xã tín dụng IO, Ngân hàng Tokai Rokin, JA Aichi Toyota, Ngân hàng Yucho và các bưu điện (Aichi, Gifu, Mie, Shizuoka), các quầy của các tổ chức tín dụng được chỉ định có trong khu vực toà thị chính Thành phố Toyota, tất cả cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc

■ Trường hợp trên hóa đơn thanh toán có mã QR, bạn có thể thanh toán tại các ngân hàng liên kết trên toàn quốc cũng như tại Ngân hàng Yucho, các bưu điện Yucho.

■ Thuế thành phố, phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng và phí bảo hiểm y tế người cao tuổi có thể được nộp tại các chi nhánh và phòng làm việc tại các phường, Trung tâm Dịch vụ tại cửa ra phía Tây ga Toyotashi (Tầng 7, Toà nhà T-FACE A).

■ Tại quầy giao dịch của các ngân hàng được chỉ định có trong khu vực toà thị chính Thành phố Toyota, bạn có thể nộp thuế thành phố và các loại phí bảo hiểm từ 9:00 sáng đến 4:00.

Xin vui lòng sử dụng dịch vụ chuyển khoản

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6852 FAX 31-4489

Dịch vụ chuyển tiền từ tài khoản là hình thức tự động chuyển tiền và nộp thuế thành phố v.v... từ tài khoản tiết kiệm của bạn được chỉ định.

Nếu bạn đăng ký trước ngày 15 hàng tháng, việc chuyển tiền sẽ bắt đầu từ kỳ nộp thuế của cuối tháng tiếp theo.



● Cách thức đăng ký

- (1) Trang web
- (2) Ứng dụng trên điện thoại thông minh
- (3) Mang theo sổ tiết kiệm và con dấu đã được đăng ký, hóa đơn thuế hoặc biên nhận nộp thuế đến ngân hàng thành phố chỉ định, Ngân hàng Yucho hoặc Bưu điện Yucho (hoặc cũng có thể đăng ký qua mẫu đăng ký chuyển dùng gửi bưu điện).

Phương thức nộp thuế thông qua trang web thanh toán thuế của địa phương

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6852 FAX 31-4489

Bạn có thể thanh toán thuế thành phố thông qua trang web thanh toán thuế địa phương.

● Loại thuế áp dụng

Thuế thị dân tỉnh, thành phố (thuế thông thường), thuế tài sản cố định và thuế kế hoạch đô thị, thuế xe ô tô hạng nhẹ (theo phân loại), thuế bảo hiểm y tế quốc gia

● Phương tiện thanh toán có thể sử dụng

Thẻ tín dụng, Pay-easy, Internet banking v.v...

● Lưu ý khi sử dụng

Vui lòng truy cập trang web của Cơ quan Hợp tác Thuế địa phương để biết thêm thông tin về các loại thẻ tín dụng, ứng dụng thanh toán trên điện thoại thông minh và tổ chức tín dụng v.v... hỗ trợ thanh toán.



スマートフォン決済アプリによる納付方法

問 債権管理課 TEL 34-6852 FAX 31-4489

スマートフォン決済アプリで市税・保険料等を納付することができます。



◎対象

市県民税・森林環境税(普通徴収)、固定資産税・都市計画税、軽自動車税(種別割)、国民健康保険税、介護保険料(普通徴収)、後期高齢者医療保険料(普通徴収)等

◎利用にあたって

納付書に二次元コードかバーコードが記載されている場合に利用することができます。アプリによって導入及び支払いの手順が異なります。
※詳しくは市ホームページをご覧ください。

延滞金について

問 債権管理課 TEL 34-6852 FAX 31-4489

納期限を過ぎた場合には、延滞金が加算される場合がありますので、期限内納付をお願いします。

市税の減免、納税猶予

納税義務者それぞれの状況に応じて、市税の減免や納税が猶予となる場合があります。

》個人市民税

問 市民税課 TEL 34-6617 FAX 31-4488

天災その他特別の事情がある場合、生活保護を受けている場合、所得がなく生活が困難な場合など

》固定資産税

問 資産税課 TEL 34-6618 FAX 31-8969

生活保護を受けている場合、災害などに遭った場合、ひとり親、障がいのある人で、一定の基準に該当する場合

》軽自動車税(種別割)

問 市民税課 TEL 34-6877 FAX 31-4488

身体障がい者手帳等の交付を受け、一定基準に該当する人が所有する場合など

》納税猶予

問 債権管理課 TEL 34-6619 FAX 31-4489

本人や親族の病気やケガ、災害や盗難などにより納期限までに納税できない場合

豊田市版環境減税

問 資産税課 TEL ①34-6983、②34-6613 FAX 31-8969

問 市民税課 TEL ③34-6877 FAX 31-4488

再生可能エネルギーの導入促進と家庭・地域内でのエネルギーの地産地消、移動の脱炭素化の推進に寄与する、一定基準を満たす対象資産(①スマートハウス、②再生可能エネルギー発電設備、③電気軽自動車等)を取得された場合は、固定資産税や軽自動車税(種別割)の減免対象になる場合があります。



Phương thức thanh toán thông qua ứng dụng thanh toán trên điện thoại thông minh

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6852 FAX 31-4489

Bạn có thể thanh toán thuế thành phố và các khoản bảo hiểm

qua các ứng dụng thanh toán trên điện thoại thông minh



Loại thuế áp dụng

Thuế thị dân tỉnh, thành phố và thuế môi trường rừng (thuế thông thường)

Thuế tài sản cố định và thuế kế hoạch đô thị

Thuế xe ô tô hạng nhẹ (theo phân loại)

Thuế bảo hiểm y tế quốc gia

Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng (phí thông thường)

Phí bảo hiểm y tế người cao tuổi (phí thông thường)

v.v...

Lưu ý khi sử dụng

Bạn có thể sử dụng phương thức này khi hóa đơn thanh toán có mã QR code hoặc mã vạch (barcode). Cách cài đặt và quy trình thanh toán có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng.

*Xin vui lòng xem trên trang web của thành phố để biết thêm thông tin chi tiết.

Về việc phạt nộp thuế muộn

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6852 FAX 31-4489

Bạn có thể sẽ phải trả tiền phạt nộp thuế muộn trong trường hợp nộp thuế quá kỳ hạn, vì vậy xin vui lòng nộp thuế đúng kỳ hạn.

Giảm và Tạm hoãn nộp thuế thành phố

Tùy thuộc vào tình hình của từng người nộp thuế, có trường hợp sẽ được giảm thuế hoặc được tạm hoãn việc nộp thuế thành phố.

Thuế thị dân cá nhân

Liên hệ Phòng Thuế thị dân

TEL 34-6617 FAX 31-4488

Trường hợp có thiên tai hoặc tình huống đặc biệt khác; trường hợp nhận hỗ trợ sinh hoạt; trường hợp không có thu nhập và cuộc sống khó khăn, v.v...

Thuế tài sản cố định

Liên hệ Phòng Thuế tài sản

TEL 34-6618 FAX 31-8969

Trường hợp nhận hỗ trợ sinh hoạt; trường hợp gặp thiên tai, trường hợp là bố/mẹ đơn thân hoặc là người khuyết tật và đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định.

Thuế xe ô tô hạng nhẹ (theo phân loại)

Liên hệ Phòng Thuế thị dân

TEL 34-6877 FAX 31-4488

Trường hợp những người được cấp Sổ tay Người khuyết tật thể chất v.v... và đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định.

Tạm hoãn nộp thuế

Liên hệ Phòng Quản lý nghĩa vụ

TEL 34-6619 FAX 31-4489

Trường hợp không thể nộp thuế đúng hạn do người nộp thuế hoặc người thân của người đó có bệnh tật, bị thương, gặp thiên tai hoặc bị trộm cắp, v.v...

Chương trình giảm thuế môi trường của Thành phố Toyota

Liên hệ Phòng Thuế tài sản

TEL ① 34-6983 FAX 31-8969
② 34-6613

Liên hệ Phòng Thuế thị dân

TEL ③ 34-6877 FAX 31-4488

Trong trường hợp bạn sở hữu tài sản đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định (①Nhà thông minh, ②Thiết bị phát điện năng lượng tái tạo, ③Xe ô tô điện v.v...) đóng góp cho việc thúc đẩy sự sử dụng năng lượng tái tạo, tự sản xuất và tiêu thụ năng lượng tại gia đình và trong cộng đồng và thúc đẩy việc giảm khí nhà kính phát sinh từ việc di chuyển, bạn có thể được giảm thuế tài sản cố định và thuế xe ô tô hạng nhẹ (theo phân loại).



Taxes

市税に関する証明書・閲覧

問 市民課

TEL 34-6625

FAX 34-6191 (南庁舎1階)

市税に関する証明書の交付及び閲覧は、市役所市民課、支所、出張所、駅西口サービスセンターで行っています。
(注)西部コミュニティセンターにおいて、証明書交付及び閲覧業務はお取り扱いしておりません。

◎証明・閲覧の種類等

(★印は委任状を要します。●印は取扱いができるものを示します。手数料は1枚又は1件につきです。)

証明書・閲覧の種類	主な使用目的	本庁	支所・出張所	駅西口	手数料
所得課税証明書(注1)(注2)	★ 融資、住宅の入居、年金手続	●	●	●	200円
	★ 保育園入園、福祉医療等手当等の申請	●	●	●	無料
事業証明書(注3)	車の登録、農地転用	●	●	—	200円
納税証明書(注1)	★ 融資、保証人、指名願い(入札)	●	●	●	200円
	軽自動車継続検査(車検)	●	●	●	無料
土地証明書(車庫証明用)	★ 自動車の車庫証明用	●	●	●	200円
登録事項証明書(評価額証明書)(注1)	★ 融資、登記、相続税・贈与税の申告	●	●	●	200円
公課証明書	★ 競売の申し立て、税金の精算	●	—	—	200円
家屋証明書(建築確認用)	★ 建築確認	●	●	●	200円
住宅用家屋証明書	登録免許税の軽減	●	—	—	1,000円
登録事項閲覧(注1)	★ 土地家屋の税額確認、確定申告	●	●	●	150円
償却資産課税台帳登録事項証明書	★ 融資	●	—	—	200円
償却資産課税台帳登録事項閲覧	★ 資産確認、確定申告	●	—	—	150円
評価額通知書(注4)	★ 登記	●	●(注5)	—	無料

(注1)これらの証明書は、電子申請でも取得可能です。詳しくは市ホームページを御覧ください。

(注2)所得課税証明書はコンビニ交付で取得可能です。(1通100円。窓口で取得するよりも100円お得です。)詳しくは市ホームページを御覧ください。

(注3)法人の事業証明は市民課及び支所・出張所で、個人の事業証明は本庁の市民税課で発行します。

ただし、個人の事業証明についても支所・出張所で発行できる場合がありますので、詳しくは市民税課にお問い合わせください。

(注4)交付できるのは、非課税の土地等及び地目変更登記のために評価額算出が必要な土地等に限りです。

(注5)旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所でのみ取扱い

◎交付申請に必要なもの

- 本人及び同居の親族(市内同一世帯)…本人確認書類、手数料
- 代理人(★印の証明)…本人確認書類、委任状(署名・押印のあるもの。法人の場合は社印)、手数料
※法人の場合、法人の代表者による申請でも、社印が必要です。

チェックポイント! 市税ガイド:市税を分かりやすく紹介した冊子です。市民税課や市政情報コーナーで配布しています。

税金などについて詳しく知りたい時は

税	内容	問合せ
市税	市税の納付に関すること(国民健康保険税を含む) 市税の口座振替・過誤納金に関すること	債権管理課 TEL 34-6619 FAX 31-4489
	市税の証明・閲覧に関すること	市民課 TEL 34-6625 FAX 34-6191
	個人市・県民税に関すること 法人市民税に関すること 軽自動車税(種別割)に関すること 市たばこ税・鉱産税・入湯税に関すること 事業所税に関すること 固定資産評価審査委員会に関すること	市民税課 軽自動車税(種別割)のこと TEL 34-6877 そのほか TEL 34-6617 FAX 31-4488
	固定資産税(土地・家屋・償却資産)・都市計画税に関すること	資産税課 土地のこと TEL 34-6987 家屋のこと TEL 34-6983 償却資産のこと TEL 34-6613 名義・送付先のこと TEL 34-6618 FAX 31-8969
	国民健康保険税に関すること	国保年金課 TEL 34-6637 FAX 34-6007
	後期高齢者医療保険料に関すること ※ただし、保険料の納付に関することは介護保険課	福祉医療課 TEL 34-6959 FAX 34-6732
保険料	介護保険料に関すること 後期高齢者医療保険料の納付に関すること	介護保険課 TEL 34-6634 FAX 34-6034
	国民年金保険料の納付に関すること	豊田年金事務所 TEL 33-1123 FAX 33-1211
国税	所得税・相続税・贈与税など国税全般に関すること	豊田税務署 TEL 35-7777
県税	県民税・事業税・自動車税など県税全般に関すること	豊田加茂県税事務所 TEL 32-3383

Cấp các loại giấy chứng nhận và tra cứu liên quan đến thuế thành phố

Liên hệ Phòng Dân cư TEL 34-6625 FAX 34-6191 (Tầng 1, Tòa Nam)

Việc cấp các loại giấy chứng nhận và tra cứu liên quan đến thuế thành phố được thực hiện tại Phòng Dân cư của Toà thị chính, các chi nhánh/ phòng làm việc, và Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố.

Lưu ý: Tại Trung tâm Cộng đồng phía tây không cung cấp dịch vụ cấp giấy chứng nhận và tra cứu liên quan đến thuế.

● Loại giấy chứng nhận và tra cứu

(Những loại giấy tờ gắn dấu ★ cần phải có giấy ủy quyền. Những mục gắn dấu ● là các loại giấy tờ có thể xử lý. Phí dịch vụ tính trên mỗi tờ hoặc mỗi trường hợp.)

Loại giấy chứng nhận và tra cứu	Mục đích sử dụng chính	Trụ sở chính của Toà thị chính	Các chi nhánh/ phòng làm việc	Trung tâm Dịch vụ Cấp Giấy chứng nhận Thành phố	Phí dịch vụ
Giấy chứng nhận thuế thu nhập (Lưu ý 1, 2)	★ Các khoản cho vay, chuyển ra/chuyển vào nhà ở, thủ tục hưu trí	●	●	●	200 yên
	★ Đăng ký vào nhà trẻ, đăng ký phúc lợi y tế và các khoản trợ cấp khác	●	●	●	Miễn phí
Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh (Lưu ý 3)	Đăng ký xe, chuyển đổi đất nông nghiệp	●	●	—	200 yên
Giấy chứng nhận nộp thuế (Lưu ý 1)	★ Các khoản cho vay, người bảo lãnh, đề nghị chỉ định (đầu thầu)	●	●	●	200 yên
	Gia hạn kiểm tra xe ô tô hạng nhẹ (đăng kiểm)	●	●	●	Miễn phí
Giấy chứng nhận đất đai (dành cho cấp phép nhà để xe ô tô)	★ Cấp phép nhà để xe ô tô	●	●	●	200 yên
Giấy chứng nhận về các thông tin đăng ký (Chứng nhận giá trị thẩm định) (Lưu ý 1)	★ Các khoản cho vay, đăng ký, kê khai thuế thừa kế và thuế tài sản tặng cho	●	●	●	200 yên
Giấy chứng nhận về phí công cộng	★ Kiến nghị bán đấu giá, quyết toán thuế	●	—	—	200 yên
Giấy chứng nhận nhà ở (Dùng để xác nhận xây dựng)	★ Xác nhận xây dựng	●	●	●	200 yên
Giấy chứng nhận tình trạng nhà ở	Giảm thuế cấp phép đăng ký	●	—	—	1.000 yên
Tra cứu thông tin về đăng ký (Lưu ý 1)	★ Kiểm tra sổ tiền thuế nhà đất, kê khai thuế	●	●	●	150 yên
Giấy chứng nhận Sổ cái Thuế tài sản khấu hao	★ Các khoản cho vay	●	—	—	200 yên
Tra cứu thông tin Sổ cái Thuế tài sản khấu hao	★ Kiểm tra tài sản và kê khai thuế	●	—	—	150 yên
Giấy thông báo giá trị thẩm định (Lưu ý 4)	★ Đăng ký	●	● (Lưu ý 5)	—	Miễn phí

Lưu ý 1: Có thể xin cấp các loại giấy chứng nhận này thông qua đăng ký trực tuyến. Vui lòng xem trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.

Lưu ý 2: Giấy chứng nhận thuế thu nhập có thể được cấp tại cửa hàng tiện lợi. (100 yên/bản. Tiết kiệm 100 yên so với việc lấy tại quầy.) □ Vui lòng xem trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.

Lưu ý 3: Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của pháp nhân được cấp tại Phòng Dân cư của Thành phố Toyota và các chi nhánh/ phòng làm việc. Giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của cá nhân được cấp tại Phòng Thuế thị dân của trụ sở chính Toà thị chính. Tuy nhiên, cũng có trường hợp giấy chứng nhận hoạt động kinh doanh của cá nhân có thể được cấp tại các chi nhánh/ phòng làm việc, vì vậy vui lòng liên hệ tới Phòng Thuế thị dân để biết thêm chi tiết.

Lưu ý 4: Việc cấp giấy chứng nhận chỉ áp dụng với đối với đất được miễn thuế và đất cần thẩm định giá để đăng ký thay đổi mục đích sử dụng đất.

Lưu ý 5: Chỉ cấp tại các chi nhánh sau: Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka.

● Cần chuẩn bị những gì khi đề nghị cấp các loại giấy chứng nhận?

- Người đề nghị và người thân cùng sống (cùng một hộ gia đình trong thành phố): Giấy tờ xác minh danh tính của người đề nghị và tiền phí dịch vụ.
- Người được uỷ quyền (trường hợp đề nghị các loại giấy tờ có gắn dấu ★): Giấy tờ xác minh danh tính của người được uỷ quyền, Giấy uỷ quyền (có chữ ký và con dấu, trường hợp là pháp nhân thì cần có con dấu công ty) và tiền phí dịch vụ.

* Trong trường hợp pháp nhân, kể cả trường hợp người đại diện của pháp nhân đề nghị cũng cần phải có con dấu của công ty.

Check point!

Hướng dẫn về thuế thành phố: Là cuốn sách giới thiệu một cách dễ hiểu về thuế thành phố. Có sẵn và phân phát tại Phòng Thuế thị dân và Góc thông tin hành chính của thành phố.

Nếu bạn muốn biết thêm chi tiết về thuế và các vấn đề liên quan đến thuế

Thuế	Nội dung	Liên hệ
Thuế thành phố	Về việc nộp thuế thành phố (bao gồm cả thuế bảo hiểm y tế quốc gia)	Phòng Quản lý nghĩa vụ TEL 34-6619 FAX 31-4489
	Về việc chuyển khoản từ tài khoản để nộp thuế thành phố và khoản thuế nộp sai	Phòng Dân cư TEL 34-6625 FAX 34-6191
	Về việc cấp giấy chứng nhận và tra cứu thuế thành phố	
	Về thuế cá nhân cấp thành phố và tỉnh	
	Về thuế thị dân đối với pháp nhân	Phòng Thuế thị dân
	Về thuế xe hơi hạng nhẹ (theo phân loại)	Thuế xe hơi hạng nhẹ theo phân loại: TEL 34-6877
	Về thuế thuốc lá thành phố, thuế khoáng sản và thuế tắm suối nước nóng	Các vấn đề khác: TEL 34-6617 FAX 31-4488
	Về thuế cơ sở kinh doanh	
	Về Ủy ban Đánh giá Tài sản Cố định	
	Về thuế tài sản cố định (đất đai, nhà cửa, tài sản hao mòn) và thuế quy hoạch đô thị	Phòng Thuế tài sản : Đất đai: TEL 34-6987 Nhà cửa TEL 34-6983 Tài sản hao mòn: TEL 34-6613 Tên và địa chỉ gửi: TEL 34-6618 FAX 31-8969
Phí bảo hiểm	Về thuế bảo hiểm y tế quốc gia	Phòng Hưu trí Bảo hiểm y tế quốc gia TEL 34-6637 FAX 34-6007
	Về phí bảo hiểm y tế cho người cao tuổi	Phòng Y tế và phúc lợi xã hội TEL 34-6959 FAX 34-6732
	*Về việc nộp thuế bảo hiểm, hãy liên hệ Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	
	Về việc nộp phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí TEL 34-6634 FAX 34-6034
	Về việc nộp phí bảo hiểm hưu trí quốc gia	Văn phòng Hưu trí Toyota TEL 33-1123 FAX 33-1211
Thuế quốc gia	Về thuế thu nhập, thuế thừa kế, thuế tặng cho, và các loại thuế quốc gia khác nói chung	Chi cục Thuế Toyota TEL 35-7777
Thuế tỉnh	Về thuế tỉnh, thuế kinh doanh, thuế ô tô và các loại thuế cấp tỉnh khác nói chung	Văn phòng thuế Toyota Kamo TEL 32-3383



国民健康保険・後期高齢者医療・国民年金

国民健康保険

問 国保年金課 TEL 34-6637 FAX 34-6007 (南庁舎1階)

国民健康保険(国保)は、病気になったり、けがをしたときに、経済的負担を軽くし安心して医療を受けられるようにするための社会保障制度です。

次の人以外は加入が義務付けられています。

- ①職場の健康保険に加入している人とその被扶養者
- ②生活保護を受けている人
- ③後期高齢者医療制度に加入している人

国民健康保険税

保険税額は、医療分、後期支援分、介護分(40～64歳の人のみ)の合計額です。それぞれにつき所得割、均等割、平等割を計算して1世帯ごとの保険税額が決められます。事情があり、現在保険税を納付することが困難な場合は、減免制度を適用できる場合があります。詳細は問合せください。

こんなときには届出を

届出は以下に該当したときから14日以内に国保年金課、市民課、各支所・出張所へ

	こんなとき	届出に必要なもの
国保に入るとき	豊田市に転入したとき	転出証明書
	職場の健康保険をやめたとき	職場の健康保険資格の喪失証明書
	子どもが生まれたとき	資格確認書※、母子健康手帳、出生証明書
	生活保護を受けなくなったとき、停止されたとき	生活保護廃止・停止決定通知書
国保をやめるとき	市外に転出するとき	資格確認書※
	職場の健康保険に入ったとき	新しい社会保険に加入した証明書
	死亡したとき	資格確認書※、死亡を証明するもの
	生活保護を受けるようになったとき	資格確認書※、生活保護開始決定通知書
そのほか	住所、氏名、世帯主などが変わったとき	資格確認書※
	資格確認書※をなくしたとき、汚して使えなくなったとき	使えなくなった資格確認書※
	修学のため、別に住所を定めるとき	資格確認書※、在学証明書

- 上記以外に、窓口に来る人の本人確認できるもの(運転免許証、外国籍の人は在留カードなど)、世帯主と国保に加入する(やめる)人のマイナンバーの分かるものを持参してください。別世帯の人が届出する場合は、委任状が必要です。

受けられる給付

- (1)療養の給付／マイナ保険証または資格確認書※を提示して病院にかかるとき
- (2)療養費／マイナ保険証または資格確認書※を提示できなかったときの払戻し、また医師の指示によりコルセット等の補装具を作ったとき
- (3)高額療養費／自己負担限度額を超えたとき
- (4)入院時食事代の減額認定証／市民税非課税世帯の人が入院したときの食事代を減額
- (5)出産育児一時金／被保険者が出産したときに48.8万円か50万円
- (6)葬祭費／被保険者が亡くなり葬祭を行ったときに5万円
- (7)移送費／医師の指示により緊急に重病人の転院などの移送に費用がかかったとき

※資格確認書は、健康保険証に代わりマイナ保険証をお持ちでない方等に発行されるものです。

国民健康保険被保険者証(有効期限 令和7年7月31日)をお持ちの方は、健康保険証を持参してください。



Bảo hiểm y tế quốc gia, Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi và Quỹ hưu trí quốc gia

Bảo hiểm Y tế Quốc gia

Liên hệ Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí **TEL 34-6637 FAX 34-6007** (Tầng 1, Tòa Nam)

Bảo hiểm Y tế Quốc gia là một hệ thống bảo hiểm xã hội được thiết kế để giảm bớt gánh nặng tài chính và để người dân có thể an tâm điều trị khi họ mắc bệnh hoặc bị thương. Trừ những đối tượng sau, việc tham gia bảo hiểm là nghĩa vụ bắt buộc:

- (1) Những người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc và người phụ thuộc của họ.
- (2) Những người đang nhận trợ cấp sinh hoạt.
- (3) Những người đang tham gia vào chương trình y tế cho người cao tuổi .Insurance program

Thuế bảo hiểm y tế quốc gia

Số tiền thuế bảo hiểm được tính là tổng số tiền cho bảo hiểm chăm sóc y tế, khoản hỗ trợ giai đoạn cao tuổi và khoản chăm sóc điều dưỡng (chỉ áp dụng cho những người từ 40 đến 64 tuổi). Số thuế bảo hiểm cho mỗi hộ gia đình được xác định bằng cách tính tỷ lệ phần trăm thu nhập, tỷ lệ phần trăm bình quân đầu người và tỷ lệ bình đẳng cho mỗi hộ gia đình. Trong trường hợp hiện tại gặp khó khăn trong việc nộp thuế bảo hiểm do lý do cá nhân, bạn có thể được áp dụng chương trình miễn, giảm thuế. Vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

Những trường hợp phải đăng ký

Đăng ký phải được gửi đến Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí, Phòng Dân cư và các chi nhánh/phòng làm việc trong vòng 14 ngày kể từ các thời điểm sau đây:

Trường hợp	Giấy tờ cần chuẩn bị
Khi tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia	Khi bạn chuyển đến sống tại Thành phố Toyota: Giấy chứng nhận chuyển đến sống tại nơi khác
	Khi bạn dừng tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc: Giấy chứng nhận mất quyền tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc
	Khi sinh con: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*), Sổ tay sức khỏe mẹ và bé, Giấy chứng sinh
	Khi bạn không còn là đối tượng nhận trợ cấp sinh hoạt hoặc trợ cấp sinh hoạt bị tạm ngừng: Thông báo huỷ trợ cấp sinh hoạt hoặc Thông báo quyết định tạm ngừng trợ cấp sinh hoạt.
Khi bạn muốn ngừng tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc gia	Khi bạn chuyển đến sinh sống tại thành phố khác: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*)
	Khi bạn tham gia bảo hiểm sức khỏe tại nơi làm việc: Giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm xã hội mới
	Khi bạn qua đời: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*) và bất kỳ giấy tờ nào chứng minh việc qua đời
	Khi bạn trở thành đối tượng nhận trợ cấp sinh hoạt: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*) và Thông báo quyết định bắt đầu cấp trợ cấp sinh hoạt.
Các trường hợp khác	Khi có thay đổi về địa chỉ, tên, hoặc người chủ hộ: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*)
	Khi bạn mất Giấy xác nhận quyền bảo hiểm(*) hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm bị bản và không thể sử dụng được: Giấy xác nhận quyền bảo hiểm(*) không thể sử dụng được
	Khi bạn cần thay đổi địa chỉ vì mục đích học tập: Giấy chứng nhận quyền bảo hiểm (*) và giấy xác nhận đang học

- Ngoài các loại giấy tờ nêu trên, bạn vui lòng mang theo giấy tờ xác minh danh tính của người đến quầy làm việc (bằng lái xe, thẻ cư trú cho người nước ngoài, v.v.), và mang theo giấy tờ thể hiện mã số cá nhân (My Number) của chủ hộ và người tham gia (hoặc rút khỏi) bảo hiểm y tế quốc gia. Trong trường hợp người ở hộ khác muốn thực hiện thông báo, cần phải có giấy ủy quyền.

Các khoản trợ cấp có thể nhận được

- (1) **Trợ cấp điều trị** / Khi đến bệnh viện và xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (*)
- (2) **Chi phí điều trị** / Hoàn tiền khi không thể xuất trình thẻ bảo hiểm y tế Myna hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm (*), và khi sản xuất trang thiết bị hỗ trợ như đai thắt eo v.v... theo chỉ dẫn của bác sĩ.
- (3) **Chi phí điều trị cao** / Khi vượt quá hạn mức tự chi
- (4) **Giấy chứng nhận giảm chi phí ăn uống khi nhập viện** / Giảm chi phí ăn uống cho người trong hộ gia đình thuộc diện miễn thuế thành phố
- (5) **Trợ cấp một lần sinh con và nuôi con** / 488.000 yên hoặc 500.000 yên khi người tham gia bảo hiểm sinh con
- (6) **Chi phí tang lễ** / 50.000 yên khi người tham gia bảo hiểm qua đời và gia đình tổ chức tang lễ
- (7) **Chi phí vận chuyển người bệnh** / Khi phát sinh chi phí liên quan đến việc vận chuyển người bệnh nặng theo chỉ dẫn của bác sĩ

(*) Giấy xác nhận quyền bảo hiểm được cấp cho những người không có thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... thay thế cho Thẻ bảo hiểm y tế. Với những người có Thẻ bảo hiểm y tế quốc gia (có thời hạn đến ngày 31/7/2025), vui lòng mang theo Thẻ bảo hiểm y tế.

後期高齢者医療制度

問 福祉医療課 TEL 34-6959 FAX 34-6732(東庁舎1階)

後期高齢者医療制度は75歳(一定の障がいのある人は65歳)以上の方が安心して医療を受け続けるための医療制度です。

こんなときには届出を

こんなとき		届出に必要なもの
入るとき	豊田市に転入したとき	負担区分証明書(県外からの場合)
	障がい要件の認定を受けたとき ※	障がい者手帳など、資格確認書等
やめるとき	市外に転出するとき	資格確認書等
	死亡したとき	資格確認書等、あわせて葬祭費の申請を届出(下記の持ち物参照)
	障がいの要件を喪失したとき ※	資格確認書等
そのほか	住所、氏名などが変わったとき	資格確認書等
	資格確認書等をなくしたとき、汚して使えなくなったとき	本人確認できるもの(免許証など)

- 上記以外に、窓口に来る人の本人確認できるもの(運転免許証、マイナンバーカードなど)を持参してください。被保険者以外の方が代理で手続きする場合、委任状または被保険者本人の印鑑(スタンプ印不可)が必要です。
- ・上記※以外は、各支所・出張所でも受付可

受けられる給付

種類	持ち物	申請場所
療養費	治療費(補装具)の領収書、医師の意見書(補装具のみ)、資格確認書等、通帳	福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
高額療養費	資格確認書等、通帳	郵送(案内文書を確認)
葬祭費	資格確認書等、通帳(喪主の名義のもの)、葬儀を行ったことが分かる書類1点	福祉医療課、各支所・出張所

- 上記以外に、窓口に来る人の本人確認できるもの(運転免許証、マイナンバーカードなど)を持参してください。被保険者(葬祭費の場合は喪主)以外の人へ振込を希望する場合、委任状または被保険者本人(葬祭費の場合は喪主)の印鑑(スタンプ印不可)が必要です。



Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi

Liên hệ Phòng Y tế và Phúc lợi Xã hội **TEL 34-6959 FAX 34-6732 (Tầng 1, Tòa Đông)**

Hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi là hệ thống y tế dành cho người từ 75 tuổi trở lên (65 tuổi đối với người có khuyết tật cố định nhất định) để họ có thể an tâm và được chăm sóc y tế một cách liên tục.

Những trường hợp phải đăng ký

	Trường hợp	Giấy tờ cần chuẩn bị
Khi gia nhập	Khi bạn chuyển đến thành phố Toyota	Giấy chứng nhận các mục thanh toán (đối với trường hợp chuyển đến từ tỉnh khác)
	Khi bạn được công nhận là có khuyết tật *	Sổ tay người khuyết tật v.v..., Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v...
Khi bạn muốn dừng việc tham gia	Khi bạn chuyển đến sinh sống tại thành phố khác	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v...
	Khi bạn qua đời	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v..., đồng thời gửi thông báo xin nhận trợ cấp chi phí tang lễ (tham khảo danh sách tài liệu cần có ở dưới)
	Khi bạn không còn đủ điều kiện là người khuyết tật *	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v...
Các trường hợp khác	Khi thay đổi địa chỉ, tên và các thông tin cá nhân khác	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v...
	Khi bạn mất Giấy xác nhận quyền bảo hiểm hoặc Giấy xác nhận quyền bảo hiểm bị bản và không thể sử dụng được	Giấy tờ có thể xác minh danh tính (giấy phép lái xe v.v...)

- Ngoài các giấy tờ đã nêu ở trên, vui lòng mang theo giấy tờ có thể xác minh danh tính của bạn (như giấy phép lái xe, thẻ My Number, v.v...). Trong trường hợp người không phải là người được bảo hiểm thực hiện thủ tục theo uỷ quyền, cần phải có giấy uỷ quyền hoặc con dấu (không sử dụng con dấu in) của người được bảo hiểm.
- Ngoại trừ các trường hợp gắn dấu (*) ở trên, việc đăng ký cũng có thể thực hiện tại các chi nhánh/ phòng làm việc.

Các loại trợ cấp có thể nhận

Phân loại	Tài liệu cần thiết	Địa điểm đăng ký
Trợ cấp chi phí điều trị	Hoá đơn chi phí điều trị (trang thiết bị hỗ trợ), bản ý kiến của bác sĩ (đối với trang thiết bị hỗ trợ), giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v..., sổ ngân hàng	Phòng Y tế và Phúc lợi Xã hội, các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka
Trợ cấp chi phí điều trị cao	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v...	Qua đường bưu điện (vui lòng kiểm tra tài liệu hướng dẫn)
Trợ cấp chi phí tang lễ	Giấy xác nhận quyền bảo hiểm v.v..., sổ ngân hàng (đừng tên người chủ tang), một tài liệu chứng minh việc tổ chức tang lễ	Phòng Y tế và Phúc lợi Xã hội, các chi nhánh/phòng làm việc

- Ngoài các giấy tờ đã nêu ở trên, vui lòng mang theo giấy tờ xác minh danh tính của bạn khi bạn đến quầy (giấy phép lái xe, thẻ My Number, v.v...). Trong trường hợp bạn muốn nhận trợ cấp thông qua chuyển khoản cho người khác không phải là người được bảo hiểm (chủ tang trong trường hợp trợ cấp tang lễ), cần phải có giấy uỷ quyền hoặc con dấu (không sử dụng con dấu in) của người được bảo hiểm (hoặc của người chủ tang).



国民年金

問 国保年金課 TEL 34-6638 FAX 34-6007(南庁舎1階)

日本年金機構 豊田年金事務所 TEL 33-1123 豊田市神明町3-33-2

年金の業務は、日本年金機構において実施しています。詳しくは、日本年金機構の地方窓口であるお近くの年金事務所にご相談ください。

市役所では、障害基礎年金などの一部の年金請求手続きや保険料の免除制度の申請、資格取得・種別変更の届出ができます。

◎届出受付窓口 お近くの年金事務所または国保年金課

受けられる年金

(1)老齢基礎年金

保険料を納めた期間(免除期間も含む)が、10年以上ある人が65歳になった時に受けることができます(繰上げ・繰下げ受給可能です)。

(2)障害基礎年金

国民年金加入中か20歳前に病気やケガで障がいの状態になった時に受けることができます。

(3)遺族基礎年金

死亡した人によって生計を維持されていた子のいる配偶者や子が受けることができます(受給要件あり)。

(4)その他

付加年金、寡婦年金、死亡一時金、短期在留外国人の脱退一時金があります。

保険料 17,510円/月(令和7年度)

付加保険料 400円/月(第1号被保険者で希望者のみ)

◎納付方法

- ①金融機関など(コンビニエンスストア含む)の窓口納付書払い
- ②口座振替
- ③クレジットカード納付/スマートフォンアプリ納付
- ④インターネットなどの電子納付

免除制度

(1)産前産後免除

出産する月の前月から最大4か月間(多胎の場合は3か月前から最大6か月間)の保険料が免除され、全額納付したもののとして老齢基礎年金の受給額に反映されます。

(2)法定免除

生活保護法による生活扶助を受けているとき、障害年金の1級・2級を受給しているときは、届出をすれば保険料が全額免除になります。

(3)申請免除

本人、配偶者、世帯主の前年の所得が一定額以下で保険料の納付が困難な人は、申請して承認されれば保険料が全額あるいは一部免除になります。

(4)納付猶予

50歳未満で、本人と配偶者の前年の所得が一定額以下の人は、申請して承認されれば保険料納付が猶予されます。

(5)学生納付特例

学生本人の前年の所得が一定額以下の場合、申請して承認されれば保険料納付が猶予されます。

▶免除等を受けた期間は…

- 1.年金を受給するために必要な資格期間に含まれます。
- 2.年金の受給額を計算する場合、免除等が承認された期間は年金額が一部減額されます。承認された期間から10年以内であればさかのぼって納めること(追納)ができます。

資格取得・種別変更の届出

こんなとき	届出先/ 届出に必要なもの
会社をやめたとき(扶養している配偶者がいるときは一緒に届出をしてください)	国保年金課、各支所・出張所 又は年金事務所/※1
配偶者(第2号被保険者)に扶養されなくなったとき(離婚や死別をしたとき、収入が増えたとき)	
任意加入するとき	国保年金課又は年金事務所/※2

※1 ①窓口に来る人の本人確認ができるもの(マイナンバーカード、運転免許証、外国籍の人は在留カードなど)、②基礎年金番号がわかるもの(年金手帳など)、③届出の事由を証明する書類、④本人以外の人が届出する場合は、原則委任状が必要

※2 ※1の持ち物と合わせて、預金通帳とその届出印又はクレジットカード



Quỹ hưu trí quốc gia

Liên hệ Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí **TEL 34-6638 FAX 34-6007** (Tầng 1, Tòa Nam)
Văn phòng Hưu trí Quốc gia Thành phố Toyota **TEL 33-1123** Tổ chức Bảo hiểm Quốc gia Nhật Bản 3-33-2 Shinmei, Toyota

Công tác về lương hưu được thực hiện bởi Văn phòng Hưu trí Quốc gia. Để biết chi tiết, vui lòng liên hệ Văn phòng Hưu trí gần nhất, là đại diện địa phương của Văn phòng Hưu trí Quốc gia.

Tại tòa thị chính, bạn có thể thực hiện một số thủ tục liên quan đến lương hưu như: nộp đơn yêu cầu hưởng trợ cấp hưu trí cơ bản cho người khuyết tật, đăng ký xin miễn giảm phí bảo hiểm, cũng như đăng ký tham gia bảo hiểm hoặc thay đổi loại hình tham gia.

🕒 **Quầy tiếp nhận đăng ký** Văn phòng Hưu trí hoặc Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí ở gần bạn.

Các loại trợ cấp hưu trí có thể nhận được

(1) Trợ cấp hưu trí cơ bản tuổi già

Có thể nhận trợ cấp này khi thời gian đóng bảo hiểm (bao gồm cả thời gian được miễn giảm) là từ 10 năm trở lên và bạn đủ 65 tuổi. (Có thể nhận trợ cấp trước hoặc sau tuổi 65)

(2) Trợ cấp hưu trí do tình trạng khuyết tật

Có thể nhận trợ cấp này khi bạn bị khuyết tật do bị bệnh hoặc chấn thương trong thời gian tham gia bảo hiểm hưu trí quốc gia hoặc trước khi bạn đủ 20 tuổi.

(3) **Trợ cấp tử tuất cho gia đình của người đã qua đời**
Vợ/chồng và con đang được hỗ trợ tài chính sinh hoạt bởi người qua đời có thể nhận được trợ cấp. (Có điều kiện kèm theo)

(4) Các trợ cấp khác

Bao gồm trợ cấp lương hưu bổ sung, trợ cấp lương hưu cho người góa bụa, trợ cấp tử vong một lần và trợ cấp rút tiền một lần đối với người nước ngoài lưu trú ngắn hạn.

Phí bảo hiểm: 17.510 yên/tháng (Áp dụng cho năm tài khóa 2025)

Phí bảo hiểm bổ sung: 400 yên/tháng (Chỉ dành cho người tham gia bảo hiểm loại 1 và có nguyện vọng)

🕒 Phương thức nộp

- (1) Nộp tại quầy của các tổ chức tín dụng (bao gồm cả cửa hàng tiện lợi)
- (2) Chuyển tiền từ tài khoản
- (3) Thanh toán bằng thẻ tín dụng/Thanh toán bằng ứng dụng trên điện thoại thông minh
- (4) Thanh toán điện tử, như thanh toán qua Internet v.v

Cơ chế miễn phí bảo hiểm

(1) Miễn phí bảo hiểm trước và sau khi sinh con

Phí bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng trước khi sinh con cho đến tối đa 4 tháng trước khi sinh con (hoặc 3 tháng trước khi sinh con đối với trường hợp có song thai) sẽ được miễn và được phản ánh qua số tiền lương hưu cơ bản người già được nhận như thể việc thanh toán đã được thực hiện đầy đủ.

(2) Miễn phí bảo hiểm theo luật định

Trong trường hợp bạn đang nhận trợ cấp sinh hoạt theo Luật Trợ cấp Sinh hoạt, hoặc trường hợp bạn đang nhận hưu trí khuyết tật bậc 1 hoặc bậc 2, bạn sẽ được miễn đóng toàn bộ phí bảo hiểm nếu thực hiện thủ tục đăng ký.

(3) Miễn phí bảo hiểm theo đơn đăng ký

Trong trường hợp thu nhập của bản thân, của vợ/chồng, của chủ hộ gia đình vào năm trước đó thấp hơn một mức nhất định và bạn gặp khó khăn trong việc thanh toán phí bảo hiểm, nếu đăng ký và được chấp thuận, bạn có thể được miễn hoàn toàn hoặc một phần phí bảo hiểm.

(4) Tạm hoãn nộp phí bảo hiểm

Trường hợp người dưới 50 tuổi và thu nhập của bản thân và vợ/chồng vào năm trước đó thấp hơn một mức nhất định, nếu đăng ký và được chấp thuận, có thể được tạm hoãn việc nộp phí bảo hiểm.

(5) Quy định đặc biệt cho đối tượng là sinh viên

Trong trường hợp thu nhập của sinh viên trong năm trước đó thấp hơn một mức nhất định, nếu đăng ký và được chấp thuận, có thể sẽ được miễn nộp phí bảo hiểm.

➤ Thời gian được miễn phí bảo hiểm, v.v...

1. Được tính vào thời gian đủ điều kiện cần thiết để nhận trợ cấp hưu trí.
2. Khi tính tiền trợ cấp hưu trí, thời gian được miễn v.v... đã được chấp thuận sẽ làm giảm một phần số tiền trợ cấp hưu trí. Bạn có thể đóng bổ sung cho các thời gian đã được chấp thuận trong vòng 10 năm kể từ khi được chấp thuận (đóng bổ sung).

Đăng ký đủ điều kiện và thay đổi loại hình

Ttrường hợp	Địa điểm đăng ký/ Giấy tờ cần chuẩn bị
Khi bạn nghỉ việc (nếu bạn có vợ/chồng phụ thuộc, vui lòng đăng ký cùng)	Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí, các chi nhánh/ phòng làm việc hoặc Văn phòng Hưu trí /*1
Khi bạn không còn được người phụ thuộc (khi ly dị hoặc chết, hoặc khi thu nhập tăng lên)	
Khi bạn muốn tham gia tự nguyện	Phòng Bảo hiểm quốc gia và Trợ cấp hưu trí hoặc Văn phòng Hưu trí /*2

*1 (1) Người đến đăng ký phải có giấy tờ xác minh danh tính cá nhân (thẻ My Number, giấy phép lái xe, trường hợp là người nước ngoài thì thẻ cư trú v.v...),

(2) Các giấy tờ thể hiện mã số hưu trí cơ bản (sổ tay hưu trí v.v...),

(3) Các tài liệu chứng minh lý do đăng ký, (4) Trong trường hợp người khác đăng ký thay mặt cho người đăng ký, về nguyên tắc cần có giấy uỷ quyền.

*2 Cùng với tài liệu *1 ở trên, cần có sổ tiết kiệm ngân hàng và con dấu đã đăng ký, hoặc thẻ tín dụng.





医療費助成

医療費助成

子ども(乳幼児・小中学生・高校生世代)、心身障がい、母子・父子家庭、精神障がい者(手帳要件)医療

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732

助成内容

保険診療分の自己負担額を助成します。健康診断、予防接種、選定療養費等保険給付外の診療は助成されません。

また、他の公費負担医療を受けている場合は、助成対象とならない場合があります。

◎愛知県内の医療機関等を受診する場合

医療費受給者証とマイナ保険証等※を提示してください。保険診療分の自己負担額が無料になります。

※マイナ保険証や有効な健康保険証をお持ちでない方は、資格確認書を提示してください。

※マイナンバーカードを医療費受給者証として利用する先行実施事業により、マイナンバーカード1枚で受診できる場合があります。

◎愛知県外の医療機関等を受診する場合

医療費受給者証は使えませんので、マイナ保険証等のみ提示し、保険診療分の自己負担額をお支払いください。後日申請手続きにより払い戻します。ただし、健康保険組合・全国健康保険協会等から高額療養費等の支給を受けたときは、保険診療分の自己負担額から高額療養費等を除いた残額を助成します。

入院の時は、医療機関の窓口でマイナ保険証を利用した限度額情報の同意又は加入健康保険(全国健康保険協会・健康保険組合・共済組合等)発行の「限度額適用認定証」を提示してください。〔限度額適用認

定証〕の交付については加入健康保険へお問合せください。)

(注意) 自立支援医療受給者証を持っている人は、自立支援医療受給者証に記載されている指定医療機関等を受診する際、自立支援医療受給者証も併せて医療機関等へ提示してください。

子ども医療(大学生など)

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732

助成内容

(一旦医療機関に全額支払った後、窓口で払い戻しのための申請が必要です)

入院にかかる保険診療分の自己負担額を助成します。

(注意) 健康保険組合・全国健康保険協会等から高額療養費等の支給を受けた時は、その残額を助成します。

精神障がい者医療(自立支援医療要件)

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732

助成内容

自立支援医療受給者証に記載されている指定医療機関を受診したとき、自立支援医療にかかる自己負担額を助成します。

(注意) 自立支援医療以外の診療や入院については助成対象となりません

◎愛知県内の医療機関等を受診する場合

マイナ保険証等※、自立支援医療受給者証及び精神障がい者医療費受給者証を医療機関へ提示してください。自立支援医療の自己負担額が無料になります。

※マイナ保険証や有効な健康保険証をお持ちでない方は、資格確認書を提示してください。

◎愛知県外の医療機関等を受診する場合

医療費受給者証は使えませんので、マイナ保険証等と自立支援医療受給者証を医療機関へ提示し、自立支援医療にかかる自己負担額をお支払いください。後日申請手続きにより払い戻します。

精神障がい者医療制度(精神科に入院している人)

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732

助成内容

(一旦医療機関に全額支払った後、窓口で払い戻しのための申請が必要です)

入院(精神科のみ)にかかる保険診療分の自己負担額の半額を助成します。

(注意) 健康保険組合・全国健康保険協会等から高額療養費等の支給を受けた時は、その残額の半額を助成します。

(保険診療分の自己負担額 - 高額療養費等) × 1/2 = 助成額



Hỗ trợ chi phí y tế

Hỗ trợ chi phí y tế

Y tế cho trẻ em (trẻ sơ sinh và học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông), người khuyết tật tinh thần và thể chất, gia đình đơn thân (bố đơn thân hoặc mẹ đơn thân), người tâm thần (cần có Sổ tay người tâm thần)

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội
TEL 34-6743 FAX 34-6732

» Nội dung hỗ trợ

Chúng tôi sẽ hỗ trợ phần chi phí y tế được bảo hiểm mà người bệnh phải tự chi trả. Khám sức khỏe, tiêm chủng, và các dịch vụ khám bệnh nằm ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm như phí bổ sung cho bệnh nhân lần đầu không có giấy giới thiệu v.v... sẽ không được hỗ trợ. Ngoài ra, trường hợp người bệnh đang được chi trả chi phí y tế từ các quỹ công cộng khác có thể sẽ không được hỗ trợ.

◎ Khi bạn muốn khám bệnh trong tỉnh Aichi

Vui lòng xuất trình Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế và Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... (*). Phần chi phí y tế được bảo hiểm mà người bệnh tự chi trả sẽ được miễn phí.

(*) Trường hợp không có Thẻ bảo hiểm y tế Myna hoặc Thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực, vui lòng xuất trình Giấy xác nhận quyền bảo hiểm.

(*) Theo dự án thí điểm sử dụng Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card) làm Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế, trong một số trường hợp bạn có thể khám chữa bệnh chỉ với 1 thẻ My Number.

◎ Khi bạn muốn khám bệnh ngoài tỉnh Aichi

Bạn không thể sử dụng Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế, vì vậy chỉ cần xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... của bạn và tự mình thanh toán phần chi phí được bảo hiểm người bệnh tự chi trả. Chúng tôi sẽ hoàn trả số tiền này sau khi bạn thực hiện thủ tục đăng ký sau này. Tuy nhiên, trong trường hợp bạn được chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cao từ Hiệp hội bảo hiểm y tế quốc gia hoặc Tổ chức bảo hiểm y tế toàn quốc, chúng tôi sẽ hỗ trợ số tiền còn lại của chi phí y tế được bảo hiểm mà người bệnh tự chi trả sau khi đã trừ đi phí chăm sóc sức khỏe cao đó. Khi nhập viện, vui lòng xuất trình tại quầy cơ quan bảo hiểm y tế Giấy đồng ý thông tin hạn mức áp dụng đã sử dụng Thẻ bảo hiểm y tế Myna, hoặc "Thẻ xác nhận hạn mức áp dụng" do các tổ chức bảo hiểm y tế bạn tham gia (Hiệp hội bảo hiểm y tế quốc gia, Hiệp hội bảo hiểm y tế, Hội tương trợ) cấp. (Vui lòng liên hệ với tổ chức bảo hiểm y tế của bạn để biết thêm chi tiết về việc cấp "Thẻ xác nhận hạn mức áp dụng".)

Lưu ý: Nếu bạn có Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập, vui lòng xuất trình cả thẻ này khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế được chỉ định ghi trên thẻ.

Y tế cho trẻ em (Sinh viên đại học, v.v...)

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội
TEL 34-6743 FAX 34-6732

» Nội dung hỗ trợ

(Điều này đòi hỏi bạn phải trả toàn bộ số tiền trước tại cơ sở y tế và sau đó phải nộp đơn xin hoàn trả tại quầy tiếp đón)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ phần tự chi trả của chi phí chăm sóc sức khỏe được bảo hiểm trong trường hợp nhập viện.

Lưu ý: Trong trường hợp bạn được chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cao từ Hiệp hội bảo hiểm y tế hoặc Hiệp hội bảo hiểm y tế quốc gia v.v..., chúng tôi sẽ hỗ trợ số tiền còn lại.

Y tế cho người tâm thần (Yêu cầu y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập)

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội
TEL 34-6743 FAX 34-6732

» Nội dung hỗ trợ

Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế được chỉ định ghi trên Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập, chúng tôi sẽ hỗ trợ phần chi phí tự chi trả của chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập.

Lưu ý: Các dịch vụ y tế nằm ngoài chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ người cao tuổi sống tự lập sẽ không được hỗ trợ.

◎ Khi bạn muốn khám bệnh trong tỉnh Aichi

Vui lòng xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... (*), Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập và Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế cho người tâm thần cho cơ sở y tế. Phần tự chi trả đối với chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập sẽ được miễn phí.

(*) Trường hợp không có Thẻ bảo hiểm y tế Myna hoặc Thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực, vui lòng xuất trình Giấy xác nhận quyền bảo hiểm.

◎ Khi bạn muốn khám bệnh ngoài tỉnh Aichi

Không thể sử dụng Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế, vì vậy vui lòng xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... và Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập cho cơ sở y tế và tự mình trả phần tự chi trả của chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập. Chúng tôi sẽ hoàn trả số

Chế độ chăm sóc y tế cho người tâm thần (Người nhập viện tại khoa tâm thần)

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội
TEL 34-6743 FAX 34-6732

» Nội dung hỗ trợ

(Sau khi bạn đã tự trả toàn bộ số tiền tại cơ sở y tế, bạn cần phải nộp đơn xin hoàn trả tại quầy tiếp đón)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một nửa số tiền người bệnh tự chi trả của chi phí chăm sóc sức khỏe được bảo hiểm trong trường hợp nhập viện (chỉ áp dụng cho khoa tâm thần).

Lưu ý: Trong trường hợp bạn được chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cao từ Hiệp hội bảo hiểm y tế hoặc Hiệp hội bảo hiểm y tế quốc gia v.v..., chúng tôi sẽ hỗ trợ một nửa số tiền còn lại.

(Tổng số tiền người bệnh tự chi trả cho phí chăm sóc sức khỏe được bảo hiểm – Chi phí chăm sóc sức khỏe cao)

$\times 1/2 = \text{Số tiền được hỗ trợ}$



Hỗ trợ chi phí y tế

福祉給付金制度

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732

》助成内容

要件1～9(56 ページの要件参照)の人の場合

◎愛知県内の医療機関等を受診する場合

福祉給付金受給者証とマイナ保険証等※を提示してください。保険診療分の自己負担額が無料になります。

※マイナ保険証や有効な健康保険証をお持ちでない方は、資格確認書を提示してください。

※マイナンバーカードを医療費受給者証として利用する先行実施事業により、マイナンバーカード1枚で受診できる場合があります。

◎愛知県外の医療機関等を受診する場合

福祉給付金受給者証は使えませんので、マイナ保険証等のみ提示し、保険診療分の自己負担額をお支払いください。後日申請手続きにより払い戻します。ただし、後期高齢者医療広域連合から高額療養費の支給を受けたときは、保険診療分の自己負担額から高額療養費を除いた残額を助成します。

要件10(56 ページの要件参照)の人の場合

自立支援医療受給者証に記載されている指定医療機関を受診したとき、自立支援医療にかかる自己負担額を助成します。

(注意)自立支援医療以外の診療や入院については助成対象となりません。

◎愛知県内の医療機関等を受診する場合

マイナ保険証等、自立支援医療受給者証及び福祉給付金受給者証を医療機関へ提示してください。自立支援医療にかかる自己負担額が無料になります。ただし、後期高齢者医療広域連合から高額療養費の支給を受けたときは、自立支援医療にかかる自己負担額から高額療養費を除いた残額を助成します。

◎愛知県外の医療機関等を受診する場合

福祉給付金受給者証は使えませんので、マイナ保険証等と自立支援医療受給者証を医療機関へ提示し、自立支援医療にかかる自己負担額をお支払いください。後日申請手続きにより払い戻します。

要件11(56 ページの要件参照)の人の場合

精神科の入院のみ、保険診療分の自己負担額の半額を助成します。後日請求により払い戻します。

(注意)高額療養費に該当する場合は、その分を差し引いた残りの半額を助成します。

B型・C型肝炎患者医療費助成制度

問 感染症予防課 TEL 34-6180 FAX 34-6929

》助成内容

インターフェロン治療、インターフェロンフリー治療及び核酸アナログ製剤治療に係る医療費の自己負担額の一部を公費で負担します。

◎対象者

B型ウイルス性肝炎又はC型ウイルス性肝炎に罹患しており、一定の条件を満たす人

肝がん・重度肝硬変患者医療費助成制度

問 感染症予防課 TEL 34-6180 FAX 34-6929

》助成内容

肝がん・重度肝硬変の治療に係る医療費の自己負担額の一部を公費で負担します。

◎対象者

B型・C型肝炎ウイルスを原因とする肝がん、重度肝硬変と診断されており、一定の条件を満たす人

特定医療費助成制度

問 特定医療費専用窓口 TEL 34-6059 FAX 34-6051

》助成内容

指定難病に係る自己負担額の全部又は一部を公費で負担します。

◎対象者

「指定難病」と診断され、認定基準を満たす人

小児慢性特定疾病医療費助成制度

問 保健支援課 TEL 34-6855 FAX 34-6051

》助成内容

小児慢性特定疾病に係る自己負担額を公費で負担します。

◎対象者

18歳未満で「小児慢性特定疾病」と診断され、認定基準を満たす人(引き続き、治療が必要であると認められ更新申請をされる場合は20歳未満まで対象)

Chương trình Hỗ trợ phúc lợi

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội TEL 34-6743 FAX 34-6732

» Nội dung hỗ trợ

Đối với những người có đủ điều kiện từ 1 đến 9 (vui lòng xem yêu cầu tại trang 57)

◎ Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế trong tỉnh Aichi

Vui lòng xuất trình Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi và Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... (*).

(*) Trường hợp không có Thẻ bảo hiểm y tế Myna hoặc Thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực, vui lòng xuất trình Giấy xác nhận quyền bảo hiểm.

(*) Theo dự án thí điểm sử dụng Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card) làm Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế, trong một số trường hợp bạn có thể khám chữa bệnh chỉ với 1 thẻ My Number.

◎ Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế ngoài tỉnh Aichi

Không thể sử dụng Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi, vì vậy vui lòng chỉ xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... và tự thanh toán số tiền tự chi trả đối với chi phí chăm sóc y tế được bảo hiểm tại quầy thanh toán. Chúng tôi sẽ hoàn trả sau đó. Tuy nhiên, trong trường hợp bạn được chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cao từ Liên đoàn Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi v.v..., chúng tôi sẽ hỗ trợ số tiền còn lại của phần người bệnh tự chi trả của chi phí y tế được bảo hiểm sau khi đã trừ đi khoản chi phí chăm sóc sức khỏe cao.

Đối với người đáp ứng yêu cầu số 10 (vui lòng xem yêu cầu tại trang 57)

Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế chỉ định trên Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập, chúng tôi sẽ hỗ trợ số tiền tự chi trả liên quan đến chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập.

Lưu ý: Các dịch vụ y tế nằm ngoài chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ người cao tuổi sống tự lập sẽ không được hỗ trợ.

◎ Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế trong tỉnh Aichi

Vui lòng xuất trình Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v..., Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập và Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi khi bạn đến cơ sở y tế. Số tiền tự chi trả cho chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập sẽ được miễn phí. Tuy nhiên, trong trường hợp bạn được chi trả chi phí chăm sóc sức khỏe cao từ Liên đoàn chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, chúng tôi sẽ hỗ trợ số tiền còn lại của phần người bệnh tự chi trả đối với chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập sau khi đã trừ đi chi phí chăm sóc sức khỏe cao đó.

◎ Khi bạn khám bệnh tại các cơ sở y tế ngoài tỉnh Aichi

Không thể sử dụng Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi, vì vậy vui lòng xuất trình tại cơ sở y tế Thẻ bảo hiểm y tế Myna v.v... cùng với Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ người cao tuổi sống tự lập và thanh toán phần chi phí tự trả liên quan đến chi phí chăm sóc y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập.

Đối với những người đáp ứng yêu cầu số 11 (vui lòng xem các yêu cầu tại trang 57)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một nửa chi phí mà người bệnh tự chi trả đối với phần chi phí y tế được bảo hiểm chỉ trong trường hợp bạn nhập viện tại khoa tâm thần, và sau đó chúng tôi sẽ hoàn trả số tiền này sau khi bạn hoàn tất thủ tục đăng ký.

Lưu ý: Trong trường hợp bạn được thanh toán chi phí chăm sóc sức khỏe cao, chúng tôi sẽ hỗ trợ một nửa số tiền còn lại của chi phí bạn phải tự chi trả sau khi đã trừ đi chi phí chăm sóc sức khỏe cao.

Chế độ hỗ trợ y tế cho người mắc bệnh viêm gan B và viêm gan C

Liên hệ Phòng chống bệnh lây truyền

TEL 34-6180 FAX 34-6929

» Nội dung hỗ trợ

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần chi phí mà người bệnh tự chi trả cho chi phí chăm sóc y tế liên quan đến điều trị bằng Interferon, điều trị bằng Interferon-free và điều trị bằng thuốc nucleic acid analogue từ nguồn tài trợ từ quỹ công.

◎ Đối tượng hỗ trợ

Những người mắc bệnh viêm gan B hoặc viêm gan C

Chế độ hỗ trợ chi phí y tế cho bệnh nhân ung thư gan và xơ gan nặng

Liên hệ Phòng chống bệnh lây truyền

TEL 34-6180 FAX 34-6929

» Nội dung hỗ trợ

Một phần chi phí tự chi trả cho việc điều trị ung thư gan và xơ gan nặng sẽ được nhà nước hỗ trợ bằng ngân sách công.

◎ Đối tượng hỗ trợ

Những người được chẩn đoán mắc ung thư gan hoặc xơ gan nặng do virus viêm gan B hoặc C, và đáp ứng một số điều kiện nhất định.

Chương trình Hỗ trợ chi phí y tế đặc biệt

Liên hệ Quầy tiếp nhận chuyên trách về chi phí y tế đặc biệt

TEL 34-6059 FAX 34-6051

» Nội dung hỗ trợ

Chúng tôi sẽ chi trả toàn bộ hoặc một phần số tiền người bệnh tự chi trả liên quan đến việc chăm sóc y tế cho bệnh nhân mắc bệnh khó chữa được chỉ định từ nguồn tài trợ từ quỹ công.

◎ Đối tượng hỗ trợ

Những người được chẩn đoán mắc “bệnh khó chữa được chỉ định” và đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định.

Chương trình Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em mắc bệnh mãn tính đặc biệt

Liên hệ Phòng Hỗ trợ y tế TEL 34-6855 FAX 34-6051

» Nội dung hỗ trợ

Chúng tôi sẽ chi trả toàn bộ số tiền mà bệnh nhân tự chi trả liên quan đến việc chăm sóc y tế cho trẻ em mắc bệnh mãn tính đặc biệt bằng nguồn tài trợ từ quỹ công.

◎ Đối tượng hỗ trợ

Những người dưới 18 tuổi được chẩn đoán mắc “Bệnh mãn tính đặc biệt ở trẻ em” và đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định (trong trường hợp tiếp tục được xác định là cần điều trị và nộp đơn gia hạn thì đối tượng này có thể được hỗ trợ đến khi đủ 20 tuổi)



Hỗ trợ chi phí y tế

医療費受給者証の交付

問 福祉医療課 TEL 34-6743 FAX 34-6732 (東庁舎1階)

子ども医療費受給者証の交付申請

◎対象者

高校生世代(18歳に達した日以後の最初の3月31日)までの子ども

(注意)心身障がい者医療費又は母子・父子家庭医療費受給要件を備えた小・中学生・高校生世代は、これら医療費受給者の対象になります

また、精神障がい者医療費受給要件(手帳要件)を備えた高校生世代は、精神障がい者医療費受給者の対象になります。

◎交付申請に必要なもの

健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点(お子様の名前が載ったもの)

◎交付申請窓口

福祉医療課、市民課、各支所・出張所

心身障がい者医療費受給者証の交付申請

◎対象者

- 身体障がい者手帳1～3級の人
- 腎臓機能障がい4級の人
- 進行性筋萎縮症で4～6級の人
- 療育手帳A、Bと判定された人
- IQ50以下と判定された人
- 自閉症状群と診断された人

(注意1)65歳以上で後期高齢者医療制度の障がい要件を備えた人は対象となりません。後期高齢者医療制度の被保険者は「豊田市福祉給付金制度」の対象になります。

(注意2)未就学児は子ども医療費受給者の対象となります。

◎交付申請に必要なもの

- ☑身体障がい者手帳、療育手帳又は自閉症状群診断書
- ☑健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎交付申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所

精神障がい者医療費受給者証(手帳要件)の交付申請

◎対象者

精神障がい者保健福祉手帳1・2級の人

(注意)65歳以上で、後期高齢者医療制度の障がい要件を備えた人は対象となりません。後期高齢者医療制度の被保険者は「豊田市福祉給付金制度」の対象になります。

◎交付申請に必要なもの

- ☑精神障がい者保健福祉手帳
- ☑健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎交付申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所

精神障がい者医療費受給者証(自立支援要件)の交付申請

◎対象者

精神障がい者保健福祉手帳1・2級を持っていない人で、自立支援医療受給者証(精神通院)(以下「自立支援医療受給者証」とする。)を持っている人

(注意)75歳以上の人は対象となりません。後期高齢者医療制度の被保険者は「豊田市福祉給付金制度」の対象になります。

◎交付申請に必要なもの

- ☑自立支援医療受給者証
- ☑健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎交付申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所

精神科入院半額助成の受給資格取得申請

◎対象者

精神障がい者保健福祉手帳1・2級を持っていない人で、精神保健指定医により精神障がい(精神保健及び精神障害者福祉に関する法律第5条に該当。)と診断を受けて入院した人

(注意)後期高齢者医療制度の被保険者は「豊田市福祉給付金制度」の対象になります。

◎資格取得申請に必要なもの

- ☑精神保健指定医による診断書
(氏名、生年月日、病名、入院日、医療機関名、医師名の記載があり、押印されているもの)
- ☑健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎資格取得申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
(注意)申請は医療費の支払日から5年以内をお願いします。

母子・父子家庭医療費受給者証の交付申請

◎対象者

●母子家庭のうち、18歳に到達した年度の末日(以下「18歳以下」という。)までの児童を扶養している母及びその児童

●父子家庭のうち、18歳以下の児童を扶養している父及びその児童

●父母のいない18歳以下の児童

ただし、18歳以下の児童を扶養している人で次の場合も対象に含めます。

- ・配偶者の生死がおおむね一年以上明らかでない人
- ・配偶者からおおむね一年以上遺棄されている人
- ・配偶者が海外にあるためその扶養を受けることができない人

Cấp Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế

Liên hệ Phòng Y tế và phúc lợi xã hội TEL 34-6743 FAX 34-6732 (Tầng 1, Tòa Đông)

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế cho trẻ em

● Đối tượng

Trẻ em đến độ tuổi trung học phổ thông (từ ngày 31/3 đầu tiên sau khi đủ 18 tuổi)

Lưu ý: Học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông đáp ứng điều kiện hưởng chi phí y tế cho người khuyết tật tinh thần và thể chất, hoặc chi phí y tế cho gia đình đơn thân (bố hoặc mẹ đơn thân) thuộc vào đối tượng này.

Ngoài ra, những học sinh trung học phổ thông đáp ứng điều kiện nhận trợ cấp chi phí y tế cho người tâm thần (Cần có Sổ tay người tâm thần) cũng thuộc đối tượng được nhận trợ cấp này.

● Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin cấp thẻ

1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card) (có tên của trẻ)

● Quay tiếp nhận đơn xin cấp thẻ

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Phòng Dân cư, Các chi nhánh/ văn phòng làm việc

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế cho người khuyết tật tinh thần và thể chất

● Đối tượng

- Người có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1-3
- Người có Sổ tay người khuyết tật chức năng thận mức độ 4
- Người có bệnh teo cơ tiến triển xấu mức độ 4-6
- Người được xác định có Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A, B
- Người được xác định có chỉ số IQ dưới 50
- Người được chẩn đoán mắc chứng tự kỷ

Lưu ý 1: Người từ 65 tuổi trở lên và đáp ứng yêu cầu về người khuyết tật của Chương trình Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi không nằm trong đối tượng hưởng chi phí y tế mục này. Những người thuộc chương trình chăm sóc y tế cho người cao tuổi sẽ nằm trong phạm vi chương trình "Hỗ trợ phúc lợi Thành phố Toyota".

Lưu ý 2: Trẻ em chưa đi học sẽ thuộc vào đối tượng thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em.

● Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin cấp thẻ

- ✓ Sổ tay người khuyết tật thể chất, Sổ tay người khuyết tật trí tuệ hoặc Giấy chẩn đoán chứng tự kỷ
- ✓ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

● Quay tiếp nhận đơn xin cấp thẻ

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka.

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế cho người tâm thần (cần có sổ tay)

● Đối tượng

Người có Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc mức độ 2

Lưu ý: Người từ 65 tuổi trở lên và đáp ứng điều kiện về người khuyết tật của Chương trình Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi không nằm trong đối tượng hưởng chi phí y tế mục này. Những người thuộc chương trình chăm sóc y tế cho người cao tuổi sẽ nằm trong phạm vi chương trình "Hỗ trợ phúc lợi Thành phố Toyota".

● Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin cấp thẻ

- ✓ Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần
- ✓ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

● Quay tiếp nhận đơn xin cấp thẻ

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng chi phí y tế cho người tâm thần (yêu cầu về việc có hỗ trợ cuộc sống tự lập)

● Đối tượng

Người không có Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc mức độ 2, nhưng có Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập (điều trị ngoại trú tâm thần) (sau đây gọi là "Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập")

Lưu ý: Người từ 75 tuổi trở lên không nằm trong đối tượng hưởng chi phí y tế mục này. Những người thuộc chương trình chăm sóc y tế cho người cao tuổi sẽ nằm trong phạm vi chương trình Hỗ trợ phúc lợi của Thành phố Toyota.

● Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin cấp thẻ

- ✓ Thẻ thụ hưởng trợ cấp y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập
- ✓ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

● Quay tiếp nhận đơn xin cấp thẻ

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Ohara, Shimoyama và Fujioka

Đơn xin hưởng trợ cấp một nửa chi phí nằm viện khoa tâm thần

● Đối tượng

Người không có Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc mức độ 2, nhưng đã được chẩn đoán bởi bác sĩ tâm thần chuyên khoa (thuộc Điều 5 của Luật Sức khỏe tâm thần và Phúc lợi cho người tâm thần) và nhập viện điều trị tâm thần

Lưu ý: Những người thuộc chương trình chăm sóc y tế cho người cao tuổi sẽ nằm trong phạm vi chương trình "Hỗ trợ phúc lợi Thành phố Toyota".

● Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin hưởng trợ cấp

- ✓ Giấy chẩn đoán của bác sĩ tâm thần chuyên khoa (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, tên bệnh, ngày nhập viện, tên cơ sở y tế, tên bác sĩ và đóng dấu)
- ✓ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

● Nơi nộp đơn xin hưởng trợ cấp

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka.

Lưu ý: Vui lòng nộp đơn trong vòng 5 năm kể từ ngày thanh toán chi phí y tế.

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng chi phí y tế cho gia đình đơn thân (bố đơn thân hoặc mẹ đơn thân)

● Đối tượng

- Người mẹ đang nuôi dưỡng con dưới 18 tuổi cho đến cuối năm của năm mà con họ đạt 18 tuổi, và người con đó (sau đây gọi là "Từ dưới 18 tuổi")
- Người bố đang nuôi dưỡng con từ dưới 18 tuổi và người con đó
- Trẻ em từ dưới 18 tuổi không có bố mẹ

Tuy nhiên, những người đang nuôi dưỡng trẻ em từ dưới 18 tuổi trong các trường hợp sau cũng là đối tượng được hưởng trợ cấp:

- Người không rõ tung tích của người phối ngẫu trong vòng từ một năm trở lên
- Người bị người phối ngẫu bỏ rơi trong vòng một năm trở lên
- Người không thể nhận được sự hỗ trợ của người phối ngẫu vì họ đang ở nước ngoài



Hỗ trợ chi phí y tế

- ・配偶者が精神又は身体の障がいにより長期にわたって労働能力を失っている人
 - ・配偶者がおおむね一年以上拘禁されている人
- (注意1)これらの要件に当てはまっても、所得制限等の条件により該当しないこともあります。
- (注意2)事前にひとり親家庭等の手当申請が必要です。詳細は「児童扶養手当」「愛知県遺児手当」「豊田市ひとり親家庭支援手当」の該当ページをご覧ください。
- (注意3)未就学児は子ども医療費受給者の対象となります。また、心身障がい者医療費の受給要件を備えた人は心身障がい者医療費受給者の対象となります。

◎資格取得申請に必要なもの

- ④健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎交付申請窓口

おやこ応援課(市役所東庁舎2階)、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所

福祉給付金受給者証の交付(受給資格取得)申請

◎対象者

後期高齢者医療制度の被保険者で、下記の要件1～11のいずれかに該当する人

申請によって、要件1～10の人には福祉給付金受給者証を交付します。要件11の人には受給資格取得決定通知書を交付します。

◎要件

- 1 身体障がい者手帳おおむね3級以上の人
 - 2 療育手帳A、Bと判定された人
 - 3 自閉症状群と診断された人
 - 4 母子父子家庭の人
 - 5 介護保険の要介護度3以上に認定されていて、市県民税非課税世帯の人
- (注意)次の条件を全て満たすことが条件です。
- ①税法上の被扶養者でない人か、被扶養者で税法上の扶養者も市町村民税非課税
 - ②生計維持者が本人以外にいない人か、生計維持者が本人以外で、その生計維持者も市町村民税非課税
- 6 戦傷病者手帳所持の人
 - 7 感染症の予防及び感染症の患者に対する医療に関する法律の規定により、入院勧告・措置された結核患者の人
 - 8 ひとり暮らし高齢者で市県民税非課税の人
- (注意)次の条件を全て満たすことが条件です。
- ①同一敷地や隣地に親族がいないうえ、生活費の大半を親族から援助されていない
 - ②税法上の被扶養者となっていない
- 9 精神障がい者保健福祉手帳1・2級の人
 - 10 精神障がい者保健福祉手帳1・2級を持っていない人で、自立支援医療費受給者証を持っている人
 - 11 精神保健指定医により精神障がい(精神保健及び精神障害者福祉に関する法律第5条に該当。)と診断を受けて入院した人

◎資格取得申請に必要なもの

要件により必要となるものが異なります。直接福祉医療課にお問い合わせください。

◎交付(資格取得)申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
(注意)要件11の人
申請は医療費の支払日から5年以内をお願いします。

払戻し申請

愛知県外の医療機関等を受診したとき、又は愛知県内の医療機関等で医療費受給者証を提示しなかったときは払い戻します。

◎申請に必要なもの

- 次のものを持参の上、窓口にお越しください。
- ④領収書(受診者名、受診日、保険点数等の記載のあるもの)
 - ④医療費受給者証<お持ちの場合のみ>
 - ④健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点
 - ④振込先口座の分かるもの
 - ④限度額適用認定証<お持ちの場合のみ>
 - ④健康保険組合・全国健康保険協会等から発行される高額療養費等の支給決定通知書<支給がある場合のみ>
 - ④自立支援医療受給者証<お持ちの場合のみ>
- (注意)愛知県内の医療機関等で、医療費受給者証を提示しなかった場合も同様です。
- 払戻しは、1か月分をまとめて翌月以降に申請してください。

◎申請窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所

変更・喪失届出

》変更届出

- 次のときは、速やかに変更届出をしてください。
- ・住所、氏名が変わったとき
 - ・勤務先の変更等で健康保険が新しくなったとき

》喪失届出

- 次のときは、速やかに喪失届出をしてください。
- ・転出、死亡したとき
 - ・健康保険等の資格がなくなったとき
 - ・対象要件に該当しなくなったとき
- (注意)資格喪失日以降に医療費受給者証を使用し、医療機関等を受診したときは、医療費の返還をしていただきますのでご承知ください。

◎変更・喪失届出に必要なもの

- 次のものを持参の上、窓口にお越しください。
- ④医療費受給者証
 - ④健康保険証、資格確認書、資格情報のお知らせ、マイナンバーカードのいずれか1点

◎変更・喪失届出窓口

福祉医療課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
※子ども医療のみ、市民課、上記以外の各支所・出張所でも受付可能です

- Người phối ngẫu mất khả năng lao động trong thời gian dài do khuyết tật tinh thần hoặc thể chất
 - Người phối ngẫu bị giam giữ trong vòng từ một năm trở lên
- Lưu ý 1: Kể cả trong trường hợp đáp ứng các điều kiện trên, tùy thuộc vào những điều kiện khác như giới hạn mức thu nhập áp dụng v.v... mà có thể không được hưởng trợ cấp.
- Lưu ý 2: Cần phải nộp đơn trước đối với các trợ cấp chi phí y tế cho gia đình đơn thân.
- Vui lòng xem trang tương ứng về "Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em", "Trợ cấp cho trẻ mồ côi tỉnh Aichi", "Trợ cấp hỗ trợ gia đình có bố/ mẹ đơn thân Thành phố Toyota" để biết chi tiết.
- Lưu ý 3: Trẻ em chưa đi học cũng sẽ thuộc vào đối tượng thụ hưởng trợ cấp chi phí y tế cho trẻ em. Người đáp ứng điều kiện nhận trợ cấp chi phí y tế cho người khuyết tật tinh thần và thể chất sẽ thuộc vào đối tượng hưởng phí y tế cho người khuyết tật tinh thần và thể chất.

☉ Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin hưởng trợ cấp

- ☑ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

☉ Nơi nộp đơn xin hưởng trợ cấp

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em (Tầng 2 Tòa thư viện phía Đông của Tòa thị chính), Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka

Đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi (được cấp tư cách thụ hưởng)

☉ Đối tượng

Người được bảo hiểm y tế trong chương trình Bảo hiểm y tế cho người cao tuổi và đáp ứng vào một trong các yêu cầu từ 1 đến 11 sau đây

Đối với người đáp ứng các yêu cầu từ 1 đến 10, sẽ được cấp Thẻ thụ hưởng tiền trợ cấp phúc lợi. Đối với người đáp ứng yêu cầu số 11, sẽ được cấp Giấy thông báo quyết định đủ tư cách hưởng tiền trợ cấp.

☉ Yêu cầu

1. Người có Sở tay người khuyết tật thể chất mức độ 3 trở lên
2. Người được xác định có Sở tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A, B
3. Người được chẩn đoán mắc chứng tự kỷ
4. Người trong gia đình đơn thân
5. Người được xác định cần chăm sóc điều dưỡng từ cấp độ 3 trở lên theo chương trình Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng, và thuộc hộ gia đình được miễn thuế thị dân tỉnh, thành phố

Lưu ý: Cần đáp ứng cả hai điều kiện sau đây:

- (1) Không phải là người phụ thuộc theo Luật thuế; hoặc là người phụ thuộc và cả người phụ thuộc lẫn người cấp dưỡng đều không phải đóng thuế thị dân thành phố, huyện, thôn.
 - (2) Người không có người khác hỗ trợ sinh kế: hoặc người duy trì sinh kế của mình là người khác mà không phải là chính người đó và người đó cũng được miễn thuế thị dân thành phố, huyện, thôn.
6. Người có Sở tay thương tật do chiến tranh
 7. Người mắc bệnh lao đã được khuyến cáo hoặc bắt buộc nhập viện theo quy định của Luật về Phòng chống bệnh lây nhiễm và Chăm sóc sức khỏe người bị bệnh lây nhiễm
 8. Người cao tuổi sống một mình và không phải đóng thuế thu thị dân tỉnh, thành phố

Lưu ý: Cần đáp ứng cả hai điều kiện sau đây:

- (1) Không có người thân sống cùng trên cùng một khu đất hoặc trong cùng một huyện (chou), và hầu hết các chi phí sinh hoạt không được hỗ trợ bởi người thân.
 - (2) Không phải là người phụ thuộc theo quy định của Luật thuế.
9. Người có Sở tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc mức độ 2
 10. Người không có Sở tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc mức độ 2, nhưng có Thẻ thụ hưởng chi phí y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập
 11. Người được bác sĩ tâm thần chuyên khoa chẩn đoán mắc bệnh tâm thần (theo Điều 5 của Luật Sức khỏe tâm thần và Phúc lợi cho người tâm thần)

☉ Các giấy tờ cần thiết cho đơn xin hưởng trợ cấp

Giấy tờ có thể khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể. Vui lòng liên hệ trực tiếp với Phòng Y tế và phúc lợi xã hội để biết thêm chi tiết.

☉ Nơi nộp đơn xin cấp Thẻ thụ hưởng tiền hỗ trợ phúc lợi (được cấp quyền thụ hưởng)

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka

Lưu ý: Đối với người đáp ứng yêu cầu số 11, vui lòng nộp đơn trong vòng 5 năm kể từ ngày thanh toán chi phí y tế.

Đơn xin hoàn tiền

Khi bạn được khám bệnh tại cơ sở y tế ngoài tỉnh Aichi hoặc khi bạn không trình Thẻ thụ hưởng phí y tế tại cơ sở y tế trong tỉnh Aichi, bạn có thể làm đơn yêu cầu hoàn trả tiền.

☉ Giấy tờ cần thiết cho đơn xin hoàn tiền

Vui lòng mang theo các giấy sau đây và đến bộ phận tiếp nhận đơn tại quầy tiếp nhận:

- ☑ Hóa đơn (chứa tên bệnh nhân khám bệnh, ngày khám bệnh, điểm số bảo hiểm)
- ☑ Thẻ thụ hưởng chi phí y tế (nếu có)
- ☑ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)
- ☑ Tài liệu có chứa thông tin về tài khoản ngân hàng mà bạn muốn nhận tiền hoàn trả
- ☑ Thẻ xác nhận hạn mức áp dụng (nếu có)
- ☑ Thông báo về quyết định chi trả tiền cho các khoản chi phí y tế cao được cấp bởi Hiệp hội Bảo hiểm y tế hoặc Hiệp hội Bảo hiểm Y tế quốc gia (nếu có)
- ☑ Thẻ thụ hưởng chi phí y tế hỗ trợ cuộc sống tự lập (nếu có)

Lưu ý: Đối với những người không xuất trình Thẻ thụ hưởng chi phí y tế tại cơ sở y tế trong tỉnh Aichi, cũng áp dụng quy trình tương tự.

Hãy tổng hợp các khoản chi phí theo tháng và nộp đơn yêu cầu hoàn tiền kể từ tháng sau đó.

☉ Nơi nộp đơn xin hoàn tiền

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka

Thông báo về việc thay đổi hoặc hủy tư cách

☉ Thông báo thay đổi

Vui lòng nộp đơn thông báo thay đổi thông tin ngay lập tức trong các trường hợp sau đây:

- Khi địa chỉ hoặc tên của bạn thay đổi
- Khi thẻ bảo hiểm y tế của bạn phải được cấp mới do thay đổi nơi làm việc v.v...

☉ Thông báo hủy tư cách

Vui lòng nộp đơn thông báo hủy tư cách ngay lập tức trong các trường hợp sau đây:

- Khi bạn chuyển đi khỏi thành phố, mất tích hoặc qua đời
- Khi bạn không còn đủ điều kiện để tham gia chương trình Bảo hiểm y tế v.v...

- Khi bạn không còn đáp ứng các yêu cầu cần thiết

Lưu ý: Vui lòng hiểu rằng trong trường hợp bạn sử dụng thẻ bảo hiểm y tế sau ngày mất quyền tham gia, bạn sẽ phải hoàn trả tiền cho các chi phí y tế.

☉ Giấy tờ cần thiết cho đơn thông báo thay đổi và hủy tư cách

Vui lòng mang theo các giấy tờ sau đây và đến quầy tiếp nhận.

- ☑ Thẻ thụ hưởng chi phí y tế
- ☑ 1 trong các giấy tờ sau: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy xác nhận quyền bảo hiểm, Thông báo thông tin tư cách bảo hiểm, hoặc Thẻ căn cước cá nhân (My Number Card)

☉ Nơi nộp đơn thông báo thay đổi và hủy tư cách

Phòng Y tế và phúc lợi xã hội, Các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka

* Đối với các yêu cầu chi liên quan đến chi phí y tế trẻ em, bạn có thể nộp đơn tại Phòng Dân cư hoặc các chi nhánh/ phòng làm việc khác ngoài các địa điểm nêu trên.





保健・衛生

成人のための健診・検診ガイド

問 健康政策課 TEL 34-6956 FAX 31-6320 (東庁舎4階)

全ての健診・検診は、受診時に豊田市に住民登録がある人が対象です。また、「対象」欄の年齢は、年度中の誕生日に迎える年齢を指します。時期・場所については、3月下旬に対象の人へ送付する受診券をご確認ください。対象、内容、費用については変更する場合があります。

種類	対象(市民)／内容	費用
胃がん検診	①35～49歳の人、50歳以上奇数年齢の人(前年度に市の胃内視鏡検査(胃カメラ)を受診していない人)／問診、胃部X線検査(バリウム) ②50歳以上偶数年齢の人／問診、胃部X線検査(バリウム)と胃内視鏡検査(胃カメラ)のどちらか一方を選択	3,600円
大腸がん検診	35歳以上の人／問診、検便2日法(※2日分の便が必要)	400円
肺がん検診	40歳以上の人／問診、胸部X線撮影(正側面2枚)、たんの検査 ※胸部X線検査を受ける場合には、受診できません。	たん検査あり 2,200円 たん検査なし 1,300円
胸部X線検査(結核検診)	40歳以上の人／胸部X線撮影(正面1枚) ※肺がん検診を受ける場合には、受診できません。 ※国民健康保険、後期高齢者医療制度加入者は特定(後期)健診と同時に受診することができます。	無料
乳がん検診	①30、32、34、36、38歳の女性／問診、超音波検査 ②40歳以上偶数年齢の女性／問診、超音波検査またはマンモグラフィ検査のどちらか一方を選択	2,400円
子宮頸がん検診	20歳以上偶数年齢の女性／問診、視診、内診、子宮頸部細胞診	2,000円
前立腺がん検診	50～70歳の男性／問診、血液検査	800円
肝炎検診	過去に、市の肝炎検診を受診していない次の人 ①40歳以上5歳刻みの人／問診、血液検査 ②感染の不安のある人(受診券はありません)／問診、血液検査	無料
総合がん検診	40・50・60歳になる人／胃がん検診、大腸がん検診、肺がん検診 ※前立腺がん検診(50歳・60歳男性のみ) ※乳がん検診・子宮頸がん検診・骨密度検査(女性のみ)	40歳男性 3,700円 50・60歳男性 4,300円 40・50・60歳女性 5,600円
レディース検診※1	19～39歳になる女性／問診、診察、身体計測、血圧測定、貧血などの血液検査、尿検査、骨密度検査	1,500円
骨粗しょう症検診※1	40・45・50・55・60・65・70歳になる女性／問診、骨密度検査	500円
特定健康診査	40歳以上の国民健康保険加入者／問診、身体計測、血圧測定、尿・血液検査、心電図、貧血検査、基準該当者は眼底検査	無料
後期高齢者医療健康診査	後期高齢者医療制度加入者／問診、身体計測、血圧測定、尿・血液検査、心電図、貧血検査、基準該当者は眼底検査	無料
成人歯科健康診査	20・25・30・35・40・45・50・55・60・65・70・75歳になる人／歯の状況、歯周疾患、粘膜、顎関節の検査など	無料

※1 受診券はありません。豊田地域医療センターで毎月2回実施。広報とよたでご確認ください。



保健・衛生



Y tế và Vệ sinh

Hướng dẫn khám sức khỏe cho người trưởng thành

Liên hệ Phòng Chính sách y tế **TEL 34-6956 FAX 31-6320** (Tầng 4, Tòa Đông)

Tất cả các cuộc khám sức khỏe đều dành cho những người có đăng ký cư trú tại Thành phố Toyota tại thời điểm khám. Ngoài ra, mục "Tuổi" trong cột "Đối tượng" là số tuổi của người khám bệnh trong năm tài chính đó. Về thời gian và địa điểm, xin vui lòng kiểm tra tại phiếu hẹn khám sức khỏe được gửi vào cuối tháng 3 cho những người thuộc đối tượng của chương trình này. Xin lưu ý và thông cảm rằng thông tin về đối tượng, nội dung và chi phí có thể thay đổi.

Phân loại	Đối tượng (Cư dân) / Nội dung	Chi phí
Kiểm tra ung thư dạ dày	(1) Người từ 35 đến 49 tuổi, người có số tuổi lẻ tính từ 50 tuổi trở lên (người chưa thực hiện xét nghiệm nội soi dạ dày theo chương trình của thành phố trong năm trước)/ Chẩn đoán bệnh, chụp X-quang dạ dày (sử dụng thuốc barium để chụp) (2) Người có số tuổi chẵn tính từ 50 tuổi trở lên/ Chẩn đoán bệnh, một trong hai phương pháp chụp X-quang dạ dày (sử dụng thuốc barium để chụp) hoặc kiểm tra nội soi dạ dày (sử dụng ống soi dạ dày)	3.600 yên
Kiểm tra ung thư đại tràng	Người từ 35 tuổi trở lên / Chẩn đoán bệnh, xét nghiệm mẫu phân 2 ngày (* Cần phải có mẫu phân trong vòng 2 ngày)	400 yên
Kiểm tra ung thư phổi	Người từ 40 tuổi trở lên / Chẩn đoán bệnh, chụp X-quang hình ảnh phổi (2 hình chính diện và mặt bên), xét nghiệm nước bọt * Nếu bạn đã thực hiện chụp X-quang phần ngực, bạn sẽ không thể kiểm tra nội dung này.	Có xét nghiệm nước bọt: 2.200 yên Không xét nghiệm nước bọt: 1.300 yên
Chụp X-quang ngực (Kiểm tra bệnh lao phổi)	Người từ 40 tuổi trở lên / Chụp X-quang hình ảnh phổi (1 hình chính diện) * Nếu bạn đã thực hiện chụp X-quang phần phổi, bạn sẽ không thể kiểm tra nội dung này. * Người tham gia Bảo hiểm y tế quốc gia và Chương trình Chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi có thể tham gia kiểm tra này cùng với đợt kiểm tra sức khỏe liên quan đến các hội chứng chuyển hóa.	Miễn phí
Kiểm tra ung thư vú	(1) Phụ nữ 30, 32, 34, 36 và 38 tuổi / Chẩn đoán bệnh, siêu âm vùng ngực (2) Phụ nữ có số tuổi chẵn tính từ 40 tuổi trở lên/ Chẩn đoán bệnh, một trong hai phương pháp siêu âm vùng ngực hoặc kiểm tra mammography	2.400 yên
Kiểm tra ung thư cổ tử cung	Phụ nữ có số tuổi chẵn tính từ 20 tuổi trở lên/ Chẩn đoán bệnh, kiểm tra bằng mắt, kiểm tra nội soi, xét nghiệm tế bào cổ tử cung	2.000 yên
Kiểm tra ung thư tuyến tiền liệt	Nam giới từ 50 đến 70 tuổi / Chẩn đoán bệnh, xét nghiệm máu	800 yên
Kiểm tra viêm gan	Những người sau đây chưa từng tham gia chương trình kiểm tra viêm gan của thành phố: (1) Người có số tuổi từ 40 tuổi trở lên và cách nhau mỗi 5 năm/ Chẩn đoán bệnh, xét nghiệm máu (2) Những người có lo ngại về việc nhiễm viêm gan (không có phiếu hẹn khám sức khỏe) / Chẩn đoán bệnh, xét nghiệm máu	Miễn phí
Kiểm tra tổng hợp ung thư	Những người 40, 50 và 60 tuổi / Kiểm tra ung thư dạ dày, kiểm tra ung thư đại tràng, kiểm tra ung thư phổi * Kiểm tra ung thư tuyến tiền liệt (Chỉ dành cho nam giới 50 và 60 tuổi) * Kiểm tra ung thư vú, kiểm tra ung thư cổ tử cung, kiểm tra mật độ xương (Chỉ dành cho phụ nữ)	Nam giới 40 tuổi: 3.700 yên Nam giới 50 và 60 tuổi: 4.300 yên Phụ nữ 40, 50 và 60 tuổi: 5.600 yên
Kiểm tra cho nữ giới *1	Phụ nữ từ 19 đến 39 tuổi / Chẩn đoán bệnh, khám bệnh, đo chiều cao cân nặng, đo huyết áp, xét nghiệm máu để kiểm tra thiếu máu, xét nghiệm nước tiểu, kiểm tra mật độ xương v.v...	1.500 yên
Khám tầm soát loãng xương *1	Phụ nữ 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70 tuổi / Chẩn đoán bệnh, kiểm tra mật độ xương	500 yên
Kiểm tra sức khỏe liên quan đến các hội chứng chuyển hóa	Người từ 40 tuổi trở lên tham gia Bảo hiểm y tế quốc gia / Chẩn đoán bệnh, đo chiều cao cân nặng, đo huyết áp, xét nghiệm nước tiểu và máu, điện tâm đồ, xét nghiệm thiếu máu, người thỏa mãn các điều kiện cụ thể sẽ được kiểm tra đầy đủ.	Miễn phí
Kiểm tra sức khỏe đối với người tham gia chương trình Chăm sóc sức khỏe y tế người cao tuổi	Những người tham gia chương trình chăm sóc sức khỏe y tế người cao tuổi / Chẩn đoán bệnh, đo chiều cao cân nặng, đo huyết áp, xét nghiệm nước tiểu và máu, điện tâm đồ, xét nghiệm thiếu máu, người thỏa mãn các điều kiện cụ thể sẽ được kiểm tra đầy đủ.	Miễn phí.
Kiểm tra sức khỏe răng miệng cho người trưởng thành	Những người 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70 và 75 tuổi / Kiểm tra tình trạng răng, bệnh viêm nha chu, niêm mạc, khớp cắn v.v...	Miễn phí.

*1 Không có phiếu hẹn khám sức khỏe. Được thực hiện hai lần mỗi tháng tại Trung tâm Y tế Cộng đồng Toyota. Vui lòng kiểm tra thông tin trên bản tin Toyota.



Y tế và Vệ sinh

》注意事項

- 健(検)診は市内の協力医療機関で受診できます。受診券に同封の「健(検)診協力医療機関一覧」又は市ホームページをご確認ください。
- 9月以降は大変混雑します。早めの予約・受診をお勧めします。
- 身体状況によっては健(検)診が受診できない場合があります。受診券及び同封の「健康診査のご案内」をご確認ください。
- 検診で精密検査が必要と判断された人は、早急に精密検査を自己負担で受けてください。

》費用の免除制度があります

がん検診及び骨粗しょう症検診について、次の人は「◆免除◆」と記載のある受診券等を提出することで検診費用が無料となります。

- ①市民税の課税がない人(世帯全員)
- ②生活保護世帯の人
- ③中国残留邦人支援給付制度該当の人
- ④後期高齢者医療制度被保険者(受診時に保険証を医療機関に提示)

※①及び年度途中で②になった人は、検診予約前に健康政策課で申請が必要です。

(持ち物: 身分を証明できるもの、がん検診受診券)

犬の登録と注射

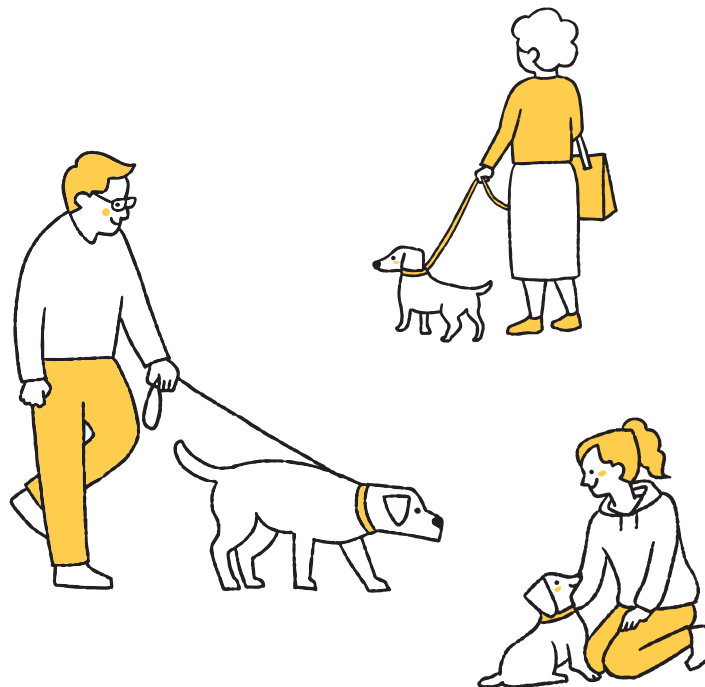
問 市動物愛護センター TEL 42-2533 FAX 80-2020

》登録

生後91日以上の子犬は登録が必要です。市動物愛護センター(鞍ヶ池公園内)か動物病院で手続きをしてください(保健衛生課、足助支所でも手続き可)。登録手数料は1頭3,000円です。

》狂犬病予防注射

集合注射会場か動物病院で毎年1回接種後、「狂犬病予防注射済票」の交付手続きをしてください。交付手数料は1頭550円です。



» Lưu ý

- Bạn có thể khám sức khỏe tại các cơ sở y tế hợp tác trong thành phố. Vui lòng kiểm tra “Danh sách các cơ sở y tế hợp tác khám sức khỏe” được gửi cùng với phiếu hẹn khám sức khỏe hoặc kiểm tra trên trang web của thành phố.
- Từ tháng 9 trở đi sẽ rất đông người đến khám bệnh. Bạn nên đặt lịch và khám bệnh sớm.
- Có trường hợp không thể thực hiện khám sức khỏe tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe của bạn. Vui lòng kiểm tra tại phiếu khám sức khỏe và “Hướng dẫn về kiểm tra sức khỏe” được gửi kèm.
- Trong trường hợp khi khám bệnh bạn được xác định rằng cần phải kiểm tra nâng cao, vui lòng sớm tiến hành kiểm tra nâng cao bằng chi phí tự chi trả.

» Chương trình miễn chi phí kiểm tra

Đối với kiểm tra ung thư và kiểm tra loãng xương, bạn có thể được miễn phí chi phí kiểm tra bằng cách xuất trình phiếu hẹn khám sức khỏe v.v... có ghi “◆ miễn ◆”.

- (1) Người không chịu thuế thị dân (toàn bộ hộ gia đình)
- (2) Người trong hộ gia đình hưởng chế độ phúc lợi áp dụng cho hộ gia đình
- (3) Người thuộc chương trình hỗ trợ người dân Nhật Bản còn ở lại Trung Quốc do chiến tranh
- (4) Những người tham gia chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi (khi kiểm tra, hãy xuất trình thẻ bảo hiểm cho cơ sở y tế)

* Nếu thuộc trường hợp (1) và trong năm tài chính đó đủ điều kiện rơi vào trường hợp (2), bạn phải nộp đơn xin miễn tại Phòng Chính sách Y tế trước khi đặt lịch khám bệnh.

Đăng ký và tiêm chủng cho chó

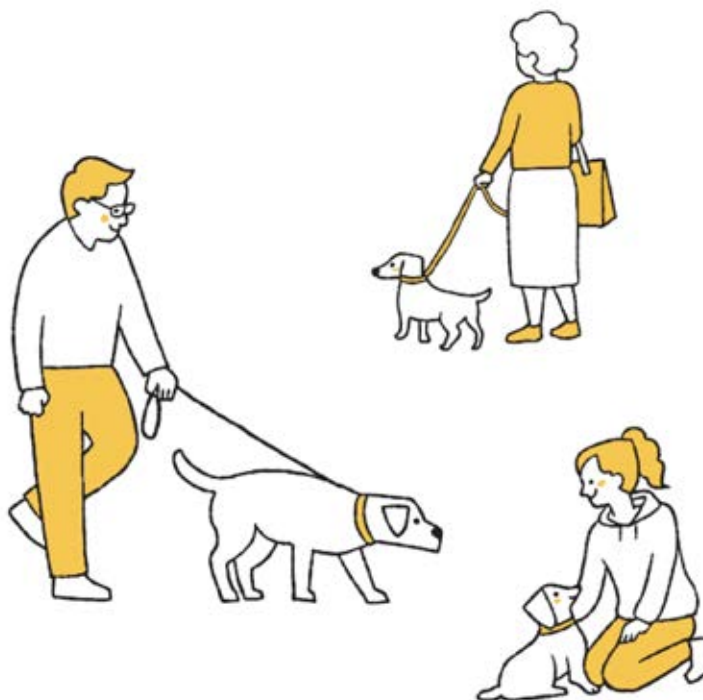
Liên hệ Trung tâm Bảo vệ động vật thành phố TEL 42-2533 FAX 80-2020

» Đăng ký

Chó từ 91 ngày tuổi trở lên cần phải đăng ký. Quý vị có thể thực hiện thủ tục đăng ký tại Trung tâm bảo vệ động vật thành phố (Công viên Kuragaike) hoặc tại bệnh viện thú y (cũng có thể đăng ký tại Phòng Bảo hiểm và vệ sinh, Chi nhánh Asuke). Phí đăng ký là 3.000 yên 1 con.

» Tiêm phòng chống bệnh dại

Cần đưa chó đi tiêm phòng chống bệnh dại hàng năm tại các khu vực tiêm phòng tập trung hoặc tại bệnh viện thú y. Sau khi tiêm, quý vị cần thực hiện thủ tục nhận “Biên lai tiêm phòng chống bệnh dại”. Phí thủ tục nhận biên lai là 550 yên 1 con.





福祉

介護・高齢者

介護保険制度

問 介護保険課 TEL 34-6634 FAX 34-6034 (東庁舎1階)

介護保険の加入者

65歳以上の人(第1号被保険者)と40～64歳の人で職場の健康保険や国民健康保険などの医療保険に加入している人(第2号被保険者)が対象となります。

介護保険の保険料

(1)65歳以上の人(第1号被保険者)の保険料は本人と世帯員の前年の所得に応じて決まり、年金からの天引き(特別徴収)又は、納付書か口座振替(普通徴収)で納めます。基本的には年金天引きとなりますが、年金の受給額が年18万円以下の場合や65歳の誕生月から半年～1年程度は普通徴収となります。

(2)40～64歳の人(第2号被保険者)の保険料は、加入している医療保険の算定方法により保険料額が決められ、医療保険料と合わせて納めます。

主なサービス

(1)居宅サービス／居宅で受けるサービスや、事業所に通所や短期間入所をして受けるサービスなどです。

- ①訪問介護(ホームヘルプ)
- ②訪問看護
- ③訪問入浴介護
- ④訪問リハビリテーション
- ⑤通所介護(デイサービス)
- ⑥通所リハビリテーション(デイケア)
- ⑦福祉用具貸与
- ⑧短期入所生活介護(ショートステイ)
- ⑨短期入所療養介護(ショートステイ)

(2)施設サービス／施設に入所して受けるサービスです。

- ①介護老人福祉施設(特別養護老人ホーム)
- ②介護老人保健施設
- ③介護医療院

(3)地域密着型サービス

- ①認知症対応型共同生活介護(グループホーム)
- ②認知症対応型通所介護
- ③小規模多機能型居宅介護
- ④看護小規模多機能型居宅介護
- ⑤地域密着型介護老人福祉施設
(地域密着型特別養護老人ホーム)
- ⑥地域密着型通所介護
- ⑦定期巡回・随時対応型訪問介護看護など

(4)その他のサービス

- ①特定福祉用具購入費の支給
- ②住宅改修費の支給
- ③居宅療養管理指導
- ④特定施設入居者生活介護(介護付有料老人ホーム)
- ⑤豊田市特別給付(要介護1～5の被保険者で在宅の人に対するおむつ購入費の支給。施設入所者などは受けられません)

※介護サービスを利用した場合、1割、2割又は3割の自己負担が必要



Phúc lợi

Điều dưỡng và Người cao tuổi

Chương trình bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

Liên hệ Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng TEL 34-6634 FAX 34-6034 (Tầng 1, Tòa Đông)

Người tham gia bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

Những người từ 65 tuổi trở lên (Người được bảo hiểm loại 1) và những người từ 40 đến 64 tuổi, đã tham gia bảo hiểm y tế tại nơi làm việc hoặc bảo hiểm y tế quốc gia (Người được bảo hiểm loại 2) sẽ thuộc diện tham gia.

Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

(1) Phí bảo hiểm của người từ 65 tuổi trở lên (Người được bảo hiểm loại 1) sẽ được xác định dựa trên thu nhập của bản thân người đó và các thành viên trong hộ gia đình trong năm trước đó và sẽ được trích từ tiền hưu trí (thu đặc biệt) hoặc thông qua hoá đơn yêu cầu thanh toán hoặc chuyển khoản ngân hàng (thu bình thường).

Về cơ bản phí bảo hiểm sẽ được trích từ tiền hưu trí, nhưng trong trường hợp số tiền hưu trí nhận được từ dưới 180.000 yên mỗi năm hoặc trường hợp người đó vừa bước qua sinh nhật tuổi 65 từ nửa năm đến 1 năm, thì số tiền này sẽ được thu bình thường.

(2) Phí bảo hiểm của những người từ 40 đến 64 tuổi (Người được bảo hiểm loại 2) sẽ được xác định dựa trên loại hình và phương pháp tính phí của loại bảo hiểm y tế mà họ đã tham gia và sẽ được thanh toán cùng với phí bảo hiểm y tế.

Các dịch vụ chính

(1) **Dịch vụ tại nhà:** Dịch vụ tại nhà bao gồm các dịch vụ người được bảo hiểm có thể được cung cấp ngay tại nhà, các dịch vụ được cung cấp thông qua việc đến hoặc ở lại các cơ sở chăm sóc thời gian ngắn.

- 1) Chăm sóc tại nhà bởi người hộ lý
- 2) Chăm sóc tại nhà bởi điều dưỡng
- 3) Tắm tại nhà
- 4) Phục hồi chức năng tại nhà
- 5) Hộ lý chăm sóc hàng ngày tại cơ sở chăm sóc
- 6) Phục hồi chức năng tại cơ sở chăm sóc (Chăm sóc hàng ngày)
- 7) Cho thuê thiết bị phục hồi chức năng
- 8) Hộ lý hỗ trợ sinh hoạt tại cơ sở chăm sóc trong thời gian ngắn (Ở ngắn hạn)
- 9) Hộ lý hỗ trợ điều trị tại cơ sở chăm sóc trong thời gian ngắn (Ở ngắn hạn)

(2) **Dịch vụ tại cơ sở chăm sóc / Là các dịch vụ được cung cấp khi đến các cơ sở chăm sóc:**

- 1) Trung tâm phúc lợi xã hội chăm sóc người cao tuổi dài hạn (Nhà dưỡng lão đặc biệt)
- 2) Trung tâm chăm sóc y tế người cao tuổi dài hạn
- 3) Phòng khám chăm sóc y tế người cao tuổi

(3) **Dịch vụ chăm sóc theo mô hình nhóm cộng đồng:**

- 1) Chăm sóc tại cơ sở chăm sóc tập thể theo mô hình nhóm cộng đồng cho người cao tuổi có chứng suy giảm trí nhớ
- 2) Chăm sóc hàng ngày tại cơ sở chăm sóc cho người cao tuổi có chứng mất trí
- 3) Chăm sóc tại nhà đa chức năng, quy mô nhỏ
- 4) Điều dưỡng; Chăm sóc tại nhà đa chức năng, quy mô nhỏ
- 5) Trung tâm phúc lợi xã hội chăm sóc người cao tuổi theo nhóm cộng đồng (Nhà dưỡng lão chăm sóc đặc biệt theo mô hình nhóm cộng đồng)
- 6) Chăm sóc hàng ngày theo mô hình nhóm tại cơ sở chăm sóc
- 7) Chăm sóc tại nhà bằng dịch vụ chăm sóc y tế định kỳ hoặc vào bất cứ thời gian nào theo yêu cầu

(4) **Các dịch vụ khác:**

- 1) Hỗ trợ kinh phí mua thiết bị hỗ trợ đặc biệt
- 2) Hỗ trợ kinh phí cải tạo nhà ở
- 3) Hướng dẫn quản lý chăm sóc tại nhà
- 4) Chăm sóc cuộc sống cho người cao tuổi tại các cơ sở y tế đặc biệt (Nhà dưỡng lão trả phí với hộ lý chăm sóc)
- 5) Khoản hỗ trợ đặc biệt của Thành phố Toyota (Hỗ trợ kinh phí mua bím cho người được bảo hiểm cần có hộ lý chăm sóc mức độ từ 1 đến 5 và sinh sống tại nhà riêng. Không áp dụng cho người sống tại cơ sở chăm sóc.)

* Khi sử dụng dịch vụ hộ lý chăm sóc, có thể sẽ phải tự chi trả 10%, 20% hoặc 30%.



Phúc lợi

》サービスを利用するには

介護サービス・介護予防サービスを利用するには、申請をして要介護認定を受ける必要があります。申請は本人や家族のほか、地域包括支援センター、居宅介護支援事業者、介護保険施設に代行してもらうこともでき、介護保険課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所で受け付けています。

申請後、介護認定調査員の「訪問調査」と「主治医意見書」に基づいて、「介護認定審査会」で審査判定し、要介護度を認定します。

総合事業（介護予防・生活支援サービス事業）を利用するには、介護保険課か地域包括支援センターでチェックリストにより利用判定します。



福祉

» Khi sử dụng các dịch vụ

Để sử dụng dịch vụ chăm sóc và dịch vụ chăm sóc dự phòng, cần phải nộp đơn đăng ký và được chứng nhận rằng cần được chăm sóc. Bản thân người cao tuổi hoặc gia đình của họ có thể tự nộp đơn, hoặc có thể ủy quyền cho Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng, Tổ chức hỗ trợ chăm sóc tại nhà, hoặc Cơ sở bảo hiểm chăm sóc. Địa điểm nộp đơn đăng ký là Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng; các chi nhánh tại Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama, và Fujioka.

Sau khi nộp đơn, dựa trên “Khảo sát tại nhà” và “Bản ý kiến của bác sĩ điều trị” từ các nhân viên khảo sát và đánh giá, “Hội đồng thẩm định phê duyệt về chăm sóc người cao tuổi” sẽ xem xét và chứng nhận mức độ cần chăm sóc.

Để được sử dụng các dịch vụ tổng hợp (Chăm sóc dự phòng và Hỗ trợ cuộc sống), bạn phải được chứng nhận dựa trên danh sách kiểm tra tại Phòng Bảo hiểm Chăm sóc điều dưỡng hoặc Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng.



Phúc lợi



サービスを利用するには、市に申請して要介護認定を受ける必要があります。
サービスを利用するまでの流れは以下のようになっています。

1 要介護認定の申請

市の窓口で「要介護認定」の申請をします。申請は本人や家族などのほかに、地域包括支援センターや居宅介護支援事業者などに代行してもらうこともできます。



2 訪問調査

調査員がご自宅や施設などを訪問して、心身の状況などについて聞き取り調査を行います。



主治医意見書

本人の心身の状態について主治医の意見を求めます。

※市から直接主治医に依頼します。

認定審査会の審査判定

要介護状態区分の判定が行われます。

非該当

要支援1

要支援2

要介護1

要介護2

要介護3

要介護4

要介護5

3 認定結果の通知

申請から認定の通知までは原則として30日以内に行われます。

4 ケアプランの作成依頼

- 要支援1・2の方は地域包括支援センターにて作成します。
 - 要介護1～5の方は選択した居宅介護支援事業者が作成します。
- ※施設入所者は施設が作成します。



5 サービス事業者と契約

介護サービスを行うサービス事業者と契約します。

6 サービスの開始

サービス事業者にサービス利用票と被保険者証を提示して、サービスを利用します。



Quy trình sử dụng dịch vụ chăm sóc người cao tuổi

Liên hệ Bộ phận chứng nhận TEL 34-6911 FAX 85-7209

Để sử dụng các dịch vụ, bạn cần nộp đơn đến thành phố và cần phải được chứng nhận là người cần được chăm sóc.

Quy trình sử dụng dịch vụ trước khi bạn có thể bắt đầu sử dụng dịch vụ sẽ như sau:

1 Nộp đơn xin chứng nhận là người cần được chăm sóc

Tại quầy tiếp nhận của thành phố, bạn nộp đơn xin "Chứng nhận người cần được chăm sóc". Bản thân người cao tuổi hoặc gia đình của họ có thể tự nộp đơn, hoặc có thể ủy quyền cho Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng hoặc Tổ chức hỗ trợ chăm sóc tại nhà v.v....



2 Khảo sát tại nhà

Nhân viên khảo sát sẽ đến nhà bạn hoặc cơ sở chăm sóc để thực hiện khảo sát, theo dõi về tình trạng tinh thần và thể chất của bạn.



Bản ghi ý kiến của bác sĩ chuyên trách

Chúng tôi sẽ yêu cầu ý kiến của bác sĩ chuyên trách về tình trạng tinh thần và thể chất của chính người nộp đơn.

*Từ phía thành phố sẽ liên hệ trực tiếp với bác sĩ chuyên trách.

Quyết định của Hội đồng Thẩm định phê duyệt

Hội đồng sẽ xem xét và quyết định về phân loại tình trạng cần chăm sóc.

Không thích hợp	Cần hỗ trợ mức độ 1	Cần hỗ trợ mức độ 2	Cần chăm sóc mức độ 1	Cần chăm sóc mức độ 2	Cần chăm sóc mức độ 3	Cần chăm sóc mức độ 4	Cần chăm sóc mức độ 5
-----------------	---------------------	---------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

3 Thông báo kết quả thẩm định

Về nguyên tắc, thời gian từ khi nộp đơn đến khi thông báo kết quả thẩm định là trong vòng 30 ngày.

4 Yêu cầu lập Kế hoạch chăm sóc

▪ Những người cao tuổi thuộc nhóm "Cần hỗ trợ mức độ 1 hoặc 2" sẽ lập kế hoạch chăm sóc tại Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng.



▪ Những người cao tuổi thuộc nhóm "Cần chăm sóc mức độ từ 1 đến 5" sẽ có tổ chức hỗ trợ chăm sóc tại nhà lập kế hoạch chăm sóc.

* Những người sống tại các cơ sở chăm sóc sẽ có cơ sở y tế đó tạo kế hoạch chăm sóc.

5 Ký hợp đồng với các tổ chức dịch vụ

Bạn sẽ ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ chăm sóc.

6 Bắt đầu sử dụng dịch vụ

Bắt đầu sử dụng dịch vụ bằng cách xuất trình phiếu sử dụng dịch vụ và thẻ bảo hiểm của mình cho tổ chức cung cấp dịch vụ.



◎総合相談支援業務

～なんでもご相談ください～

高齢者のみなさんやご家族、地域の人からの相談をお受けし、情報の提供やサービスの紹介をします。

◎介護予防ケアマネジメント

～自立して生活できるよう支援します～

生活やサービスの利用などについて助言・紹介するなど、身体の状態に合った健康づくりや介護予防の支援を行います。要支援1・2の人と、介護予防・生活支援サービス事業対象者のうちで必要な人に対しては、ケアマネジメントを行い、介護予防ケアプラン等を作成します。

◎権利擁護業務

～高齢者の権利を守ります～

安心して日常生活を送れるよう、高齢者のみなさんの権利を守る取組をします。成年後見制度の紹介や虐待の早期発見、消費者被害の未然防止などに対応します。

◎包括的・継続的ケアマネジメント支援業務

～暮らしやすい地域をつくります～

高齢者のみなさんが住み慣れた地域で暮らし続けられるよう、ケアマネジャーの指導・支援や、医療機関などの関係機関とのネットワークづくりなど、地域のさまざまな機関、専門家と連携・協力できる体制づくりに取り組みます。

地域包括支援センター一覧

地域包括支援センターは豊田市内に28か所あります。お気軽にご相談ください。

担当地区	名称	所在地	電話	FAX
逢妻	ほっとかん地域包括支援センター	本新町7-48-6(有料老人ホーム豊田ほっとかん内)	36-3006	36-3002
旭	ぬくもりの里包括支援センター	池島町屋ケ平22(老人福祉センターぬくもりの里内)	68-2338	68-2801
朝日丘	社協包括支援センター	錦町1-1-1(豊田市福祉センター内)	32-4342	33-2346
足助	足助地域包括支援センター	岩神町仲田20(足助病院内)	62-0683	62-0684
井郷	豊田福寿園地域包括支援センター	高町東山7-46(特別養護老人ホーム豊田福寿園内)	45-5357	45-5650
石野	石野の里地域包括支援センター	東広瀬町神田26-1(特別養護老人ホーム石野の里内)	78-6711	42-1116
稲武	いなぶ包括支援センター	桑原町中村5(稲武福祉センター内)	82-2530	82-3604
梅坪台	豊田地域ケア支援センター	西山町3-30-1(豊田地域医療センター内)	34-3209	34-3398
小原	ふくしの里包括支援センター	沢田町梅ノ木574(小原福祉センターふくしの里内)	65-1600	65-3705
上郷	地域包括支援センターかずえの郷	和会町東郷148(老人保健施設かずえの郷内)	21-6725	21-6780
猿投	地域包括支援センター猿投の楽園	加納町向井山9-1(特別養護老人ホーム猿投の楽園内)	45-3717	41-6544
猿投台	こささの里地域包括支援センター	越戸町上西小笹116(特別養護老人ホームこささの里内)	46-9677	46-9901
下山	まどいの丘包括支援センター	神殿町中切7-2(下山保健福祉センターまどいの丘内)	90-4335	90-2419
浄水	豊田厚生地域包括支援センター	浄水町伊保原500-1(豊田厚生病院内)	43-5022	43-5025
末野原	みなみ福寿園地域包括支援センター	永覚新町5-194(特別養護老人ホームみなみ福寿園内)	24-5000	24-3601
崇化館	ひまわり邸地域包括支援センター	栄生町5-20(特別養護老人ホームひまわり邸内)	33-0801	33-0809
高岡	わかばやし園地域包括支援センター	若林西町北山76(特別養護老人ホーム豊田わかばやし園内)	51-1255	52-0727
高橋	地域包括支援センターくらがいけ	岩滝町高入40-1(特別養護老人ホームくらがいけ内)	80-1244	80-1108
藤岡	ふじのさと包括支援センター	藤岡飯野町坂口1207-2(藤岡福祉センターふじのさと内)	76-5294	76-3608
藤岡南	地域包括支援センター藤岡の楽園	西中山町オケ洞10-5(特別養護老人ホーム藤岡の楽園内)	75-1258	76-0200
豊南	トヨタ地域包括支援センター	平和町1-1(老人保健施設ジョイステイ内)	24-0623	24-0621
保見	地域包括支援センター保見の里	保見町南山109-1(特別養護老人ホーム保見の里内)	48-3004	48-3317
前林	つつみ園地域包括支援センター	堤町堤18-1(特別養護老人ホーム豊田つつみ園内)	51-5206	55-0061
益富	地域包括支援センター益富の楽園	古瀬間町古宿131(特別養護老人ホーム益富の楽園内)	41-7788	41-7070
松平	笑いの家地域包括支援センター	滝脇町杉長入23(特別養護老人ホーム笑いの家内)	58-5152	58-4166
美里	地域包括支援センターとよた苑	野見山町5-80-1(特別養護老人ホームとよた苑内)	87-3700	88-1724
竜神	ひまわりの街地域包括支援センター	本町本竜48(特別養護老人ホームひまわりの街内)	47-8158	53-8830
若園	みのり園地域包括支援センター	中根町男松79(特別養護老人ホーム豊田みのり園内)	53-6361	53-6382

Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng

Liên hệ Phòng Phúc lợi người cao tuổi TEL 34-6984 FAX 34-6793 (Tầng 1, Tòa Đông)

◎ Dịch vụ hỗ trợ tư vấn tổng hợp

~ Hãy thoải mái liên hệ để được tư vấn ~

Chúng tôi sẽ tiếp nhận các vấn đề cần tư vấn của người cao tuổi, gia đình của họ và người dân trong khu vực, đồng thời cung cấp thông tin cần thiết và giới thiệu các dịch vụ.

◎ Quản lý chăm sóc dự phòng

~ Hỗ trợ để người cao tuổi sống tự lập ~

Chúng tôi sẽ hỗ trợ tăng cường sức khỏe và phòng ngừa chăm sóc dài hạn phù hợp với tình hình sức khỏe của từng người, bao gồm đưa ra các lời khuyên, hướng dẫn về sinh hoạt hàng ngày và cách sử dụng các dịch vụ cần thiết v.v...

Đối với những người cần hỗ trợ ở mức độ 1 hoặc 2, tương tự như những người tham gia vào chương trình chăm sóc dự phòng và hỗ trợ cuộc sống, chúng tôi sẽ thực hiện quản lý chăm sóc và lập kế hoạch chăm sóc phòng ngừa.

◎ Nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi cho người cao tuổi

~ Bảo vệ quyền lợi của người cao tuổi ~

Chúng tôi sẽ thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của người cao tuổi, để họ có thể an tâm sinh hoạt. Điều này bao gồm việc giới thiệu chế độ giám hộ cho người trưởng thành, phát hiện sớm các trường hợp ngược đãi, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

◎ Hỗ trợ quản lý chăm sóc toàn diện và liên tục

~ Chúng tôi sẽ xây dựng một cộng đồng sống thân thiện ~

Chúng tôi sẽ thúc đẩy việc hỗ trợ và hướng dẫn của quản lý chăm sóc đối với người cao tuổi để giúp họ tiếp tục sinh hoạt tại nơi họ đã quen thuộc trong khu vực. Chúng tôi sẽ xây dựng hệ thống liên kết và hợp tác với nhiều tổ chức và chuyên gia khác nhau trong khu vực, bao gồm cả việc hợp tác với các cơ sở y tế.

» Danh sách Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng

Thành phố Toyota có 28 Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng.

Khu vực phụ trách	Tên	Địa chỉ	Điện thoại	FAX
Aizuma	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Hotto-Kan	7-48-6 Honshin-cho (Trong Viện dưỡng lão tư nhân Toyota Hotto-Kan)	36-3006	36-3002
Asahi	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Nukumori no Sato	22 Yagahira, Ikejima-cho (Trong Trung tâm Phúc lợi Người cao tuổi Nukumori no Sato)	68-2338	68-2801
Asahigaoka	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Shakyo	1-1-1 Nishiki (Trong Trung tâm Phúc lợi xã hội của Thành phố Toyota)	32-4342	33-2346
Asuke	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Asuke	20 Nakata, Yagami-cho (Trong Bệnh viện Asuke)	62-0683	62-0684
Isato	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota Fukujuen	7-46 Higashiyama, Takamachi (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Toyota Fukujuen)	45-5357	45-5650
Ishino	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Ishino no Sato	26-1 Kanda, Higashi Hirose-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Ishino)	78-6711	42-1116
Inabu	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Inabu	Địa chỉ: 5 Nakamura, Kuwabara-cho, Inabu (Trong Trung tâm Phúc lợi xã hội Inabu)	82-2530	82-3604
Umetsubodai	Trung tâm Hỗ trợ Chăm sóc Toàn diện Cộng đồng Toyota	3-30-1 Nishiyama-cho (Trong Trung tâm Y tế Cộng đồng Toyota)	34-3209	34-3398
Obara	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fukushi no Sato	574 Umenoki, Sawada-cho (Trong Trung tâm Phúc lợi Obara, Fukushi no Sato)	65-1600	65-3705
Kamigo	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Kazue no Sato	148 Higashigo, Kazue-cho (Trong Cơ sở y tế người cao tuổi Kazue no Sato)	21-6725	21-6780
Sanage	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Sanage no Rakuen	9-1 Mukaiyama, Kano-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Sanage no Rakuen)	45-3717	41-6544
Sanagedai	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng của Kosasa no Sato	116 Kaminishi Kosasa, Koshido-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Kosasa no Sato)	46-9677	46-9901
Shimoyama	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Madoi no Oka	7-2 Nakagiri, Kandono-cho (Trong Trung tâm Y tế và Phúc lợi Shimoyama, Madoi no Oka)	90-4335	90-2419
Josui	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Y tế Toyota Kosei	500-1 Ibohara, Josui-cho (Trong Bệnh viện Toyota Kosei)	43-5022	43-5025
Suenohara	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Minami Fukujuen	5-194 Shin-machi, Ekaku (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Minami Fukujuen)	24-5000	24-3601
Sokakan	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Himawari-tei	5-20 Eisei-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Himawari-tei)	33-0801	33-0809
Takaoka	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Wakabayashi-en	76 Kitayama, Wakabayashi Nishimachi (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Wakabayashi-en)	51-1255	52-0727
Takahashi	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Kuragaike	40-1 Takairi, Iwataki-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Kuragaike)	80-1244	80-1108
Fujioka	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fuji no Sato	1207-2 Sakaguchi, Fujioka-lino cho (Trong Trung tâm Phúc lợi Fujioka, Fuji no Sato)	76-5294	76-3608
Fujioka Minami	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fujioka no Rakuen	10-5 Saigabora, Nishinakayama-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Fujioka no Rakuen)	75-1258	76-0200
Honan	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota	1-1 Heiwa-cho (Trong Cơ sở y tế người cao tuổi Joy Stay)	24-0623	24-0621
Homi	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Homi no Sato	109-1 Minamiyama, Homi-cho (Trong Viện dưỡng Lão đặc biệt Homi no Sato)	48-3004	48-3317
Maebayashi	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Tsutsumi-en	18-1 Tsutsumi, Tsutsumi-cho (Trong Viện dưỡng Lão đặc biệt Toyota Tsutsumi-en)	51-5206	55-0061
Masutomi	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Masutomi no Rakuen	131 Furuyado, Kosema-cho (Trong Viện dưỡng Lão đặc biệt Masutomi no Rakuen)	41-7788	41-7070
Matsudaira	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Warai no Ie	23 Suginagiri, Takiwaki-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Warai no Ie)	58-5152	58-4166
Misato	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota-en	5-80-1 Nomiya-cho (Trong Viện dưỡng lão đặc biệt Toyota-en)	87-3700	88-1724
Ryujin	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Himawari no Machi	48 Honryu, Hon-machi (Trong Viện dưỡng lão tư nhân Himawari no Machi)	47-8158	53-8830
Wakazono	Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Minori-en	79 Otokomatsu, Nakane-cho (Trong Viện dưỡng lão tư nhân Toyotaminori-en)	53-6361	53-6382



Phúc lợi

こんな施設があります

福祉センター

問 錦町 TEL 34-1131 FAX 32-6011

福祉に関する相談や福祉関係団体の活動支援等の他、ホールや会議室を備えた施設です。

休館日

事務所：日曜日、月曜日、祝日、年末年始
ホール、貸し会議室：祝日を除く月曜日、年末年始

利用時間

事務所：午前8時30分～午後5時15分
ホール、貸し会議室：午前9時～午後9時
※休館日、利用時間は一部異なる場合がありますので、詳細はお問合せください。

老人福祉センター豊寿園

問 渡刈町 TEL 27-2200 FAX 28-7343

高齢者の皆さんが気軽に集い、レクリエーションなどを通して、健康増進や生きがいづくりを行う施設です。

休館日 日曜日、祝日（敬老の日を除く）、年末年始

利用時間 午前9時～午後4時30分

利用対象 市内在住の60歳以上の人

老人福祉センターぬくもりの里

問 池島町 TEL 68-3890 FAX 68-2801

高齢者のデイサービス事業等を行う施設です。

休館日 日曜日、年末年始

利用時間 午前8時30分～午後5時

利用対象 市内在住の60歳以上の人

百年草

問 足助町 TEL 62-0100 FAX 62-2389

老人デイサービスセンター TEL 61-1118 FAX 62-1255

デイサービス事業や高齢者の生きがい活動の場を提供する施設です。

休館日 水曜日（老人デイサービスセンターは日曜日、年末年始）

利用時間 午前9時～午後9時（老人デイサービスセンターは午前10時～午後4時）

介護予防拠点施設 足助まめだ館

問 足助町 TEL 62-1857 FAX 61-1115

高齢者の介護予防、レクリエーション活動などの場を提供する施設です。

休館日 日曜日、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時

介護予防拠点施設 老人憩の家 あさひ荘

問 加塩町 TEL 68-3479

高齢者の皆さんの休養、健康増進を図る温泉施設です。一般の方も利用できます。

休館日 月曜日（祝日除く）、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時まで（入浴は午前10時～午後4時まで）

稲武福祉センター

問 桑原町 TEL 82-2068 FAX 82-3604

デイサービス事業や高齢者の生きがい活動の場を提供する施設です。

休館日 土・日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時



福祉

Có các cơ sở sau đây

» Trung tâm phúc lợi xã hội

Liên hệ **Nishiki-cho** TEL **34-1131** FAX **32-6011**

Trung tâm này cung cấp dịch vụ tư vấn về phúc lợi, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức liên quan đến phúc lợi, cung cấp các phòng họp và phòng hội nghị.

Ngày nghỉ

Văn phòng: Chủ Nhật, Thứ Hai, Ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Hội trường, phòng họp cho thuê: Thứ Hai ngoại trừ vào ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Văn phòng: Từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều

Hội trường, phòng họp cho thuê: Từ 9:00 sáng đến 9:00 tối

* Ngày nghỉ và thời gian sử dụng có thể sẽ khác một phần tùy thuộc vào từng trường hợp, vui lòng liên hệ để biết thêm chi tiết.

» Trung tâm Phúc lợi người cao tuổi Hoju-en

Liên hệ **Togari-cho** TEL **27-2200** FAX **28-7343**

Đây là một cơ sở cho người cao tuổi để họ có thể tụ tập một cách thoải mái, cải thiện sức khỏe và tạo niềm vui trong cuộc sống thông qua các hoạt động giải trí.

Ngày nghỉ

Chủ Nhật, Ngày lễ (trừ Ngày Kính lão), nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 4:30 chiều

Đối tượng sử dụng

Người sống trong thành phố từ 60 tuổi trở lên

» Trung tâm phúc lợi người cao tuổi Nukumori no Sato

Liên hệ **Ikejima-cho** TEL **68-3890** FAX **68-2801**

Đây là một cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày dành cho người cao tuổi.

Ngày nghỉ

Chủ Nhật, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều

Đối tượng sử dụng

Người sống trong thành phố từ 60 tuổi trở lên

» Trung tâm Phúc lợi Hyakunenso

Đây là một cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày và nơi tổ chức các hoạt động tạo niềm vui cho người cao tuổi.

Liên hệ **Asuke-cho** TEL **62-0100** FAX **62-2389**

Trung tâm dịch vụ chăm sóc hàng ngày cho người cao tuổi

TEL **61-1118** FAX **62-1255**

Ngày nghỉ

Thứ Tư (Trung tâm dịch vụ chăm sóc hàng ngày cho người cao tuổi đóng cửa vào Chủ Nhật và nghỉ lễ năm mới)

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 9:00 tối (Trung tâm dịch vụ chăm sóc hàng ngày cho người cao tuổi từ 10:00 sáng đến 4:00 chiều)

» Trung tâm chăm sóc dự phòng Asuke Mamedakan

Liên hệ **Asuke-cho** TEL **62-1857** FAX **61-1115**

Đây là một cơ sở cung cấp không gian cho chăm sóc phòng ngừa và tổ chức các hoạt động giải trí cho người cao tuổi.

Ngày nghỉ

Chủ Nhật, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

» Cơ sở trung tâm phòng ngừa chăm sóc dài hạn – Nhà nghỉ dưỡng cho người cao tuổi Asahiso

Liên hệ **Kashio-cho** TEL **68-3479**

Đây là cơ sở suối nước nóng nhằm hỗ trợ người cao tuổi nghỉ ngơi và tăng cường sức khỏe. Người dân bình thường cũng có thể sử dụng.

Ngày nghỉ

Thứ Hai (trừ ngày lễ), nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều (tắm suối nước nóng từ 10 giờ sáng đến 4 giờ chiều)

» Trung tâm Phúc lợi Inabu

Liên hệ **Kuwabara-cho** TEL **82-2068** FAX **82-3604**

Đây là một trung tâm cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày và tổ chức các hoạt động tạo niềm vui cho người cao tuổi.

Ngày nghỉ

Thứ bảy và Chủ Nhật, ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều



Phúc lợi

》藤岡福祉センターふじのさと

問 藤岡飯野町 TEL 76-3606 FAX 76-3608

デイサービス事業や福祉に関する相談等を行う施設です。

休館日 土・日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時

》小原福祉センターふくしの里

問 沢田町 TEL 65-3350 FAX 65-3705

デイサービス事業や福祉に関する相談等を行う施設です。

休館日 日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時

》下山保健福祉センターまどいの丘

問 神殿町 TEL 90-4005 FAX 90-2419

デイサービス事業や福祉に関する相談等を行う施設です。

休館日 土・日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後5時

》高齢者温泉休養施設 寿楽荘

問 平畑町 TEL 65-3611 FAX 65-2837

高齢者の皆さんの休養、健康増進を図る温泉付き宿泊施設です。一般の人でも利用できます。

休館日 月曜日、年末年始

利用時間 宿泊(要予約)／午後4時～翌日午前10時
休憩／第1部 午前10時30分～午後3時
第2部 午後5時～午後8時

》豊田ほっとかん

問 本新町 TEL 36-3000 FAX 36-3002

60歳以上の人を対象としたケア付きマンション(有料老人ホーム)と温水を利用して心身をリフレッシュする健康増進施設(温浴施設じゅわじゅわ)などを備えた多目的施設です。年中無休(健康増進施設の利用時間は午前10時～午後9時。休館日は第1月曜日、年末年始)

》福祉就業センター ふれあいの家

問 喜多町／シルバー人材センター

TEL 31-1007 FAX 34-3238

高齢者および障がい者が就業活動を通じて社会参加するなど、生きがい活動を推進する施設です。

休館日 土・日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後4時30分

》福祉就業センター 山室花はうす

問 室町 TEL 58-3055 FAX 58-3132

高齢者が草花を栽培するという就労活動を通じて社会参加するなど、生きがいと健康づくりを推進するための施設です。

休館日 土・日曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前9時～午後4時30分

» Trung tâm Phúc lợi Fujioka, Fuji no Sato

Liên hệ Fujioka iino-cho TEL 76-3606 FAX 76-3608

Đây là một cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày và tư vấn các vấn đề liên quan đến phúc lợi.

Ngày nghỉ

Thứ bảy và Chủ Nhật, ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

» Trung tâm phúc lợi Obara Fukushima no Sato

Liên hệ Sawada-cho TEL 65-3350 FAX 65-3705

Đây là một cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày và tư vấn các vấn đề liên quan đến phúc lợi.

Ngày nghỉ

Chủ Nhật, ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

» Trung tâm Y tế và phúc lợi Shimoyama, Madoi no Oka

Liên hệ Kandono-cho TEL 90-4005 FAX 90-2419

Đây là một cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc hàng ngày và tư vấn các vấn đề liên quan đến phúc lợi.

Ngày nghỉ

Thứ bảy và Chủ Nhật, ngày lễ, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

» Trung tâm nghỉ dưỡng Onsen cho người cao tuổi Jurakuso

Liên hệ Hirahata-cho TEL 65-3611 FAX 65-2837

Đây là cơ sở lưu trú có suối nước nóng nhằm giúp người cao tuổi thư giãn và cải thiện sức khỏe. Người bình thường cũng có thể sử dụng cơ sở lưu trú này.

Ngày nghỉ

Thứ Hai, nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Thời gian lưu trú (cần đặt trước) /

Từ 4:00 đến 10:00 sáng hôm sau

Thời gian nghỉ/ Ca 1: Từ 10:30 sáng đến 3:00 chiều

Ca 2: Từ 5:00 chiều đến 8:00 tối

» Toyota Hotokan

Liên hệ Honshin-cho TEL 36-3000 FAX 36-3002

Đây là một cơ sở đa năng với các tiện ích bao gồm nhà ở có kèm dịch vụ chăm sóc sức khỏe (nhà dưỡng lão có thu phí), khu nâng cao sức khỏe sử dụng nước nóng để tạo ra năng lượng mới cho tâm trí và cơ thể (Cơ sở tắm nước nóng Juwa Juwa) dành cho những người trên 60 tuổi

Mở cửa quanh năm (thời gian sử dụng khu nâng cao sức khỏe là từ 10:00 sáng đến 9:00 tối. Đóng cửa vào ngày thứ Hai đầu tiên hàng tháng và nghỉ lễ đầu năm).

» Trung tâm Việc làm và phúc lợi Fureai no Ie

Liên hệ Kitamachi/ Trung tâm nguồn nhân sự bạc
TEL 31-1007 FAX 34-3238

Đây là một cơ sở thúc đẩy tạo niềm vui trong cuộc sống cho người cao tuổi và người khuyết tật thông qua các hoạt động xã hội như làm việc v.v...

Ngày nghỉ

Thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ và nghỉ lễ năm mới.

Thời gian sử dụng

9:00 sáng đến 4:30 chiều

» Trung tâm Việc làm và phúc lợi Yamamuro Hana

Liên hệ Muromachi TEL 58-3055 FAX 58-3132

Đây là một cơ sở thúc đẩy các hoạt động tạo niềm vui và đầy sức khỏe cho người cao tuổi thông qua hoạt động làm việc như trồng cây.

Ngày nghỉ

Thứ Bảy, Chủ Nhật, các ngày lễ và nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

9:00 sáng đến 4:30 chiều.



Phúc lợi

介護予防・健康づくり支援サービス

元気アップ教室

問 健康づくり応援課 TEL 34-6627 FAX 34-6186

自治区の集会所等、地域の身近な場所で介護予防を目的としたストレッチ、筋力アップ体操等を教室形式で行います。教室終了後も、自主的に活動が継続できるよう、保健師等の講師を派遣して支援します。

実施回数 おおむね8回

実施場所 自治区、地域ふれあいサロン等

自己負担金 原則無料

生活支援・安心支援サービス

問 高齢福祉課 TEL 34-6984 FAX 34-6793
よりそい支援課 TEL 34-6791 FAX 33-2940

ひとり暮らし高齢者等登録制度 (担当:よりそい支援課)

登録された人の情報を消防本部や民生委員、地域包括支援センターに提供し、地域による見守りをを行います。

条件等 同一敷地内や隣地に配偶者や子もしくは同一生計の親族がいない人

緊急通報システム設置事業 (担当:高齢福祉課)

ひとり暮らしの高齢者や重度障がい者の自宅に緊急通報システムを設置します。

条件等 次のいずれかに該当する人

- ①ひとり暮らし高齢者等登録があり、介護保険の認定及び特定疾患(呼吸器系・循環器系等)のある人
- ②ひとり暮らしで、身体障がい者手帳1級又は2級の人

自己負担金 ・条件等①の人は、世帯の所得状況により一部負担あり
・条件等②の人は、無料

福祉電話訪問事業(担当:高齢福祉課)

ひとり暮らしの高齢者や重度障がい者に対して、週1回の電話訪問を行います。

条件等 次のいずれかに該当する人

- ①介護保険の認定とひとり暮らし高齢者等登録のある人
 - ②ひとり暮らしの重度身体障がい者
- 曜日:月～金曜日のいずれかの曜日
時間:午前9時～午後4時の間

「食」の自立支援事業(配食サービス) (担当:高齢福祉課)

栄養バランスのとれたお弁当の配達と安否確認を行います。

条件等

安否確認が必要で、買い物や調理等が困難な65歳以上のひとり暮らし又は高齢者世帯等の人
※1日のうち、昼食又は夕食のいずれか1食のみ

自己負担金 1食300円から



福祉

Dịch vụ hỗ trợ chăm sóc dự phòng và nâng cao sức khỏe

Lớp học nâng cao sức khỏe

Liên hệ Phòng Hỗ trợ xây dựng sức khỏe

TEL 34-6627 FAX 34-6186

Được tổ chức tại các địa điểm quen thuộc trong khu vực như hội trường cộng đồng nhằm phòng ngừa sự suy yếu cơ thể, bao gồm các bài tập giãn cơ, tăng cường cơ bắp, rèn luyện trí não, v.v... được tổ chức dưới hình thức lớp học. Sau khi lớp học kết thúc, chúng tôi sẽ cử các giáo viên là y tá đến hỗ trợ để các học viên có thể tiếp tục các hoạt động của mình một cách độc lập.

Số lần thực hiện

Thường khoảng 8 buổi

Địa điểm thực hiện

Các quận tự quản, Phòng gặp gỡ cộng đồng địa phương, Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng v.v...

Phản chi phí phải tự trả

Thông thường là miễn phí

Dịch vụ Hỗ trợ cuộc sống hàng ngày

Liên hệ Phòng Phúc lợi người cao tuổi

TEL 34-6984 FAX 34-6793

Phòng Hỗ trợ tư vấn

TEL 34-6791 FAX 33-2940

Chương trình đăng ký cho người cao tuổi sống một mình (Phụ trách: Phòng Hỗ trợ tư vấn)

Thông tin của những người được đăng ký sẽ được cung cấp cho Trụ sở cứu hỏa, Ban thường trực cộng đồng và Trung tâm Hỗ trợ toàn diện cộng đồng để thực hiện việc giám sát và bảo vệ người cao tuổi địa phương.

Điều kiện

Những người không có người phối ngẫu, con cái hoặc người thân cùng sống trên cùng một khu đất hoặc khu đất kế bên.

Dịch vụ lắp đặt hệ thống báo động khẩn cấp

(Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Dịch vụ này sẽ lắp đặt hệ thống báo động khẩn cấp tại nhà cho những người cao tuổi sống một mình hoặc người khuyết tật nặng.

Điều kiện

Người đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- (1) Người đã đăng ký chương trình đăng ký cho người cao tuổi sống một mình, được chứng nhận bảo hiểm chăm sóc dài hạn và mắc bệnh nhất định (bệnh liên quan đến hệ hô hấp, tim mạch, v.v...).
- (2) Người sống một mình và có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1 hoặc mức độ 2.

Phản chi phí phải tự trả

- Người đáp ứng điều kiện (1): Tùy thuộc vào tình trạng thu nhập của hộ gia đình, có một phần chi phí phải tự trả.
- Người đáp ứng điều kiện (2): Miễn phí

Chương trình Chăm sóc qua điện thoại

(Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ gọi điện 1 lần hàng tuần đối với những người cao tuổi sống một mình hoặc người khuyết tật nặng.

Điều kiện

Những người đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- (1) Được chứng nhận bảo hiểm chăm sóc dài hạn và đã đăng ký chương trình đăng ký cho người cao tuổi sống một mình
- (2) Người khuyết tật thể chất nặng sống một mình.

Ngày gọi điện thoại: Một trong các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu

Thời gian: Từ 9:00 sáng đến 4:00 chiều

Chương trình hỗ trợ tự lập về “Ăn uống” (Dịch vụ giao thức ăn) (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ giao các suất cơm được cân đối dinh dưỡng và đồng thời thực hiện kiểm tra tình trạng an toàn của người cao tuổi.

Điều kiện

Những người từ 65 tuổi trở lên sống một mình hoặc người trong hộ gia đình người cao tuổi cần được kiểm tra tình trạng an toàn, gặp khó khăn trong việc mua sắm đồ ăn hoặc nấu nướng

* Bữa trưa hoặc bữa tối trong một ngày.

Phản chi phí phải tự trả

Từ 300 yên cho mỗi bữa ăn



Phúc lợi

成年後見制度利用支援事業 (担当:よりそい支援課)

身寄りのない認知症高齢者等で判断能力が不十分な人への後見開始等の審判請求を行います。また、後見人等の報酬費用を支払うことが困難な人に対して、その費用を助成します。

》成年後見支援センター

問 社会福祉協議会 TEL 63-5566 FAX 33-2346

成年後見制度の利用を推進するとともに、制度に関する相談を受け付け、各関係機関と連携しながら支援していく相談支援窓口です。

休館日 日・月曜日、祝日、年末年始

利用時間 午前8時30分～午後5時15分

ささえあいネット～高齢者見守り ほっとライン～(担当:高齢福祉課)

地域の事業者等(会社や個人店など)が高齢者の見守り支援のために、関係協力機関として登録を行い、地域で支えあうネットワークを構築しています。

徘徊高齢者・障がい者等家族支援事業 (担当:高齢福祉課)

「見守り安心マーク」の配布、行方不明になる可能性のある人の事前登録を行います。

また、高齢者等が行方不明になった場合、家族からの依頼により、メール登録者に発見協力を依頼する情報配信を行います。

対象

65歳以上の人、65歳未満で要介護・要支援認定を受けている人等で行方不明になる可能性がある人

条件等 見守り安心マークの配布は年間10枚まで

認知症高齢者等個人賠償責任保険事業 (担当:高齢福祉課)

認知症高齢者等が、第三者に損害を負わせてしまうなどして損害賠償責任を負った場合に、これを補償する保険に市が加入します。

対象

徘徊高齢者・障がい者等事前登録制度の利用者で、他に同様の保険に加入していない人

自己負担金 なし 保証限度額 1億円

徘徊者搜索機器利用促進補助金(GPS 機器助成)(担当:高齢福祉課)

行方不明者の搜索を目的としたGPS機器の導入費用を補助します。

対象

65歳以上の人、65歳未満で要介護・要支援認定を受けている人等で行方不明になるおそれのある人

申請者(家族) 市内在住で、GPS機器を対象者の早期発見のために適切に使用・管理できる人

補助金額 上限22,000円

避難行動要支援者名簿制度 (担当:よりそい支援課)

災害時等の避難の際に特に支援を必要とする人(避難行動要支援者)の名簿を自治区や民生委員等に提供して地域における支援体制を整備します。

対象

- ①介護保険における要介護3～5の認定者
- ②ひとり暮らし高齢者等登録者
- ③在宅重度心身障がい者手当の受給者
- ④身体障がい者手帳において、視覚・聴覚・下肢・体幹のいずれかが1～2級の人
- ⑤上記に準ずる人で希望する人

訪問理美容サービス事業 (担当:高齢福祉課)

理美容所へ出かけることが困難な高齢者や障がい者を対象に訪問理美容サービスの出張費用を助成します。

対象

次のいずれかの認定や交付を受けている在宅の人

- ①介護保険の要介護3～5
- ②身体障がい者手帳1・2級
- ③療育手帳A判定
- ④精神障がい者保健福祉手帳1級

助成券は年間6枚まで(交付月により異なります)

自己負担金 散髪等にかかる費用

Chương trình Hỗ trợ sử dụng chế độ giám hộ cho người trưởng thành (Phụ trách: Phòng Hỗ trợ tư vấn)

Chúng tôi sẽ tiến hành nộp đơn yêu cầu để bắt đầu quyền giám hộ cho người cao tuổi không có người thân chăm sóc, mắc bệnh suy giảm trí nhớ và không đủ năng lực đưa ra quyết định. Ngoài ra, chúng tôi sẽ hỗ trợ chi phí cho người giám hộ khi người cao tuổi không có khả năng trả chi phí giám hộ.

» Trung tâm Hỗ trợ giám hộ người trưởng thành

Liên hệ **Hội đồng Phúc lợi xã hội**

TEL 63-5566 FAX 33-2346

Trung tâm này là điểm hỗ trợ và tư vấn, thực hiện các hợp tác với các cơ quan liên quan đồng thời tiếp nhận các câu hỏi tư vấn liên quan đến sử dụng chế độ giám hộ người trưởng thành.

Ngày nghỉ

Chủ Nhật, Thứ Hai, ngày lễ và nghỉ lễ năm mới

Thời gian sử dụng

Từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều

Mạng lưới Hỗ trợ - Đường dây nóng bảo vệ người cao tuổi (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Đây là một mạng lưới mà các doanh nghiệp trong cộng đồng (các công ty, cửa hàng cá nhân, v.v.) đăng ký làm cơ quan hợp tác, nhằm hỗ trợ bảo vệ người cao tuổi, xây dựng một mạng lưới cộng đồng để hỗ trợ lẫn nhau.

Chương trình Hỗ trợ gia đình của những người cao tuổi hoặc người khuyết tật đi lang thang (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ phát “Biểu tượng An tâm bảo vệ” và tiến hành đăng ký trước đối với những người có khả năng sẽ mất tích.

Ngoài ra, khi người cao tuổi và người khuyết tật mất tích, chúng tôi sẽ tiến hành chia sẻ thông tin và yêu cầu sự hỗ trợ từ những người đã đăng ký qua email theo yêu cầu từ gia đình.

Đối tượng

Những người từ trên 65 tuổi hoặc những người dưới 65 tuổi nhưng đã được công nhận cần được chăm sóc hoặc cần được hỗ trợ và có nguy cơ mất tích.

Điều kiện

Phát tối đa 10 “Biểu tượng An tâm bảo vệ” mỗi năm.

Chương trình Bảo hiểm trách nhiệm cá nhân cho người cao tuổi mắc bệnh suy giảm trí nhớ (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Khi người cao tuổi mắc bệnh suy giảm trí nhớ gây ra thiệt hại và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với bên thứ ba, thành phố sẽ tham gia bảo hiểm để bồi thường cho khoản thiệt hại này.

Đối tượng

Những người sử dụng hệ thống đăng ký trước dành cho người cao tuổi hoặc người khuyết tật đi lang thang và không tham gia bất kỳ loại bảo hiểm tương tự nào khác.

Phản chi phí phải tự trả Không

Mức bảo hiểm tối đa 100.000.000 yên

Chương trình hỗ trợ tiền sử dụng thiết bị tìm kiếm người mất tích (Hỗ trợ GPS) (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ tiền cho việc cài đặt thiết bị GPS nhằm mục đích tìm kiếm người mất tích.

Đối tượng

Những người từ trên 65 tuổi hoặc những người dưới 65 tuổi nhưng đã được công nhận cần được chăm sóc hoặc cần được hỗ trợ và có nguy cơ mất tích.

Người nộp đơn (Gia đình)

Người cư trú trong thành phố, có khả năng sử dụng và quản lý thiết bị GPS một cách thích hợp để tìm kiếm người mất tích.

Số tiền hỗ trợ

Tối đa 22.000 yên.

Hệ thống Danh sách những người cần hỗ trợ trong trường hợp sơ tán (Phụ trách: Phòng Hỗ trợ tư vấn)

Chúng tôi sẽ cung cấp danh sách những người cần hỗ trợ đặc biệt (người cần hỗ trợ trong trường hợp sơ tán) cho khu tự quản và ủy ban dân sinh để xây dựng hệ thống hỗ trợ trong cộng đồng khi xảy ra thảm họa như thiên tai.

Đối tượng

- (1) Những người được chứng nhận cần chăm sóc y tế mức độ 3-5 theo chương trình Bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- (2) Người cao tuổi sống một mình đã đăng ký
- (3) Những người được hưởng trợ cấp cho người khuyết tật nặng tại nhà
- (4) Những người mà trong Sổ tay người khuyết tật thể chất có thị lực, thính lực, chân hoặc phần thân ở mức độ 1-2
- (5) Những người tương tự như các trường hợp trên và mong muốn tham gia.

Dịch vụ làm tóc tại nhà (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ tiền phí dịch vụ làm tóc tại nhà cho những người cao tuổi hoặc người khuyết tật khó có thể tự đến cửa hàng làm tóc.

Đối tượng

Những người sống tại nhà và đã được công nhận thuộc một trong các điều kiện sau:

- (1) Được chứng nhận cần được chăm sóc y tế mức độ 3 - 5 theo chương trình Bảo hiểm chăm sóc dài hạn
- (2) Có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1 hoặc 2
- (3) Người được xác định có Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A
- (4) Người có Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1
Được tối đa 6 phiếu trợ cấp mỗi năm (tùy theo tháng cấp)

Phản chi phí phải tự trả

Chi phí cắt tóc v.v...



Phúc lợi

ひとり暮らし高齢者等移動費助成事業 (担当:高齢福祉課)

移動に関して家族の支援を受けることが困難なひとり暮らし高齢者等を対象にタクシーの乗車料金の一部を助成します。

対 象

介護保険の認定を受けている65歳以上で、次のいずれかに該当する在宅の人

- ①単身世帯
- ②世帯の構成員が次に掲げる人のみである世帯
 - (ア)介護保険の認定を受けている人
 - (イ)障がい者タクシー料金助成の対象の人
 - (ウ)普通自動車運転免許証を持っていない人
- ③家族等が同居、同一敷地内及び隣地に居住している場合であっても仕事等による外出のため、①又は②に掲げる人のみである世帯

助成金額 上限16,000円／年

シルバーカー購入費助成事業 (担当:高齢福祉課)

足腰の衰えにより歩行に不安のある高齢者を対象に、歩行の補助として使うシルバーカー(歩行補助車)を購入する費用の一部を助成します。

条 件 等 65歳以上の人で一人1回限り

助 成 額 購入費の1/2(上限10,000円)

高齢者等補聴器購入費助成事業 (担当:高齢福祉課)

耳の聴こえが悪く、日常生活に支障のある18歳以上の市民を対象に、補聴器を購入する費用の一部を助成します。

対 象 次の全てを満たす人

- ・市内在住の18歳以上の人
- ・市の他の補聴器助成の対象者でない人
- ・医師により補聴器が必要と認められた人

助 成 額 購入費用の半額

- ・本人と同世帯の配偶者が市民税非課税の人
上限3万円
- ・本人又は同世帯の配偶者が市民税課税の人
上限1万5,000円

認知症に関する事業 (担当:高齢福祉課)

》認知症介護家族会

認知症の人を介護する家族が集まっています。
対応方法や制度を学ぶことや、介護の悩みを共有する交流をしています。

対 象

認知症の人を介護する家族(施設入所中や過去に介護していた家族も可)

※日程・会場等の詳細は豊田市ホームページをご覧ください。



福祉

Chương trình Hỗ trợ phí di chuyển cho người cao tuổi sống một mình (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần tiền phí taxi cho những người cao tuổi sống một mình mà những người này khó có thể nhận được sự hỗ trợ từ gia đình trong việc di chuyển.

Đối tượng

Những người sống tại nhà, từ 65 tuổi trở lên và đã được chứng nhận theo hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn, và thuộc vào một trong những điều kiện sau đây:

- (1) Hộ gia đình chỉ có một người
- (2) Hộ gia đình chỉ có các thành viên sau đây:
 - (a) Những người được chứng nhận theo hệ thống bảo hiểm chăm sóc dài hạn
 - (b) Những người được hỗ trợ tiền phí taxi dành cho người khuyết tật
 - (c) Những người không có giấy phép lái xe ô tô thông thường
- (3) Trường hợp hộ gia đình mà người cao tuổi có người thân cùng sống trên cùng một khu đất hoặc khu đất liền kề nhưng những người này ra ngoài vì công việc hoặc lý do khác nên chỉ bao gồm những thành viên như đã nêu tại mục (1) hoặc (2) ở trên.

Số tiền hỗ trợ

Tối đa 16.000 yên mỗi năm

Chương trình Hỗ trợ chi phí mua khung xe hỗ trợ đi lại cho người cao tuổi (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần tiền chi phí mua khung xe hỗ trợ đi lại làm phương tiện hỗ trợ cho những người cao tuổi lo lắng khi đi bộ do sức khỏe yếu.

Điều kiện

Chỉ áp dụng một lần cho người từ 65 tuổi trở lên

Số tiền hỗ trợ

1/2 giá mua (tối đa 10.000 yên)

Chương trình hỗ trợ chi phí mua máy trợ thính cho người cao tuổi v.v... (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Chương trình hỗ trợ một phần chi phí mua máy trợ thính dành cho công dân từ 18 tuổi trở lên bị giảm thính lực và gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày.

Đối tượng

Những người đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

- Cư trú trong thành phố và từ 18 tuổi trở lên
- Không thuộc đối tượng được thành phố hỗ trợ trong chương trình mua máy trợ thính khác
- Được bác sĩ xác nhận cần thiết phải sử dụng máy trợ thính

Số tiền hỗ trợ

Hỗ trợ một nửa chi phí mua máy trợ thính

- Nếu người nhận hỗ trợ và vợ/chồng cùng hộ gia đình không chịu thuế thị dân: tối đa 30.000 yên
- Nếu người nhận hỗ trợ hoặc vợ/chồng cùng hộ gia đình chịu thuế thị dân: tối đa 15.000 yên

Chương trình về chứng suy giảm trí nhớ (Phụ trách: Phòng Phúc lợi người cao tuổi)

Hội Gia đình chăm sóc người mắc chứng suy giảm trí nhớ

Là nơi tập trung những người thân chăm sóc người mắc chứng suy giảm trí nhớ.

Chúng tôi tổ chức các buổi giao lưu nhằm học hỏi về cách thức, các chương trình chăm sóc, cũng như chia sẻ về những khó khăn trong việc chăm sóc.

Đối tượng

Những người thân chăm sóc người mắc chứng suy giảm trí nhớ (cả những người thân đang thực hiện chăm sóc tại cơ sở y tế và những người thân đã từng thực hiện chăm sóc trong quá khứ cũng có thể tham gia)

* Vui lòng truy cập trang web của Thành phố Toyota để biết thêm chi tiết về lịch trình và địa điểm.



Phúc lợi

》じゃんだらりん♪～若年性認知症・本人家族会～
認知症発症が65歳未満の人とその家族が集まっています。

同じ経験を持つ人同士の交流会や、専門職による相談会を開催します。

対 象

認知症発症が65歳未満の人と家族

※日程・会場等の詳細は高齢福祉課までお問い合わせください。

》認知症カフェ

認知症の人、介護している家族、地域住民、誰でも参加できる集いの場です。

対 象

認知症の人、介護している家族、地域住民、専門職など

※日程・会場等の詳細は豊田市ホームページをご覧ください。

》認知症伴走型支援拠点オレンジほっとテラス

認知症に関する具体的な対応方法や介護方法に特化して対応する相談窓口です。

対 象

認知症の人、家族、ケアマネジャーなどの専門職、民生委員など地域で活動されている方

※相談先・開設日時などの詳細は豊田市ホームページをご覧ください。

すこやか住宅リフォーム助成事業

問 介護保険課 TEL 34-6634 FAX 34-6034

介護保険の要介護または要支援認定者のうち、在宅で介護を受けている人が居住する住宅の改修工事に要する費用の一部を助成します。(介護保険制度の住宅改修を優先)

条 件 等 介護保険自己負担割合が1割負担の人

助 成 額 対象工事費の9割(上限18万円)

注)必ず工事前にご相談ください。

高齢者寝具貸与及び寝具クリーニング事業

問 介護保険課 TEL 34-6634 FAX 34-6034

ひとり暮らし高齢者などで衛生管理が困難な人を対象に、寝具の貸与・交換または自己所有の寝具クリーニングの費用の一部を助成します。

条 件 等 在宅で介護を受ける要介護認定者(要介護1～要介護5)であり、次のどちらかに該当する人

- ①単身世帯である人
- ②同一世帯の人がすべて要介護認定者(要介護1～要介護5)もしくは障がい者手帳所持者

助 成 額 1か月につき 上限5,000円の9割



福祉

心身に障がいのある人

問 障がい福祉課 TEL 34-6751 FAX 33-2940(東庁舎1階)

手当、助成など	対象／内容／窓口
豊田市 心身障がい者扶助料	市内在住の身体障がい者手帳、療育手帳、精神障がい者保健福祉手帳所持者(所得制限あり)。ただし市内の養護老人ホーム又は特別養護老人ホームに入所している人・市外の施設に入所している人は除く／障がいの程度に応じて月額2,500円、4,000円又は4,500円／障がい福祉課
豊田市内在宅重度 心身障がい者手当(※1)	次のすべてに該当する人 ①市内在住 ②小学生以上65歳未満(※2) ③身体障がい者手帳1～3級か療育手帳A・Bを所持し、常時介護を必要とする／月額5,500円／障がい福祉課

» Jandala-rin♪ ~Hội dành cho những người mắc chứng suy giảm trí nhớ từ sớm và gia đình của họ~

Là nơi tập trung những người dưới 65 tuổi mắc chứng suy giảm trí nhớ và gia đình của họ.

Chúng tôi tổ chức các buổi giao lưu và hội thảo tư vấn bởi các chuyên gia cho những người có cùng trải nghiệm và để họ có thể tương tác với nhau.

Đối tượng

Những người dưới 65 tuổi mắc chứng suy giảm trí nhớ và gia đình của họ

* Vui lòng liên hệ với Phòng Phúc lợi người cao tuổi để biết thêm chi tiết về lịch trình và địa điểm.

» Quán cà phê dành cho người suy giảm trí nhớ

Là nơi gặp gỡ dành cho người mắc chứng suy giảm trí nhớ, gia đình đang chăm sóc họ, cư dân địa phương và bất kỳ ai muốn tham gia.

Đối tượng

Người mắc chứng suy giảm trí nhớ, gia đình đang chăm sóc họ, cư dân địa phương, các chuyên gia, v.v...

» Trung tâm hỗ trợ chuyên biệt đồng hành với người mắc chứng suy giảm trí nhớ – Orange Hot Terrace

Đây là văn phòng tư vấn chuyên hỗ trợ các vấn đề liên quan đến phương pháp chăm sóc cụ thể liên quan đến chứng suy giảm trí nhớ.

Đối tượng

Người mắc chứng suy giảm trí nhớ, gia đình, các chuyên gia như điều phối viên chăm sóc, những người đang hoạt động hỗ trợ tại địa phương như ủy viên dân sinh v.v...

*Vui lòng truy cập trang web thành phố Toyota để biết chi tiết về nơi tư vấn và thời gian làm việc.

Chương trình Hỗ trợ sửa chữa nhà để sống khỏe

Liên hệ Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

TEL 34-6634 FAX 34-6034

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần chi phí cần thiết cho việc sửa chữa nhà ở của những người cao tuổi được chứng nhận cần được chăm sóc dài hạn hoặc cần được hỗ trợ theo chương trình bảo hiểm chăm sóc y tế và đang được chăm sóc dài hạn tại nhà riêng của họ. (Ưu tiên sửa chữa nhà ở theo chương trình bảo hiểm chăm sóc dài hạn)

Điều kiện

Những người phải tự trả 10% chi phí bảo hiểm chăm sóc y tế

Số tiền hỗ trợ

90% tổng chi phí sửa chữa (tối đa 180.000 yên) Lưu ý: Vui lòng thảo luận với chúng tôi trước khi bắt đầu sửa chữa

Chương trình Cho thuê và vệ sinh đồ dùng phòng ngủ cho người cao tuổi

Liên hệ Phòng Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

TEL 34-6634 FAX 34-6034

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần chi phí cần thiết cho việc cho thuê, đổi mới đồ dùng phòng ngủ hoặc vệ sinh đồ dùng phòng ngủ cho những người cao tuổi sống một mình, gặp khó khăn trong việc quản lý vệ sinh.

Điều kiện

Những người được chứng nhận cần được chăm sóc y tế (từ mức độ 1 đến mức độ 5) và đang nhận chăm sóc tại nhà, thuộc một trong các trường hợp sau:

- (1) Người sống một mình
- (2) Tất cả các thành viên trong cùng hộ gia đình đều là những người đã được chứng nhận cần chăm sóc dài hạn (tức mức độ 1 đến mức độ 5) hoặc là người có Sở tay người khuyết tật

Số tiền hỗ trợ

90% tổng chi phí hàng tháng, tối đa 5.000 yên



Phúc lợi

Người có khuyết tật về thể chất và tinh thần

Liên hệ Phòng Phúc lợi người khuyết tật

TEL 34-6751 FAX 33-2940 (Tầng 1, Tòa Đông)

Trợ cấp, Hỗ trợ, v.v...	Đối tượng/ Nội dung/ Quầy liên hệ
Trợ cấp của Thành phố Toyota hỗ trợ người khuyết tật	Những người có Sở tay người khuyết tật thể chất, Sở tay người khuyết tật trí tuệ, Sở tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần (có giới hạn về mức thu nhập áp dụng) sống trong thành phố. Tuy nhiên, những người đang sống trong Viện dưỡng lão hoặc Viện dưỡng lão đặc biệt của thành phố hoặc những người đang được chăm sóc trong các cơ sở chăm sóc ngoài thành phố sẽ không được hưởng trợ cấp. / Trợ cấp hàng tháng từ 2.500 yên, 4000 yên hoặc 4.500 yên tùy thuộc vào mức độ khuyết tật / Phòng Phúc lợi người khuyết tật.
Trợ cấp của thành phố Toyota cho người khuyết tật nặng sinh sống tại nhà (*1)	Những người đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: (1) Cư trú tại thành phố; (2) Độ tuổi từ học sinh tiểu học trở lên đến dưới 65 tuổi (*2); (3) Có Sở tay người khuyết tật thể chất mức độ 1-3 hoặc Sở tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A hoặc B, và cần được chăm sóc liên tục / Trợ cấp hàng tháng 5.500 yên / Phòng Phúc lợi người khuyết tật.

手当、助成など	対象／内容／窓口
愛知県在宅重度障がい者手当(※1)	次のすべてに該当する人(所得制限あり。65歳以上の人は、障がい者手帳の交付時期により、受給できない場合があります) ①県内在住②身体障がい者手帳1・2級か療育手帳A(IQ35以下)又は、身体障がい者手帳3級かつ療育手帳B ③病院などに3か月を超えて入院していない／障がいの程度に応じて月額6,750円か15,500円／障がい福祉課
特別障がい者手当(※1)	20歳以上で身体障がい者手帳2級程度以上又は療育手帳A判定程度の障がい者が重複するか、これと同等程度の障がいがあり、家庭で常時特別な介護を必要とする人(所得制限あり)。ただし、病院などに3か月を超えて入院している人は除く／障がいの程度に応じて月額29,590円、30,640円又は36,440円(※3)／障がい福祉課
障がい児福祉手当(※1)	20歳未満で身体障がい者手帳1級(2級の一部を含む)程度又は療育手帳A判定程度の障がいがあり、家庭で常時介護を必要とする人(所得制限あり)／障がいの程度に応じて月額16,100円、17,250円又は23,000円(※3)／障がい福祉課
特別児童扶養手当(※1)	身体障がい者手帳3級程度以上か療育手帳B程度以上の障がいのある20歳未満の児童を家庭で養育している人(所得制限あり)／障がいの程度に応じて月額37,830円又は56,800円(※3)／障がい福祉課
居宅介護(ホームヘルプ)の利用	障がいがあるため日常生活を営むことに支障のある身体障がい児者、知的障がい児者、精神障がい者、難病患者等(※2)／身体介護及び家事援助、通院などの外出介助／障がい福祉課
移動支援の利用	重度の視覚障がい児者・全身性障がい児者・知的障がい児者、精神障がい者／社会生活上外出を必要とする時の付き添い／障がい福祉課
移動入浴の利用	重度の身体障がい児者(※2)／移動入浴車による入浴サービスの提供／障がい福祉課
短期入所の利用(ショートステイ)	身体障がい児者、知的障がい児者、精神障がい者、難病患者等(※2)／介護者の病気や、冠婚葬祭などの理由により介護ができない場合、障がい児者を一時的(原則として8日以内)に施設へ入所／障がい福祉課
日中活動サービスの利用	身体障がい児者、知的障がい児者、精神障がい者、難病患者等／日中活動の場を提供／障がい福祉課
手話通訳者・要約筆記者の派遣	聴覚障がい者など／公的機関や病院での意志疎通を円滑にするための手話通訳・要約筆記／障がい福祉課(障がい福祉課には開庁日午前8時30分～午後5時は手話通訳者がいます)
補装具費の支給	身体障がい者手帳の交付を受けている人、難病患者等／視覚障がい者安全つえ、義眼、眼鏡、補聴器、義手、義足、装具、車椅子、電動車椅子、歩行器、姿勢保持装置など(※4)の購入費等の支給／障がい福祉課
日常生活用具の給付・貸与	身体障がい者手帳、療育手帳もしくは精神障がい者保健福祉手帳の交付を受けている人(障がい等級による制限があります)、難病患者等／読書器、特殊寝台、入浴補助用具、吸入器、吸引器、頭部保護帽、ストーマ装具、住宅改修など(※4) 貸与:寝具／障がい福祉課
声の広報	目の不自由な人／広報とよたをCDに録音したものを配布(再生には専用プレイヤーやパソコン用ソフトが必要)／障がい者福祉会館(TEL 34-2940 FAX 35-2833)

※1 福祉施設、介護保険施設に入所している人を除きます。

※2 介護保険の要介護または要支援の認定を受けている人を除きます。

※3 年平均の消費者物価指数の比率により、改定されることがあります。

※4 介護保険の要介護または要支援の認定を受け、介護保険で福祉用具として貸与を受けることのできる品目を除きます。

Trợ cấp, Hỗ trợ, v.v...	Đối tượng/ Nội dung/ Quầy liên hệ
Trợ cấp của tỉnh Aichi cho người khuyết tật nặng sinh sống tại nhà (*1)	Những người đáp ứng đồng thời tất cả các điều kiện sau (có giới hạn về mức thu nhập áp dụng. Những người từ 65 tuổi trở lên có thể không đủ điều kiện nếu thời điểm cấp thẻ Sổ tay người khuyết tật không phù hợp): (1) Cư trú tại tỉnh Aichi; (2) Có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1 hoặc 2 hoặc Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A (IQ bằng hoặc dưới 35), hoặc có thể Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 3 và Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ B; (3) Không nằm viện hơn 3 tháng liên tục / Trợ cấp hàng tháng từ 6.750 yên đến 15.500 yên tùy thuộc vào mức độ khuyết tật / Phòng Phúc lợi người khuyết tật.
Trợ cấp cho người khuyết tật đặc biệt (*1)	Những người từ 20 tuổi trở lên, bị đa khuyết tật ở mức độ 2 trở lên theo Sổ tay người khuyết tật thể chất hoặc mức độ A theo Sổ tay người khuyết tật trí tuệ hoặc khuyết tật ở mức độ tương đương, và cần được chăm sóc đặc biệt liên tục tại nhà (có giới hạn về mức thu nhập áp dụng), trừ những người đã nằm viện hơn 3 tháng liên tục. / Trợ cấp hàng tháng 29.590 yên, 30.640 yên hoặc 36.440 yên tùy thuộc vào mức độ khuyết tật (*3) / Phòng Phúc lợi người khuyết tật.
Trợ cấp Phúc lợi cho trẻ em khuyết tật (*1)	Những người đáp ứng đồng thời các điều kiện sau (có giới hạn về mức thu nhập áp dụng): Dưới 20 tuổi và có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1 (bao gồm một phần mức độ 2) hoặc được xác định có Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A và cần được chăm sóc đặc biệt liên tục tại nhà / Trợ cấp hàng tháng 16.100 yên, 17.250 yên hoặc 23.000 yên tùy thuộc vào mức độ khuyết tật (*3) / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Trợ cấp cho người nuôi dưỡng trẻ em đặc biệt(*1)	Những người nuôi dưỡng tại nhà trẻ em dưới 20 tuổi có Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 3 trở lên hoặc được xác định có Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ B trở lên (có giới hạn về mức thu nhập áp dụng) / Trợ cấp hàng tháng 37.830 yên hoặc 56.800 yên tùy thuộc vào mức độ khuyết tật (*3) / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sử dụng dịch vụ chăm sóc tại nhà (Home Help)	Người khuyết tật về thể chất, người khuyết tật về trí tuệ, người khuyết tật tinh thần, bệnh nhân mắc bệnh hiểm gấp, v.v..., vì có khuyết tật nên gặp khó khăn trong cuộc sống hàng ngày (※2) / Chăm sóc thể chất và hỗ trợ công việc nhà, hỗ trợ những lúc ra ngoài như đến bệnh viện/ Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sử dụng dịch vụ hỗ trợ di chuyển	Dành cho trẻ em có khuyết tật nặng về thị giác, rối loạn hệ thống hoặc khuyết tật về trí tuệ, và người tâm thần / Đi cùng khi họ có việc phải đi ra ngoài trong sinh hoạt hàng ngày / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sử dụng dịch vụ phòng tắm di động	Dành cho trẻ em có khuyết tật nặng về thể chất (*2) / Cung cấp dịch vụ tắm nước nóng thông qua xe phòng tắm di động / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sử dụng dịch vụ lưu trú ngắn hạn	Dành cho trẻ em có khuyết tật về thể chất, trẻ em có khuyết tật về trí tuệ, người tâm thần, bệnh nhân mắc các bệnh hiểm gấp (*2) / Trong trường hợp người chăm sóc không thể chăm sóc họ do bệnh tật hoặc vì lý do như đi dự đám cưới, tang lễ, thì có thể cho trẻ em khuyết tật lưu trú tại cơ sở trong thời gian ngắn hạn (thường là trong vòng 8 ngày) / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sử dụng dịch vụ hoạt động hàng ngày	Dành cho trẻ em có khuyết tật về thể chất, trẻ em có khuyết tật về trí tuệ, người tâm thần, bệnh nhân mắc các bệnh hiểm gấp / Cung cấp địa điểm cho các hoạt động hàng ngày / Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Sắp xếp thông dịch viên sử dụng ngôn ngữ ký hiệu và người ghi chép	Dành cho người khuyết tật về thính giác v.v.../ Dịch vụ thông dịch bằng ngôn ngữ ký hiệu và ghi chép để tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật giao tiếp tại các cơ quan chính quyền và bệnh viện / Phòng Phúc lợi người khuyết tật (Phòng Phúc lợi người khuyết tật có sẵn thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu vào các ngày làm việc từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều)
Mua	Dành cho những người đã được cấp Sổ tay người khuyết tật thể chất hoặc bệnh nhân mắc các bệnh hiểm gấp / Hỗ trợ chi phí mua các thiết bị như gậy an toàn cho người mù, mắt giả, kính, máy trợ thính, tay giả, chân giả, thiết bị chỉnh hình, xe lăn, xe lăn điện, khung hỗ trợ đi lại, thiết bị hỗ trợ tư thế ngồi v.v...(*4) Hỗ trợ chi phí mua / Phòng Phúc lợi người khuyết tật.
Cấp và cho mượn đồ dùng hàng ngày	Dành cho những người đã được cấp Sổ tay người khuyết tật thể chất, Sổ tay người khuyết tật trí tuệ hoặc Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần (có giới hạn dựa trên mức độ khuyết tật) hoặc bệnh nhân mắc các bệnh hiểm gấp / Cung cấp và cho mượn đồ dùng hàng ngày như máy đọc sách, giường đặc biệt, đồ dùng hỗ trợ tắm, máy thở oxy, máy hút, mũ bảo vệ đầu, thiết bị trợ giúp cho người sử dụng hậu môn nhân tạo, đồ dùng cải tạo nhà cửa v.v... (*4) Cho mượn: đồ dùng phòng ngủ/ Phòng Phúc lợi người khuyết tật
Thông báo bằng giọng nói	Dành cho người mù / Phân phát CD chứa thông báo thành phố Toyota (cần phải sử dụng máy nghe hoặc phần mềm máy tính chuyển dạng để phát lại) / Trung tâm Phúc lợi người khuyết tật (TEL 34-2940 FAX 35-2833)

*1: Không bao gồm những người đang được chăm sóc trong các cơ sở phúc lợi hoặc cơ sở bảo hiểm chăm sóc.

*2: Không bao gồm những người đã được chứng nhận cần được chăm sóc y tế hoặc cần được hỗ trợ.

*3: Có thể được điều chỉnh dựa trên chỉ số hàng hoá tiêu dùng trung bình hàng năm.

*4: Không bao gồm các đồ dùng mà người sử dụng là người đã được chứng nhận cần được chăm sóc y tế hoặc cần được hỗ trợ theo chương trình bảo hiểm chăm sóc dài hạn và có thể được cho mượn như là các trang thiết bị phúc lợi theo chương trình bảo hiểm đó.



Phúc lợi



出産・育児・教育

健診・教室・制度

問 おやこ応援課 TEL 34-6636 FAX 32-2098(東庁舎2階)

全ての健診は、受診時に豊田市に住民登録がある人が対象です。また、「対象」欄の年齢は、年度中の誕生日に迎える年齢を指します。

対象、内容、費用については変更する場合があります。

母子健康手帳交付

◎対象 市内在住の妊婦

◎とき／ところ

随時／おやこ応援課(TEL 34-6636)(東庁舎2階)

◎内容

母子健康手帳と妊産婦・乳児健康診査受診票をお渡しします。

◎持ち物

- ☑ 妊娠届出書
- ☑ 妊婦の個人番号カードか通知カード
- ☑ 本人確認ができる証明書(写真付き証明書1点か写真表示のない証明書2点)

パパママ教室

◎対象 市内在住の妊婦と配偶者

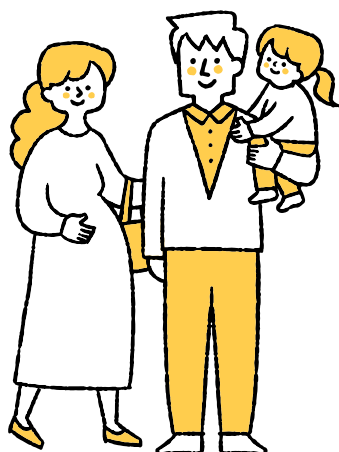
◎とき／ところ

広報とよた、市ホームページを参照ください。

◎種類

妊娠中の生活や食事について保健師や管理栄養士・薬剤師がお話します。予約が必要です。

※多胎パパママ教室、2ndマタニティ教室も開催します。



妊産婦健康診査

◎対象

豊田市に住所を有している(住民基本台帳に記載されている人)妊婦と出産後8週以内の産婦

◎持ち物

- ☑ 母子健康手帳
- ☑ 妊産婦健康診査受診票

◎場所

愛知県内の医療機関(一部医療機関を除く)

◎受診票の配布

母子健康手帳交付時にお渡しします。

◎その他

助産所または愛知県以外の医療機関にて妊産婦健康診査を受診される人は、別に払い戻しの手続きが必要です。

妊産婦歯科健康診査

◎対象

市内在住の妊婦と出産後1年未満の産婦(※)
 (注意)転入、紛失等の理由で受診票を持っていない人は、母子健康手帳を持っておやこ応援課へ
 ※産後1年未満とは、出産した日から1歳の誕生日の2日前までの期間です

◎とき 随時

◎ところ

歯科健診実施医療機関(市ホームページを参照ください)

◎持ち物

- ☑ 母子健康手帳交付時に配布する妊婦・産婦歯科健康診査受診票
- ☑ 母子健康手帳



Sinh con, Nuôi dưỡng và Giáo dục trẻ em

Khám sức khỏe, lớp học và các chương trình hỗ trợ

Liên hệ Phòng Gia đình và Trẻ em **TEL 34-6636 FAX 32-2098** (Tầng 2, Tòa Đông)

Những người có đăng ký cư trú tại Thành phố Toyota tại thời điểm khám sức khỏe là đối tượng của tất cả các chương trình khám sức khỏe. Ngoài ra, độ tuổi ghi trong cột "Đối tượng" là số tuổi của người khám bệnh trong năm tài chính đó.

Thông tin về đối tượng, nội dung và chi phí có thể thay đổi.

Cấp Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé

● Đối tượng

Phụ nữ mang thai đang cư trú tại thành phố

● Thời gian/địa điểm

Linh hoạt/ Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em
(TEL 34-6636) (Tầng 2, Tòa Đông)

● Nội dung

Cấp Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé cùng với phiếu khám sức khỏe cho phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

● Giấy tờ cần thiết

- ✓ Phiếu thông báo mang thai
- ✓ Thẻ My Number hoặc thẻ thông báo mang thai của người mang thai
- ✓ Giấy tờ xác minh danh tính có ảnh (1 loại giấy tờ nếu có ảnh hoặc 2 loại giấy tờ nếu không có ảnh)

Lớp học cho bố và mẹ (Lớp học Papa Mama)

● Đối tượng

Phụ nữ mang thai và chồng cư trú tại thành phố

● Thời gian/địa điểm/nội dung

Vui lòng tham khảo thông tin tại Bản tin Toyota và trang web của thành phố.

● Loại hình

Các chuyên gia sức khỏe như y tá, chuyên gia dinh dưỡng và dược sĩ sẽ trò chuyện về cuộc sống và chế độ ăn uống khi mang thai. Để tham gia, bạn cần đặt chỗ trước.

* Lớp học đặc biệt dành cho các mẹ đa thai và lớp học cho các mẹ mang thai lần thứ hai cũng sẽ được tổ chức.



Kiểm tra sức khỏe cho phụ nữ mang thai và sau sinh

● Đối tượng

Phụ nữ mang thai và phụ nữ sau sinh trong vòng 8 tuần có địa chỉ cư trú tại Thành phố Toyota (có tên trong Sổ cơ sở dữ liệu cư trú)

● Giấy tờ cần thiết

- ✓ Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé
- ✓ Phiếu khám sức khỏe phụ nữ mang thai và sau sinh

● Địa điểm

Tại các cơ sở y tế trong tỉnh Aichi (trừ một số cơ sở y tế)

● Việc cấp phiếu khám sức khỏe

Sẽ được cấp tại thời điểm cấp Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé

● Lưu ý

Nếu bạn muốn kiểm tra sức khỏe phụ nữ mang thai tại các cơ sở hộ sinh hoặc các cơ sở y tế ngoài tỉnh Aichi, bạn sẽ cần thực hiện thủ tục hoàn trả riêng

Kiểm tra sức khỏe răng cho phụ nữ mang thai và sau sinh

● Đối tượng

Phụ nữ mang thai cư trú tại thành phố Toyota và phụ nữ sau sinh 1 năm trở xuống*

Lưu ý: Nếu không có Phiếu khám sức khỏe do lý do như chuyển đến thành phố, làm mất, v.v..., bạn cần mang theo Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé và liên hệ với Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em.

* Lưu ý: Dưới 1 năm sau khi sinh có nghĩa là tính từ ngày sinh cho đến trước sinh nhật 1 tuổi của trẻ 2 ngày.

● Thời gian

Linh hoạt

● Địa điểm

Tại các cơ sở y tế có thực hiện kiểm tra sức khỏe nha khoa (vui lòng xem trang web của thành phố để biết chi tiết).

● Giấy tờ cần thiết

- ✓ Phiếu khám sức khỏe nha khoa cho phụ nữ mang thai và sau sinh được phát khi cấp Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé
- ✓ Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé



3、4か月児健康診査

◎対象 3～6か月未満児

◎とき／ところ 個人通知(要予約)

※乳幼児健康診査は、予約制です。

「健診のご案内」(個人通知)に記載されている「予約番号」「パスワード」をもとに希望の日時を予約します。予約はインターネットから行います(パソコン、スマートフォン、携帯電話)。

なお、お手持ちの機器の不具合や操作方法等でご不明な点がある場合は、おやこ応援課に問合せください。

◎内容

問診、計測(身長・体重・頭囲)、診察、育児相談・授乳相談等を行います。

1歳6か月児健康診査

◎対象 満1歳6か月～2歳未満児

◎とき／ところ 個人通知(要予約)

※3、4か月児健康診査を参照してください

◎内容

問診、計測(身長・体重)、内科・歯科診察、育児相談、歯科相談、栄養相談等を行います。

3歳児健康診査

◎対象 満3歳5か月～4歳未満児

◎とき／ところ 個人通知(要予約)

※3、4か月児健康診査を参照してください。

◎内容

問診、計測(身長・体重)、内科・歯科診察、視聴覚検査、育児相談等を行います。

乳児健康診査

◎対象

豊田市に住所を有している(住民基本台帳に記載されている)1歳1か月未満児

◎持ち物

- 母子健康手帳
- 乳児健康診査受診票

◎場所

愛知県内の医療機関(一部医療機関を除く)

◎受診票の配布

母子健康手帳交付時にお渡しします。

◎その他

愛知県以外の医療機関にて乳児健康診査を受診される人は、別に払い戻しの手続きが必要です。

使用期限は受診票裏面をご確認ください。

2歳児歯科健康診査

◎対象

豊田市に住所を有している(住民基本台帳に記載されている)2歳児

(注意)対象者がいて、受診券のない人は、母子健康手帳を持って健康政策課(TEL 34-6956)へ

※受診期限は、3歳の誕生日の2日前までです。

◎とき 随時

◎ところ

歯科健康診査実施医療機関(市ホームページを参照ください)

◎持ち物

- 豊田市2歳児歯科健康診査受診券
- 母子健康手帳

※受診券は、2歳の誕生日の翌月に送付します。



Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh 3, 4 tháng tuổi

● Đối tượng

Trẻ dưới 3 đến 6 tháng tuổi

● Thời gian và địa điểm

Theo lịch hẹn cá nhân (cần hẹn trước)

* Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh thực hiện theo lịch hẹn và cần phải đặt lịch trước.

Bạn sẽ nhận được một thông báo cá nhân với “Mã số đặt hẹn” và “Mật khẩu” trong “Hướng dẫn kiểm tra sức khỏe”. Bằng cách sử dụng mã số đặt hẹn và mật khẩu này, bạn có thể đặt lịch hẹn cho địa điểm và thời gian khám sức khỏe theo mong muốn thông qua Internet (máy tính cá nhân, điện thoại thông minh hoặc điện thoại di động). Nếu gặp bất kỳ sự cố nào về việc sử dụng thiết bị hoặc thắc mắc về cách thức hoạt động, vui lòng liên hệ với Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em.

● Nội dung

Hỏi bệnh; đo chiều cao, cân nặng, chu vi đầu; kiểm tra sức khỏe, tư vấn chăm sóc trẻ sơ sinh và nuôi con bằng sữa mẹ v.v...

Khám sức khỏe cho trẻ từ 1 tuổi 6 tháng

● Đối tượng

Trẻ từ đủ 1 tuổi 6 tháng đến dưới 2 tuổi

● Thời gian/Địa điểm

Thông báo sẽ được gửi đến cho các cá nhân (cần đặt hẹn trước)

* Tham khảo phần “Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh 3, 4 tháng tuổi”

● Nội dung

Hỏi bệnh; đo chiều cao, cân nặng; khám nội khoa và nha khoa; tư vấn chăm sóc trẻ, tư vấn nha khoa, tư vấn dinh dưỡng v.v...

Khám sức khỏe cho trẻ 3 tuổi

● Đối tượng

Trẻ từ đủ 3 tuổi 5 tháng đến dưới 4 tuổi

● Thời gian/Địa điểm

Thông báo sẽ được gửi đến cho các cá nhân (cần đặt hẹn trước)

* Tham khảo phần “Khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh 3, 4 tháng tuổi”

● Nội dung

Hỏi bệnh; đo chiều cao, cân nặng; kiểm tra nội khoa, nha khoa; kiểm tra thị giác, thính giác; tư vấn chăm sóc trẻ v.v...

Kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh

● Đối tượng

Trẻ em dưới 1 tuổi 1 tháng và có địa chỉ cư trú tại thành phố Toyota (có tên trong Sổ cơ sở dữ liệu cư trú)

● Giấy tờ cần mang theo

- ✓ Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé
- ✓ Phiếu kiểm tra sức khỏe trẻ sơ sinh

● Địa điểm

Các cơ sở y tế tại tỉnh Aichi (trừ một số cơ sở y tế)

● Phát Phiếu khám sức khỏe

Sẽ được phát tại thời điểm cấp Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé.

● Lưu ý khác

Người đi kiểm tra sức khỏe cho trẻ sơ sinh dưới 1 tuổi tại cơ sở y tế ngoài tỉnh Aichi sẽ phải thực hiện các thủ tục hoàn trả riêng.

Về thời hạn sử dụng, vui lòng kiểm tra tại mặt sau của Phiếu khám sức khỏe.

Khám sức khỏe nha khoa cho trẻ 2 tuổi

● Đối tượng

Trẻ 2 tuổi có địa chỉ cư trú ở trong thành phố Toyota (Có tên trong Sổ cơ sở dữ liệu cư trú).

* Trong mỗi giai đoạn từ đủ 1 tuổi 6 tháng đến 2 tuổi, 3 tuổi, 4 tuổi, trẻ sẽ được khám một lần

Lưu ý: Nếu có trẻ em thuộc đối tượng nhưng không có Phiếu khám sức khỏe nha khoa, vui lòng mang Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé đến Phòng Chính sách y tế (TEL 34-6956) để lấy phiếu.

* Hạn cuối khám sức khỏe là 2 ngày trước sinh nhật 3 tuổi.

● Thời gian

Linh hoạt

● Địa điểm

Các cơ sở y tế có thực hiện kiểm tra sức khỏe nha khoa (Vui lòng tham khảo trang web của thành phố)

● Giấy tờ cần mang theo

- ✓ Phiếu khám sức khỏe nha khoa cho trẻ 2 tuổi ở thành phố Toyota
- ✓ Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé

* Phiếu khám sức khỏe sẽ được phát cho bạn vào tháng kế tiếp của tháng sinh nhật 2 tuổi.



産後ケア事業

産後間もない児と保護者等が宿泊や通所・訪問で授乳指導や離乳食指導、育児支援などが受けられる事業です。

※所得に応じ自己負担有り

◎対象 出生後1年未満の児と保護者等

◎ところ

委託の医療機関・助産所(訪問の場合は自宅)

◎申請窓口 おやこ応援課 ※電子申請可

産前産後支援事業

妊娠中や産後間もない家庭にヘルパーを派遣し、家事育児支援を行う制度です。

◎対象

妊婦又は出生後1年未満の子どもがいる家庭(多胎児、きょうだい児がいる場合は、最年少の子どもが出生後3年未満まで)

◎利用料 1時間当たり800円

◎利用時間

午前8時～午後6時のうち1日2回まで。1回4時間以内
※通算60時間まで(多胎の場合は180時間まで)

◎申請窓口 おやこ応援課 ※電子申請可

家庭児童相談室

子育てのいろいろな悩みをご相談いただけます。子育てに負担や不安を感じ始めたら、お気軽にご相談ください。

◎対象 18歳未満の子ども、保護者

◎内容 子どもの養育上の悩み

◎相談時間

月～金曜日 午前9時～午後5時15分
(年末年始・祝日を除く)

(TEL 35-1152)



児童虐待に関する相談

相談先	相談日時	電話番号
こども相談課	月～金曜日 午前8時30分～ 午後5時15分 (年末年始・祝日を 除く)	34-6965
愛知県 豊田加茂児童・ 障害者相談センター	月～金曜日 午前8時45分～ 午後5時30分 (年末年始・祝日を 除く) ※緊急の場合は夜 間・休日も受け付 けます	33-2211
児童相談所 虐待対応ダイヤル	24時間・365日	いちばやく 189

母子・父子自立支援員による相談

ひとり親家庭の父又は母及び寡婦の人が自立できるよう、生活の安定や子育ての相談、就業に関する相談などを総合的に行っています。

◎相談窓口

おやこ応援課(東庁舎2階)

◎相談時間

月～金曜日 午前8時30分～午後5時15分
(年末年始・祝日を除く))

◎対象 市内在住のひとり親家庭及び寡婦の人

◎内容

ひとり親家庭の父又は母及び寡婦の自立等に関すること

未熟児養育医療給付

身体の発育が未熟のまま出生し、生活能力が特に薄弱で保育器を使用するなど入院養育が必要な乳児に対して、その治療に必要な医療費を公費で負担する制度です。

◎実施場所

指定養育医療機関の指定を受けている病院等で、給付を受けることができます。

◎申請場所

おやこ応援課(東庁舎2階)

(注意)郵送での申請は受付けていません。

◎申請期間

入院中に速やかに申請してください。

◎その他

●申請されますと、審査を行い、2～3週間ほどで結果をご自宅に送付します。

●一度、医療機関に支払われたものにつきましては市からの還付はありません。

Chương trình chăm sóc sau sinh

Qua chương trình này, trẻ em và phụ huynh v.v... có thể được hướng dẫn về được hỗ trợ về cách nuôi con bằng sữa mẹ, hướng dẫn ăn dặm cho trẻ, hỗ trợ chăm sóc trẻ... thông qua việc lưu trú qua đêm, thăm khám hàng ngày, thăm khám tại nhà.

* Có thể sẽ phát sinh phí tự trả tùy thuộc vào thu nhập của gia đình.

● Đối tượng

Trẻ và phụ huynh v.v... sau khi sinh dưới 1 năm

● Địa điểm

Tại các cơ sở y tế hoặc phòng khám sản phụ được ủy nhiệm (trường hợp thăm khám tại nhà thì là tại nhà riêng)

● Nơi đăng ký

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em *Có thể đăng ký trực tuyến

Chương trình hỗ trợ trước và sau sinh

Chương trình này cung cấp người hỗ trợ đến những gia đình có phụ nữ mang thai hoặc có trẻ sơ sinh để hỗ trợ họ làm việc nhà và chăm sóc trẻ.

● Đối tượng

Gia đình có phụ nữ mang thai hoặc có con dưới 1 tuổi sau khi sinh (đối với trường hợp sinh đa thai hoặc có nhiều hơn một con, thì tuổi tối thiểu của con có thể được kéo dài tới dưới 3 tuổi)

● Phí sử dụng

800 yên 1 giờ

● Thời gian sử dụng

Từ 8:00 sáng đến 6:00 tối, tối đa 2 lần mỗi ngày và mỗi lần không quá 4 giờ.

* Tổng thời gian sử dụng tối đa là 60 giờ (hoặc 180 giờ đối với trường hợp đa thai)

● Nơi đăng ký

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em *Có thể đăng ký trực tuyến

Phòng Tư vấn gia đình và trẻ em

Chúng tôi sẽ tư vấn cho bạn về mọi vấn đề liên quan đến việc nuôi dạy con cái. Hãy liên hệ với chúng tôi một cách thoải mái nếu bạn bắt đầu cảm thấy căng thẳng hoặc lo lắng trong việc chăm sóc con cái.

● Đối tượng

Trẻ em dưới 18 tuổi và người giám hộ

● Nội dung tư vấn

Mọi vấn đề liên quan đến việc nuôi dạy con cái

● Thời gian tư vấn

Từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 9:00 sáng đến 5:15 chiều (Trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ)

Điện thoại: (TEL) 35-1152

Tư vấn liên quan đến hành vi ngược đãi trẻ em

Địa chỉ tư vấn	Thời gian tư vấn	Số điện thoại
Phòng Gia đình và Trẻ em	Thứ Hai đến thứ Sáu từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều (Trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ)	34-6965
Trung tâm tư vấn Trẻ em và người khuyết tật Toyota Kamo, tỉnh Aichi	Thứ Hai đến thứ Sáu từ 8:45 sáng đến 5:30 chiều (Trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ) *Chúng tôi cũng tiếp nhận vào ban đêm và ngày nghỉ trong trường hợp khẩn cấp.	33-2211
Văn phòng tư vấn trẻ em Đường dây nóng ứng phó với hành vi ngược đãi trẻ	24 giờ mỗi ngày, 365 ngày trong năm	189

Tư vấn bởi các nhân viên hỗ trợ cho bố/ mẹ đơn thân

Tư vấn tổng hợp về việc ổn định cuộc sống, chăm sóc con cái và tư vấn việc làm nhằm hỗ trợ bố/ mẹ đơn thân và người goá phụ trong việc tự lập cuộc sống.

● Quầy tư vấn

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em (Tầng 2, Tòa Đông)

● Thời gian tư vấn

Thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều (trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ)

● Đối tượng

Người sống tại thành phố trong các gia đình đơn thân và người goá phụ

● Nội dung

Liên quan đến tự lập cuộc sống cho bố/ mẹ đơn thân và người goá phụ

Trợ cấp chi phí y tế cho trẻ sinh non

Đây là một hệ thống trong đó quỹ công được sử dụng để trang trải các chi phí y tế cần thiết cho việc điều trị cho trẻ sinh non có khả năng sống đặc biệt yếu và cần phải nhập viện để nuôi dưỡng, ví dụ phải sử dụng lồng ấp nuôi dưỡng.

● Địa điểm thực hiện

Bạn có thể nhận trợ cấp này tại các bệnh viện đã được chỉ định làm các cơ sở y tế nuôi dưỡng.

● Nơi nộp đơn

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em (Tầng 2, Tòa Đông)
Lưu ý: Không chấp nhận đăng ký qua bưu điện.

● Thời hạn nộp đơn

Vui lòng nộp đơn ngay khi nhập viện.

● Thông tin khác

- Sau khi bạn nộp đơn, chúng tôi sẽ tiến hành xem xét và sau khoảng 2-3 tuần, chúng tôi sẽ gửi kết quả đến địa chỉ của bạn.
- Một khi đã thanh toán cho cơ sở y tế, bạn sẽ không được hoàn trả từ thành phố.



自立支援医療(育成)給付

心臓病、内反足、斜視、ヘルニア、口蓋裂などの病気の人で手術等により改善が認められる場合に、医療費の保険診療自己負担額を公費で負担する制度です。

◎対象

保護者が豊田市に住所を有する18歳未満の児童

◎実施場所

自立支援医療の指定を受けている医療機関等で、給付を受けることができます。

◎申請場所

おやこ応援課(東庁舎2階)

(注意)郵送での申請は受け付けていません。

◎申請期間

事前申請が原則です。

治療の予定が決まったら、できるだけ早く申請してください。

◎その他

- 所得制限があります。
- 補装具申請の人は補装具見積書も必要になります(後日提出可)。
- 申請されますと、審査を行い、2～3週間ほどで結果をご自宅に送付します。
- 一度、医療機関に支払われたものにつきまして、市からの還付はありません。

母子家庭等自立支援給付金

ひとり親家庭の父又は母が、就職に役立つ技能や資格の取得のため各種講座を受講したり、各種学校等の養成機関で修業する場合などに、次の給付金を支給する制度です。

なお、いずれも母子・父子自立支援員(おやこ応援課)への事前相談が必要です。

》自立支援教育訓練給付金

経済的自立のために指定の職業能力開発講座を受講後、自立支援教育訓練給付金を支給します。

◎支給額

対象講座の受講料の6割相当額(上限20万円。専門実践教育訓練給付の対象講座については一定条件により追加支給あり)

◎申請場所

おやこ応援課(東庁舎2階)

(注意)郵送での申請は受け付けていません。

◎申請期間

随時(受講前に相談し決定を受けること)

◎申請方法

講座受講前に対象講座指定を受けてください。講座修了後、支払った受講料の分かる領収書や講座修了証等を持参し支給申請をしてください。

》高等職業訓練促進給付金

就職に有利な資格取得と経済的自立のために一定期間以上養成機関で修業する場合に支給します。必ず事前に相談してください。

◎対象資格

看護師・介護福祉士・保育士・理学療法士・作業療法士等

◎支給期間

修業期間の全期間(最長4年間)

◎支給額

- 市町村民税非課税世帯は、月額100,000円、修了時50,000円
- 市町村民税課税世帯は、月額70,500円、修了時25,000円

※修業する期間の最後の1年については、月額40,000円を増額

》高等学校卒業程度認定試験合格支援給付金

高校を卒業していない(中退を含む)ひとり親家庭の親又は子(20歳未満)が高等学校卒業程度認定試験の合格を目指す際に対策講座の受講等に要する費用の一部を支給します。

◎支給額

- ①受講開始時給付金
受講料の4割相当額(上限20万円、通信制の場合上限10万円)
- ②受講終了時給付金
受講料の1割相当額(①と合わせて上限25万円、通信制の場合上限12万5千円)
- ③合格時給付金
受講料の1割相当額(①②と合わせて上限30万円、通信制の場合上限15万円)

母子・父子・寡婦福祉資金の貸付

ひとり親家庭の父又は母及び寡婦の人が自ら進んで自立を図り、家庭生活及び職業生活の安定と向上に努めるために、また児童の福祉増進のために必要な資金の貸付を行っています。

》貸付について

修学資金を始めとした12種類の貸付資金があります。

貸付けには、原則、保証人が必要となります。また審査があり、貸付けできない場合があります。

Trợ cấp y tế hỗ trợ phát triển tự lập (Cho trẻ em)

Đây là hệ thống trong đó quỹ công chi trả các chi phí y tế được bảo hiểm chi trả cho những trẻ em mắc bệnh tim, khoèo chân bẩm sinh, lác, thoát vị, hở hàm ếch, v.v... và có thể được cải thiện nhờ phẫu thuật.

● Đối tượng

Trẻ em dưới 18 tuổi có người giám hộ là người có địa chỉ cư trú tại Thành phố Toyota

● Địa điểm thực hiện

Có thể nhận trợ cấp này tại các cơ sở y tế đã được chỉ định tham gia chương trình hỗ trợ phát triển tự lập.

● Nơi nộp đơn

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em (Tầng 2, Tòa Đông)
Lưu ý: Không chấp nhận đăng ký qua bưu điện.

● Thời hạn nộp đơn

Yêu cầu nộp đơn trước khi điều trị. Khi bạn đã quyết định việc điều trị, hãy nộp đơn càng sớm càng tốt.

● Thông tin khác

- Có hạn chế về mức thu nhập áp dụng.
- Nếu bạn yêu cầu trợ cấp cho các dụng cụ y tế hỗ trợ, bạn cũng cần nộp bản báo giá cho dụng cụ y tế đó (có thể nộp sau).
- Sau khi bạn nộp đơn, chúng tôi sẽ tiến hành xem xét và gửi kết quả đến địa chỉ của bạn sau khoảng 2-3 tuần.
- Một khi đã thanh toán cho cơ sở y tế, bạn sẽ không được hoàn trả từ thành phố.

Trợ cấp hỗ trợ tự lập cho gia đình đơn thân

Chương trình này cung cấp trợ cấp cho các bậc phụ huynh đơn thân, bao gồm cả cha và mẹ, trong trường hợp họ tham gia các khóa học hoặc tham gia đào tạo tại các cơ sở đào tạo để có được các kỹ năng và bằng cấp hữu ích cho công việc.

Lưu ý rằng bạn cần thảo luận trước với nhân viên hỗ trợ (tại Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em) trước khi nộp đơn yêu cầu.

➤ Trợ cấp hỗ trợ giáo dục và đào tạo tự lập

Chương trình này cung cấp trợ cấp sau khi tham gia khóa học phát triển kỹ năng nghề nghiệp được chỉ định để đạt được sự độc lập về tài chính.

● Mức trợ cấp

60% học phí của khóa học được chỉ định (Tối đa 200.000 yên. Đối với các khóa học thuộc chương trình trợ cấp đào tạo và giáo dục chuyên môn thực tiễn, có thể được nhận thêm trợ cấp nếu đáp ứng một số điều kiện nhất định.)

● Nơi nộp đơn

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em (Tầng 2, Tòa Đông)
Lưu ý: Không chấp nhận đăng ký qua bưu điện.

● Thời gian tư vấn

Linh hoạt (tư vấn và quyết định trước khi tham gia khóa học)

● Cách nộp đơn

Trước khi tham gia khóa học, bạn cần xác định khóa học sẽ tham gia. Sau khi hoàn thành khóa học, bạn cần mang theo biên lai ghi rõ số tiền học phí đã thanh toán và chứng chỉ hoàn thành khóa học để yêu cầu trợ cấp.

➤ Trợ cấp khuyến khích tham gia đào tạo nghề cao cấp

Chương trình này trợ cấp cho những người tham gia đào tạo trong một khoảng thời gian nhất định trở lên tại các trường đào tạo nghề để đạt được các chứng chỉ hữu ích cho việc làm và đảm bảo khả năng tự lập kinh tế. Hãy thảo luận trước với chúng tôi.

● Các chứng chỉ mục tiêu

Y tá, Điều dưỡng, Giáo viên mầm non, Kỹ thuật viên trị liệu vật lý, Kỹ thuật viên trị liệu nghề nghiệp, v.v...

● Thời gian trợ cấp

Trong suốt thời gian của chương trình đào tạo (tối đa 4 năm)

● Mức trợ cấp

- Hộ gia đình được miễn thuế thị dân sẽ nhận được 100.000 yên mỗi tháng và 50.000 yên khi hoàn thành khóa học.
- Gia đình phải đóng thuế thị dân sẽ nhận được 70.500 yên mỗi tháng và 25.000 yên khi hoàn thành khóa học.

* Năm cuối cùng của thời gian học tập sẽ được trợ cấp thêm 40.000 yên mỗi tháng.

➤ Học bổng hỗ trợ cho người đỗ kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông

Bố/mẹ hoặc con cái (dưới 20 tuổi) trong gia đình bố/mẹ đơn thân chưa tốt nghiệp trung học phổ thông (bao gồm cả bỏ học giữa chừng) sẽ được hỗ trợ một phần chi phí cần thiết để tham gia các khóa học hướng tới mục tiêu thi đỗ kỳ thi chứng nhận trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông.

● Số tiền hỗ trợ

- (1) Hỗ trợ khi bắt đầu khóa học: 40% tiền học phí (tối đa 200.000 yên, trong trường hợp học từ xa thì tối đa 100.000 yên)
- (2) Hỗ trợ khi kết thúc khóa học: 10% tiền học phí (cộng với (1) tối đa 250.000 yên, trong trường hợp học từ xa tối đa 125.000 yên)
- (3) Hỗ trợ khi đỗ kỳ thi: 10% số tiền học phí (cộng với (1) và (2) tối đa 300.000 yên, trong trường hợp học từ xa tối đa 150.000 yên)

Hỗ trợ tài chính cho gia đình đơn thân, phụ nữ góa phụ

Chương trình này cung cấp cho bố/ mẹ đơn thân và người góa phụ các khoản vay cần thiết để họ nỗ lực ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình, công việc, cũng như để tăng cường phúc lợi cho trẻ em.

➤ Về việc cho vay tiền

Có 12 loại khoản vay, bao gồm khoản vay học tập và các loại khoản vay khác.

Về nguyên tắc, việc vay tiền này yêu cầu cần có người bảo lãnh.

Có quá trình thẩm định và có thể không được vay trong một số trường hợp.



予防接種

問 感染症予防課 TEL 34-6180 FAX 34-6929(東庁舎4階)

子どもの予防接種には、予防接種法によって対象疾病、対象者及び接種期間などが定められた定期の予防接種と、それ以外の任意の予防接種があります。

定期の予防接種

◎種類

ロタウイルス、B型肝炎、ヒブ、小児用肺炎球菌、BCG、ポリオ、4種混合、5種混合、麻しん風しん混合、水痘、2種混合、日本脳炎、子宮頸がん予防

◎持ち物

- ◎ 予防接種券
- ◎ 母子健康手帳(小・中学生、高校生はある人)

◎その他

- 法改正等の都合により、種類や内容等が変更される場合があります。
- 受け方、対象年齢等詳しくは市ホームページをご覧ください。

任意の予防接種

任意の予防接種の費用の一部を助成しています。詳しくは市ホームページをご覧ください。

教育・子育て

問 保育課 TEL 34-6809 FAX 32-2088(東庁舎2階)
こども・若者政策課 TEL 34-6630 FAX 34-6938(東庁舎2階)
学校教育課 TEL 34-6661 FAX 31-9145(東庁舎6階)
教育政策課 TEL 34-6658 FAX 34-6771(東庁舎6階)

こども園等に入るには(担当:保育課)

市は市立保育園・私立保育園・市立幼稚園の名称を「こども園」に統一し、一体的な運用をしています。

年度当初の入園の受付、日程等は、9月頃に公表予定です。

年度途中の入園申込みは、入園希望月の前々月の15日～月末に保育課で、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡地区については園のある各地区の支所でも受け付けます。

入園できるのは、就労等により家庭での保育ができない場合に限ります。4・5歳児は、就労等の要件がなくても、定員に余裕のある場合は入園できます(一部の園を除く)。

詳しくは、「こども園等のご案内」をご覧ください。
※私立幼稚園・幼保連携型認定こども園(旧幼稚園型)(3～5歳児)については8月頃広報とよたにて掲載予定です。



Tiêm chủng phòng ngừa

Liên hệ Phòng Phòng chống bệnh lây truyền **TEL 34-6180 FAX 34-6929** (Tầng 4, Tòa Đông)

Tiêm chủng phòng ngừa cho trẻ em có sự phân chia như sau: Tiêm chủng định kỳ được thực hiện định kỳ có các bệnh tiêm chủng cụ thể, đối tượng tiêm chủng và thời gian tiêm chủng được quy định tại Luật về Tiêm chủng phòng ngừa; và tiêm chủng tự nguyện đối với các bệnh không nằm trong danh sách tiêm chủng định kỳ.

Tiêm chủng định kỳ

● Phân loại

Rotavirus, Viêm gan B, HiB (Bệnh viêm màng não Haemophilus influenzae loại B), Viêm phổi cấp trẻ em, BCG, Polio, vắc xin 4 trong 1 (bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt), vắc xin 5 trong 1 (bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm phổi và viêm màng não mủ do Hib), Sởi và Rubella kết hợp, Thủy đậu, 2 vắc xin trong 1 (bạch hầu, uốn ván), Viêm não Nhật Bản, Phòng ngừa ung thư cổ tử cung

● Giấy tờ cần mang theo

- ✓ Phiếu tiêm chủng định kỳ
- ✓ Sổ tay Sức khỏe mẹ và bé (đối với học sinh tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông), Thẻ bảo hiểm y tế

● Lưu ý khác

- Do sự sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật, phân loại và nội dung tiêm chủng có thể thay đổi.
- Thông tin chi tiết về cách tiêm chủng, độ tuổi được quy định và các thông tin khác có trên trang web của thành phố.

Tiêm chủng tự nguyện

Chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần chi phí tiêm chủng tự nguyện. Xin vui lòng tham khảo trang web của thành phố để biết thêm chi tiết.

Giáo dục và Phòng Quản lý trường mầm non

Liên hệ Phòng Phòng Quản lý trường mầm non
Phòng Chính sách trẻ em và thanh thiếu niên
Phòng Giáo dục trường học
Phòng Chính sách Giáo dục

TEL 34-6809 FAX 32-2088 (Tầng 2, Tòa Đông)
TEL 34-6630 FAX 34-6938 (Tầng 2, Tòa Đông)
TEL 34-6661 FAX 31-9145 (Tầng 6, Tòa Đông)
TEL 34-6658 FAX 34-6771 (Tầng 6, Tòa Đông)

Đề nhập học trường mầm non

(Phụ trách:

Phòng Phòng Quản lý trường mầm non)

Thành phố đã thống nhất tên gọi cho các cơ sở chăm sóc trẻ của thành phố, bao gồm nhà trẻ công lập, nhà trẻ tư lập và trường mẫu giáo công lập của thành phố dưới tên "Trường mầm non (Kodomoen)" và tiến hành quản lý tổng thể.

Thông tin về việc tiếp nhận và thời gian đăng ký nhập học ban đầu của năm sẽ được công bố vào khoảng tháng 9 hàng năm.

Đăng ký nhập học vào giữa năm có thể được tiến hành tại Phòng Phòng Quản lý trường mầm non từ ngày 15 đến ngày cuối tháng của tháng trước tháng nhập học; còn tại các khu vực Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama và Fujioka thì tiến hành tại các chi nhánh của khu vực tương ứng nơi có nhà trẻ.

Chỉ có thể nhập học trong trường hợp không thể chăm sóc trẻ tại gia đình do lý do công việc, v.v... Đối với trẻ 4-5 tuổi, kể cả khi không đáp ứng điều kiện về lý do công việc nêu trên, nếu nhà trẻ còn chỗ trống thì cũng có thể nhập học (trừ một số nhà trẻ).

Vui lòng xem "Hướng dẫn về trường mầm non" để biết thêm thông tin chi tiết.

* Thông tin trường mẫu giáo tư lập, trường mầm non kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ (mô hình trường mẫu giáo cũ) (dành cho trẻ từ 3-5 tuổi) dự kiến sẽ được đăng tải trên bản tin thông tin Thành phố Toyota vào khoảng tháng 8.



Sinh con, Nuôi dưỡng và Giáo dục trẻ em

小・中学校に入るには(担当:学校教育課)

小学校へ入学する時は、教育委員会からその年の1月下旬までに入学指定通知書(ハガキ)を送りますので、入学式に学校へ提出してください。

中学校へ入学する時は、各小学校を通じて入学指定通知書を送ります。

1月以降に転入・転居する人は住民異動届を提出した窓口で入学指定通知書を発行します。

国立、県立、私立及び特別支援学校などへ入学を希望する時や、病気やその他の理由で就学できない時は学校教育課へご連絡ください。

就学の援助(担当:学校教育課)

生活保護を受けている人など、生活が困難な人や、特別支援学級へ就学する人には、学用品費や修学旅行費などの援助が受けられる制度があります。申請手続きは各学校で行います。

転校する時は(担当:学校教育課)

市内の学校へ転校する時

市民課か各支所・出張所で転入・転居の届出(42ページ参照)の際、入学指定通知書を発行します。

市外へ転校する時

現在籍学校に転校書類を発行してもらい、転出先の市町村で転入の手続きをし、転出先の教育委員会の指示に従ってください。

豊田市奨学金制度(担当:教育政策課)

高校生などを対象に年額96,000円、大学生・短大生を対象に年額270,000円を支給する奨学金制度があります。詳細は5月頃の広報とよたをご覧ください。

私立高校等授業料補助(担当:教育政策課)

私立高校に在籍している生徒及び専修学校の高等課程(修業年限が3年課程に限る)に在籍している生徒(10月1日現在)の保護者の一部に対して授業料補助があります。詳細は9月頃の広報とよたをご覧ください。

放課後児童クラブ(担当:こども・若者政策課)

就労等により保護者が昼間家庭にいない児童を対象に、授業が終了した放課後等に適切な「遊び」や「生活」の場を提供し、児童の健全育成を行う事業です。

◎対象

小学1～6年生で就労等により保護者が昼間家庭にいない児童

◎実施場所

青木・朝日・市木・五ヶ丘・五ヶ丘東・井上・伊保・岩倉・畛部・梅坪・大畑・大林・加納・上鷹見・九久平・幸海・小清水・古瀬間・駒場・拳母・衣丘・四郷・浄水・浄水北・寿恵野・高嶺・滝脇・竹村・土橋・堤・寺部・童子山・豊松・中金・西広瀬・西保見・根川・野見・東広瀬・東保見・東山・平井・広川台・平和・前山・美山・元城・矢並・山之手・若園・若林西・若林東・飯野・石畳・中山・御作・本城・足助・追分・大蔵・新盛・則定・冷田・御蔵・明和・大沼・花山・小渡・敷島・巴ヶ丘の各小学校

◎とき

月～金曜日の学校開校日／
授業終了後～午後6時30分
春・夏・冬休み、一部の祝日、
学校代休日／午前7時30分～
午後6時30分

◎負担金

月額5,500円 8月／8,000円
※その他長期休みのみの料金設定有り
※減免規定有り



子ども条例マスコットキャラクター「チルコ」

Đề nhập học vào trường tiểu học và trung học cơ sở (Phụ trách: Phòng Giáo dục trường học)

Khi muốn cho trẻ nhập học vào trường tiểu học, Ủy ban Giáo dục sẽ gửi thư thông báo việc nhập học (thông qua bưu thiếp) cho bạn vào cuối tháng 1 của năm học đó, vui lòng nộp bưu thiếp này tại lễ nhập học tại trường.

Khi muốn cho trẻ nhập học vào trường trung học cơ sở, bạn sẽ nhận được thông báo nhập học thông qua trường tiểu học mà trẻ đã tốt nghiệp.

Những người chuyển đến thành phố hoặc thay đổi địa chỉ trong thành phố kể từ sau tháng 1 sẽ nhận được thông báo chỉ định nhập học tại quầy nộp đơn thông báo thay đổi địa chỉ cư trú.

Nếu bạn muốn cho trẻ học tại các trường quốc lập, trường công lập của tỉnh, tư thục và trường học có hỗ trợ đặc biệt, hoặc trong trường hợp không thể cho trẻ đi học do bệnh tật hoặc lý do khác, vui lòng liên hệ với Phòng Giáo dục trường học.

Hỗ trợ học tập (Phụ trách: Phòng Giáo dục trường học)

Đối với những người đang nhận trợ cấp sinh hoạt hoặc những người gặp khó khăn trong sinh hoạt hoặc những người muốn cho con theo học tại các trường học có hỗ trợ đặc biệt, sẽ có một chương trình hỗ trợ các loại chi phí như chi phí mua đồ dùng học tập hoặc chi phí các buổi học dã ngoại v.v... Quy trình đăng ký nhận hỗ trợ sẽ được tiến hành tại từng trường học.

Khi bạn muốn cho trẻ chuyển trường (Phụ trách: Phòng Giáo dục trường học)

Trường hợp chuyển đến một trường học trong thành phố

Bạn sẽ nhận được thông báo chỉ định nhập học khi thực hiện đăng ký chuyển đến thành phố/ chuyển nhà tại Phòng Dân cư hoặc các chi nhánh/ phòng làm việc (xem trang 19).

Trường hợp chuyển đến một trường học ngoài thành phố

Bạn cần yêu cầu trường học hiện tại cung cấp tài liệu chuyển trường và sau đó thực hiện thủ tục chuyển trường tại địa phương mà bạn muốn chuyển đến và tuân theo hướng dẫn của Ủy ban Giáo dục của địa phương nơi chuyển đến.

Chương trình Học bổng Thành phố Toyota (Phụ trách: Phòng Chính sách Giáo dục)

Chương trình học bổng này cung cấp học bổng hàng năm, với mức 96.000 yên/năm cho học sinh trung học phổ thông và 270.000 yên/năm cho sinh viên đại học hoặc cao đẳng.

Chi tiết về chương trình học bổng này có thể được tìm thấy trong bản tin thông tin Thành phố Toyota vào khoảng tháng 5.

Hỗ trợ học phí cho trường trung học phổ thông tư thục (Phụ trách: Phòng Chính sách Giáo dục)

Có chương trình hỗ trợ học phí dành cho một bộ phận phụ huynh có con đang học (tại thời điểm ngày 01/10) tại các trường trung học phổ thông tư thục và các khóa học trung cấp của trường đào tạo nghề chuyên nghiệp (giới hạn cho các khóa học có thời gian học là 3 năm).

Chi tiết về chương trình hỗ trợ học phí này có thể được tìm thấy trong bản tin thông tin Thành phố Toyota vào khoảng tháng 9.

Câu lạc bộ trẻ em sau giờ học (Phụ trách: Phòng Chính sách trẻ em và thanh thiếu niên)

Đây là chương trình được xây dựng để cung cấp môi trường “vui chơi” và “sinh hoạt” phù hợp sau giờ học cho những trẻ mà phụ huynh không ở nhà vào ban ngày vì lý do công việc v.v....

● Đối tượng

Học sinh tiểu học từ lớp 1 đến lớp 6, phụ huynh không ở nhà vào thời gian ban ngày vì lý do công việc

● Địa điểm thực hiện

Trường trung học cơ sở:

Aoki, Asahi, Ichigi, Itsutsugaoka, Itsutsugaoka, Higashi, Inoue, Ibo, Iwakura, Unebe, Umetsubo, Obata, Obayashi, Kano, Kamitakami, Kugyudaira, Kokai, Koshimizu, Kosema, Komaba, Koromo, Koromogaoka, Shigo, Josui, Josui- Kita, Sueno, Takane, Takiwaki, Takemura, Tsuchihashi, Tsutsumi, Terabe, Dojiyama, Toyomatsu, Nakagane, Nishi-Hirose, Nishi-Homi, Negawa, Nomi, Higashi-Hirose, Higashi-Homi, Higashiyama, Hirai, Hirokawadai, Heiwa, Maeyama, Miyama, Motoshiro, Yanami, Yamanote, Wakazono, Wakabayashi-Nishi, Wakabayashi-Higashi, Iino, Ishidatami, Nakayama, Mitsukuri, Honjo, Asuke, Oiwake, Okura, Shinmori, Norisada, Hieda, Mikura, Meiwa, Onuma, Hanayama, Odo, Shikishima, Tomoegaoka

● Thời gian

- Những ngày trường học mở cửa từ thứ Hai đến thứ Sáu / Từ sau giờ học - 6:30 tối
- Kỳ nghỉ xuân, hè, đông, một số ngày nghỉ lễ và ngày nghỉ bù của trường / Từ 7:30 sáng đến 6:30 tối

● Phân chi phí phải tự trả

Hàng tháng: 5.500 yên (Tháng 8: 8.000 yên)

*Kỳ nghỉ dài áp dụng mức phí riêng

*Có quy định về việc giảm phí



Chiruko là nhân vật



子育てひろば(担当:保育課)

問 各園(子育て支援センター併設園を除く)

※公共施設電話番号一覧(132~136 ページ)参照

こども園の園庭や空き保育室を就園前の親子に開放しています。子育て相談にも応じますので、お気軽にご来園ください。

◎とき

毎週2回程度、実施時間帯は各園によって異なります。

とよたファミリー・サポート・センター事業(担当:保育課)

問 とよたファミリー・サポート・センター TEL 37-7135

子育ての援助を受けたい人(依頼会員)と、援助をしたい人(協力会員)が、お互いに助け合う会員組織です。

◎会員の資格

依頼会員:市内在住・在勤で小学6年生以下の子どもを養育している人

協力会員:市内在住で、子どもが好きな人、社会参加したい人(資格・経験・性別不問)

子育て支援センター・子どもつどいの広場

問 各施設

施設紹介

子育て支援センターでは、随時、来所・電話等で育児に関する相談に応じているほか、親子で参加できる催しなども開催しています。

施設名	電話番号	FAX	所在地	開館時間	休館日
とよた子育て総合支援センター「あいあい」	37-7071	37-7072	若宮町1-57-1 T-FACE A館 9階	午前10時～午後6時	火曜、 年末年始
志賀子どもつどいの広場「ゆうゆう」	80-1522	80-1533	志賀町香九礼1-286	午前9時～午後5時	日曜、 年末年始
柳川瀬子どもつどいの広場「にこにこ」	25-0008	21-2800	畝部東町船場8-1	午前9時～正午 午後1時～5時	日曜、 年末年始
伊保子育て支援センター※	43-1291	48-4632	保見町権堂坊28 (伊保こども園内)	(月～金)午前9時～正午 午後1時～午後5時 (土)午前9時～正午	日曜、祝日、 年末年始
越戸子育て支援センター※	45-3106	45-4080	越戸町松葉52-2 (越戸こども園内)		
堤子育て支援センター※	52-0207	47-2011	本田町本田1 (堤こども園内)		
渡刈子育て支援センター※	74-1056	28-9476	渡刈町3-98 (渡刈こども園内)		
宮口子育て支援センター※	32-7118	32-2977	宮口町2-50 (宮口こども園内)		
山之手子育て支援センター※	26-0775	27-6963	山之手1-78-1 (山之手こども園内)	(月～金)午前9時～正午 午後1時～午後5時	土・日曜、祝日、 年末年始
若園子育て支援センター※	52-3102	52-4140	中根町永池192-18 (若園こども園内)	(月～金)午前9時～正午 午後1時～午後5時 (土)午前9時～正午	日曜、祝日、 年末年始
足助子育て支援センター※	62-1145	62-1728	岩神町築瀬25-1 (足助もみじこども園内)	(月～金)午前9時～正午 午後1時～午後5時 (土)午前9時～正午	日曜、祝日、 年末年始
飯野子育て支援センター※	75-1236	75-1237	藤岡飯野町出口1122 (飯野こども園内)		
稲武子育て支援センター※	82-2025	83-1012	武節町神田96-1 (稲武こども園内)		
大草子育て支援センター※	65-2045	65-2750	小原町北洞268-2 (大草こども園内)		
大沼子育て支援センター※	90-3021	90-3072	大沼町船橋21 (大沼こども園内)		
杉本子育て支援センター※	68-2701	68-2852	杉本町三斗成36 (杉本こども園内)		

※未就園児のみ利用可。また都合による臨時休館もあります。



Trung tâm Phòng Quản lý trường mầm non (Phụ trách: Phòng Phòng Quản lý trường mầm non)

Liên hệ Tại các Kodomoen (trừ các trung tâm hỗ trợ Phòng Quản lý trường mầm non kiêm nhà trẻ)

*Xin vui lòng tham khảo danh sách số điện thoại các cơ sở công cộng (trang 133-137) để biết thêm chi tiết.

Chúng tôi mở cửa sân chơi ngoài trời của trường mầm non và phòng chăm sóc trẻ còn trống để các phụ huynh và trẻ em sử dụng trước khi trẻ em nhập học. Chúng tôi cũng tư vấn Phòng Quản lý trường mầm non, vì vậy đừng ngần ngại mà hãy đến với nhà trẻ của chúng tôi.

● Thời gian

Thường diễn ra khoảng 2 lần mỗi tuần, thời gian thực hiện thay đổi tùy theo từng Kodomoen.

Trung tâm Hỗ trợ gia đình Toyota (Phụ trách: Phòng Phòng Quản lý trường mầm non)

Liên hệ Trung tâm Hỗ trợ gia đình Toyota
TEL 37-7135

Đây là một tổ chức thành viên trong đó những người muốn được hỗ trợ trong việc nuôi dạy con (hội viên yêu cầu) và những người muốn hỗ trợ (hội viên hợp tác) có thể giúp đỡ lẫn nhau.

● Điều kiện thành viên

Hội viên yêu cầu:

Những người sống và làm việc trong thành phố Toyota, đang nuôi dạy con dưới 6 tuổi

Hội viên hợp tác:

Những người sống trong thành phố Toyota, yêu thích trẻ em và muốn tham gia vào cộng đồng (không phân biệt về trình độ, kinh nghiệm hoặc giới tính)

Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em và Sân chơi cho trẻ em

Liên hệ Đến các cơ sở

Giới thiệu về cơ sở

Tại Trung tâm Hỗ trợ nuôi dạy trẻ em, chúng tôi luôn sẵn sàng tiếp nhận các cuộc tư vấn về việc nuôi dạy con thông qua việc đến trung tâm, gọi điện thoại v.v.... Ngoài ra, chúng tôi cũng tổ chức các sự kiện cho phụ huynh và trẻ em tham gia cùng nhau.

Tên cơ sở	Số điện thoại	FAX	Địa chỉ	Thời gian mở cửa	Ngày nghỉ
Trung tâm Hỗ trợ tổng hợp Nuôi dạy trẻ em Toyota Trung tâm "Ai-ai"	37-7071	37-7072	Tầng 9, Tòa nhà T-FACE, 1-57-1 Wakamiya-cho	Từ 10:00 sáng đến 6:00 tối	Thứ Ba, ngày lễ năm mới
Sân chơi cho trẻ em Shiga Sân chơi "Yu-yu"	80-1522	80-1533	1-286 Kakure, Shiga-cho	Từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều	Chủ nhật, ngày lễ năm mới
Sân chơi cho trẻ em Yanagawase Sân chơi "Niko-niko"	25-0008	21-2800	8-1 Funaba, Unebe Higashi-machi	Từ 9:00 sáng đến trưa Từ 1:00 chiều đến 5:00 chiều	Chủ nhật, ngày lễ năm mới
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Ibo*	43-1291	48-4632	28 Gondobo, Homi-cho (nằm trong trường mầm non Ibo)		
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Koshido*	45-3106	45-4080	52-2 Matsuba Koshido-cho (nằm trong trường mầm non Koshido)	(Thứ Hai đến thứ Sáu): Từ 9:00 sáng đến trưa Từ 1:00 chiều đến 5:00 chiều	Chủ nhật, ngày lễ, ngày lễ năm mới
Trung tâm Hỗ trợ nuôi dạy trẻ em Tsutsumi*	52-0207	47-2011	1 Honda, Honda-cho (nằm trong trường mầm non Tsutsumi)	(Thứ Bảy): Từ 9:00 sáng đến trưa	
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Togari*	74-1056	28-9476	3-98 Togari-cho (nằm trong trường mầm non Togari)		
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Miyaguchi*	32-7118	32-2977	2-50 Miyaguchi-cho (nằm trong trường mầm non Miyaguchi)		
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Yamanote*	26-0775	27-6963	1-78-1 Yamanote (nằm trong trường mầm non Yamanote)	(Thứ Hai đến thứ Sáu): Từ 9:00 sáng đến trưa Từ 1:00 chiều đến 5:00 chiều	Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày lễ năm mới
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Wakazono*	52-3102	52-4140	192-18 Nagaike, Nakane-cho (nằm trong trường mầm non Wakazono)	(Thứ Hai đến thứ Sáu): Từ 9:00 sáng đến trưa / Từ 1:00 chiều đến 5:00 chiều	Chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày lễ năm mới
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Asuke*	62-1145	62-1728	25-1 Yanase, Yagami-cho (nằm trong trường mầm non Asuke Momiji)	(Thứ Bảy): Từ 9:00 sáng đến trưa	
Trung tâm Hỗ trợ nuôi dạy trẻ em Iino*	75-1236	75-1237	1122 Deguchi, Fujioka Iino-cho (nằm trong trường mầm non Iino)		
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Inabu*	82-2025	83-1012	96-1 Jinden, Busetu-machi (nằm trong trường mầm non Inabu)	(Thứ Hai đến thứ Sáu): Từ 9:00 sáng đến trưa / Từ 1:00 đến 5:00 chiều	Chủ nhật, ngày lễ, ngày lễ đầu năm
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Okusa*	65-2045	65-2750	268-2 Kitabora, Obara-cho (nằm trong trường mầm non Okusa)	(Thứ Bảy): Từ 9:00 sáng đến trưa	
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Onuma*	90-3021	90-3072	21 Funahashi, Onuma-cho (nằm trong trường mầm non Onuma)		
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Sugimoto*	68-2701	68-2852	36 Sandonari, Sugimoto-cho (nằm trong trường mầm non Sugimoto)		

*Chỉ dành riêng cho trẻ em chưa đi học. Cũng có thể có việc đóng cửa tạm thời do hoàn cảnh.

特別保育

問 保育課 TEL 34-6809 FAX 32-2088(東庁舎2階)

一時保育

一時的にお子さんの世話が困難な場合に、こども園等でお預かりします。

◎対象

市内在住の満1歳～5歳児(実施園により異なる)

◎とき 実施園の開園日・開園時間

◎ところ 市内のこども園、認定こども園

◎内容

緊急保育／1か月に7日以内 緊急保育以外／1か月に2日以内

◎定員

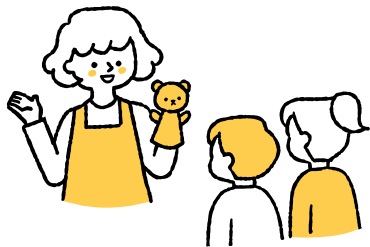
各園の定員に余裕がある範囲
※園の状況等によりお預かりできない場合があります。

◎利用料

1日あたり、満1歳～2歳児は2,000円、3歳児以上は1,000円(延長は1時間100円)。ただし、生活保護法による被保護世帯は申請後、還付。

◎申込み

事前に希望する実施園へ連絡の上、申込書を実施園に提出
※申込書は事前配布可



休日保育

休日において、就労等により家庭での保育が困難な場合に園で保育を行います。

◎対象

原則としてこども園等に通園している市内在住の子ども

◎とき／ところ

日曜日・祝日／いばらこども園、みずほこども園、わかばこども園 祝日／丸山こども園、こじまこども園(一部の祝日を除く)
※いずれも午前7時30分～午後7時(年末年始を除く)

◎定員 各園20人程度

◎利用料

1日あたり、0歳児は3,500円、1・2歳児は2,500円。3歳児以上は1,500円。ただし、生活保護法による被保護世帯は、申請後、還付。

◎申込み

事前に希望する実施園へ連絡の上、申込書を実施園に提出
※申込書は事前配布可

病児保育

入院する必要はないが、安静を必要とするため集団保育・学校生活に入れないお子さんを、保護者の仕事等の都合により自宅で療養できない場合にお預かりします。

》すくすくこどもクリニック「すくすくの森」

TEL 80-1633

休室日	日曜日・祝日、クリニック休診日
保育時間	午前8時30分～午後5時 (土曜日は午後1時まで)※延長あり
定員	8人
対象年齢	市内在住の生後6か月～小学6年生

》豊田厚生病院「ぴよっこ」 TEL 43-5082

休室日	土・日曜日・祝日、病院休診日
保育時間	午前8時30分～午後5時30分 ※延長あり
定員	4人
対象年齢	市内在住の生後6か月～小学3年生

※上記とは別にトヨタ記念病院でも実施していますが、実施方法・使用様式などが異なりますので、トヨタ記念病院のホームページをご確認ください。

◎利用料

2,000円／日(食事代別途、延長は500円／30分)ただし、生活保護法による被保護世帯は、申請後、還付。

◎申込み 施設へ事前予約必要



Chăm sóc đặc biệt

Liên hệ Phòng Quản lý trường mầm non TEL 34-6809 FAX 32-2088 (Tầng 2, Tòa Đông)

Chăm sóc tạm thời

Chúng tôi sẽ nhận chăm sóc con của bạn tại trường mầm non khi bạn gặp khó khăn tạm thời trong việc chăm sóc con.

● Đối tượng

Trẻ em từ 1 tuổi đến 5 tuổi đang sinh sống tại thành phố (tùy thuộc vào nhà trẻ mà sẽ khác nhau)

● Thời gian

Ngày, giờ mở cửa của nhà trẻ

● Địa điểm

Các trường mầm non và các trường mầm non được chứng nhận trong thành phố Toyota

● Nội dung

- Chăm sóc khẩn cấp / từ 7 ngày trở xuống trong vòng 1 tháng
- Những trường hợp khác ngoài chăm sóc khẩn cấp / từ 2 ngày trở xuống trong vòng 1 tháng.

● Sức khỏe

Trong phạm vi có thể thực hiện của mỗi trường mầm non cụ thể

* Có trường hợp không thể nhận trẻ tùy thuộc vào tình hình của trường mầm non.

● Phí sử dụng

Phí một ngày cho trẻ từ 1 đến 2 tuổi là 2.000 yên, cho trẻ từ 3 tuổi trở lên là 1.000 yên (phí gia hạn là 100 yên mỗi giờ). Tuy nhiên, các hộ gia đình được hỗ trợ theo Luật trợ cấp sinh hoạt sẽ được hoàn tiền sau khi nộp đơn yêu cầu.

● Đăng ký

Liên hệ trước với nhà trẻ mà bạn mong muốn gửi trẻ, sau đó nộp đơn đăng ký tại trường mầm non.

* Đơn đăng ký có thể được phát trước khi đăng ký



Chăm sóc trẻ em ngày nghỉ

Chúng tôi sẽ chăm sóc con của bạn tại nhà trẻ khi bạn gặp khó khăn trong việc chăm sóc con tại gia đình vào các ngày nghỉ vì lý do công việc v.v...

● Đối tượng

Về nguyên tắc, áp dụng với trẻ em đang sống tại thành phố và đang được gửi tại các trường mầm non

● Thời gian / Địa điểm

- Chủ nhật và ngày nghỉ lễ / trường mầm non Ibobara, trường mầm non Mizuho, trường mầm non Wakaba
- Ngày lễ / trường mầm non Maruyama, trường mầm non Kojima (trừ một số ngày lễ cụ thể)

* Áp dụng chung từ 7:30 sáng đến 7:00 tối (trừ ngày lễ đầu năm mới)

● Sức khỏe

Khoảng 20 trẻ tại mỗi nhà trẻ

● Phí sử dụng

Phí sử dụng một ngày cho trẻ em dưới 1 tuổi là 3.500 yên, trẻ từ 1 đến 2 tuổi là 2.500 yên, trẻ từ 3 tuổi trở lên là 1.500 yên. Tuy nhiên, các hộ gia đình được hỗ trợ theo Luật trợ cấp sinh hoạt sẽ được hoàn tiền sau khi nộp đơn yêu cầu.

● Đăng ký

Liên hệ trước với nhà trẻ mà bạn mong muốn gửi trẻ, sau đó nộp đơn đăng ký tại nhà trẻ.

* Đơn đăng ký có thể được phát trước khi đăng ký.

Chăm sóc trẻ em mắc bệnh

Chúng tôi sẽ chăm sóc trẻ em trong trường hợp trẻ không cần thiết phải nhập viện nhưng cần tĩnh dưỡng và không thể tham gia các chương trình chăm sóc tập thể hoặc các hoạt động tại trường, mà người giám hộ của trẻ vì lý do công việc không thể chăm sóc trẻ tại nhà.

➤ Phòng khám trẻ em “Suku Suku no Mori”

TEL 80-1633

Ngày nghỉ	Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ của phòng khám
Thời gian	Từ 8:30 sáng đến 5:00 chiều (Thứ bảy: đến 1:00 chiều) *Có thể kéo dài thời gian
Sức khỏe	8 người
Độ tuổi áp dụng	Trẻ từ 6 tháng tuổi đến học sinh lớp 6 sống tại thành phố

➤ Bệnh viện Toyota Kosei “Pyokko”

TEL 43-5082

Ngày nghỉ	Thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ của bệnh viện
Thời gian	Từ 8:30 sáng đến 5:30 chiều
chăm sóc	*Có thể kéo dài thời gian
Sức khỏe	4 người
Độ tuổi áp dụng	Trẻ từ 6 tháng tuổi đến học sinh tiểu học lớp 3 sống tại thành phố

* Ngoài ra, Bệnh viện Toyota Kinen cũng có chương trình tương tự nhưng theo cách thức thực hiện và hình thức sử dụng khác, vì vậy vui lòng kiểm tra trang web của Bệnh viện Toyota Kinen để biết thêm chi tiết.

● Phí sử dụng

2.000 yên/ngày (phí ăn tính riêng, phí gia hạn thời gian là 500 yên/30 phút). Tuy nhiên, các hộ gia đình được hỗ trợ theo Luật trợ cấp sinh hoạt sẽ được hoàn tiền sau khi nộp đơn yêu cầu.

● Đăng ký

Yêu cầu đặt hẹn trước tại cơ sở y tế

児童手当

問 おやこ応援課 TEL 34-6966 FAX 32-2098(東庁舎2階)

手当の概要

◎手当を受給できる人

高校3年生までの児童を養育している家庭の生計中心者

◎支給額

	3歳未満(3歳の誕生日の属する月まで)	3歳～高校生世代
第1子・第2子	月額15,000円	月額10,000円
第3子以降	月額30,000円	

(備考)第1・2・3子の数え方は、養育する22歳到達後の年度末までの児童の人数を、年齢が上の児童から順に数えます。

◎支給月 2月、4月、6月、8月、10月、12月

申請手続

児童手当は申請がないと支給できません。出生、転入などの翌日から15日以内に手続をしてください。

◎初めての申請に必要なもの

- ☑児童手当認定請求書(用紙は窓口にあります。また市ホームページからもダウンロードできます)
 - ☑請求者(児童にとっての生計中心者)名義の普通預金通帳
- 状況によってはこの他にも手続に必要なものがある場合があります。詳しくはお尋ねください。

◎申請窓口 おやこ応援課、各支所・出張所

寄附について

児童手当の全部又は一部の支給を受けずに、子育て支援の事業のために市へ寄附をしていただく制度があります。関心のある人は、おやこ応援課へ問い合わせください。



児童扶養手当

問 おやこ応援課 TEL 34-6966 FAX 32-2098(東庁舎2階)

新たに児童扶養手当の対象となる場合

◎受給資格者

死亡・離婚や婚姻せず出産等の理由で父又は母と生計を同じくしていないか、父又は母に一定の障がいがある18歳以下(18歳到達の年度の末日)の児童(一定の障がいがあるときは、20歳未満)を養育している父、母又は養育者

- 児童入所施設等に入所している児童は対象になりません。
- 児童が父又は母の配偶者(内縁関係も含む)に養育されているときは対象になりません。
ただし父又は母に一定の障がいがある場合は除きます。
- 所得制限があります。
- 一定額以上の公的年金給付を受けることができる場合には、手当の支給はありません。

◎手当の支払い

市長の認定を受けると、認定請求をした日の属する月の翌月分から支給されます。

◎支給月 毎年5月、7月、9月、11月、1月、3月

◎支給額(月額)

- 児童1人目
46,690円～11,010円(所得に応じて)
 - 児童2人目以降
11,030円～5,520円加算
- (注釈)年平均の消費者物価指数の比率により、改定されることがあります。

◎申請窓口

おやこ応援課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
新規申請には事前相談が必要です。

Trợ cấp trẻ em

Liên hệ Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em TEL 34-6966 FAX 32-2098 (Tầng 2, tòa Đông)

Tổng quan về trợ cấp

● Đối tượng có thể nhận trợ cấp

Người mang lại thu nhập chính của gia đình có đang nuôi con từ lớp 12 trung học phổ thông trở xuống

● Số tiền trợ cấp

	Dưới 3 tuổi (đến tháng có sinh nhật 3 tuổi)	Từ 3 tuổi đến học sinh trung học phổ thông
Con thứ 1 và thứ 2	15.000 yên/tháng	10.000 yên/tháng
Con thứ 3 trở đi	30.000 yên/tháng	

Ghi chú: Cách tính con thứ 1, thứ 2 và thứ 3 là đếm từ đứa trẻ lớn hơn theo thứ tự đến cuối năm tài chính sau khi đạt 18 tuổi. Nếu thu nhập của người nhận vượt quá mức thu nhập tối đa, sẽ không được nhận trợ cấp trẻ em.

● Tháng trả trợ cấp

Tháng 2, 4, 6, 8, 10 và 12

Thủ tục đăng ký

Trợ cấp trẻ em sẽ không được chi trả nếu không đăng ký. Vui lòng thực hiện thủ tục trong vòng 15 ngày kể từ ngày sau ngày sinh con, chuyển đến thành phố, v.v...

● Các tài liệu cần thiết cho lần đăng ký đầu tiên

- ✓ Phiếu yêu cầu chứng nhận trợ cấp trẻ em (biểu mẫu có sẵn tại quầy tiếp nhận hoặc có thể tải về từ trang web của thành phố)
- ✓ Sổ ngân hàng loại tài khoản tiết kiệm thông thường có tên của người yêu cầu (người mang lại thu nhập chính trang trải cuộc sống của trẻ)
Tùy theo tình hình cụ thể, có trường hợp cần các tài liệu khác. Vui lòng hỏi để biết thêm chi tiết.

● Địa điểm đăng ký

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em, các chi nhánh/ phòng làm việc

Về việc quyên góp

Có một chương trình để bạn từ chối nhận toàn bộ hoặc một phần trợ cấp trẻ em cho thành phố và quyên góp phần này hỗ trợ các dự án hỗ trợ trợ Phòng Quản lý trường mầm non. Nếu bạn quan tâm, vui lòng liên hệ Phòng Gia đình và Trẻ em.



Sinh con, Nuôi dưỡng và Giáo dục trẻ em

Trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em

Liên hệ Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em TEL 34-6966 FAX 32-2098 (Tầng 2, tòa Đông)

Người đủ điều kiện để nhận mới trợ cấp nuôi dưỡng trẻ em

● Người đủ điều kiện để nhận trợ cấp

- Bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng trong trường hợp bố/ mẹ không cùng trang trải chi phí sinh hoạt do bố/ mẹ chết, ly hôn hoặc sinh con mà không kết hôn v.v...
- Bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng đang nuôi dưỡng trẻ từ 18 tuổi trở xuống (tính đến ngày cuối của năm đạt 18 tuổi) mà bố/ mẹ có khuyết tật nhất định (trường hợp trẻ có khuyết tật nhất định thì đến khi dưới 20 tuổi).
- Trẻ em hiện đang học trong các cơ sở tiếp nhận trẻ em không nằm trong phạm vi hỗ trợ.
- Không áp dụng đối với trẻ em đang được người phối ngẫu của bố/ mẹ (bao gồm cả mối quan hệ chung sống nhưng không đăng ký kết hôn) chăm sóc, ngoại trừ trường hợp bố/ mẹ có khuyết tật cố định.
- Có giới hạn về mức thu nhập áp dụng.
- Trong trường hợp đã nhận trợ cấp hưu trí công cộng từ trên một mức cố định, sẽ không được nhận trợ cấp.

● Thanh toán trợ cấp

Khi bạn được chứng nhận bởi Thị trường, bạn sẽ bắt đầu được nhận trợ cấp từ tháng sau tháng bạn nộp đơn yêu cầu chứng nhận.

● Tháng thanh toán trợ cấp

Các tháng 5, 7, 9, 11, 1 và 3 hàng năm

● Số tiền trợ cấp (hàng tháng)

- Con đầu lòng
Từ 46.690 yên đến 11.010 yên
(phụ thuộc vào thu nhập)
- Con thứ 2 trở đi
Cộng thêm từ 11.030 yên đến 5.520 yên vào số tiền trên

Chú thích: Có thể được điều chỉnh dựa trên chỉ số hàng hoá tiêu dùng trung bình hàng năm.

● Địa điểm đăng ký

Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em/
phòng làm việc ở Asahi, Asuke, Inabu, Obara, Shimoyama, và Fujioka
Đối với đăng ký mới, bạn cần hỏi ý kiến tư vấn trước.

愛知県遺児手当

問 おやこ応援課 TEL 34-6966 FAX 32-2098(東庁舎2階)

新たに愛知県遺児手当の対象となる場合

◎受給資格者

県内に住所があり、死亡・離婚や婚姻せず出産等の理由により父又は母がいないか、父又は母が一定の障がいの状態にある18歳以下(18歳到達の年度末日)の児童を養育する父、母、又は養育者。

- 公的年金を受給している人(子の加算含む)は対象になりません。
- 児童が児童入所施設等に入所しているときは対象になりません。
- 児童が県外に住所があるときは対象になりません。
- 児童が父又は母の配偶者(内縁関係も含む)に養育されているときは対象になりません。ただし父又は母に一定の障がいがある場合は除きます。
- 所得制限があります。

◎手当の支払い

県の認定を受けると、認定請求をした日の属する月分から支給されます。

◎支給月 毎年5月、7月、9月、11月、1月、3月

◎支給額(月額)

手当の認定申請をした月を支給開始月として、

- 1年目から3年目(3年間)
…児童1人につき月額4,350円
- 4年目から5年目(2年間)
…児童1人につき月額2,175円
- 6年目から…手当の支給はなくなります。

◎申請窓口

おやこ応援課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
新規申請には事前相談が必要です。



出産・育児・教育

豊田市ひとり親家庭等支援手当

問 おやこ応援課 TEL 34-6966 FAX 32-2098(東庁舎2階)

新たに豊田市ひとり親家庭等支援手当の対象となる場合

◎受給資格者

市内に居住しており、死亡・離婚や婚姻せず出産等の理由により父又は母がいないか、父又は母が障がい(身体障がい者手帳1～3級、療育手帳A判定又はB判定、精神障がい者保健福祉手帳1級又は2級)の状態にある18歳以下(18歳到達の年度末日)の児童を養育する父、母、又は養育者。

- 児童が児童入所施設等に入所しているときは対象になりません。
- 児童が父又は母の配偶者(内縁関係も含む)に養育されているときは対象になりません。ただし父又は母に一定の障がいがある場合は除きます。
- 所得制限があります。

◎手当の支払い

市長の認定を受けると、認定請求をした日の属する月の翌月分から支給されます。

◎支給月 毎年5月、7月、9月、11月、1月、3月

◎支給額(月額)

児童1人3,000円
(両親死亡の場合は月額4,500円)

◎申請窓口

おやこ応援課、旭・足助・稲武・小原・下山・藤岡支所
新規申請には事前相談が必要です。



Trợ cấp cho trẻ mồ côi tỉnh Aichi

Liên hệ Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em **TEL 34-6966 FAX 32-2098** (Tầng 2, tòa Đông)

Người đủ điều kiện để nhận mới trợ cấp cho trẻ mồ côi tỉnh Aichi

● Người đủ điều kiện để nhận trợ cấp

- Trẻ có địa chỉ trong tỉnh Aichi, không có bố/ mẹ do bố/ mẹ chết, ly hôn hoặc sinh con mà không kết hôn.
- Bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng đang nuôi dưỡng trẻ từ 18 tuổi trở xuống (tính đến ngày cuối của năm đạt 18 tuổi) mà bố/ mẹ có khuyết tật nhất định.
- Không áp dụng cho người nhận hưu trí từ quỹ công (bao gồm cả tiền bổ sung cho con).
- Trẻ em hiện đang sống trong các cơ sở phúc lợi trẻ em không nằm trong phạm vi hỗ trợ.
- Trẻ em có địa chỉ cư trú ngoài tỉnh không nằm trong phạm vi hỗ trợ.
- Không áp dụng đối với trẻ em đang được người phối ngẫu của bố/ mẹ (bao gồm cả mối quan hệ chung sống nhưng không đăng ký kết hôn) chăm sóc, ngoại trừ trường hợp bố/ mẹ có khuyết tật cố định.
- Có giới hạn về mức thu nhập áp dụng.

● Thanh toán trợ cấp

Khi bạn được chứng nhận bởi tỉnh Aichi, bạn sẽ bắt đầu được nhận trợ cấp từ tháng bạn nộp đơn yêu cầu chứng nhận.

● Tháng thanh toán trợ cấp

Các tháng 5, 7, 9, 11, 1 và 3 hàng năm

● Số tiền trợ cấp (hàng tháng)

Tháng mà bạn nộp đơn xin chứng nhận trợ cấp là tháng bắt đầu thanh toán

- Từ năm 1 đến năm 3 (trong vòng 3 năm)
... 4.350 yên mỗi tháng cho 1 con trẻ
- Từ năm 4 đến năm 5 (trong vòng 2 năm)
... 2.175 yên mỗi tháng cho 1 con
- Từ năm thứ 6 trở đi
... không còn trợ cấp nữa.

● Địa điểm đăng ký

Phòng Gia đình và Trẻ em, các chi nhánh/ phòng làm việc ở Asahi, Asuke, Inabu, Obari, Shimoyama và Fujioka

Đối với đăng ký mới, bạn cần hỏi ý kiến tư vấn trước.

Trợ cấp hỗ trợ gia đình có bố/ mẹ đơn thân Thành phố Toyota

Liên hệ Phòng Hỗ trợ cha mẹ và trẻ em **TEL 34-6966 FAX 32-2098** (Tầng 2, tòa Đông)

Người đủ điều kiện để nhận trợ cấp mới hỗ trợ gia đình có bố/ mẹ đơn thân Thành phố Toyota

● Người đủ điều kiện để nhận trợ cấp

- Trẻ sống trong thành phố, không có bố/ mẹ do bố/ mẹ chết, ly hôn hoặc sinh con mà không kết hôn.
- Bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng đang nuôi dưỡng trẻ từ 18 tuổi trở xuống (tính đến ngày cuối của năm đạt 18 tuổi) mà bố/ mẹ có khuyết tật nhất định theo:
 - Sổ tay người khuyết tật thể chất mức độ 1 – 3,
 - Sổ tay người khuyết tật trí tuệ mức độ A hoặc B,
 - Sổ tay y tế và phúc lợi cho người tâm thần mức độ 1 hoặc 2).
- Trẻ em hiện đang sống trong các cơ sở phúc lợi trẻ em không nằm trong phạm vi hỗ trợ.
- Không áp dụng đối với trẻ em đang được người phối ngẫu của bố/ mẹ (bao gồm cả mối quan hệ chung sống nhưng không đăng ký kết hôn) chăm sóc, ngoại trừ trường hợp bố/ mẹ có khuyết tật cố định.
- Có giới hạn về mức thu nhập áp dụng.

● Thanh toán tiền trợ cấp

Khi bạn được chứng nhận bởi Thị trường, bạn sẽ bắt đầu được nhận trợ cấp từ tháng sau tháng bạn nộp đơn yêu cầu chứng nhận.

● Tháng thanh toán trợ cấp

Tháng 5, tháng 7, tháng 9, tháng 11, tháng 1, tháng 3 hàng năm

● Số tiền trợ cấp (hàng tháng)

Mỗi đứa trẻ: 3,000 yên
(Trường hợp cả hai bố mẹ đã mất: 4,500 yên mỗi tháng)

● Địa điểm đăng ký

Phòng Gia đình và Trẻ em, các chi nhánh, các chi nhánh ở Asahi, Asuke, Inabu, Obari, Shimoyama, và Fujioka
Đối với đăng ký mới, bạn cần hỏi ý kiến tư vấn trước.



Sinh con, Nuôi dưỡng và Giáo dục trẻ em



暮らし・環境

資源・ごみ

問 循環型社会推進課 TEL 71-3001 FAX 71-3000(清掃事業所)
 清掃業務課 TEL 71-3003 FAX 71-3000(清掃事業所)

ごみの分別と出し方

資源・ごみの分け方、出し方、収集日などは「ごみカレンダー」(広報とよた4月号に折り込み)や「ごみガイドブック」(市役所・支所・出張所で配布)又は市ホームページで確認するか、循環型社会推進課 (TEL 71-3001) へお問い合わせください。

※古紙類(新聞紙、雑誌、雑紙、ダンボール、紙パック)、古布類(古着等)は、地域の集団回収又は、リサイクルステーションへお出しください。

※資源・ごみ分別アプリも活用できます。

ごみ収集日のカレンダー表示、資源・ごみの出し方のポイント、品目別の出し方一覧、臨時や緊急時の市からのお知らせなどの機能があります。

※インストール方法…各ストアから「さんあ〜る」で検索か、右記二次元コードをスキャンしてダウンロードしてください。

App Store



Google Play





Cuộc sống và Môi trường

Tài nguyên và rác thải

Liên hệ Phòng Xúc tiến xã hội tuần hoàn
Phòng Nghiệp vụ vệ sinh

TEL 71-3001 FAX 71-3000 (Cơ sở Xử lý rác)
TEL 71-3003 FAX 71-3000 (Cơ sở Xử lý rác)

Phân loại và cách đặt rác

Cách phân loại, cách đặt rác, ngày thu gom rác v.v. có thể được kiểm tra tại “Lịch thu gom rác” (được bỏ vào Thông báo Toyota bản tháng 4) hoặc “Sổ tay hướng dẫn phân loại rác thải” (phát tại Toà thị chính thành phố, các chi nhánh/phòng làm việc) hoặc trang web của Thành phố, hoặc liên hệ với Phòng Xúc tiến xã hội tuần hoàn (**TEL 71-3001**).

- * Giấy phế liệu (báo, tạp chí, giấy các loại, bìa carton, hộp giấy đựng đồ uống) và đồ vải cũ (quần áo cũ v.v...) nên được mang tới địa điểm thu gom rác tập trung trong khu vực hoặc Trạm Tái chế.
- * Bạn cũng có thể sử dụng ứng dụng Phân loại và Đặt rác tài nguyên/rác.

Ứng dụng này cung cấp thông tin về lịch thu gom rác, hướng dẫn về cách đặt rác tài nguyên/rác, danh sách cách đặt rác theo từng loại sản phẩm, thông báo từ thành phố về các tình huống đặc biệt hoặc khẩn cấp.

- * Cách cài đặt: Tìm kiếm từ cửa hàng ứng dụng bằng cách nhập 「さんあーる」(“San a- ru”) hoặc quét mã QR dưới đây để tải về ứng dụng.

App Store



Google Play



一般ごみの不法投棄の処分や不法投棄パトロール隊(地域の清掃やまち美化活動を行うボランティア団体)への支援、ごみ・し尿の収集、道路上の動物の死骸処理については清掃業務課(TEL 71-3003)へお問合せください。

粗大ごみの収集を依頼する方は、豊田市LINE公式アカウントからLINEで申し込み、又は粗大ごみ受付センター(TEL 25-5353)へ電話でお申込みください。

ごみ出しルール4か条

- きちんと分別して出しましょう。
- 指定ごみ袋に入れて出しましょう。
- 指定日の午前8時30分までにしましょう。
- 指定のごみステーションに出しましょう。

リサイクルステーションを利用しましょう

◎回収品目

古紙類(新聞紙、雑誌、雑紙、ダンボール、紙パック)、古布類(古着等)、飲料缶、ペットボトル、ガラスびん、プラスチック製容器包装、食品トレイ、有害ごみ、危険ごみ

※一部では廃食用油も回収しています。

※宝来町、前田町は回収品目が一部異なります。ごみカレンダー又は市ホームページ・アプリをご確認ください。

◎設置場所

設置場所については、ごみカレンダー又は市ホームページ・アプリでご確認ください。

◎利用日時

年中無休(年末年始を除く)午前10時～午後6時

※下山トレーニングセンター南側(大沼町)は水・土・日曜日のみ開設午前9時～午後5時

※小原支所駐車場(小原町)、稲武交流館駐車場(稲武町)、旭総合体育館駐車場(下切町)は土・日曜日のみ開設 午前9時～午後5時

市では収集しないもの

◎家電4品目の出し方

エアコン、テレビ、冷蔵庫・冷凍庫、洗濯機・衣類乾燥機は家電リサイクル法に基づき小売業者、メーカー等が回収・リサイクルをしています。

◎パソコンの出し方

家庭用パソコンは製造メーカー等が回収・リサイクルをしています。認定事業者による宅配便での自宅回収の方法と製造メーカーへ回収を依頼する方法があります。

◎消火器の出し方

消火器メーカー等が回収してリサイクルをしています。※いずれも詳細は、ごみカレンダー又は市ホームページ・アプリをご確認ください。

◎その他

タイヤ、バッテリー、農薬・薬品、石・土・砂、ボンベ、廃油・廃液、農業用機械、自動車・自動二輪車・原付、ピアノ等は販売店にご相談ください。

集団回収報奨金制度

子ども会や自治区など市に登録した団体が資源の回収を行った場合、回収重量に応じて報奨金が出ます。

◎報奨金額

- 雑誌、雑紙…各1キログラムにつき7円
- 新聞紙、段ボール、紙パック、古布類(古着等)…各1キログラムにつき5円
- 2品目以上を同時回収…1回につき2,000円

生ごみ処理機器購入に対する補助金

問 循環型社会推進課 TEL 71-3001 FAX 71-3000

◎対象

購入日に市内に住民登録があり、引き続き市内に居住し、家庭から出る生ごみの自家処理を推進できる方で、市税を完納している方が国内の販売店及び



Vui lòng liên hệ với Phòng Nghiệp vụ vệ sinh (TEL 71-3003) trong những trường hợp sau đây:

1. Xử lý các trường hợp đổ trái phép các loại rác thông thường;
2. Hỗ trợ Đội tuần tra kiểm tra đổ rác trái phép (tổ chức tình nguyện tham gia vệ sinh khu vực và các hoạt động làm đẹp thành phố);
3. Hoạt động thu gom rác thải, chất thải của con người; xử lý xác động vật trên đường phố.

Trường hợp bạn muốn yêu cầu thu gom rác cỡ lớn, vui lòng đăng ký qua tài khoản LINE chính thức của thành phố Toyota hoặc gọi điện thoại đến Trung tâm tiếp nhận rác cỡ lớn (TEL 25-5353).

4 quy tắc đổ rác

Phân loại rác cẩn thận.

Đặt rác trước 8:30 sáng vào các ngày chỉ định.

Đặt rác tại các trạm rác chỉ định.

Đặt rác trong túi rác chỉ định.

Hãy sử dụng trạm tái chế

◎ Các loại sản phẩm thu gom

Giấy phế liệu (báo, tạp chí, giấy các loại, bìa carton, hộp giấy đựng đồ uống) và đồ vải cũ (quần áo cũ v.v...), các loại lon, chai nhựa PET, chai thủy tinh, hộp đựng và bao bì nhựa, khay đựng thực phẩm, rác thải có chất gây hại, rác nguy hiểm

* Ở một số trạm cũng thu gom dầu ăn đã qua sử dụng.

* Tại Horai-cho và Maeda-cho, các loại sản phẩm thu gom sẽ khác.

Vui lòng kiểm tra lịch thu gom rác hoặc trang web/ ứng dụng của thành phố để biết thông tin chi tiết.

◎ Vị trí các điểm thu gom rác

Về vị trí các điểm thu gom rác, vui lòng kiểm tra lịch thu gom rác hoặc trang web/ ứng dụng của thành phố.

◎ Thời gian sử dụng

Quanh năm (trừ dịp lễ đầu năm mới), từ 10:00 sáng đến 6:00 tối

* Địa điểm thu gom tại phía Nam Trung tâm Đào tạo Shimoyama (Onuma-cho) chỉ mở cửa vào các thứ Tư, thứ Bảy và Chủ Nhật, từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

* Địa điểm thu gom tại bãi đỗ xe của Chi nhánh Obara (Obara-cho), bãi đỗ xe Trung tâm Văn hóa và giải trí Inabu (Inabu-cho), và bãi đỗ xe Trung tâm Thể chất tổng hợp Asahi (Shimogiri-cho) chỉ mở cửa vào Thứ Bảy và Chủ Nhật, từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều

Những vật phẩm thành phố không thu gom

◎ Cách bỏ đi 4 loại thiết bị điện tử

Máy điều hòa không khí, tivi, tủ lạnh/tủ đông và máy giặt/ máy sấy quần áo sẽ được các nhà bán lẻ và nhà sản xuất thu gom và tái chế dựa trên Luật Tái chế thiết bị điện tử gia đình.

◎ Cách bỏ đi máy tính cá nhân

Máy tính cá nhân sẽ gia đình được các nhà sản xuất thu gom và tái chế. Cũng có thể được thu hồi tại nhà thông qua dịch vụ giao hàng của các công ty đã được chứng nhận, hoặc gửi yêu cầu đến nhà sản xuất để được thu hồi.

◎ Cách bỏ đi bình chữa cháy

Các nhà sản xuất bình chữa cháy sẽ thực hiện thu gom và tái chế.

※Chi tiết có thể được tìm thấy trong lịch thu gom rác hoặc trên trang web/ ứng dụng của thành phố.

◎ Những vật phẩm khác

Đối với lốp xe, pin, thuốc trừ sâu/thuốc, đá/đất/cát, bình gas, dầu thải/nước thải, máy nông nghiệp, ô tô/mô tô/xe máy điện, piano v.v..., vui lòng liên hệ các điểm bán hàng để biết thêm chi tiết.

Thưởng cho các tập thể thu gom rác

Khi các tổ chức đã đăng ký với thành phố như Hiệp hội trẻ em hoặc Khu tự quản thu gom tài nguyên, các tổ chức này sẽ được thưởng dựa trên trọng lượng thu gom được.

◎ Số tiền thưởng

- 7 yên/ 1kg tạp chí, giấy các loại
- 5 yên/ 1kg báo, bìa carton, hộp giấy đựng đồ uống, đồ vải cũ (quần áo cũ v.v...)
- 2.000 yên/ lần thu gom đồng thời 2 sản phẩm trở lên

Hỗ trợ kinh phí mua thiết bị xử lý rác thải hữu cơ

Liên hệ Phòng Xúc tiến xã hội theo mô hình tuần hoàn

TEL 71-3001 FAX 71-3000

◎ Đối tượng

Các hộ gia đình có đăng ký cư trú tại thành phố vào ngày mua hàng, tiếp tục cư trú tại thành phố, có khả năng tự xử lý rác thải hữu cơ tại nhà, đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế thành phố, và đã mua thiết bị xử lý rác thải hữu cơ dưới đây tại các cửa hàng hoặc đại lý trong nước.



代理店で下記の生ごみ処理機器を購入した世帯

◎補助対象機器

- (1)生ごみ処理機(電動又は手動で生ごみを攪拌し、微生物等の働きによる分解、温風又は加熱による乾燥等の方法により当該生ごみを減容又は消滅させるもの)…乾燥式、バイオ式等
- (2)生ごみ堆肥化容器(電気を使用せず、発酵や分解などの方法により、生ごみのたい肥化を促進するもの)…コンポスト・密閉容器等
- (3)生ごみ減量容器(自然乾燥、絞り上げ等の方法により生ごみの減容又は消滅することを目的として作られたもの)…キエーロ等
- (4)基材(カバン型コンポストで使用する基材及びダンボールコンポスト式)

(注意)ディスポーザー式生ごみ処理機は補助対象外です。

◎補助金額等

補助対象機器	補助金額	補助申請回数	購入可能数
(1)生ごみ処理機	購入価格の2分の1 (消費税含む) 上限:30,000円	1年度に1回申請が可能	1世帯につき1基まで
(2)生ごみ堆肥化容器			
(3)生ごみ減量容器		1年度に2回申請が可能	1世帯につき最大6個まで
(4)-1基材(カバン型コンポスト)			
(4)-2基材(ダンボールコンポスト式)		1年度に1回申請が可能	1世帯につき最大3個まで

カバン型コンポストの無償貸与制度

問 循環型社会推進課 TEL 71-3001 FAX 71-3000

◎対象

貸与申請日に市内に住民登録があり、引き続き市内に居住し、家庭から出る生ごみの自家処理を推進できる方で、貸与申請を初めてする世帯

◎貸与機器

カバン型コンポスト一式と基材



再生品・不用品の利用

粗大ごみの再生施設 「リユース工房」

問 リユース工房 TEL 42-6010

※火・木・日曜日午前10時～午後3時

家庭から粗大ごみとして排出された家具などを清掃・補修し、リユース(再使用)家具として展示販売しています。

◎リユース家具購入の流れ

- ①リユース工房(渡刈町、清掃事業所内)で展示品の状態を確認
- ②入札書に入札価格などを記入して入札箱へ
- ③落札者の決定(毎月第3回日曜日の午後。落札者に電話連絡)
- ④落札者は、落札金額を納入し、家具を自分で搬出
※市ホームページで展示品の一覧・過去の入札結果をご覧ください。
※粗大ごみの受け入れはしていません。

搬入ごみ等再利用施設「リユーススポット」

※火・木・日曜日 午前10時～午後3時

豊田市の清掃施設へ搬入されたごみや粗大ごみとして排出された家庭ごみを簡易清掃し、譲渡する施設です。

代金をお支払い後、すぐにお持ち帰りいただけます。

◎利用できる人

豊田市内在住、在勤、在学の人

◎支払い・引渡し

リユーススポットにて代金をお支払い後、展示品を引き渡します。搬出はご自身で



◎ Thiết bị được hỗ trợ

- (1) Máy xử lý rác thải hữu cơ (loại thiết bị khuấy trộn rác thải hữu cơ bằng điện hoặc thủ công, sử dụng vi sinh vật để phân hủy, hoặc dùng phương pháp sấy khô bằng hơi nóng hoặc gia nhiệt để giảm thể tích hoặc phân hủy rác thải hữu cơ đó) - Loại sấy khô, loại phân hủy sinh học, v.v...
- (2) Thiết bị ủ phân rác thải hữu cơ (không dùng điện mà thực hiện thúc đẩy quá trình ủ phân từ rác thải hữu cơ thông qua phương pháp lên men và phân hủy) - Thùng ủ compost, thùng kín, v.v...
- (3) Thiết bị giảm lượng rác thải hữu cơ (loại được thiết kế nhằm mục đích giảm thể tích hoặc phân hủy rác thải hữu cơ dùng phương pháp phơi khô tự nhiên, vắt ráo, v.v...) - Kiero, v.v...
- (4) Vật liệu nền (vật liệu dùng trong thùng ủ compost dạng túi và bộ dụng cụ ủ compost bằng bìa các-tông)

Lưu ý: Máy xử lý rác thải hữu cơ loại nghiền xả trực tiếp không được hỗ trợ.

◎ Số tiền hỗ trợ v.v...

Thiết bị được hỗ trợ	Số tiền hỗ trợ	Số lần nộp đơn hỗ trợ	Số lượng có thể mua
(1) Máy xử lý rác thải hữu cơ			
(2) Thiết bị ủ phân rác thải hữu cơ		Có thể nộp đơn 1 lần trong 1 năm tài chính	Tối đa 1 chiếc cho mỗi hộ gia đình
(3) Thiết bị giảm lượng rác thải hữu cơ	½ giá mua (bao gồm thuế tiêu thụ): tối đa 30,000 yên		
(4)-1 Vật liệu nền (thùng ủ compost dạng túi)		Có thể nộp đơn 2 lần trong 1 năm tài chính	Tối đa 6 chiếc cho mỗi hộ gia đình
(4)-2 Vật liệu nền (bộ dụng cụ ủ compost bằng bìa các-tông)		Có thể nộp đơn 1 lần trong 1 năm tài chính	Tối đa 3 chiếc cho mỗi hộ gia đình

Chương trình cho mượn miễn phí thùng ủ compost dạng túi

Liên hệ Phòng Xúc tiến xã hội theo mô hình tuần hoàn
TEL 71-3001 FAX 71-3000

◎ Đối tượng

Các hộ gia đình có đăng ký cư trú tại thành phố vào ngày đăng ký mượn, tiếp tục cư trú tại thành phố, có khả năng tự xử lý rác thải hữu cơ tại nhà, và lần đầu tiên đăng ký mượn thùng ủ compost dạng túi.

◎ Thiết bị cho mượn

Thùng ủ compost dạng túi và vật liệu nền



Sử dụng sản phẩm tái chế và đồ dùng không sử dụng

» Cơ sở tái chế rác cỡ lớn – Xưởng tái sử dụng

Liên hệ Xưởng tái sử dụng “Reuse Kobo” TEL 42-6010

* Thứ Ba, Thứ Năm và Chủ Nhật từ 10:00 sáng đến 3:00 chiều

This facility cleans and repairs furniture and other household items disposed of as oversized waste and sells them as second-hand items.

◎ Quy trình mua đồ nội thất tái sử dụng

- (1) Kiểm tra tình trạng sản phẩm trưng bày tại xưởng tái sử dụng “Reuse Kobo” (Togari-cho, trong Cơ sở vệ sinh)
- (2) Điền mức giá muốn trả vào mẫu đấu giá và bỏ vào hộp đấu giá
- (3) Xác định người thắng đấu giá (vào buổi chiều thứ Năm thứ 3 của mỗi tháng, chúng tôi sẽ liên hệ qua điện thoại với người thắng)
- (4) Người thắng trả tiền đấu giá, và tự vận chuyển nội thất về nhà

* Bạn có thể xem danh sách sản phẩm trưng bày và kết quả đấu giá trước đây trên trang web của thành phố.

* Không chấp nhận rác cỡ lớn.

» Cơ sở tái sử dụng các loại rác thải được thu gom “Reuse Spot”

* Thứ Ba, thứ Năm, Chủ Nhật từ 10:00 sáng đến 3:00 chiều

Đây là cơ sở thực hiện làm sạch đơn giản các loại rác thải được thu gom về cơ sở xử lý rác của thành phố Toyota và rác thải gia đình được thải ra dưới dạng rác thải cỡ lớn, sau đó sẽ chuyển nhượng cho người dùng. Sau khi thanh toán, bạn có thể mang về ngay lập tức.

◎ Đối tượng sử dụng

Người sinh sống, làm việc hoặc học tập tại thành phố Toyota.

◎ Thanh toán và giao hàng

ASau khi thanh toán tại Reuse Spot, chúng tôi sẽ bàn giao các món đồ.

Việc vận chuyển do người nhận tự thực hiện. (Chúng tôi cho mượn xe đẩy tay để hỗ trợ vận chuyển đến xe của bạn.



お願いします。(お車までの運搬用に手押しの台車をお貸しします。)

》不用品紹介窓口

問 豊田消費生活センター不用品紹介窓口

TEL 33-2447 FAX 33-0998

※月～金曜日午前10時～午後6時

家庭の不用品を活用するための情報交換制度です。さしあげます(無料)、ゆずります(有料)、ゆずってくださいの3種類の情報が集まっています。

◎利用の流れ

- ①不用品紹介窓口(T-FACE A館 7階)に連絡・登録
 - ②該当品があれば情報を提供
 - ③登録者同士が話し合っ決定
- ※市ホームページで登録品の一部をご覧ください。

環境

問 環境政策課

TEL 41-7391 FAX 41-7392(環境センター1階)

スマートハウス等エコ住宅を構成する設備・機器や次世代自動車の導入に要する費用の一部を補助します。

》スマートハウス等エコ住宅構成設備・機器の導入に対する補助(エコファミリー支援補助金 住宅編)

◎対象

- 自ら居住する住宅に対象の設備・機器を導入する人
- ※スマートハウス、スマート・ゼロハウスに関しては、太陽光発電システム、家庭用エネルギー管理システム(HEMS)及び蓄電池又は電気自動車等充給電設備(V2H)を同時に導入する人が対象
- ※対象設備を設置する前に環境政策課へ設置予定届出書の提出が必要
- ※とよた・ゼロカーボンドライブ補助金及び自家消費型太陽光発電設備設置費補助金との併用は不可
- ※対象設備や補助要件などの詳細につきましては市ホームページをご確認ください。

詳しくはこちら→



◎補助額

対象設備・機器	補助金額	上限額
スマートハウス (令和4年3月31日以前の住宅)	定額	21万円
スマート・ゼロハウス(ZEH) (令和4年4月1日以降の住宅)	定額	26万円
燃料電池(単体)	設置費用の5%	5万円
蓄電池又はV2H(単体)	蓄電容量7.5kWh未満1kWhあたり1万円 7.5kWh以上は定額15万円	15万円

》外部給電機能付次世代自動車購入に対する補助(エコファミリー支援補助金 自動車編)

◎対象

新車登録日の時点で1年以上前から豊田市内に住所を有し、自ら使用する目的で対象の外部給電機能付次世代自動車(リース・サブスクリプションを含む)を購入する人

※とよた・ゼロカーボンドライブ補助金との併用は不可
※対象設備や補助要件などの詳細につきましては市ホームページをご確認ください。



詳しくはこちら→

◎補助額

対象車種	補助金額	上限額
電気自動車(BEV) プラグインハイブリッド車(PHEV)	車両ごとに設定し	20万円※1
燃料電池自動車	た車両本体基準額の5%	32万円
超小型電気自動車※2		7.5万円※3

- ※1 充電設備機能を導入した場合は2万円上乗せ
※2 外部給電機能の有無は問わず補助対象
※3 申請者が満65歳以上の場合は4万円上乗せ



» Quầy giới thiệu đồ dùng không sử dụng

Liên hệ Quầy giới thiệu đồ dùng không sử dụng tại Trung tâm Tiêu dùng Toyota

TEL **33-2447** FAX **33-0998**

*Từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 10:00 sáng đến 6:00 tối

Đây là hệ thống trao đổi thông tin nhằm tận dụng các sản phẩm không sử dụng trong gia đình. Ở đây có các thông tin cho tặng đồ dùng miễn phí, chào bán đồ dùng hoặc yêu cầu người khác chào bán đồ dùng.

◎ Quy trình sử dụng

- (1) Liên hệ và đăng ký tại Quầy giới thiệu đồ dùng không sử dụng (Tầng 7 Toà T-FACE A)
 - (2) Cung cấp thông tin nếu có sản phẩm phù hợp
 - (3) Các thành viên đăng ký sẽ thảo luận và quyết định
- * Bạn có thể xem một số sản phẩm đăng ký trên trang web của thành phố.

Môi trường

Liên hệ Phòng Chính sách môi trường

TEL **41-7391** FAX **41-7392**

(Tầng 1, Trung tâm Môi trường)

Chương trình này sẽ hỗ trợ một phần chi phí cho việc lắp đặt thiết bị và máy móc trong nhà thông minh và việc đưa vào sử dụng xe ô tô thể hệ tiếp theo.

» Hỗ trợ cho việc lắp đặt thiết bị và máy móc trong nhà thông minh (Trợ cấp hỗ trợ Gia đình ECO – Mục Nhà riêng)

◎ Đối tượng

Người lắp đặt cho nhà ở của người đó các thiết bị và máy móc thuộc đối tượng áp dụng.

- * Đối với nhà thông minh (Smart House) và nhà thông minh không tiêu thụ năng lượng (Smart Zero House): Người lắp đặt cùng lúc Hệ thống phát điện năng lượng mặt trời, Hệ thống quản lý năng lượng gia đình (HEMS) và Thiết bị sạc và cấp điện cho xe ô tô điện (V2H) sẽ được hỗ trợ.
- * Trước khi lắp đặt thiết bị, bạn phải gửi thông báo về kế hoạch lắp đặt tới Phòng Chính sách môi trường.
- * Không thể sử dụng cùng với trợ cấp "Toyota Zero Carbon Drive" và trợ cấp lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tự tiêu thụ.
- * Vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố để biết chi tiết về thiết bị được hỗ trợ và các điều kiện nhận trợ cấp.

Xem chi tiết tại đây →



◎ Số tiền hỗ trợ

Thiết bị và máy móc áp dụng	Số tiền hỗ trợ	Tối đa
Nhà thông minh (Nhà trước ngày 31/3/2022)	Số tiền cố định	210.000 yên
Nhà thông minh không tiêu thụ năng lượng (Nhà sau ngày 01/4/2022)	Số tiền cố định	260.000 yên
Pin xe nhiên liệu (đơn lẻ)	5% chi phí lắp đặt	50.000 yên
Pin lưu trữ hoặc V2H (đơn lẻ)	10.000 yên cho mỗi 7.5 kWh lưu trữ Từ 7,5kW lưu trữ trở lên: Trợ cấp cố định 150.000 yên	150.000 yên

» Hỗ trợ mua xe ô tô thể hệ tiếp theo có tính năng sạc từ bên ngoài (Trợ cấp hỗ trợ Gia đình ECO– Mục ô tô)

◎ Đối tượng

Người mua xe ô tô thể hệ tiếp theo đủ điều kiện sử dụng cho cá nhân, tại ngày đăng ký xe mới đã có địa chỉ tại Thành phố Toyota từ 1 năm trở lên

- * Không thể sử dụng cùng với trợ cấp "Toyota Zero Carbon Drive"
- * Vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố để biết chi tiết về thiết bị được hỗ trợ và các điều kiện nhận trợ cấp.



Xem chi tiết tại đây →

◎ Số tiền hỗ trợ

Loại xe áp dụng	Số tiền hỗ trợ	Tối đa
Xe ô tô điện (BEV)		
Xe plug-in hybrid có khả năng sạc từ bên ngoài (PHEV)	5% chi phí (chưa thuế) liên quan đến việc mua xe ô tô (chỉ tiền xe, không có các loại thuế, phí khác)	150.000 yên*1
Xe chạy bằng pin nhiên liệu		320.000 yên
Xe điện siêu nhỏ*2		75.000 yên*3

*1 Nếu cài đặt tính năng sạc, bạn sẽ được trợ cấp thêm 20.000 yên.

*2 Bất kể có tính năng sạc từ bên ngoài hay không, xe vẫn thuộc đối tượng được hỗ trợ.

*3 Người đăng ký từ đủ 65 tuổi trở lên sẽ được trợ cấp thêm 40.000 yên.

住宅の省エネ改修に対する補助(豊田市住宅省エネ改修補助金)

◎対象

自ら所有する住宅について、省エネ改修工事を実施する人・法人

◎補助対象となる改修工事

①省エネ改修工事

【全体改修】

改修後の住宅がZEH水準に相当することについて、BELS等の第三者機関による評価・認証を受けていること。

【部分改修】

開口部や躯体等の断熱化に係る改修工事

※ZEH水準の仕様基準を満たす建材を使用し、2か所以上の開口部(窓・ドア)の改修を含むものに限る。

②設備の効率化に係る工事

【対象設備】

太陽熱利用システム、高断熱浴槽、高効率給湯機、節給水栓燃料電池システム、蓄電池、LED照明等

※補助要件や対象設備などの詳細につきましては市ホームページをご確認ください。

◎補助額

補助率	補助上限額
4/5	70万円/戸

詳しくはこちら→



再エネ由来の電気で給電できる次世代自動車及びV2H・充電設備に対する補助(とよた・ゼロカーボンドライブ補助金)

◎対象

再エネ型の外部給電機能付次世代自動車・V2H・充電設備を導入する人

◎対象設備

①電気自動車(BEV)

②プラグインハイブリッド車(PHEV)

※①及び②は再エネ由来の電気(太陽光発電や再エネ電気等)で自動車を給電できる場合に限る。

③V2H

④充電設備

※③及び④は再エネ型次世代自動車(BEV、PHEV)を所有している場合に限る。①または②同時申請の場合も対象。

※対象設備や補助要件などの詳細につきましては市ホームページをご確認ください。

◎補助額

種別	補助率	補助上限額
再エネ型BEV	車両ごとに設定した金額	110万円
再エネ型PHEV	車両ごとに設定した金額	80万円
再エネ型V2H	1/2+10万円	85万円
再エネ型充電設備	1/2	30万円

太陽光発電設備に対する補助(自家消費型太陽光発電設備設置費補助金)

◎対象

- ・自ら居住する住宅に、自家消費型の太陽光発電設備を設置する人
- ・パワーコンディショナーシステム(PCS)を更新する人

◎対象設備

①太陽光発電設備

②パワーコンディショナーシステム(PCS)更新

※どちらも外部給電機能付次世代自動車を所有している場合に限る。

※対象設備や補助要件などの詳細につきましては市ホームページをご確認ください。

◎補助額

種別	補助率	補助上限額
太陽光発電設備	1万円/kW(太陽光出力)	10万円
パワーコンディショナーシステム(PCS)更新	1万円/kW(PCS出力)	5万円

すまいの害虫相談 害虫駆除

問 感染症予防課

TEL 34-6180 FAX 34-6929

住まいの住環境における害虫・害獣の駆除方法・防除方法についての相談を受けます。

なお、実際の駆除・防除は原則として私有地の所有者・管理者が行います。

詳しくはこちら→



» Trợ cấp cải tạo tiết kiệm năng lượng nhà ở (Trợ cấp cải tạo tiết kiệm năng lượng nhà ở thành phố Toyota)

◎ Đối tượng

Cá nhân/tổ chức thực hiện công trình cải tạo tiết kiệm năng lượng cho nhà ở do cá nhân/tổ chức đó sở hữu

◎ Các công trình cải tạo được hỗ trợ

(1) Công trình cải tạo tiết kiệm năng lượng

[Cải tạo toàn diện]

Nhà ở sau cải tạo đã được một tổ chức bên thứ ba (BELS v.v...) đánh giá và chứng nhận là tương đương tiêu chuẩn ZEH.

[Cải tạo một phần]

Công trình cải tạo liên quan đến việc cách nhiệt cho các bộ phận như cửa mở, khung nhà, v.v...

* Chỉ áp dụng đối với các trường hợp sử dụng vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn ZEH, và bao gồm việc cải tạo ít nhất 2 vị trí cửa (cửa sổ, cửa ra vào).

(2) Công trình nâng cao hiệu quả của thiết bị

[Thiết bị được hỗ trợ]

Hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời, bồn tắm cách nhiệt cao, máy nước nóng hiệu suất cao, van tiết kiệm nước, hệ thống pin nhiên liệu, pin lưu trữ, đèn LED, v.v.

* Vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố để biết chi tiết về điều kiện trợ cấp và thiết bị được hỗ trợ.

◎ Số tiền hỗ trợ

Tỷ lệ trợ cấp	Mức trợ cấp tối đa
4/5	700.000 yên / mỗi căn nhà

Xem chi tiết tại đây →



» Trợ cấp cho xe ô tô thể hệ mới và thiết bị sạc/V2H có thể cung cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo

(Tiền trợ cấp Toyota Zero Carbon Drive)

◎ Đối tượng

Người lắp đặt xe ô tô thể hệ tiếp theo có chức năng cấp điện ngoài sử dụng năng lượng tái tạo, V2H, hoặc thiết bị sạc.

◎ Thiết bị được hỗ trợ

(1) Xe ô tô điện (BEV)

(2) Xe plug-in hybrid có khả năng sạc từ bên ngoài (PHEV)

* Thiết bị tại mục (1) và (2) chỉ áp dụng khi xe được cấp điện từ điện năng tái tạo (như điện năng lượng mặt trời hoặc các nguồn điện tái tạo, v.v.).

(3) V2H

(4) Thiết bị sạc

* Thiết bị tại mục (3) và (4) chỉ áp dụng khi bạn sở hữu xe thể hệ tiếp theo sử dụng năng lượng tái tạo (BEV, PHEV).

Trường hợp đăng ký đồng thời mục (1) hoặc (2) cũng được hỗ trợ.

* Vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố để biết thêm thông tin chi tiết về thiết bị được hỗ trợ và điều kiện trợ cấp.

◎ Số tiền hỗ trợ

Loại hình	Tỷ lệ trợ cấp	Mức trợ cấp tối đa
BEV sử dụng năng lượng tái tạo	Số tiền hỗ trợ theo từng xe	1.100.000 yên
PHEV sử dụng năng lượng tái tạo	Số tiền hỗ trợ theo từng xe	800.000 yên
V2H sử dụng năng lượng tái tạo	1/2 + 100.000 yên	850.000 yên
Thiết bị sạc sử dụng năng lượng tái tạo	1/2	300.000 yên

» Trợ cấp cho thiết bị điện năng lượng mặt trời (Trợ cấp lắp đặt thiết bị điện năng lượng mặt trời tự tiêu thụ)

◎ Đối tượng

- Người lắp đặt thiết bị điện năng lượng mặt trời tự tiêu thụ tại nhà ở nơi người đó sinh sống
- Người thay mới hệ thống bộ điều hòa công suất (PCS)

◎ Thiết bị được hỗ trợ

(1) Thiết bị điện năng lượng mặt trời

(2) Thay mới hệ thống bộ điều hòa công suất (PCS)

* Cả hai trường hợp chỉ áp dụng khi sở hữu xe ô tô thể hệ mới có chức năng cấp điện ngoài.

* Vui lòng kiểm tra trang web chính thức của thành phố để biết thêm thông tin chi tiết về thiết bị được hỗ trợ và điều kiện trợ cấp.

◎ Số tiền hỗ trợ

Loại hình	Tỷ lệ trợ cấp	Mức trợ cấp tối đa
Thiết bị điện năng lượng mặt trời	10.000 yên/kW (công suất điện năng lượng mặt trời)	100.000 yên
Thay mới hệ thống bộ điều hòa công suất (PCS)	10.000 yên/kW (công suất PCS)	50.000 yên

Tư vấn về côn trùng gây hại trong nhà và diệt trừ côn trùng

Liên hệ Phòng Phòng ngừa bệnh truyền nhiễm

TEL 34-6180 FAX 34-6929

Chúng tôi nhận tư vấn về phương pháp diệt trừ và kiểm soát côn trùng, động vật gây hại trong môi trường sống của gia đình bạn.

Ngoài ra, về nguyên tắc việc thực hiện diệt trừ và kiểm soát trên thực tế sẽ do chủ sở hữu hoặc người quản lý đất tiến hành.

Xem chi tiết tại đây →



葬祭

問 古瀬間聖苑 TEL 80-1160 FAX 80-1196

こ せ ま せ い え ん
古瀬間聖苑

◎葬祭の時は

葬祭業者に依頼される場合は葬祭業者にご相談ください。葬祭業者に依頼せず利用する場合は、予約受付専用電話 TEL 47-0983 へ電話してください。

◎使用料(市民の場合)

- ①火葬料／無料
- ②式場／午前9時～午後4時の7時間以内20,000円、午後5時～翌午前9時の16時間以内10,000円
- ③祭壇／1回3,000円

◎お願い

遺体(焼骨)及び火葬炉の損傷や汚染等の原因となりますので、棺の中には副葬品は入れないようご協力ください。特にプラスチック・ゴム・ガラス・金属・陶器等の製品、書籍・アルバム類は絶対に入れないでください。

詳しくは、施設へお問い合わせください。

◎休業日 1月1日、友引の日

自治区

問 豊田市区長会事務局(地域交流課内)

TEL 34-6629 FAX 35-4745

豊田市では各自治区が、地域にお住まいの方との親睦と結びつきを深めながら、豊かで住みよいまちづくりを目指し、自主的に様々な活動を行っています。

「支えあいのまちづくり」や「ふれあいづくり」のため自治区に加入されることをお勧めします。

- 加入方法、区費、活動内容の詳細については各自治区にお問い合わせください。
- お住まいの住所がどの自治区に該当するかについては、豊田市区長会ホームページでご確認ください。



上・下水道

問 料金課 TEL 34-6654 FAX 34-6655(西庁舎1階)
下水道施設課 TEL 34-6964 FAX 32-3171(西庁舎2階)
下水道建設課 TEL 34-6624 FAX 32-3171(西庁舎2階)

水道の使用開始・使用中止・ 使用者変更(担当:料金課)

使用開始・中止は希望される日の3営業日前までに申込みください。営業日は土日祝日及び12月29日～1月3日を除く平日です。使用者変更は新使用者が決まり次第お申込みください。

申込方法はインターネットまたは電話です。インターネットからの申込は24時間365日いつでも可能です。電話での受付時間は営業日の午前8時30分から午後5時15分です。

インターネットからの申込はこちら→



上下水道料金のお支払いは口座振替 をご利用ください(担当:料金課)

口座振替は料金課で配布のハガキや金融機関窓口の申込書で申込みください。金融機関によってはインターネットからの申込みも可能です。

◎取扱い金融機関(2025年4月1日現在)

三菱UFJ銀行、みずほ銀行、三井住友銀行、大垣共立銀行、十六銀行、三十三銀行、百五銀行、あいち銀行、名古屋銀行、ゆうちょ銀行・郵便局、岡崎信用金庫、瀬戸信用金庫、豊田信用金庫、碧海信用金庫、イオ信用組合、信用組合愛知商銀、東海労働金庫、あいち豊田農業協同組合

インターネットからの申込はこちら→



暮らし・環境

Tổ chức tang lễ

Liên hệ Nhà tang lễ Kosema- seien

TEL 80-1160 FAX 80-1196

Municipal Kosema Crematory Khi cần tổ chức tang lễ

Trường hợp ủy thác cho công ty tổ chức lễ tang, vui lòng liên hệ trực tiếp với công ty đó.

Trường hợp không sử dụng dịch vụ công ty tổ chức lễ tang, vui lòng gọi điện đến số điện thoại nhận đặt chỗ chuyên dùng: TEL 47-0983.

◎ Phí sử dụng (đối với cư dân thành phố)

(1) Phí hỏa táng / Miễn phí

(2) Sảnh làm lễ /

Trong vòng 7 giờ từ 9:00 sáng đến 4:00 chiều:

20.000 yên;

trong vòng 16 giờ từ 5:00 chiều đến 9:00 sáng hôm sau:

10.000 yên

(3) Bàn thờ / 3.000 yên/lần

◎ Lời nhắc nhở

Vì có thể gây hư hại hoặc ô nhiễm cho thi thể (tro cốt) và lò hỏa táng, xin quý vị vui lòng không đặt các đồ tùy táng vào trong quan tài. Đặc biệt, tuyệt đối không được bỏ các sản phẩm bằng nhựa, cao su, thủy tinh, kim loại, gốm sứ, sách hoặc album vào bên trong.

Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng liên hệ với cơ sở.

◎ Ngày nghỉ

Ngày 01/01, Ngày Tomobiki (là ngày kiêng làm tang lễ)

Khu tự quản

Liên hệ Văn phòng Hội Chủ tịch quận Thành phố Toyota (trong Phòng Hỗ trợ Địa phương)

TEL 34-6629 FAX 35-4745

Toyota có nhiều khu tự quản, mỗi khu tự quản tập trung vào việc tự quản và tự chủ thực hiện các hoạt động khác nhau nhằm mục đích xây dựng một thành phố thịnh vượng, đáng sống đồng thời thắt chặt tình bạn và mối quan hệ với người dân địa phương.

Chúng tôi khuyến khích bạn nên tham gia vào khu tự quản để cùng “xây dựng thành phố hỗ trợ lẫn nhau” và “xây dựng các mối quan hệ xã hội”

- Vui lòng liên hệ với từng khu tự quản để biết thêm chi tiết về cách tham gia, phí tham gia khu tự quản và nội dung hoạt động.
- Để biết địa chỉ cư trú của bạn thuộc khu tự quản nào, vui lòng kiểm tra trên trang web của Hội Chủ tịch Quận thành phố Toyota.



Hệ thống nước và nước thải

Liên hệ Phòng Chi phí sử dụng

TEL 34-6654 FAX 34-6655 (Tầng 1, Tòa Tây)

Phòng Cơ sở hệ thống nước thải

TEL 34-6964 FAX 32-3171 (Tầng 2, Tòa Tây)

Phòng Xây dựng đường ống nước thải

TEL 34-6624 FAX 32-3171 (Tầng 2, Tòa Tây)

Bắt đầu sử dụng, ngừng sử dụng và thay đổi người sử dụng dịch vụ nước (Phụ trách: Phòng Chi phí sử dụng)

Vui lòng đăng ký trước ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày muốn bắt đầu hoặc ngừng sử dụng dịch vụ. Ngày làm việc là các ngày trong tuần, không bao gồm thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ và thời gian nghỉ năm mới từ ngày 29/12 đến ngày 3/1. Trường hợp thay đổi người sử dụng, hãy đăng ký ngay khi xác định được người sử dụng mới. Phương thức đăng ký bao gồm đăng ký qua internet hoặc điện thoại. Đăng ký qua internet có thể thực hiện 24/7, 365 ngày/năm. Thời gian tiếp nhận đăng ký qua điện thoại là từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều vào các ngày làm việc.



Đăng ký qua internet tại đây →

Xin vui lòng sử dụng dịch vụ chuyển khoản tiền phí sử dụng nước và tiền phí xử lý nước thải qua tài khoản (Phụ trách: Phòng Chi phí sử dụng)

Để đăng ký chuyển khoản thanh toán, vui lòng sử dụng bưu thiếp do Phòng Chi phí sử dụng phát hành hoặc mẫu đơn đăng ký tại quầy của các ngân hàng. Một số ngân hàng cũng cho phép đăng ký trực tuyến qua internet.

◎ Ngân hàng cung cấp dịch vụ (Tính đến ngày 1/4/2025)

Ngân hàng Mitsubishi UFJ, Ngân hàng Mizuho, Ngân hàng Sumitomo Mitsui, Ngân hàng Ogaki Kyoritsu, Ngân hàng Juroku, Ngân hàng Sanjuusanginkou, Ngân hàng Hyakugo, Ngân hàng Aichi, Ngân hàng Nagoya, Ngân hàng Yucho (Các bưu điện), Hợp tác xã tín dụng Okazaki, Hợp tác xã tín dụng Seto, Hợp tác xã tín dụng Toyota, Hợp tác xã tín dụng Hekikai, Hợp tác xã tín dụng Aichi Shogin, Hợp tác xã tín dụng IO, Hợp tác xã tín dụng IO, Ngân hàng Tokai Rokin, JA Aichi Toyota



Đăng ký qua internet tại đây →

水のトラブル対処法

①水が漏れている！

水道メーターのパイロットマークを確認してください。



- 家の中の蛇口がすべて閉まった状態で、パイロットマークが回っている場合／市指定給水装置工事事業者へ連絡して修繕してください。(修繕には料金が発生し、お客様の負担となります)
- パイロットマークが回っていない場合／(一財)豊田市水道サービス協会(TEL 31-1421、FAX 31-1430)へ連絡してください。

②水道水に色がある！

- 白い水：水道管の中に入った空気が無数の小さな泡になって出ることがあります。その場合は、しばらくすると泡が消えてきれいになりますので、そのまま使用しても差し支えありません。
- 赤茶色のにごり水：まず、にごり水が出ている水道の蛇口を止めてください。
- 消火活動や突発事故・水道工事などにより、にごり水が出ることがあります。近所でも同じようににごり水が出ている場合は水の使用を控え、水道整備課(TEL 34-6656、FAX 33-9096)へご連絡ください。
※業務時間外(午後5時15分～午前8時30分、土・日曜日、祝日)は(一財)豊田市水道サービス協会(TEL 31-1421、FAX 31-1430)
- 近所が同じような状況でない場合は、宅内の配管が原因の可能性があります。市指定給水装置工事事業者へ相談してください。

③水道水が出ない！

近所の水道水も出ないときは、水道工事や突発事故で断水していることが考えられますので、水道整備課(TEL 34-6656、FAX 33-9096)へご連絡ください。

※業務時間外(午後5時15分～午前8時30分、土・日曜日、祝日)は(一財)豊田市水道サービス協会(TEL 31-1421、FAX 31-1430)

一軒のみ水道水が出ない場合は、止水栓が開いて

いるかどうかお調べください。(給水停止により止水栓を閉めている場合もあります)また、集合住宅の場合は、受水槽の清掃、点検の可能性がありますので建物の管理者にご確認ください。

④水道が凍った！

タオルをかぶせ、その上からゆっくりとぬるま湯をかけて解かします。※急に熱湯をかけると蛇口が破裂することがあります。



水道管が破裂してしまったとき：メーターボックス内の止水栓をしめ、市指定給水装置工事事業者へ連絡して修繕してください。

※市指定給水装置工事事業者の連絡先は、市ホームページ掲載の豊田市指定給水装置工事事業者及び豊田市排水設備指定工事店を参照してください。

補助制度

下水道接続(改造)工事融資あっせん制度(担当:料金課)

下水道接続(改造)工事に対する融資は無利子にできます

くみ取り便所を水洗便所に改造し、又はし尿浄化槽を廃止して下水道に接続する場合で、金融機関の融資を受けて工事を行うときに、次のすべての要件を備えた人に対して、利子を補給することができる制度です。

接続(改造)工事及び融資あっせん制度は、市が指定する工事店(市ホームページの「豊田市指定給水装置工事事業者及び豊田市排水設備指定工事店」)に申し込んでください。

◎対象

以下のすべてに当てはまる人

- 1.市内に居住し、下水道事業受益者負担金や市税の滞納をしていない
- 2.融資金の償還能力がある
- 3.連帯保証人(条件あり)がいる

◎融資額

工事1件あたり40万円以内。ただし、トイレが1か所増すごとに10万円を加算

◎利子 無利子(上下水道局が利子を負担)

◎返済方法

40回以内の元金均等月賦償還

例／融資額40万円の場合、毎月1万円の返済



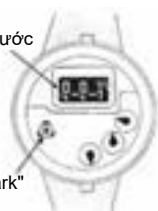
Xử lý sự cố với nước

(1) Có sự rò rỉ nước!

Hãy kiểm tra biểu tượng "Pilot Mark" trên đồng hồ nước của bạn.

Chỉ số đồng hồ đo nước

Biểu tượng "Pilot Mark"



- Nếu biểu tượng Pilot Mark vẫn quay khi tất cả các vòi nước trong nhà của bạn đã đóng kín, vui lòng liên hệ với cửa hàng thi công thiết bị cấp nước được chỉ định bởi thành phố để tiến hành sửa chữa. (Lưu ý rằng việc sửa chữa này sẽ phát sinh phí và bạn chịu trách nhiệm thanh toán.)
- Nếu biểu tượng Pilot Mark không quay, vui lòng liên hệ với Hiệp hội Dịch vụ nước Thành phố Toyota.

(TEL 31-1421 FAX 31-1430).

(2) Nước trong vòi nước có màu sắc khác!

- Nước trắng:
Đôi khi không khí bên trong ống nước có thể tạo thành nhiều bọt nhỏ khi chảy ra, tạo nên màu nước trắng. Trong trường hợp này, các bong bóng sẽ biến mất sau một thời gian và nước sẽ trở nên sạch sẽ, vì vậy bạn có thể tiếp tục sử dụng như cũ.
- Nước có màu đỏ nâu:
Đầu tiên, hãy tắt vòi nước đang chảy ra nước màu đục.
- Có thể xảy ra hiện tượng nước đục do các hoạt động chữa cháy, sự cố bất ngờ hoặc thi công liên quan đến hệ thống cung cấp nước.
- Nếu hiện tượng nước đục chỉ xảy ra trong nhà bạn và không xảy ra tại các nhà hàng xóm, có thể nguyên nhân là do đường ống nước nội bộ trong nhà. Vui lòng liên hệ với nhà thầu thi công thiết bị cấp nước được thành phố chỉ định để được tư vấn.

(TEL 34-6656 FAX 33-9096).

* Ngoài giờ làm việc (từ 5:15 chiều đến 8:30 sáng hôm sau, thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày lễ): Liên hệ với Hiệp hội Dịch vụ nước thành phố Toyota (TEL 31-1421 FAX 31-1430)

Nếu hiện tượng nước đục chỉ xảy ra trong nhà bạn và không xảy ra tại các nhà hàng xóm, có thể nguyên nhân là do đường ống nước nội bộ trong nhà. Trong trường hợp này, bạn có thể để nước chảy ra ở vòi ngoài trời trong một thời gian, đến khi nước trở nên trong suốt thì có thể sử dụng bình thường.

(3) Không có nước từ vòi nước!

Nếu cũng không có nước chảy ra từ vòi nước nhà hàng xóm, có thể đây là việc cắt nước để thi công đường ống nước hoặc sự cố bất ngờ, vì vậy hãy liên hệ với Phòng Bảo trì đường ống nước

(TEL 34-6656 FAX 33-9096).

* Ngoài giờ làm việc (từ 5:15 chiều đến 8:30 sáng hôm sau, thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày lễ): Liên hệ với Hiệp hội Dịch vụ nước thành phố Toyota (TEL 31-1421 FAX 31-1430)

Nếu chỉ có một nhà không có nước, vui lòng kiểm tra xem van ngắt nước có đang mở hay không. (Van ngắt nước có thể đang bị đóng do ngừng cấp nước.) Nếu bạn sống tại khu nhà tập thể, bể chứa nước có thể cần được làm sạch hoặc kiểm tra, vì vậy vui lòng kiểm tra với người quản lý khu nhà.

(4) Đường ống nước đã bị đóng băng!

Đặt một chiếc khăn lên và từ từ đổ nước ấm lên trên để làm tan băng dần.

*Lưu ý rằng việc đổ nước nóng đột ngột vào vòi có thể làm nổ vòi nước.

Trong trường hợp ống nước đã bị nổ: Hãy đóng van nước

trong hộp đồng hồ nước và liên hệ với cửa hàng thi công thiết bị cấp nước được chỉ định bởi thành phố để thực hiện sửa chữa.

* Thông tin liên hệ của vòi cửa hàng thi công thiết bị cấp nước được chỉ định bởi thành phố có thể được tìm thấy tại "Danh sách các cửa hàng thi công thiết bị cấp nước được chỉ định và cửa hàng thi công thiết bị thoát nước được chỉ định của Thành phố Toyota" trên trang web của thành phố.



Chương trình hỗ trợ

Chương trình môi giới khoản vay dành cho công trình liên kết (cải tạo) hệ thống xử lý nước thải (Phụ trách: Phòng Chi phí sử dụng)

Khoản vay dành cho công trình liên kết (cải tạo) hệ thống thoát nước có thể được cung cấp không lãi suất

Đây là chương trình hỗ trợ lãi suất cho những người đáp ứng tất cả các điều kiện dưới đây khi vay vốn từ các tổ chức tài chính để thực hiện việc cải tạo nhà vệ sinh kiểu hố xí thành nhà vệ sinh xả nước, hoặc khi bỏ bể phốt để đấu nối vào hệ thống thoát nước.

Về các công trình liên kết (cải tạo) hệ thống thoát nước và chương trình môi giới khoản vay, vui lòng đăng ký tại các cửa hàng thi công được thành phố chỉ định (vui lòng xem "Danh sách các cửa hàng thi công thiết bị cấp nước được chỉ định và cửa hàng thi công thiết bị thoát nước được chỉ định của Thành phố Toyota" trên trang web của thành phố).

◎ Đối tượng

Tất cả những người thỏa mãn các điều kiện sau đây:

1. Sinh sống tại thành phố, không chậm nộp tiền lợi nhuận từ công trình đường ống nước thải và thuế thành phố
2. Có khả năng trả nợ cho khoản vay
3. Cần có người bảo lãnh (có kèm điều kiện)

◎ Số tiền cho vay

Tối đa 400.000 yên cho mỗi công trình. Tuy nhiên, sẽ cộng thêm 100.000 yên cho mỗi bồn vệ sinh được cải tạo thêm.

◎ Lãi suất

Không lãi suất (Cục Cấp thoát nước sẽ chịu trách nhiệm trả lãi)

◎ Phương thức trả nợ

Trả nợ gốc thành nhiều đợt bằng nhau hàng tháng trong vòng 40 lần

Ví dụ: Nếu số tiền vay là 400.000 yên, mỗi tháng sẽ trả 10.000 yên



合併処理浄化槽設置費補助制度 (担当:下水道施設課)

公共下水道等の整備構想のない区域における「合併処理浄化槽への転換」を補助します。単独処理浄化槽や汲取り便槽からの切替えや、破損に伴う合併処理浄化槽の更新にご活用ください。

(注意)自身が居住する住宅以外への補助や設置後の補助金交付申請は不可など、補助には一定の条件があります。

浄化槽雨水貯留施設転用事業 補助制度(担当:下水道建設課)

下水道へ接続するときに、不用となる浄化槽を改造し、雨水貯留施設(雨水をためておく槽)に転用する場合、工事費の一部を補助します。

◎補助金額

工事に要した経費の2分の1
※上限60,000円

◎注意点

施工前に下水道排水設備申請書(料金課へ提出)と同時に下水道建設課へ申請。工期は、申請年度内に工事が完了するものが対象となります。

雨水貯留浸透施設補助制度 (担当:下水道建設課)

◎雨水貯留施設

雨水を一時的に貯める貯留タンクが補助の対象です。庭木の散水等雨水の有効利用や、大雨への対策に役立ちます。

◎雨水浸透施設

雨水を地中に浸透させる施設で、浸透ます、浸透トレンチ(有孔管)、浸透側溝、透水性舗装が補助の対象です。水循環機能の再生や、大雨への対策に役立ちます。

◎補助制度

「豊田市雨水貯留浸透施設補助金交付要綱」に基づき実施します。

◎補助金額

施設	規模	補助率	上限
雨水貯留槽	100リットル以上300リットル未満	2分の1	30,000円
	300リットル以上1,000リットル未満	2分の1	50,000円
	1,000リットル以上	2分の1	60,000円
浸透ます	内径又は内法200ミリメートル以上	2分の1	8,000円/基
浸透トレンチ	口径50ミリメートル以上	2分の1	8,000円/メートル
浸透側溝	内幅150ミリメートル以上	2分の1	4,000円/メートル
透水性舗装	透水性材厚40ミリメートル以上 路盤材厚100ミリメートル以上 フィルター砂厚50ミリメートル以上	2分の1	1,000円/平方メートル
1申請当たりの補助上限額			200,000円

》主な注意事項(担当:下水道建設課)

◎施設の購入・工事

必ず施設の購入又は工事を始める前に補助金交付申請をしてください。購入又は工事開始後は申請できませんのでご注意ください。

◎完了報告

工事の完了後14日以内に完了報告書を提出してください。ただし、年度末は3月15日(休日の場合は前日)が最終提出期限になります。必ずそれまでに工事を完了してください。

◎申請件数

申請は、1年度につき1人1回です。

◎施設の存続責任

補助を受けた施設については、申請者の責任で7年間は適正な維持管理に努めてください。



Chương trình hỗ trợ chi phí lắp đặt bể tự hoại xử lý tổng hợp (Phụ trách: Phòng Cơ sở hệ thống nước thải)

Chúng tôi sẽ hỗ trợ việc “chuyển đổi sang bể tự hoại xử lý tổng hợp” tại các khu vực chưa có quy hoạch phát triển hệ thống xử lý nước thải công cộng. Xin vui lòng sử dụng chương trình này để chuyển đổi từ bể tự hoại xử lý đơn lẻ hoặc nhà vệ sinh có bể phốt, hoặc để cải thiện hệ thống bể tự hoại xử lý tổng hợp do hư hỏng.

Lưu ý: Có một số điều kiện cụ thể để được hỗ trợ chi phí. Ví dụ, không thể trợ cấp cho lắp đặt tại những nhà mà không phải là nhà bạn đang sống hoặc không thể nộp đơn yêu cầu trợ cấp sau khi đã lắp đặt.

Chương trình Hỗ trợ dự án chuyển đổi bể tự hoại thành hệ thống lưu trữ nước mưa (Phụ trách: Phòng Xây dựng đường ống nước thải)

Khi bạn đấu nối với hệ thống xử lý nước thải công cộng, sửa sang lại bể tự hoại không cần sử dụng nữa và chuyển thành nơi chứa nước mưa (bể chứa nước mưa), chúng tôi sẽ hỗ trợ một phần chi phí công trình.

☉ Số tiền hỗ trợ

1/2 số tiền đã chi trả cho công trình

*Tối đa 60.000 yên

☉ Lưu ý

Trước khi tiến hành thi công, bạn cần nộp đơn đến Phòng Xây dựng đường ống nước thải cùng lúc với đơn xin cấp thiết bị thoát nước (gửi đến Phòng Chi phí sử dụng). Các công trình được hỗ trợ phải hoàn thành trong năm mà bạn nộp đơn.

Chương trình hỗ trợ Hệ thống lưu trữ và thấm thấu nước mưa (Phụ trách: Phòng Xây dựng đường ống nước thải)

☉ Hệ thống lưu trữ nước mưa

Chương trình hỗ trợ áp dụng cho các bể lưu trữ nước mưa tạm thời. Điều này hữu ích cho việc sử dụng hiệu quả nước mưa, ví dụ như tưới cây trong vườn hoặc để đối phó với mưa lớn.

☉ Hệ thống thấm thấu nước mưa

Chương trình hỗ trợ áp dụng cho hệ thống thấm thấu, rãnh thấm thấu (ống đục lỗ), máng thấm thấu, mặt đường thấm thấu tại các hệ thống cho phép thấm thấu nước mưa. Điều này rất hữu ích trong việc khôi phục chức năng tuần hoàn nước và đối phó với mưa lớn.

☉ Chương trình hỗ trợ

Chương trình này được thực hiện dựa trên “Hướng dẫn về tiền hỗ trợ cho hệ thống lưu trữ và thấm thấu nước mưa của Thành phố Toyota”.

☉ Số tiền hỗ trợ

Hệ thống	Quy mô	Tỷ lệ hỗ trợ	Số tiền tối đa
Bể lưu trữ nước mưa	Từ 100 lít trở lên	1/2	30.000 yên
	Dưới 300 lít		
	Từ 300 lít trở lên	1/2	50.000 yên
	Dưới 1.000 lít	1/2	60.000 yên
	1.000 lít trở lên		
Hệ thống thấm thấu	Đường kính trong hoặc chiều dài từ 200 mm trở lên	1/2	8.000 yên/nền
Rãnh thấm thấu	Đường kính 50 mm trở lên	1/2	8.000 yên/mét
Máng thấm thấu	Chiều rộng bên trong từ 150 mm trở lên	1/2	4.000 yên/mét
Mặt đường thấm thấu	- Độ dày vật liệu thấm nước từ 40 mm trở lên - Độ dày vật liệu nền đường từ 100 mm trở lên - Độ dày cát lọc từ 50 mm trở lên	1/2	1.000 yên/m2
Số tiền hỗ trợ tối đa cho 1 đơn xin hỗ trợ là:			200.000 yên

» Các điểm lưu ý quan trọng (Phụ trách: Phòng Xây dựng đường ống nước thải)

☉ Mua sắm hoặc thi công công trình

Vui lòng nộp đơn xin hỗ trợ trước khi bắt đầu mua sắm hoặc thi công công trình. Xin lưu ý rằng sau khi đã bắt đầu mua sắm hoặc thi công công trình, bạn sẽ không thể nộp đơn xin hỗ trợ.

☉ Báo cáo về việc hoàn thành

Xin vui lòng nộp báo cáo hoàn thành công trình trong vòng 14 ngày sau khi hoàn thành công trình. Tuy nhiên, hạn cuối cùng để nộp báo cáo hoàn thành công trình là vào ngày 15/3 (hoặc ngày trước đó nếu 15/3 rơi vào ngày nghỉ) của năm kế tiếp. Xin vui lòng hoàn thành công trình trước thời hạn đó.

☉ Số lượng đơn xin hỗ trợ

Mỗi người chỉ được nộp 1 đơn xin hỗ trợ trong 1 năm tài chính.

☉ Trách nhiệm duy trì của hệ thống

Về hệ thống đã được hỗ trợ chi phí, xin vui lòng đảm bảo duy trì và quản lý đúng cách trong vòng 7 năm theo trách nhiệm của người nộp đơn.



相 談

市民相談課

問 市民相談課 TEL 34-6626 FAX 31-8252 (南庁舎1階)

相談名	相談日・時間／内容／相談員	予約
法律	週4回／相続・遺言・離婚・借金など／弁護士	要
家庭悩みごと	週2回／夫婦・親子関係など／元裁判所調停委員	要
税務	月2回／相続税、贈与税、所得税など税務全般／税理士	要
登記(名義変更)	月3回／土地・家屋の名義変更、相続、成年後見など／司法書士	要
登記(境界・分筆)	月1回／土地境界・分筆・地目変更・建物登記(新築、増築、取壊し)など／土地家屋調査士	要
不動産	月1回／土地や建物の購入や売却、不動産活用など／宅地建物取引士	要
労働・年金	月1回／職場や労使間での悩みごとや困りごと、社会保険、年金など／社会保険労務士	要
行政への手続	月1回／相続、遺言、契約書、農地転用、開発許可などの手続きなど／行政書士	要
くらしの人権	月2回／いじめ、差別、嫌がらせなど／人権擁護委員	不要
国などの行政困りごと	月1～2回／国などの仕事への要望、意見など／行政相談委員	不要

●相談の日程、予約の受付開始日など詳細は、広報とよたをご覧ください。

社会福祉協議会

問 下記の各連絡先

相談名	相談日・時間／内容／相談員	予約
法律	・祝日を除く第1土曜日午後1時～4時(30分単位)／福祉センター／債務に関する相談／弁護士 ・祝日を除く第3土曜日午後1時～4時(30分単位)／福祉センター／くらしに関する相談／弁護士 ※各日先着5人、関係書類を持参、弁護士の指名はできません／電話で予約 (TEL 34-1132)	要
ボランティア	毎週火～土曜日(祝日、12月29日～1月3日を除く)午前8時30分～午後5時15分／福祉センター内／ボランティアに関する総合相談／ボランティアセンター職員／相談は直接来所か専用電話・FAX (TEL 31-1294、FAX 33-2346) ※社会福祉協議会の各支所・出張所(土・日曜日、祝日、12月29日～1月3日を除く)でも受け付けています	不要

●相談の日程、予約の受付開始日など詳細は、広報とよたをご覧ください。

●職員による生活の困りごと相談は、毎週火～土曜日(祝日を除く)午前8時30分～午後5時15分に行っています (TEL 34-1132、FAX 33-2346)



Dịch vụ tư vấn

Phòng Tư vấn dân cư

Liên hệ Bộ phận Tư vấn Cư dân **TEL 34-6626 FAX 31-8252** (Tầng 1, Tòa Nam)

Nội dung tư vấn	Thời gian tư vấn/ Nội dung/ Người tư vấn	Đặt lịch hẹn
Pháp luật	Tuần 4 lần/ Chia tài sản thừa kế, di chúc, ly hôn, các khoản nợ, v.v... / Luật sư	Yêu cầu
Các vấn đề gia đình	Tuần 2 lần/ Về mối quan hệ giữa vợ chồng, bố mẹ con cái, v.v.../ Nguyên hoà giải viên của Tòa án	Yêu cầu
Thuế	Tháng 2 lần/ Thuế thừa kế, thuế tặng cho, thuế thu nhập cá nhân, v.v.../ Nhân viên kế toán thuế	Yêu cầu
Đăng ký (Thay đổi tên chủ sở hữu)	Tháng 3 lần/ Thay đổi tên chủ sở hữu đất đai, nhà cửa, thừa kế, giám hộ cho người trưởng thành, v.v.../ Chuyên viên tư pháp	Yêu cầu
Đăng ký (Ranh giới/ Chia tách)	Tháng 1 lần/ Ranh giới đất, chia tách, thay đổi mục đích sử dụng đất, đăng ký xây dựng (xây mới, nâng cấp, phá dỡ) v.v.../ Nhân viên khảo sát nhà đất	Yêu cầu
Bất động sản	Tháng 1 lần/ Mua bán đất đai và nhà cửa, sử dụng bất động sản, v.v.../ Chuyên viên giao dịch bất động sản	Yêu cầu
Lao động và lương hưu	Tháng 1 lần / Các vấn đề và khó khăn tại nơi làm việc hoặc giữa người lao động và người sử dụng lao động, bảo hiểm xã hội, lương hưu v.v.../ Chuyên gia tư vấn bảo hiểm xã hội và lao động	Yêu cầu
Thủ tục hành chính	Tháng 1 lần/ Thừa kế, di chúc, hợp đồng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, cấp phép khai thác, v.v.../ Chuyên viên hành chính	Yêu cầu
Quyền con người	Tháng 2 lần/ Về việc bị bắt nạt, phân biệt đối xử, làm phiền, v.v.../ Ủy ban Bảo vệ quyền con người	Không yêu cầu
Những vướng mắc về hành chính của quốc gia	Tháng 1 ~ 2 lần/ Phản ánh nguyện vọng, ý kiến đối với các công việc của quốc gia v.v.../ Ủy ban Tư vấn hành chính	Không yêu cầu

- Thông tin chi tiết về lịch tư vấn, ngày bắt đầu nhận lịch hẹn v.v... vui lòng tham khảo Thông báo của Thành phố Toyota.

Hội đồng Phúc lợi xã hội

Liên hệ Các địa chỉ liên hệ dưới đây

Nội dung tư vấn	Thời gian tư vấn/ Nội dung/ Người tư vấn	Đặt lịch hẹn
Pháp luật	- Thứ bảy đầu tiên trong tháng (trừ ngày nghỉ lễ) từ 1:00 đến 4:00 chiều (30 phút mỗi lần)/ Bên trong Trung tâm Phúc lợi/ Tư vấn về các khoản nợ/ Luật sư - Thứ bảy thứ 3 trong tháng (trừ ngày nghỉ lễ) từ 1:00 đến 4:00 chiều (30 phút mỗi lần)/ Bên trong Trung tâm Phúc lợi/ Tư vấn về cuộc sống /Luật sư *Mỗi ngày tiếp nhận 5 người đầu tiên, vui lòng mang theo các tài liệu liên quan, không thể chọn luật sư cụ thể/ Đặt hẹn qua điện thoại TEL 34-1132	Yêu cầu
Các hoạt động tình nguyện	Hàng tuần từ thứ Ba đến thứ Bảy (trừ ngày nghỉ lễ và thời gian từ ngày 29/ 12 đến 03/ 01) từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Bên trong Trung tâm Phúc lợi/ Tư vấn tổng quan về tình nguyện/ Nhân viên Trung tâm Tình nguyện/ Có thể đến để được tư vấn trực tiếp tại địa điểm hoặc thông qua điện thoại và FAX chuyên dụng (TEL 31-1294 FAX 33-2346) * Cũng tiếp nhận tại các chi nhánh/ phòng làm việc của Hội đồng Phúc lợi xã hội (trừ ngày thứ Bảy và Chủ nhật, ngày nghỉ lễ và thời gian từ ngày 29/ 12 đến 03/ 01)	Không yêu cầu

- Thông tin chi tiết về lịch tư vấn, ngày bắt đầu nhận lịch hẹn v.v... vui lòng tham khảo Thông báo của Thành phố Toyota.
- Tư vấn về các khó khăn trong cuộc sống bởi các nhân viên được tiến hành hàng tuần từ thứ Ba đến thứ Bảy (trừ ngày nghỉ lễ) từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều (**TEL 34-1132 FAX 33-2346**)



Dịch vụ tư vấn

健康

相談名	相談日・時間／内容／相談員
栄養・歯科	月～金曜日午前8時30分～午後5時15分(年末年始・祝日を除く)／健康づくり応援課(TEL 34-6627、FAX 34-6186)／栄養、歯科に関すること／電話は随時、来所の場合は要予約
成人健康相談	月～金曜日午前8時30分～午後5時15分(年末年始・祝日を除く)／健康づくり応援課西部地区担当(市役所内TEL 34-6627、FAX 34-6186)、東部地区担当(足助支所内TEL 62-0603、FAX 62-0606)、南部地区担当(高岡コミュニティセンター内TEL 85-7710、FAX 85-7733)、北部地区担当(猿投コミュニティセンター内TEL 41-3081、FAX 41-3083)／生活習慣病予防などに関すること／電話は随時、来所の場合は要予約
こころの相談	精神科医師による精神保健福祉相談 毎月原則第2・4火曜日(祝日を除く)午後1時30分～3時／こころの病について／精神科医師／保健支援課(TEL 34-6855、FAX 34-6051)で予約。相談時間は1人30分程度
	保健師によるこころの悩み相談 月～金曜日午前8時30分～午後5時15分(年末年始・祝日を除く)／保健支援課(TEL 34-6855、FAX 34-6051)／こころの健康、社会復帰、家族の対応など
	心理職員によるこころの悩み相談 原則第1水曜日午後2時30分～4時30分／18歳以上でこころの悩みやひきこもりなどについて／心理職員／保健支援課(TEL 34-6855、FAX 34-6051)で予約。相談時間は1人1時間程度
育児健康相談	家庭訪問 月～金曜日午前9時～午後4時(年末年始・祝日を除く)／妊娠中や出産後の生活・授乳・発達・育児に関する相談／保健師・助産師等／要予約／こども相談課TEL 34-6064、FAX 32-2098
	電話・来所 月～金曜日午前8時30分～午後4時30分(年末年始・祝日を除く)／妊娠中や出産後の生活・授乳・発達・育児に関する相談／保健師／来所相談は要予約／こども相談課TEL 34-6064、FAX 32-2098
	オンライン 広報とよた・市ホームページで確認／妊娠中や出産後の生活・授乳・発達・育児に関する相談／保健師・助産師・管理栄養士／要予約／こども相談課TEL 34-6064、FAX 32-2098



相談

子育て・教育

施設名	相談日・時間／電話番号／内容／対象者／そのほか
青少年相談センター(パルクとよた)	日曜日、祝日、振替休日などを除く午前9時～午後5時／(TEL 33-9955)／不登校、いじめ、非行、家庭教育、特別支援教育など／6歳(就学児)～17歳、保護者
豊田市こども発達センター	土・日曜日、祝日、振替休日などを除く午前8時30分～午後5時15分／(TEL 32-8981、FAX 32-8902)／発達に関すること／18歳未満、保護者
家庭児童相談室	土・日曜日、祝日、振替休日などを除く午前9時～午後5時15分／(TEL 35-1152)／児童の養育上の悩み／18歳未満の子ども、保護者／こども相談課内
愛知県豊田加茂児童・障害者相談センター	土・日曜日、祝日、振替休日などを除く午前8時45分～午後5時30分／(TEL 33-2211、FAX 33-2212)／養護(児童虐待含む)、非行、障がい、健全育成、里親に関する相談など／18歳未満の子ども、保護者
はあとラインとよた	土・日曜日、祝日、振替休日などを除く午前9時～午後5時／(TEL 31-7867)／子ども・青少年についての保護者の悩み、本人の悩み／17歳までの人または保護者
とよた子どもの権利相談室(こことよ)	水・木・土曜日午後1時～6時、金曜日午後1時～8時／(TEL 0120-797-931)／子ども自身の悩みや子どもに関すること／原則18歳未満の子どもやその関係者
とよた急病・子育てコール24	24時間・365日／(TEL 0120-799192)／急病や子育てに関すること／市内在住・来訪者
こども・若者総合センター「RePPO(りっぽ)」	日・月曜日、祝日などを除く午前9時～午後6時／(TEL 33-1533)／若者の自立に関する悩みや不安／小学生から39歳までの若者とその家族

Sức khỏe

Nội dung tư vấn	Thời gian tư vấn/ Nội dung/ Người tư vấn
Dinh dưỡng và nha khoa	Từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều (trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ)/ Phòng Hỗ trợ xây dựng sức khỏe (TEL 34-6627 FAX 34-6186) / Về dinh dưỡng và nha khoa/ Tư vấn linh hoạt qua điện thoại; trong trường hợp đến địa điểm tư vấn thì cần đặt hẹn trước
Tư vấn sức khỏe cho người trưởng thành	Từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều (trừ ngày lễ năm mới và các ngày lễ)/ Phụ trách Khu vực phía Tây, Phòng Hỗ trợ xây dựng sức khỏe (Trong Toà thị chính thành phố TEL 34-6627 FAX 34-6186); Khu vực phía Đông (Trong Chi nhánh Asuke TEL 62-0603 FAX 62-0606); Khu vực phía Nam (Trong Trung tâm Cộng đồng Takaoka TEL 85-7710 FAX 85-7733) Khu vực phía Bắc (Trong Trung tâm Cộng đồng Sanage TEL 41-3081 FAX 41-3083) / Các vấn đề liên quan đến phòng chống các bệnh liên quan đến lối sống/ Tư vấn linh hoạt qua điện thoại, trong trường hợp đến địa điểm tư vấn thì cần đặt hẹn trước
Tư vấn tâm lý	Tư vấn sức khỏe tâm lý do bác sĩ khoa tâm thần tiến hành
	Về nguyên tắc, thứ Ba lần thứ hai và thứ năm trong tháng (trừ ngày nghỉ lễ) từ 1:30 đến 3:00 chiều/ Về các bệnh tâm lý/ Bác sĩ khoa tâm thần/ Để đặt hẹn, hãy gọi Phòng Hỗ trợ y tế (TEL 34-6855 FAX 34-6051). Thời gian tư vấn cho 1 người là khoảng 30 phút
	Tư vấn về lo âu bởi y tá sức khỏe cộng đồng
Tư vấn sức khỏe chăm sóc trẻ em	Tư vấn lo âu bởi nhân viên tâm lý
	Tư vấn tại nhà nhà
	Qua điện thoại / Đến trực tiếp
Tư vấn sức khỏe chăm sóc trẻ em	Trực tuyến

Nuôi dạy trẻ em và giáo dục

Tên cơ sở	Thời gian tư vấn/ Số điện thoại/ Nội dung tư vấn/ Đối tượng/ Thông tin khác
Trung tâm Tư vấn thanh thiếu niên (Park Toyota)	Các ngày trừ Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều (trừ ngày nghỉ lễ)/ (TEL 33-9955) / Về việc trốn học, bị bắt nạt, có hành vi phạm tội, giáo dục gia đình, giáo dục hỗ trợ đặc biệt v.v.../ Trẻ em từ 6 tuổi (đang đi học) đến 17 tuổi và người giám hộ
Trung tâm Phát triển trẻ em của Thành phố Toyota	Các ngày trừ thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, từ 8:30 sáng đến 5:15 phút chiều/ (TEL 32-8981 FAX 32-8902) / Các vấn đề liên quan đến sự tăng trưởng của trẻ em/ Trẻ em dưới 18 tuổi và người giám hộ
Ban Tư vấn gia đình và trẻ em	Các ngày trừ thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, từ 9:00 sáng đến 5:15 chiều/ (TEL 35-1152) / Về những mối lo âu trong việc chăm sóc trẻ em/ Trẻ em dưới 18 tuổi và người giám hộ/ Bên trong Phòng Gia đình và trẻ em
Trung tâm tư vấn Trẻ em và người khuyết tật Toyota Kamo, tỉnh Aichi	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, từ 8:45 sáng đến 5:30 chiều/ (TEL 33-2211 FAX 33-2212) / Tư vấn về bảo vệ (bao gồm hành vi ngược đãi trẻ em), hành vi không phù hợp, khuyết tật, giáo dục lành mạnh, bố mẹ nuôi v.v.../Đối tượng: Trẻ em dưới 18 tuổi và người giám hộ
Tổng đài lắng nghe Toyota (Heart Line Toyota)	Các ngày trừ thứ bảy và Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều/ (TEL 31-7867) / Những mối lo âu của người giám hộ về trẻ em và thanh thiếu niên, cũng như những mối lo âu của chính trẻ em và thanh thiếu niên/ Đối tượng: Trẻ em đến 17 tuổi hoặc người giám hộ
Phòng tư vấn quyền trẻ em Toyota (Koko Toyo)	Thứ Tư, thứ Năm, thứ Bảy và Chủ nhật từ 1:00 chiều đến 6:00 tối, thứ Sáu từ 1:00 chiều đến 8:00 tối/ (TEL 0120-797-931) / Những mối lo âu của bản thân trẻ em và những vấn đề liên quan đến trẻ em/ Về nguyên tắc, trẻ em dưới 18 tuổi và những người liên quan
Tổng đài Tư vấn Bệnh cấp tính và Chăm sóc trẻ em 24	24/ 7, 365 ngày trong năm/ (TEL 0120-799192) / Tư vấn liên quan đến bệnh cấp tính và chăm sóc trẻ em/ Cư dân trong thành phố và khách đến tham quan
Trung tâm tổng hợp dành cho trẻ em và thanh thiếu niên "RePPO"	Các ngày trừ Chủ nhật, thứ Hai và ngày lễ, từ 9:00 sáng đến 6:00 tối/ (TEL 33-1533) / Những lo lắng, bất an về sự tự lập của giới trẻ/ Từ học sinh tiểu học đến thanh thiếu niên 39 tuổi và gia đình của họ

そのほか

相談名	相談日・時間／窓口／内容／相談員／そのほか
消費生活	月～金曜日午前10時～午後5時15分、土曜日(電話のみ)午前10時～午後4時30分／豊田消費生活センター(専用電話TEL33-0999)／訪問販売など、商品の購入契約に苦情、疑問が生じた場合など／消費生活相談員
就労支援	火曜日、年末年始、5月3日～5日を除く午前10時～午後6時／就労支援室(TEL31-1330)／仕事や就職に関する不安や悩みなど／就職支援ナビゲーター
女性の就労支援	火曜日、年末年始、5月3日～5日を除く午前10時～午後6時／女性しごとテラス(TEL41-7555〈予約優先〉)／仕事や就職に関する不安や悩みなど／キャリアコンサルタント
クローバーコール (女性のための電話相談)	祝日、年末年始を除く毎週火・木・金・土曜日午前10時～午後4時、毎週水曜日午前10時～午後1時、午後4時～7時／相談専用電話(TEL33-9680)／DV、夫婦や家族関係など女性の様々な悩み／女性問題専門相談員
メンズコールとよた (男性のための電話相談)	祝日、年末年始を除く毎月第2・4金曜日午後6時～8時／相談専用電話(TEL37-0034)／夫婦、家族関係、職場、生き方など男性の様々な悩み／男性相談員
人権	土・日曜日、祝日、年末年始などを除く毎週月・水・金曜日午前10時～正午、午後1時～4時／名古屋法務局豊田支局(TEL32-0006)／人権に関すること／人権擁護委員
景観	第2・4金曜日午前9時30分～11時／建築相談課(TEL34-6649)／周辺環境に調和した建築物や工作物の設計、広告物のデザインなど／景観アドバイザー／要予約
花とみどり	年末年始を除く火・金・日曜日の午前9時～正午、午後1時～4時／西山公園(TEL31-2108、FAX33-8718)／庭木の管理・せん定、草花の育て方、花壇づくりなど花と緑に関する相談／緑の相談員
障がい者就労・生活支援センター	日曜日、祝日、振替休日などを除く月～土曜日午前9時～午後5時／けやきワークス内障がい者就労・生活支援センター(TEL36-2120、FAX36-0567)／障がいのある人の就労などの相談全般／支援ワーカーほか
医療安全支援センター	土・日曜日、祝日、振替休日などを除く午前8時30分～正午、午後1時～5時／医療安全支援センター(専用電話TEL34-6776〈面接相談希望の場合は事前予約が必要〉)／医療に関する心配ごと、医療機関の紹介
福祉の相談窓口(高岡)	土・日曜日、祝日、年末年始を除く午前8時30分～午後5時15分／福祉の相談窓口(高岡)(TEL53-2694、FAX53-3516)／誰に相談したらよいか分からない、問題がたくさんあってどうすればよいか分からないなど
福祉の相談窓口(猿投)	土・日曜日、祝日、年末年始を除く午前8時30分～午後5時15分／福祉の相談窓口(猿投)(TEL45-1214、FAX45-4824)／誰に相談したらよいか分からない、問題がたくさんあってどうすればよいか分からないなど
福祉の相談窓口(上郷)	土・日曜日、祝日、年末年始を除く午前8時30分～午後5時15分／福祉の相談窓口(上郷)(TEL21-0001、FAX21-5095)／誰に相談したらよいか分からない、問題がたくさんあってどうすればよいか分からないなど
福祉の相談窓口(高橋)	土・日曜日、祝日、年末年始を除く午前8時30分～午後5時15分／福祉の相談窓口(高橋)(TEL80-0077、FAX30-0092)／誰に相談したらよいか分からない、問題がたくさんあってどうすればよいか分からないなど
福祉の相談窓口(松平)	土・日曜日、祝日、年末年始を除く午前8時30分～午後5時15分／福祉の相談窓口(松平)(TEL58-0001、FAX58-0049)／誰に相談したらよいか分からない、問題がたくさんあってどうすればよいか分からないなど

Những vấn đề khác

Nội dung tư vấn	Thời gian tư vấn/Quầy liên hệ/Nội dung/ Người tư vấn/ Những vấn đề khác
Đời sống tiêu dùng	Từ thứ Hai đến thứ Sáu, từ 10:00 sáng đến 5:15 chiều, thứ bảy (chỉ tư vấn qua điện thoại) từ 10:00 sáng đến 4:30 chiều/ Trung tâm Tiêu dùng Toyota (Điện thoại riêng TEL 33-0999) / Khi có khiếu nại hoặc thắc mắc về các loại hợp đồng mua bán sản phẩm, chẳng hạn như tiếp thị tại nhà/ Tư vấn viên về đời sống tiêu dùng
Hỗ trợ việc làm	Các ngày trừ thứ Ba, ngày lễ năm mới và thời gian từ ngày 3/ 5 đến 5/ 5, từ 10:00 sáng đến 6:00 tối/ Phòng Hỗ trợ việc làm TEL 31-1330 / Các bất an và lo lắng liên quan đến việc làm và việc tìm kiếm việc làm/ Người hướng dẫn tìm kiếm việc làm
Hỗ trợ việc làm cho phụ nữ	Các ngày trừ thứ Ba, ngày lễ năm mới và thời gian từ ngày 3/ 5 đến 5/ 5, từ 10:00 sáng đến 6:00 tối/ Góc việc làm cho phụ nữ (TEL 41-7555 (ưu tiên đặt hẹn)/ Các bất an và lo lắng liên quan đến công việc và tìm kiếm việc làm/ Chuyên viên tư vấn sự nghiệp
Tổng đài cô bốn lá (Tổng đài tư vấn qua điện thoại dành riêng cho phụ nữ)	Thứ Ba, thứ Năm, thứ Sáu, thứ Bảy hàng tuần trừ các ngày lễ và ngày lễ đầu năm từ 10:00 sáng đến 4:00 chiều; thứ Tư hàng tuần sáng từ 10:00 đến 1:00, chiều từ 4:00 đến 7:00/ Điện thoại tư vấn (TEL 33-9680) / Những lo lắng của phụ nữ về bạo lực gia đình, quan hệ gia đình v.v.../Chuyên gia tư vấn về các vấn đề của phụ nữ
Tổng đài cho nam giới ☆ Toyota (Tổng đài tư vấn qua điện thoại dành riêng cho nam giới)	Thứ Sáu lần thứ 2 và thứ 4 hàng tháng trừ các ngày lễ và ngày lễ năm mới, từ 6:00 đến 8:00 tối/ Điện thoại tư vấn riêng (TEL 37-0034) /Những lo lắng của nam giới về mối quan hệ vợ chồng, gia đình, nơi làm việc và cách sống /Nam tư vấn viên
Nhân quyền	Thứ hai, tư, sáu hàng tuần trừ thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày lễ và ngày lễ năm mới, sáng từ 10:00 đến trưa, chiều từ 1:00 đến 4:00/ Cục Pháp lý Nagoya, Chi nhánh Toyota (TEL 32-0006) / Các vấn đề liên quan đến nhân quyền / Ủy ban Bảo vệ nhân quyền
Cảnh quan	Thứ sáu thứ 2 và thứ 4 trong tháng, từ 9:30 đến 11:00 sáng Phòng Tư vấn kiến trúc (TEL 34-6649) / Thiết kế các công trình kiến trúc và quảng cáo phù hợp với môi trường xung quanh/ Cố vấn về cảnh quan /cần đặt hẹn trước
Hoa và cây xanh	Thứ Ba, thứ Sáu, Chủ nhật trừ ngày lễ năm mới, sáng từ 9:00 đến trưa, chiều từ 1:00 đến 4:00/ Công viên Nishiyama (TEL 31-2108 FAX 33-8718) / Tư vấn về hoa và cây xanh, chẳng hạn như quản lý và cắt tỉa cây trong vườn, trồng hoa, làm bồn hoa/ Tư vấn viên về cây xanh
Trung tâm hỗ trợ việc làm và cuộc sống cho người khuyết tật	Thứ Hai đến thứ Bảy trừ chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, từ 9:00 sáng đến 5:00 chiều/ Trung tâm hỗ trợ cuộc sống và việc làm cho người khuyết tật trong Keyaki Works (TEL 36-2120 FAX 36-0567) / Tư vấn chung về việc làm và cuộc sống cho người khuyết tật/ Nhân viên hỗ trợ v.v...
Trung tâm hỗ trợ an toàn y tế	Các ngày trừ thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày lễ và ngày nghỉ bù, sáng từ 8:30 đến trưa và chiều từ 1:00 đến 5:00/ Trung tâm hỗ trợ an toàn y tế (Điện thoại riêng TEL 34-6776 , cần đặt hẹn trước nếu muốn tư vấn trực tiếp)/ Các lo lắng về y tế và giới thiệu thông tin các cơ sở y tế
Quầy tư vấn về phúc lợi (Takaoka)	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ, và ngày lễ năm mới, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Quầy tư vấn phúc lợi (Takaoka) (TEL 53-2694 FAX 53-3516) / Không biết nên tư vấn với ai, có quá nhiều vấn đề và không biết nên làm gì v.v...
Quầy tư vấn phúc lợi (Sanage)	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ, và ngày lễ năm mới, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Quầy tư vấn phúc lợi (Sanage) (TEL 45-1214 FAX 45-4824) / Không biết nên tư vấn với ai, có quá nhiều vấn đề và không biết nên làm gì v.v...
Quầy tư vấn phúc lợi (Kamigo)	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ, và ngày lễ năm mới, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Quầy tư vấn phúc lợi (Kamigo) (TEL 21-0001 FAX 21-5095) / Không biết nên tư vấn với ai, có quá nhiều vấn đề và không biết nên làm gì v.v...
Quầy tư vấn phúc lợi (Takahashi)	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ, và ngày lễ năm mới, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Quầy tư vấn phúc lợi (Takahashi) (TEL 80-0077 FAX 80-0092) / Không biết nên tư vấn với ai, có quá nhiều vấn đề và không biết nên làm gì v.v...
Quầy tư vấn phúc lợi (Matsudaira)	Các ngày trừ thứ Bảy và Chủ nhật, các ngày lễ, và ngày lễ năm mới, từ 8:30 sáng đến 5:15 chiều/ Quầy tư vấn phúc lợi (Matsudaira) (TEL 58-0001 FAX 58-0049) / Không biết nên tư vấn với ai, có quá nhiều vấn đề và không biết nên làm gì v.v...



Dịch vụ tư vấn



教育・文化・スポーツ

利用できる施設

各種コミュニティ活動や生涯学習活動の際に、次の施設の会議室・調理室・和室などが利用できます。利用申込みは各施設へお願いします。

(電話番号は128~140ページ)

◎利用可能施設

各交流館・コミュニティセンター、猿投棒の手ふれあい広場、青少年センター、地域文化広場、平戸橋いこいの広場、産業文化センター、喜楽亭、六鹿会館など

スポーツ施設

問 スポーツ振興課 TEL 34-6632 FAX 32-9779

スポーツ施設の予約は「TOSS(トス)」で行います。利用するには事前に登録が必要です。体育館などのスポーツ施設、各交流館・コミュニティセンター、スポーツ振興課で申請書に必要事項を記入していただき提出すると利用者登録カードが発行されます。

※TOSSはインターネットが使えるパソコン、スマートフォン等で利用することができます。

◎TOSSで予約可能なスポーツ施設

- 体育館／運動公園、東山体育センター、猿投コミュニティセンター、高岡公園、地域文化広場、スカイホール豊田 など
- テニスコート／荒井公園、井上公園、加茂川公園、猿投棒の手ふれあい広場、高岡運動広場、高岡公園体育館、高橋運動広場、地域文化広場 など
- 多目的広場／逢妻運動広場、石野運動広場、井上公園、梅坪浄水運動広場、川田公園、猿投棒の手ふれあい広場 など

生涯学習出前講座

問 学び体験推進課 TEL 34-6660 FAX 32-9779

市民の自主的な学習を支援し、暮らしの中やまちづくりを行う上で参考となる制度や取り組みなどについて、市や社会福祉協議会等の職員を講師として派遣する制度です。

◎ところ

開催場所は市内に限ります。

◎対象

原則、市内に在住・在勤・在学の団体。ただし、政治、宗教、営利、苦情処理、交渉等を目的とする場合は対象外です

◎講師料

無料(一部講座では実費が必要な場合有り)

◎お願い

会場の手配・準備は、申込者側でお願いします。また、講座の申込みが集中するなど、諸事情によりご希望にそえない場合がありますのでご了承ください。

◎申込み

実施の1か月前※を目安に直接各講座の担当課へ

※申込期限は講座によって異なります。

※申込方法等の詳細は市ホームページに掲載

とよたシニアアカデミー

問 とよたシニアアカデミー事務局

TEL 36-6363 FAX 34-0015

シニア世代を中心とした幅広い世代を対象に、知識や技術を学びながら、生きがい・仲間づくりのきっかけとなるプログラムを提供します。

◎実施講座

- ①通年コース3学科(学習期間:1年間、週1回程度)
- ②専門コース(学習期間:2~3か月程度)
- ③はじめての一步講座(学習期間:1~3日間程度)

※申込方法等の詳細はとよたシニアアカデミーホームページに掲載



豊田市の図書館

問 豊田中央図書館 TEL 32-0717 FAX 32-4343

中央図書館、こども図書室、各コミュニティセンター・交流館図書室では、どの館でも資料等の貸出・返却をすることができます。

資料等の貸出や電子図書館の利用は、各館の窓口で登録申請書に必要事項を記入・本人確認を行い、図書館の「利用カード」を取得する必要があります。

電子図書館の利用は、ホームページをご覧ください。





Giáo dục, Văn hóa và Thể thao

Các cơ sở có thể sử dụng

Khi tổ chức các hoạt động cộng đồng và hoạt động học tập suốt đời, có thể sử dụng các phòng họp, phòng nấu ăn, phòng kiểu Nhật v.v... tại các cơ sở sau. Vui lòng đăng ký sử dụng tại từng cơ sở. (Số điện thoại xem trang 129 ~141).

● Các cơ sở sử dụng có sẵn

Các Trung tâm Văn hóa và giải trí, Trung tâm Cộng đồng, Quảng trường Sanage Bonote Fureai Hiroba, Trung tâm Thanh thiếu niên, Quảng trường Văn hóa Địa phương, Quảng trường Hiratobashi Iko-i- no-Hiroba, Trung tâm Công nghiệp và Văn hóa, Nhà cổ Kirakutei, Hội trường Mushika Kaikan, v.v...

Cơ sở Thể thao

Liên hệ Phòng Xúc tiến thể thao
TEL 34-6632 **FAX** 32-9779

Đặt chỗ tại các cơ sở thể thao được thực hiện bằng "TOSS". Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký trước. Bạn sẽ nhận được thẻ đăng ký sử dụng khi điền đầy đủ thông tin cần thiết vào đơn đăng ký và nộp tại các cơ sở thể thao như nhà thể chất, các trung tâm Văn hóa và giải trí, trung tâm cộng đồng và Phòng Xúc tiến thể thao.

*TOSS có thể sử dụng trên máy tính có kết nối internet và điện thoại thông minh.

● Các cơ sở thể thao có thể đặt chỗ thông qua TOSS:

- Các nhà thể chất/ Công viên thể dục, Trung tâm Thể thao Higashiyama, Trung tâm Cộng đồng Sanage, Công viên Takaoka, Quảng trường Văn hóa Địa phương, Nhà hát Sky Hall Toyota, v.v...
- Sân tennis/ Công viên Arai, Công viên Inoue, Công viên Kamogawa, Quảng trường Sanage Bonote Fureai Hiroba, Quảng trường thể thao Takaoka, Sân tập thể dục Takoka, Quảng trường thể thao Takahashi, Quảng trường Văn hóa Địa phương, v.v...
- Sân đa năng / Quảng trường Thể thao Aizuma, Quảng trường Thể thao Ishino, Công viên Inoue, Quảng trường Thể thao Umetsubo Josui, Công viên Kawada, Quảng trường Sanage Bonote Fureai Hiroba, v.v...

Các khóa học hỗ trợ học tập suốt đời

Liên hệ Phòng Xúc tiến trải nghiệm học tập
TEL 34-6660 **FAX** 32-9779

Đây là chương trình nhằm hỗ trợ việc tự học của cư dân trong thành phố bằng cách cử các nhân viên của thành phố và Hội đồng phúc lợi xã hội, v.v... đến làm người hướng dẫn; giới thiệu về các chương trình và sáng kiến mang tính chất tham khảo trong cuộc sống hàng ngày và quá trình xây dựng thành phố.

● Địa điểm

Địa điểm tổ chức chỉ giới hạn trong thành phố.

● Đối tượng

Về nguyên tắc, là các nhóm có từ sinh sống, làm việc hoặc học tập trong thành phố. Tuy nhiên, không bao gồm các nội dung có mục đích về chính trị, tôn giáo, kinh doanh lợi nhuận, xử lý khiếu nại và đàm phán.

● Phí giảng dạy

Miễn phí (một số khóa học có phát sinh chi phí thực tế)

● Xin vui lòng lưu ý

Học viên có trách nhiệm sắp xếp và chuẩn bị hội trường học. Ngoài ra, xin lưu ý rằng sẽ có trường hợp chúng tôi có thể không đáp ứng yêu cầu của bạn do nhiều lý do khác nhau, ví dụ như số lượng đơn đăng ký khóa học quá lớn v.v...

● Đăng ký

Vào khoảng 1 tháng trước khi khóa học bắt đầu (*), vui lòng gửi trực tiếp đơn đăng ký theo mẫu đến bộ phận phụ trách từng khóa học.

* Hạn đăng ký sẽ khác nhau tùy từng khóa học.

* Thông tin chi tiết về cách đăng ký có trên trang web của thành phố.

Học viện Người cao tuổi Toyota

Liên hệ Văn phòng Học viện Người cao tuổi Toyota
TEL 36-6363 **FAX** 34-0015

Chương trình này cung cấp cơ hội học hỏi kiến thức và kỹ năng, đồng thời tạo cơ hội để mọi người cùng xây dựng ý nghĩa sống và kết nối bạn bè. Đối tượng là các thể hệ khác nhau, tuy nhiên tập trung chủ yếu vào thể hệ người cao tuổi.

● Các khóa học được tổ chức:

- (1) Khóa học hàng năm – 3 chuyên ngành (Thời gian học: 1 năm, khoảng 1 buổi mỗi tuần)
- (2) Khóa học chuyên sâu (Thời gian học: Khoảng 2-3 tháng)
- (3) Khóa học căn bản (Thời gian học: Khoảng 1-3 ngày)

* Chi tiết về cách đăng ký và các thông tin khác được đăng tải trên trang web của Học viện Người cao tuổi Toyota.



Thư viện trung tâm của Thành phố Toyota

Liên hệ Thư viện trung tâm của Thành phố Toyota
TEL 32-0717 **FAX** 32-4343

Bạn có thể mượn và trả lại tài liệu ở bất kỳ thư viện nào trong hệ thống các thư viện gồm Thư viện trung tâm, Phòng thư viện cho trẻ em và Phòng thư viện tại các Trung tâm Cộng đồng /Trung tâm Văn hóa và giải trí.

Để mượn tài liệu và sử dụng Thư viện điện tử, bạn cần điền thông tin cần thiết vào biểu mẫu đăng ký tại quầy của mỗi thư viện, sau đó thực hiện xác minh danh tính để nhận "Thẻ sử dụng Thư viện".

Để biết thêm thông tin về việc sử dụng Thư viện điện tử, vui lòng truy cập trang web của thư viện.





公共施設の電話番号

教育・文化施設など

施設名	TEL	FAX
足助中馬館	62-0878	—
歌舞伎伝承館(小原交流館)	65-3711	65-1189
環境学習施設eco-T(エコット)	26-8058	26-8068
教育センター	48-2051	48-8251
教職員会館	48-2351	48-8099
鞍ヶ池公園サービスセンター	80-5310	—
交通安全学習センター	88-5055	88-5058
国際交流協会(TIA)	33-5931	33-5950
コンサートホール・能楽堂	35-8200	37-0011
猿投棒の手ふれあい広場	45-7288	45-7290
産業文化センター	33-1531	33-1535
とよた科学体験館	37-3007	37-3012
ものづくりサポートセンター	47-1260	47-1262
自然観察の森	88-1310	88-1311
とよた市民活動センター	36-1730	34-0015
市民文化会館	33-7111	35-4801
城跡公園足助城	62-0770	62-1808
森林会館	77-3773	98-0168
青少年センター	32-6296	32-6298
総合野外センター	58-1388	58-1349
青少年相談センター (パークとよた)	32-6595	32-7911
ジェンダー平等推進センター (キラッ☆とよた)	31-7780	31-3270
地域文化広場	53-0671	53-5086
中央図書館	32-0717	32-4343
こども図書室	88-1322	88-1322
高岡農村環境改善センター	52-9931	52-9932
とよた子どもの権利相談室 (こことよ)	33-9317	33-9314
博物館	85-0900	85-0902
美術館	34-6610	36-5103
平戸橋いこいの広場	45-7977	45-7922
防災学習センター	35-9716	35-9727
松平郷館	58-3033	—
民芸館	45-4039	46-2588

本多記念民芸の森	46-0001	46-0043
六鹿会館 (問合せ先は高岡コミュニティ センター)	53-7771	53-7782
西山公園	31-2108	33-8718
小原和紙のふるさと	65-2151	66-1001
西部コミュニティセンター	36-3001	36-3002
高岡コミュニティセンター	53-7771	53-7782
高橋コミュニティセンター	80-4729	80-0068

交流館

施設名	TEL	FAX
逢妻交流館	34-3220	34-3400
旭交流館	68-2215	68-2490
朝日丘交流館	34-1561	34-1569
足助交流館	62-1251	62-1252
井郷交流館	45-4807	45-4824
石野交流館	42-1711	42-1861
稲武交流館	83-1007	82-2229
梅坪台交流館	31-0402	31-0412
小原交流館	65-3711	65-1189
上郷交流館	21-1881	21-5025
猿投北交流館	45-5480	45-5612
猿投台交流館	45-2838	45-2943
下山交流館	91-1650	91-1030
浄水交流館	42-5920	42-5930
末野原交流館	26-6200	26-6210
崇化館交流館	33-0750	33-0760
高橋交流館	88-4887	88-4891
藤岡交流館	76-1612	76-5660
藤岡南交流館	75-1707	76-6557
豊南交流館	27-2866	27-2870
保見交流館	48-3403	48-3406
前林交流館	52-5474	52-5596
益富交流館	80-3520	80-3530
松平交流館	58-0073	58-0049
美里交流館	80-1697	80-1701
竜神交流館	29-1819	29-1823
若園交流館	53-0028	53-0064
若林交流館	52-3858	52-4063



Số điện thoại của các cơ sở công cộng

Cơ sở giáo dục và văn hóa		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Bảo tàng Asuke Chuma	62-0878	—
Bảo tàng Di sản Kabuki (Trung tâm Văn hóa và giải trí Obara)	65-3711	65-1189
Cơ sở Giáo dục Môi trường Eco-T	26-8058	26-8068
Trung tâm Giáo dục	48-2051	48-8251
Hội trường Giáo viên	48-2351	48-8099
Trung tâm Dịch vụ Công viên Kuragaike	80-5310	—
Trung tâm Học tập An toàn Giao thông	88-5055	88-5058
Hiệp hội Quốc tế Toyota (TIA)	33-5931	33-5950
Hội trường Nhà hát / Nohgakudo	35-8200	37-0011
Quảng trường Sanage Bonote Fureai Hiroba	45-7288	45-7290
Trung tâm Công nghiệp và văn hóa	33-1531	33-1535
Trung tâm Trải nghiệm khoa học Toyota	37-3007	37-3012
Trung tâm Hỗ trợ Sản xuất	47-1260	47-1262
Khu bảo tồn Thiên nhiên	88-1310	88-1311
Trung tâm Hoạt động công dân thành phố Toyota	36-1730	34-0015
Hội trường Văn hóa Công dân	33-7111	35-4801
Thành Asuke, Công viên di tích	62-0770	62-1808
Hội trường Shinrin	77-3773	98-0168
Trung tâm Thanh thiếu niên	32-6296	32-6298
Trung tâm Hoạt động Ngoài trời Tổng hợp	58-1388	58-1349
Trung tâm Tư vấn Thanh niên (Parc Toyota)	32-6595	32-7911
Trung tâm Xúc tiến bình đẳng giới (Kirattoyota)	31-7780	31-3270
Quảng trường Văn hóa Địa phương	53-0671	53-5086
Thư viện Trung tâm Thành phố Toyota	32-0717	32-4343
Thư viện Trẻ em	88-1322	88-1322
Trung tâm Cải thiện Môi trường Nông thôn Takaoka	52-9931	52-9932
Văn phòng Tư vấn Quyền trẻ em Thành phố Toyota (Kokotoyo)	33-9317	33-9314
Bảo tàng Toyota	85-0900	85-0902
Quảng trường Hiratobashi Ikoi- no-Hiroba	34-6610	36-5103
Hiratobashi Ikoi-no-Hiroba	45-7977	45-7922
Trung tâm Học tập Phòng chống Thảm họa	35-9716	35-9727
Bảo tàng Matsudairago-kan	58-3033	—
Bảo tàng Đồ thủ công Dân gian	45-4039	46-2588

Rừng Nghệ thuật Dân gian Honda Memorial	46-0001	46-0043
Nhà hát Kaikan Mushika (liên hệ: Trung tâm Cộng đồng Takaoka)	53-7771	53-7782
Công viên Nishiyama	31-2108	33-8718
Bảo tàng và Xưởng làm giấy Nhật Bản Washi-no-Furusato	65-2151	66-1001
Trung tâm Cộng đồng Seibu	36-3001	36-3002
Trung tâm Cộng đồng Takaoka	53-7771	53-7782
Trung tâm Cộng đồng Takahashi	80-4729	80-0068

Trung tâm Văn hóa và giải trí		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm Văn hóa và giải trí Aizuma	34-3220	34-3400
Trung tâm Văn hóa và giải trí Asahi	68-2215	68-2490
Trung tâm Văn hóa và giải trí Asahigaoka	34-1561	34-1569
Trung tâm Văn hóa và giải trí Asuke	62-1251	62-1252
Trung tâm Văn hóa và giải trí Isato	45-4807	45-4824
Trung tâm Văn hóa và giải trí Ishino	42-1711	42-1861
Trung tâm Văn hóa và giải trí Inabu	83-1007	82-2229
Trung tâm Văn hóa và giải trí Umetsubodai	31-0402	31-0412
Trung tâm Văn hóa và giải trí Obara	65-3711	65-1189
Trung tâm Văn hóa và giải trí Kamigo	21-1881	21-5025
Trung tâm Văn hóa và giải trí Sanage Kita	45-5480	45-5612
Trung tâm Văn hóa và giải trí Sanagedai	45-2838	45-2943
Trung tâm Văn hóa và giải trí Shimoyama	91-1650	91-1030
Trung tâm Văn hóa và giải trí Josui	42-5920	42-5930
Trung tâm Văn hóa và giải trí Suenohara	26-6200	26-6210
Trung tâm Văn hóa và giải trí Sokakan	33-0750	33-0760
Trung tâm Văn hóa và giải trí Takahashi	88-4887	88-4891
Trung tâm Văn hóa và giải trí Fujioka	76-1612	76-5660
Trung tâm Văn hóa và giải trí Fujioka Minami	75-1707	76-6557
Trung tâm Văn hóa và giải trí Honan	27-2866	27-2870
Trung tâm Văn hóa và giải trí Homi	48-3403	48-3406
Trung tâm Văn hóa và giải trí Maebayashi	52-5474	52-5596
Trung tâm Văn hóa và giải trí Masutomi	80-3520	80-3530
Trung tâm Văn hóa và giải trí Matsudaira	58-0073	58-0049
Trung tâm Văn hóa và giải trí Misato	80-1697	80-1701
Trung tâm Văn hóa và giải trí Ryujin	29-1819	29-1823
Trung tâm Văn hóa và giải trí Wakazono	53-0028	53-0064
Trung tâm Văn hóa và giải trí Wakabayashi	52-3858	52-4063



学校		
施設名	TEL	FAX
〈市立小学校〉		
青木小学校	45-0025	46-0689
朝日小学校	31-4880	35-4589
足助小学校	62-0059	62-1799
飯野小学校	76-2504	76-4241
石畳小学校	76-2511	76-4243
市木小学校	80-0385	89-6483
五ヶ丘小学校	80-5533	89-6492
五ヶ丘東小学校	80-9211	80-9220
稲武小学校	82-3535	80-2765
井上小学校	45-2411	46-0691
伊保小学校	48-8200	48-0790
岩倉小学校	58-0119	58-1446
畝部小学校	21-0029	21-5063
梅坪小学校	31-4882	35-4591
追分小学校	62-0392	62-2327
大蔵小学校	64-2002	64-2708
大沼小学校	90-2028	90-3012
大畑小学校	48-8003	48-0783
大林小学校	28-2501	26-6271
小渡小学校	68-2326	68-2327
小原中部小学校	65-3002	65-3694
加納小学校	45-0024	46-0692
上鷹見小学校	41-2017	42-1410
九久平小学校	58-0027	58-2460
幸海小学校	58-0127	58-2475
小清水小学校	32-0194	35-4584
古瀬間小学校	80-0593	89-6459
駒場小学校	57-2507	57-1327
拳母小学校	31-0193	35-4590
衣丘小学校	34-2030	35-4595
佐切小学校	63-2330	63-2673
敷島小学校	68-2702	68-2193
四郷小学校	45-2283	46-0693
浄水小学校	45-0556	46-0695
浄水北小学校	63-5091	45-3305

新盛小学校	67-2020	67-2059
寿恵野小学校	28-5027	26-6270
高嶺小学校	21-0026	21-5127
滝脇小学校	58-0252	58-1754
竹村小学校	52-3420	52-1664
土橋小学校	29-5285	26-6278
堤小学校	52-3718	52-1634
寺部小学校	80-0126	89-6419
道慈小学校	65-2023	65-3692
童子山小学校	32-0196	35-4572
巴ヶ丘小学校	91-1717	91-1718
豊松小学校	58-0129	58-2205
中金小学校	41-2210	42-1437
中山小学校	76-2509	76-4246
西広瀬小学校	41-2555	42-1408
西保見小学校	48-2822	48-0896
根川小学校	32-0195	35-4578
野見小学校	80-0372	89-6491
則定小学校	63-2001	63-2672
萩野小学校	62-0214	62-2448
花山小学校	90-2102	90-3047
冷田小学校	63-2300	63-2759
東広瀬小学校	41-2012	42-1438
東保見小学校	48-1075	48-0892
東山小学校	80-7581	89-6495
平井小学校	80-3011	89-6484
広川台小学校	80-2801	89-6493
平和小学校	29-3833	26-6276
本城小学校	65-2022	65-3693
前山小学校	28-0192	26-6275
御蔵小学校	64-2001	64-2810
御作小学校	76-2512	76-4245
美山小学校	28-3458	26-6274
明和小学校	67-2250	67-2269
元城小学校	31-2280	35-4587
矢並小学校	88-3100	89-6485
山之手小学校	28-0722	26-6273
若園小学校	52-3717	52-1667

Cơ sở giáo dục và văn hóa		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trường Tiểu học thành phố		
Trường Tiểu học Aoki	45-0025	46-0689
Trường Tiểu học Asahi	31-4880	35-4589
Trường Tiểu học Asuke	62-0059	62-1799
Trường Tiểu học Iino	76-2504	76-4241
Trường Tiểu học Ishidatami	76-2511	76-4243
Trường Tiểu học Ichigi	80-0385	89-6483
Trường Tiểu học Itsutsugaoka	80-5533	89-6492
Trường Tiểu học Itsutsugaoka Higashi	80-9211	80-9220
Trường Tiểu học Inabu	82-3535	80-2765
Trường Tiểu học Inoue	45-2411	46-0691
Trường Tiểu học Ibo	48-8200	48-0790
Trường Tiểu học Iwakura	58-0119	58-1446
Trường Tiểu học Unebe	21-0029	21-5063
Trường Tiểu học Umetsubo	31-4882	35-4591
Trường Tiểu học Oiwake	62-0392	62-2327
Trường Tiểu học Okura	64-2002	64-2708
Trường Tiểu học Onuma	90-2028	90-3012
Trường Tiểu học Obata	48-8003	48-0783
Trường Tiểu học Obayashi	28-2501	26-6271
Trường Tiểu học Odo	68-2326	68-2327
Trường Tiểu học Obara Chubu	65-3002	65-3694
Trường Tiểu học Kano	45-0024	46-0692
Trường Tiểu học Kamitakami	41-2017	42-1410
Trường Tiểu học Kugyudaira	58-0027	58-2460
Trường Tiểu học Kokai	58-0127	58-2475
Trường Tiểu học Koshimizu	32-0194	35-4584
Trường Tiểu học Kosema	80-0593	89-6459
Trường Tiểu học Komaba	57-2507	57-1327
Trường Tiểu học Koromo	31-0193	35-4590
Trường Tiểu học Koromogaoka	34-2030	35-4595
Trường Tiểu học Sagiri	63-2330	63-2673
Trường Tiểu học Shikishima	68-2702	68-2193
Trường Tiểu học Shigo	45-2283	46-0693
Trường Tiểu học Josui	45-0556	46-0695
Trường Tiểu học Josui Kita	63-5091	45-3305

Trường Tiểu học Shinmori	67-2020	67-2059
Trường Tiểu học Sueno	28-5027	26-6270
Trường Tiểu học Takane	21-0026	21-5127
Trường Tiểu học Takiwaki	58-0252	58-1754
Trường Tiểu học Takemura	52-3420	52-1664
Trường Tiểu học Tsuchihashi	29-5285	26-6278
Trường Tiểu học Tsutsumi	52-3718	52-1634
Trường Tiểu học Terabe	80-0126	89-6419
Trường Tiểu học Doji	65-2023	65-3692
Trường Tiểu học Dojiyama	32-0196	35-4572
Trường Tiểu học Tomoegaoka	91-1717	91-1718
Trường Tiểu học Toyomatsu	58-0129	58-2205
Trường Tiểu học Nakagane	41-2210	42-1437
Trường Tiểu học Nakayama	76-2509	76-4246
Trường Tiểu học Nishi Hirose	41-2555	42-1408
Trường Tiểu học Nishi Homi	48-2822	48-0896
Trường Tiểu học Negawa	32-0195	35-4578
Trường Tiểu học Nomi	80-0372	89-6491
Trường Tiểu học Norisada	63-2001	63-2672
Trường Tiểu học Hagino	62-0214	62-2448
Trường Tiểu học Hanayama	90-2102	90-3047
Trường Tiểu học Hieda	63-2300	63-2759
Trường Tiểu học Higashi Hirose	41-2012	42-1438
Trường Tiểu học Higashi Homi	48-1075	48-0892
Trường Tiểu học Higashiyama	80-7581	89-6495
Trường Tiểu học Hirai	80-3011	89-6484
Trường Tiểu học Hirokawadai	80-2801	89-6493
Trường Tiểu học Heiwa	29-3833	26-6276
Trường Tiểu học Honjo	65-2022	65-3693
Trường Tiểu học Maeyama	28-0192	26-6275
Trường Tiểu học Mikura	64-2001	64-2810
Trường Tiểu học Mitsukuri	76-2512	76-4245
Trường Tiểu học Miyama	28-3458	26-6274
Trường Tiểu học Meiwa	67-2250	67-2269
Trường Tiểu học Motohiro	31-2280	35-4587
Trường Tiểu học Yanami	88-3100	89-6485
Trường Tiểu học Yamanote	28-0722	26-6273
Trường Tiểu học Wakazono	52-3717	52-1667



Số điện thoại của các cơ sở công cộng

若林西小学校	52-2821	52-9661
若林東小学校	52-7211	52-9663
〈市立中学校〉		
逢妻中学校	33-7881	35-4159
旭中学校	68-2131	68-2187
朝日丘中学校	32-0198	35-4198
足助中学校	62-0227	62-1300
井郷中学校	45-8222	46-0399
石野中学校	41-2016	41-2841
稲武中学校	82-2084	82-2758
梅坪台中学校	31-2131	35-4182
小原中学校	65-3011	65-3691
上郷中学校	21-0035	21-3719
猿投中学校	45-0264	46-0408
猿投台中学校	45-0039	46-0396
下山中学校	90-2140	90-3059
浄水中学校	42-8400	45-5616
末野原中学校	27-9800	26-6146
崇化館中学校	31-0197	35-4187
高岡中学校	52-1830	52-7244
高橋中学校	80-0412	80-4932
藤岡中学校	76-2521	76-4240
藤岡南中学校	76-2410	76-2420
豊南中学校	28-0947	26-6176
保見中学校	48-8026	48-0502
前林中学校	52-1353	52-6967
益富中学校	80-4161	80-4929
松平中学校	58-0026	58-2349
美里中学校	89-1731	89-6399
竜神中学校	28-6600	26-6186
若園中学校	52-2233	52-6189
〈市立特別支援学校〉		
豊田特別支援学校	44-1151	44-1160
〈県立高等学校など〉		
足助高等学校	62-1661	62-1687
加茂丘高等学校	76-2241	76-2491
衣台高等学校	33-1080	33-9419
猿投農林高等学校	45-0621	46-1985

豊田北高等学校	80-5111	80-9408
豊田工科高等学校	52-4311	53-7716
豊田高等学校	45-8622	46-1984
豊田高等特別支援学校	54-0011	54-0013
豊田西高等学校	31-0313	33-9417
豊田東高等学校	80-1177	80-5066
豊田南高等学校	53-1011	53-7714
松平高等学校	58-1144	58-3061
豊野高等学校	28-8800	28-4339
〈私立高等学校など〉		
杜若高等学校	45-5000	45-8870
豊田大谷高等学校	48-3511	48-3518
ルネサンス豊田高等学校	49-0051	41-2121
〈大学など〉		
愛知工業大学	48-8121	48-0277
中京大学 豊田キャンパス	46-1211	46-1289
日本赤十字豊田看護大学	36-5111	37-8558
豊田工業高等専門学校	32-8811	36-5930
こども園など		
施設名	TEL	FAX
〈公立こども園〉		
朝日こども園	32-2212	32-5747
足助もみじこども園	62-0685	62-1728
飯野こども園	76-2667	76-2741
石畳こども園	76-1998	76-6280
稲武こども園	82-2025	83-1012
伊保こども園	48-8188	48-4632
今こども園	28-2285	28-9419
梅坪こども園	32-2057	32-6945
永新こども園	29-0732	29-9230
大草こども園	65-2045	65-2750
大蔵こども園 (令和7年度は休園)	64-2220	64-2875
大沼こども園	90-3021	90-3072
大畑こども園	48-8288	48-4631
大林こども園	28-0012	28-9426
小渡こども園 (令和7年度は休園)	68-2766	68-2922

Trường Tiểu học Wakabayashi Nishi	52-2821	52-9661
Trường Tiểu học Wakabayashi Higashi	52-7211	52-9663
Trường Trung học Cơ sở công lập		
Trường Trung học Cơ sở Aizuma	33-7881	35-4159
Trường Trung học Cơ sở Asahi	68-2131	68-2187
Trường Trung học Cơ sở Asuke Asahigaoka	32-0198	35-4198
Trường Trung học Cơ sở Asuke	62-0227	62-1300
Trường Trung học Cơ sở Isato	45-8222	46-0399
Trường Trung học Cơ sở Ishino	41-2016	41-2841
Trường Trung học Cơ sở Inabu	82-2084	82-2758
Trường Trung học Cơ sở Umetsubodai	31-2131	35-4182
Trường Trung học Cơ sở Obara	65-3011	65-3691
Trường Trung học Cơ sở Kamigo	21-0035	21-3719
Trường Trung học Cơ sở Sanage	45-0264	46-0408
Trường Trung học Cơ sở Sanagedai	45-0039	46-0396
Trường Trung học Cơ sở Shimoyama	90-2140	90-3059
Trường Trung học Cơ sở Josui	42-8400	45-5616
Trường Trung học Cơ sở Suenohara	27-9800	26-6146
Trường Trung học Cơ sở Sokakan	31-0197	35-4187
Trường Trung học Cơ sở Takaoka	52-1830	52-7244
Trường Trung học Cơ sở Takahashi	80-0412	80-4932
Trường Trung học Cơ sở Fujioka	76-2521	76-4240
Trường Trung học Cơ sở Fujioka Minami	76-2410	76-2420
Trường Trung học Cơ sở Honan	28-0947	26-6176
Trường Trung học Cơ sở Homi	48-8026	48-0502
Trường Trung học Cơ sở Maebayashi	52-1353	52-6967
Trường Trung học Cơ sở Masutomi	80-4161	80-4929
Trường Trung học Cơ sở Matsudaira	58-0026	58-2349
Trường Trung học Cơ sở Misato	89-1731	89-6399
Trường Trung học Cơ sở Ryujin	28-6600	26-6186
Trường Trung học Cơ sở Wakazono	52-2233	52-6189
Các cơ sở giáo dục đặc biệt của thành phố		
Trường Yogo Gakko Toyota	44-1151	44-1160
Trường Trung học Phổ thông của Tỉnh		
Trường Trung học Phổ thông Asuke	62-1661	62-1687
Trường Trung học Phổ thông Kamogaoka	76-2241	76-2491
Trường Trung học Phổ thông Koromodai	33-1080	33-9419
Trường Trung học Phổ thông Sanage Norin	45-0621	46-1985

Trường Trung học Phổ thông Toyota Kita	80-5111	80-9408
Trường Trung học Phổ thông Kỹ thuật và Công nghệ Toyota	52-4311	53-7716
Trường Trung học Phổ thông Toyota	45-8622	46-1984
Toyota Koto Yogo Gakko (Trường Trung học Phổ thông cho người khuyết tật)	54-0011	54-0013
Trường Trung học Phổ thông Toyota Nishi	31-0313	33-9417
Trường Trung học Phổ thông Toyota Higashi	80-1177	80-5066
Trường Trung học Phổ thông Toyota Minami	53-1011	53-7714
Trường Trung học Phổ thông Matsudaira	58-1144	58-3061
Trường Trung học Phổ thông Yutakano	28-8800	28-4339
Các Trường Trung học Phổ thông tư thục		
Trường Trung học Phổ thông Tojaku	45-5000	45-8870
Trường Trung học Phổ thông Toyotaotani	48-3511	48-3518
Trường Trung học Phổ thông Renaissance Toyota	49-0051	41-2121
Các trường đại học và cao đẳng		
Trường Đại học Công nghệ Aichi	48-8121	48-0277
Trường Đại học Chukyo - Campus Toyota	46-1211	46-1289
Hội Chữ thập đỏ Nhật Bản, Trường Cao đẳng Y tế Toyota	36-5111	37-8558
Trường Cao đẳng Công nghệ Quốc gia Toyota	32-8811	36-5930
Trường mầm non và các cơ sở liên quan		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trường mầm non công lập		
Trường mầm non Asahi	32-2212	32-5747
Trường mầm non Asuke Momiji	62-0685	62-1728
Trường mầm non Iino	76-2667	76-2741
Trường mầm non Ishidatami	76-1998	76-6280
Trường mầm non Inabu	82-2025	83-1012
Trường mầm non Ibo	48-8188	48-4632
Trường mầm non Ima	28-2285	28-9419
Trường mầm non Umetsubo	32-2057	32-6945
Trường mầm non Eishin	29-0732	29-9230
Trường mầm non Okusa	65-2045	65-2750
Trường mầm non Okura (đóng cửa vào năm tài chính 2025)	64-2220	64-2875
Trường mầm non Onuma	90-3021	90-3072
Trường mầm non Obata	48-8288	48-4631
Trường mầm non Obayashi	28-0012	28-9426
Trường mầm non Odo (đóng cửa vào năm tài chính 2025)	68-2766	68-2922





上郷こども園	21-1830	21-6466
上鷹見こども園	41-2219	42-1317
木瀬こども園	76-1765	76-6580
越戸こども園	45-1073	45-4080
駒場こども園	57-2413	57-1689
拳母こども園	32-0199	32-5735
杉本こども園	68-2701	68-2852
住吉こども園	52-3807	52-6958
高橋こども園（令和7年度は休園）	88-8088	88-1147
高美こども園	52-3706	52-3782
堤ヶ丘こども園	52-0166	52-0191
寺部こども園	80-2194	80-9585
道慈こども園	65-2733	65-3530
童子山こども園	32-3566	32-5732
透成こども園	41-2550	42-1318
東部こども園	90-3173	90-3074
渡刈こども園	28-8300	28-9476
トヨタこども園	28-2198	27-6954
豊松こども園（令和7年度は休園）	58-1551	58-3082
中金こども園	41-2238	42-1571
中根山こども園	52-3029	52-3097
中山こども園	76-4436	76-6575
根川こども園	32-1082	32-6948
野見こども園	80-0650	80-9423
則定こども園	63-2051	63-2687
冷田こども園	63-2310	63-2141
ひかりこども園	80-2280	80-9583
東広瀬こども園	41-2112	42-1333
東山こども園	80-6074	80-9582
平井こども園	80-2193	80-9581
平山こども園	28-6187	27-9158
広沢こども園	44-0288	44-0988
〈公立こども園〉		
藤藪こども園	28-4717	27-6995
本地こども園	27-2662	27-9679
益富こども園	80-0365	80-0398
松平こども園	58-0070	58-3083
御船こども園	45-1215	45-1599

宮口こども園	32-6727	32-2977
美和こども園	88-2230	88-1134
山之手こども園	28-1101	27-6963
若園こども園	52-3820	52-4140
若林こども園	52-8350	52-6149
若宮こども園	32-3200	32-6946
〈私立こども園〉		
いばばらこども園	31-3340	31-3350
こじまこども園	32-2281	32-2899
浄光こども園	32-3635	31-4177
浄水ひかりこども園	63-5680	41-6620
たかはらこども園	34-5141	34-5175
第2いばばらこども園	85-0160	85-0170
第2わかばこども園	41-7830	41-7831
中央こども園	45-0066	45-0034
豊田大和キッズこども園	27-5678	27-5688
杜のひかりこども園	45-9966	41-7711
わかばこども園	52-1838	54-0747
〈私立幼稚園〉		
青木幼稚園	44-0188	46-1681
飯野ひかり幼稚園	76-5550	76-5550
豊田花園幼稚園	52-5072	52-6449
豊田星ヶ丘幼稚園	57-2846	57-1717
豊田大和幼稚園	29-1237	71-2327
ひらしば幼稚園	32-3565	32-5715
ベル豊田幼稚園	88-2000	88-2028
松平大和幼稚園	58-2327	58-2357
まふみ幼稚園	31-7181	33-9721
美里幼稚園	89-1011	80-3387
〈幼保連携型認定こども園(旧幼稚園型)〉		
五ヶ丘大和幼稚園	88-1237	80-2327
井上幼稚園	45-5010	45-5134
拳母ルーテル幼稚園	32-1764	32-5072
浄水松元幼稚園	45-6884	45-7666
豊田聖霊幼稚園	28-2178	24-8798
豊田東丘幼稚園	89-7570	89-1651
中山松元幼稚園	76-3033	79-3901
名古屋柳城短期大学附属 豊田幼稚園	80-0198	80-1299
林丘幼稚園	28-1074	27-6978

Trường mầm non Kamigo	21-1830	21-6466
Trường mầm non Kamitakami	41-2219	42-1317
Trường mầm non Kise	76-1765	76-6580
Trường mầm non Koshido	45-1073	45-4080
Trường mầm non Komaba	57-2413	57-1689
Trường mầm non Koromo	32-0199	32-5735
Trường mầm non Sugimoto	68-2701	68-2852
Trường mầm non Sumiyoshi	52-3807	52-6958
Trường mầm non Takahashi (đóng cửa vào năm tài chính 2025)	88-8088	88-1147
Trường mầm non Takami	52-3706	52-3782
Trường mầm non Tsutsumigaoka	52-0166	52-0191
Trường mầm non Terabe	80-2194	80-9585
Trường mầm non Doji	65-2733	65-3530
Trường mầm non Dojiyama	32-3566	32-5732
Trường mầm non Tosei	41-2550	42-1318
Trường mầm non Tobu	90-3173	90-3074
Trường mầm non Togari	28-8300	28-9476
Trường mầm non Toyota	28-2198	27-6954
Trường mầm non Toyomatsu (đóng cửa vào năm tài chính 2025)	58-1551	58-3082
Trường mầm non Nakagane	41-2238	42-1571
Trường mầm non Nakaneyama	52-3029	52-3097
Trường mầm non Nakayama	76-4436	76-6575
Trường mầm non Negawa	32-1082	32-6948
Trường mầm non Nomi	80-0650	80-9423
Trường mầm non Norisada	63-2051	63-2687
Trường mầm non Hieda	63-2310	63-2141
Trường mầm non Hikari	80-2280	80-9583
Trường mầm non Higashi Hirose	41-2112	42-1333
Trường mầm non Higashiyama	80-6074	80-9582
Trường mầm non Hirai	80-2193	80-9581
Trường mầm non Hirayama	28-6187	27-9158
Trường mầm non Hirosawa	44-0288	44-0988
Trường mầm non công lập		
Trường mầm non Fujiyabu	28-4717	27-6995
Trường mầm non Honji	27-2662	27-9679
Trường mầm non Masutomi	80-0365	80-0398
Trường mầm non Matsudaira	58-0070	58-3083
Trường mầm non Mifune	45-1215	45-1599

Trường mầm non Miyaguchi	32-6727	32-2977
Trường mầm non Miwa	88-2230	88-1134
Trường mầm non Yamanote	28-1101	27-6963
Trường mầm non Wakazono	52-3820	52-4140
Trường mầm non Wakabayashi	52-8350	52-6149
Trường mầm non Wakamiya	32-3200	32-6946
Trường mầm non tư lập		
Trường mầm non Ibobara	31-3340	31-3350
Trường mầm non Kojima	32-2281	32-2899
Trường mầm non Joko	32-3635	31-4177
Trường mầm non Josui Hikari	63-5680	41-6620
Trường mầm non Takahara	34-5141	34-5175
Trường mầm non Ibobara Số 2	85-0160	85-0170
Trường mầm non Wakaba Số 2	41-7830	41-7831
Trường mầm non Chuo	45-0066	45-0034
Trường mầm non Toyota Daiwa	27-5678	27-5688
Trường mầm non Mori no Hikari	45-9966	41-7711
Trường mầm non Wakaba	52-1838	54-0747
Trường mẫu giáo tư lập		
Trường mẫu giáo Aoki	44-0188	46-1681
Trường mẫu giáo Iino Hikari	76-5550	76-5550
Trường mẫu giáo Toyota Hanazono	52-5072	52-6449
Trường mẫu giáo Toyota Hoshigaoka	57-2846	57-1717
Trường mẫu giáo Toyota Daiwa	29-1237	71-2327
Trường mẫu giáo Hirashiba	32-3565	32-5715
Trường mẫu giáo Bell Toyota	88-2000	88-2028
Trường mầm non Matsudaira Daiwa	58-2327	58-2357
Trường mẫu giáo Mafumi	31-7181	33-9721
Trường mẫu giáo Misato	89-1011	80-3387
Trường mầm non kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ (mô hình trường mẫu giáo cũ)		
Trường mẫu giáo Itsutsugaoka Daiwa	88-1237	80-2327
Trường mẫu giáo Inoue	45-5010	45-5134
Trường mẫu giáo Koromo Lutheran	32-1764	32-5072
Trường mẫu giáo Josui Matsumoto	45-6884	45-7666
Trường mẫu giáo Toyota Seirei	28-2178	24-8798
Trường mẫu giáo Toyota Higashigaoka	89-7570	89-1651
Trường mẫu giáo Nakayama Matsumoto	76-3033	79-3901
Trường mẫu giáo Toyota, trực thuộc Cao đẳng St. Mary's College, Nagoya	80-0198	80-1299
Trường mẫu giáo Hayashigaoka	28-1074	27-6978



〈幼保連携型認定こども園(旧幼稚園型)〉

保見ヶ丘幼稚園	48-1500	48-1520
美山幼稚園	28-6181	27-9081

〈幼保連携型認定こども園(旧こども園型)〉

うねべこども園	21-0405	21-6419
寿恵野こども園	28-2403	28-9469
青松こども園	34-0065	31-4152
竹村こども園	52-8508	52-8552
第2青松こども園	35-0015	35-0077
堤こども園	52-3053	52-3095
東海こども園	88-0599	88-0598
東保見こども園	48-2221	48-2231
丸山こども園	28-0744	28-9294
みずほこども園	32-7380	32-6958
竜神こども園	28-8200	28-9194
たかねこども園	21-0404	21-6429

〈小規模保育事業所・事業所内保育事業所〉

キッズハウスとよた(小規模)	36-5025	36-5022
ナースリーハウス(小規模)	77-6406	50-4478
ひなたぼっこ(事業所内)	34-5008	41-6088
みるみる園(事業所内)	31-5875	31-5875

子育て支援センター

施設名	TEL	FAX
とよた子育て総合支援センター	37-7071	37-7072
志賀子どもつどいの広場	80-1522	80-1533
柳川瀬子どもつどいの広場	25-0008	21-2800
足助子育て支援センター	62-1145	62-1728
飯野子育て支援センター	75-1236	75-1237
伊保子育て支援センター	43-1291	48-4632
越戸子育て支援センター	45-3106	45-4080
堤子育て支援センター	52-0207	47-2011
渡刈子育て支援センター	74-1056	28-9476
宮口子育て支援センター	32-7118	32-2977
山之手子育て支援センター	26-0775	27-6963
若園子育て支援センター	52-3102	52-4140
稲武子育て支援センター	82-2025	83-1012
大草子育て支援センター	65-2045	65-2750
大沼子育て支援センター	90-3021	90-3072
杉本子育て支援センター	68-2701	68-2852

給食センター

施設名	TEL	FAX
学校給食協会	32-2110	32-7354
足助給食センター	62-2525	62-2528
稲武給食センター	82-3537	82-3538
中部給食センター	32-7374	32-7354
東部給食センター	89-1173	89-1855
南部給食センター	52-2340	52-4845
平和給食センター	27-9657	29-9088
北部給食センター	45-0375	45-0387

医療・福祉

施設名	TEL	FAX
稲武福祉センター	82-2068	82-3604
乙ヶ林診療所	65-3008	65-2740
小原福祉センターふくしの里	65-3350	65-3705
介護予防拠点施設 足助まめだ館	62-1857	61-1115
けやきワークス	33-2551	31-9143
こども発達センター	32-8981	32-8902
さくらワークス	21-8723	21-8704
サン・アビリティーズ豊田	33-5631	33-0114
下山保健福祉センター まどいの丘	90-4005	90-2419
寿楽荘	65-3611	65-2837
障がい者福祉会館	34-2940	35-2833
第二ひまわり	31-3370	31-3391
暖	37-1781	37-1737
豊田ほっとかん	36-3000	36-3002
豊田地域医療センター	34-3000	—
南部休日救急内科診療所	85-0099	85-0096
シルバー人材センター	31-1007	34-3238
福祉センター	34-1131	32-6011
藤岡福祉センターふじのさと	76-3606	76-3608
老人福祉センターぬくもりの里	68-3890	68-2801
老人福祉センター豊寿園	27-2200	28-7343
介護予防拠点施設 老人憩の家 あさひ荘	68-3479	—

地域包括支援センター

施設名	TEL	FAX
足助地域包括支援センター	62-0683	62-0684
石野の里地域包括支援センター	78-6711	42-1116



公共施設の電話番号

Trường mầm non kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ (mô hình trường mẫu giáo cũ)		
Trường mẫu giáo Homigaoka	48-1500	48-1520
Trường mẫu giáo Miyama	28-6181	27-9081
Trường mầm non kết hợp giáo dục mầm non và chăm sóc trẻ (mô hình trường mầm non cũ)		
Trường mầm non Unebe	21-0405	21-6419
Trường mầm non Sueno	28-2403	28-9469
Trường mầm non Seisho	34-0065	31-4152
Trường mầm non Takemura	52-8508	52-8552
Trường mầm non Seisho Thứ 2	35-0015	35-0077
Trường mầm non Tsutsumi	52-3053	52-3095
Trường mầm non Tokai	88-0599	88-0598
Trường mầm non Higashi Homi	48-2221	48-2231
Trường mầm non Maruyama	28-0744	28-9294
Trường mầm non Mizuho	32-7380	32-6958
Trường mầm non Ryujin	28-8200	28-9194
Trường mầm non Takane	21-0404	21-6429
Dịch vụ chăm sóc trẻ em quy mô nhỏ / Dịch vụ chăm sóc trẻ em do công ty cung cấp		
Kids House Toyota (quy mô nhỏ)	36-5025	36-5022
Nursery House (quy mô nhỏ)	77-6406	50-4478
Hinatabokko (do công ty cung cấp)	34-5008	41-6088
Mirumiru-en (do công ty cung cấp)	31-5875	31-5875
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Toyota	37-7071	37-7072
Quảng trường Tương tác Trẻ em Shiga	80-1522	80-1533
Quảng trường Tương tác Trẻ em Yanagawase	25-0008	21-2800
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Asuke	62-1145	62-1728
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Iino	75-1236	75-1237
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Ibo	43-1291	48-4632
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Koshido	45-3106	45-4080
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Tsutsumi	52-0207	47-2011
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Togari	74-1056	28-9476
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Miyaguchi	32-7118	32-2977
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Yamanote	26-0775	27-6963
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Wakazono	52-3102	52-4140
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Inabu	82-2025	83-1012
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Okusa	65-2045	65-2750
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Onuma	90-3021	90-3072
Trung tâm Hỗ trợ Nuôi dạy trẻ em Sugimoto	68-2701	68-2852

Trung tâm Bữa ăn trưa trường học		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Hội ăn trưa trường học	32-2110	32-7354
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Asuke	62-2525	62-2528
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Inabu	82-3537	82-3538
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Chubu	32-7374	32-7354
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Tobu	89-1173	89-1855
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Nambu	52-2340	52-4845
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Heiwa	27-9657	29-9088
Trung tâm Bữa ăn trưa trường học Hokubu	45-0375	45-0387
Dịch vụ sức khỏe và phúc lợi xã hội		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm phúc lợi Inabu	82-2068	82-3604
Phòng khám Okabayashi	65-3008	65-2740
Trung tâm Phúc lợi Obara, Fukushi no Sato	65-3350	65-3705
Trung tâm chăm sóc dự phòng Asuke Mamedakan	62-1857	61-1115
Keyaki Works	33-2551	31-9143
Trung tâm Phát triển Trẻ em	32-8981	32-8902
Sakura Works	21-8723	21-8704
Sun Abilities Toyota	33-5631	33-0114
Trung tâm Phúc lợi và sức khỏe Shimoyama Madoi no Oka	90-4005	90-2419
Jurakuso	65-3611	65-2837
Trung tâm Phúc lợi cho người khuyết tật	34-2940	35-2833
Daini Himawari	31-3370	31-3391
Dan	37-1781	37-1737
Toyota Hotokan	36-3000	36-3002
Trung tâm Y tế Cộng đồng Toyota	34-3000	—
Phòng khám nội trú cấp cứu ngày nghỉ phía Nam của Thành phố Toyota	85-0099	85-0096
Trung tâm Nguồn nhân sự bạc (Nguồn nhân sự người cao tuổi nghỉ hưu)	31-1007	34-3238
Trung tâm Phúc lợi	34-1131	32-6011
Trung tâm Phúc lợi Fujioka, Fuji no Sato	76-3606	76-3608
Trung tâm Phúc lợi Người cao tuổi Nukumori no Sato	68-3890	68-2801
Trung tâm Phúc lợi Người cao tuổi Hoju-en	27-2200	28-7343
Cơ sở trung tâm phòng ngừa chăm sóc dài hạn – Nhà nghỉ dưỡng cho người cao tuổi Asahiso	68-3479	—
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Asuke	62-0683	62-0684
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Ishino no Sato	78-6711	42-1116



Số điện thoại của các cơ sở công cộng

いなぶ包括支援センター	82-2530	82-3604
こささの里 地域包括支援センター	46-9677	46-9901
社協包括支援センター	32-4342	33-2346
地域包括支援センター かずえの郷	21-6725	21-6780
地域包括支援センター くらがいけ	80-1244	80-1108
地域包括支援センター 猿投の楽園	45-3717	41-6544
地域包括支援センターとよた苑	87-3700	88-1724
地域包括支援センター 藤岡の楽園	75-1258	76-0200
地域包括支援センター保見の里	48-3004	48-3317
地域包括支援センター 益富の楽園	41-7788	41-7070
つつみ園地域包括支援センター	51-5206	55-0061
豊田厚生地域包括支援センター	43-5022	43-5025
豊田地域ケア支援センター	34-3209	34-3398
トヨタ地域包括支援センター	24-0623	24-0621
豊田福寿園 地域包括支援センター	45-5357	45-5650
ぬくもりの里包括支援センター	68-2338	68-2801
ひまわり邸 地域包括支援センター	33-0801	33-0809
ひまわりの街 地域包括支援センター	47-8158	53-8830
ふくしの里包括支援センター	65-1600	65-3705
ふじのさと包括支援センター	76-5294	76-3608
ほっとかん 地域包括支援センター	36-3006	36-3002
まどいの丘包括支援センター	90-4335	90-2419
みなみ福寿園 地域包括支援センター	24-5000	24-3601
みのり園地域包括支援センター	53-6361	53-6382
わかばやし園 地域包括支援センター	51-1255	52-0727
笑いの家地域包括支援センター	58-5152	58-4166
スポーツ施設など		
施設名	TEL	FAX
旭総合体育館	68-2020	68-2020
足助トレーニングセンター	62-2546	62-2546
井上公園水泳場	44-1291	44-2025

運動公園	45-4855	45-9942
小原トレーニングセンター	65-2115	65-2115
下山トレーニングセンター	90-3356	90-3356
スカイホール豊田	31-0451	35-4773
西部体育館	32-5541	35-7123
高岡公園体育館	54-0601	54-0601
松平体育館	58-4500	58-4501
豊田スタジアム	87-5200	87-5201
東山体育センター	80-0195	80-0195
藤岡体育センター	76-6060	76-6060
柳川瀬公園	21-2232	21-2232
消防施設		
施設名	TEL	FAX
消防本部	35-0119	35-9739
足助消防署	62-0119	62-0877
旭出張所	68-1119	68-3010
稲武出張所	82-3099	82-3569
下山出張所	90-4119	90-3653
北消防署	43-0093	43-2167
藤岡小原分署	76-5560	76-0150
保見出張所	43-1630	43-1743
力石出張所	42-1751	42-1761
中消防署	35-9720	35-9729
東分署	87-0360	87-0365
逢妻分署	36-2450	36-2451
松平出張所	86-1190	86-1228
南消防署	25-9008	25-9910
西分署	25-2570	25-3119
末野原分署	25-3070	25-3075
高岡出張所	51-6111	51-6112
上・下水道、清掃施設		
施設名	TEL	FAX
上水運用センター	31-2022	31-3622
水道サービス協会	31-1421	31-1430
逢妻衛生プラント	52-3318	53-2731
グリーン・クリーンふじの丘	75-2101	75-2102
砂川衛生プラント	0561-36-4400	0561-36-3385

Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Inabu	82-2530	82-3604
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Kosasa no Sato	46-9677	46-9901
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Shakyō	32-4342	33-2346
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Kazue no Sato	21-6725	21-6780
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Kuragaike	80-1244	80-1108
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Sanage no Rakuen	45-3717	41-6544
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota-en	87-3700	88-1724
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fujioka no Rakuen	75-1258	76-0200
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Homi no Sato	48-3004	48-3317
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Masutomi no Rakuen	41-7788	41-7070
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Tsutsumi-en	51-5206	55-0061
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Y tế Toyota Kosei	43-5022	43-5025
Trung tâm Chăm sóc Cộng đồng Toyota	34-3209	34-3398
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota	24-0623	24-0621
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Toyota Fukuju-en	45-5357	45-5650
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Nukumori no Sato	68-2338	68-2801
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Himawari-tei	33-0801	33-0809
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Himawari no Machi	47-8158	53-8830
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fukushi no Sato	65-1600	65-3705
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Fuji no Sato	76-5294	76-3608
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Hotto-Kan	36-3006	36-3002
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Madoi no Oka	90-4335	90-2419
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Minami Fukujuen	24-5000	24-3601
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Minori-en	53-6361	53-6382
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Wakabayashi-en	51-1255	52-0727
Trung tâm Hỗ trợ Toàn diện Cộng đồng Warai no Ie	58-5152	58-4166
Cơ sở thể dục thể thao		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm Thể chất tổng hợp Asahi	68-2020	68-2020
Trung tâm huấn luyện Asuke	62-2546	62-2546
Bể bơi Công viên Inoue	44-1291	44-2025

Công viên thể thao	45-4855	45-9942
Trung tâm Đào tạo Obara	65-2115	65-2115
Trung tâm Đào tạo Shimoyama	90-3356	90-3356
Sky Hall Toyota	31-0451	35-4773
Nhà thi đấu Seibu	32-5541	35-7123
Nhà thi đấu Công viên Takaoka	54-0601	54-0601
Nhà thi đấu Matudaira	58-4500	58-4501
Sân vận động Toyota	87-5200	87-5201
Trung tâm Thể thao Higashiyama	80-0195	80-0195
Trung tâm Thể thao Fujioka	76-6060	76-6060
Công viên Yanagawase	21-2232	21-2232
Dịch vụ cứu hỏa		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trụ sở cứu hỏa	35-0119	35-9739
Trạm cứu hỏa Asuke	62-0119	62-0877
Chi nhánh phụ Asahi	68-1119	68-3010
Chi nhánh phụ Inabu	82-3099	82-3569
Chi nhánh phụ Shimoyama	90-4119	90-3653
Trạm cứu hỏa Kita	43-0093	43-2167
Chi nhánh Fujioka-Obara	76-5560	76-0150
Chi nhánh phụ Homi	43-1630	43-1743
Chi nhánh phụ Chikaraishi	42-1751	42-1761
Trạm cứu hỏa Naka	35-9720	35-9729
Chi nhánh phía Higashi	87-0360	87-0365
Chi nhánh phụ Aizuma	36-2450	36-2451
Chi nhánh phụ Matsudaira	86-1190	86-1228
Trạm cứu hỏa Minami	25-9008	25-9910
Chi nhánh phía Nishi	25-2570	25-3119
Chi nhánh Suenohara	25-3070	25-3075
Chi nhánh phụ Takaoka	51-6111	51-6112
Cơ sở cấp, thoát nước và vệ sinh		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Trung tâm Quản lý Cung cấp Nước	31-2022	31-3622
Hiệp hội Dịch vụ nước	31-1421	31-1430
Nhà máy Xử lý Nước Aizuma	52-3318	53-2731
Green Clean Fuji-no-Oka	75-2101	75-2102
Nhà máy Xử lý Nước Sunagawa	0561-36-4400	0561-36-3385



Số điện thoại của các cơ sở công cộng

渡刈クリーンセンター	28-2000	28-2212
藤岡プラント	76-2027	75-1027
緑のリサイクルセンター	43-2080	43-2081
そのほかの施設		
施設名	TEL	FAX
朝日ヶ丘自転車等保管所	34-5200	34-5200
旭高原元気村	68-2755	68-2810
石畳ふれあい広場	76-6577	76-6577
香恋の館	90-4120	90-4121
三河湖テラスこりん	90-4120	90-4121
勤労者サービスセンター	35-4470	35-4475
公設地方卸売市場	33-3421	34-2156
香嵐渓(足助観光協会)	62-1272	62-0424
古瀬間聖苑	80-1160	80-1196
里山くらし体験館すげの里	69-1622	69-1633
三州足助屋敷	62-1188	62-1782
就労支援室	31-1330	31-1391
豊田消費生活センター	33-0999	33-0998
手づくり工房山遊里	91-1186	91-1187
豊田都市交通研究所	31-8551	31-9888
市動物愛護センター	42-2533	80-2020
どんぐり工房	83-3838	82-3777
どんぐりの湯	82-3135	82-3138
どんぐり横丁	82-3666	82-3136
農ライフ創生センター	43-0340	43-0341
百年草	62-0100	62-2389
藤岡ふれあいの館	75-2105	75-2106
女性しごとテラス	41-7555	31-1391
県の主な施設		
施設名	TEL	FAX
旭高原自然の家	68-3200	68-3203
足助警察署	62-0110	62-0099
県緑化センター	76-2106	76-0140
女性相談センター 豊田加茂駐在室	33-0294	33-2212
県動物愛護センター	58-2323	58-2330
豊田加茂県税事務所	32-3383	35-0921
豊田加茂建設事務所	35-1311	35-1648

豊田加茂旅券コーナー	34-2110	34-6152
豊田加茂福祉相談センター	33-0294	33-2212
豊田加茂児童・障害者 相談センター	33-2211	33-2212
豊田加茂農林水産事務所	32-7361	32-4720
豊田警察署	35-0110	35-0330
豊田浄水場	45-1500	45-1500
中央家畜保健衛生所 豊田加茂支所	32-0459	35-0674
西三河県民事務所豊田庁舎	32-3381	—
県住宅供給公社 豊田公営住宅センター	34-2001	34-2043
あいち産業科学 技術総合センター	0561- 76-8301	0561- 76-8304
三河高等技術専門学校総合造園科	76-1424	76-1424
国の主な施設		
施設名	TEL	FAX
西三河自動車検査登録事務所	050- 5540- 2047	51-1072
愛知少年院	45-0511	43-0072
豊田簡易裁判所	32-0329	32-0341
豊田区検察庁	32-0602	32-0602
豊田公共職業安定所	31-1400	31-6188
豊田税務署	35-7777	—
豊田年金事務所	33-1123	33-1211
豊田労働基準監督署	35-2323	35-2341
名古屋法務局豊田支局	32-0006	35-3837
名古屋国道事務所 豊田維持出張所	32-6110	32-6121
名四国道事務所豊田出張所	32-7581	32-7586
矢作ダム管理所	68-2321	68-2328
自衛隊豊田地域事務所	32-7384	32-7384
豊田公証役場	34-1731	41-6167

Togari Clean Center	28-2000	28-2212
Nhà máy Đốt rác Fujioka	76-2027	75-1027
Cơ sở Xử lý phân hủy Thành phố Toyota (Trung tâm tái chế Midori-no)	43-2080	43-2081
Cơ sở khác		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Bãi đỗ xe đạp Asahigaoka	34-5200	34-5200
Công viên Asahi Kogen Genkimura	68-2755	68-2810
Quảng trường Fureai Ishidatami	76-6577	76-6577
Karen no Yakata	90-4120	90-4121
Mikawa-ko Terrace Korin	90-4120	90-4121
Trung tâm Dịch vụ Người lao động	35-4470	35-4475
Chợ bán buôn địa phương của Thành phố	33-3421	34-2156
Korankei (Hiệp hội Du lịch Asuke)	62-1272	62-0424
Kosema-seien (Nhà tang lễ)	80-1160	80-1196
Satoyama Kurashi Taikenkan Suge-no-Sato (Cơ sở trải nghiệm thực tế)	69-1622	69-1633
Bảo tàng Sanshu Asuke Yashiki	62-1188	62-1782
Văn phòng Hỗ trợ Tìm kiếm việc làm	31-1330	31-1391
Trung tâm Tiêu dùng và Đời sống Thành phố Toyota	33-0999	33-0998
Tezukuri Kobo Yamayuri (Nhà hàng và cửa hàng)	91-1186	91-1187
Viện Nghiên cứu Giao thông Thành phố Toyota	31-8551	31-9888
Trung tâm Bảo vệ Động vật	42-2533	80-2020
Donguri Kobo (Cơ sở trải nghiệm thực tế)	83-3838	82-3777
Donguri-no-Yu (Suối nước khoáng tự nhiên)	82-3135	82-3138
Donguri Yokocho (Chợ nông sản)	82-3666	82-3136
Trung tâm Hỗ trợ Cuộc sống Nông thôn	43-0340	43-0341
Hyakunenso (Khách sạn và nhà hàng)	62-0100	62-2389
Fujioka Fureai-no-Yakata (Cơ sở văn hóa)	75-2105	75-2106
Góc việc làm dành cho phụ nữ	41-7555	31-1391
Các cơ sở quan trọng của tỉnh		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Nhà thiên nhiên Asahi Kogen	68-3200	68-3203
Trạm cảnh sát Asuke	62-0110	62-0099
Trung tâm Xanh Aichi	76-2106	76-0140
Trung tâm Tư vấn Phụ nữ, Chi nhánh Toyota-Kamo	33-0294	33-2212
Trung tâm Bảo vệ Động vật tỉnh Aichi	58-2323	58-2330
Văn phòng Thuế Toyota-Kamo	32-3383	35-0921
Văn phòng Xây dựng Toyota-Kamo	35-1311	35-1648

Trung tâm Hộ chiếu Toyota-Kamo	34-2110	34-6152
Trung tâm Tư vấn Phúc lợi Xã hội Toyota-Kamo	33-0294	33-2212
Trung tâm Tư vấn cho Trẻ em và Người khuyết tật Toyota-Kamo	33-2211	33-2212
Văn phòng Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Toyota-Kamo	32-7361	32-4720
Trạm cảnh sát Toyota	35-0110	35-0330
Nhà máy Xử lý Nước Toyota	45-1500	45-1500
Trung tâm Dịch vụ Vệ sinh Chăn nuôi Trung ương, Chi nhánh Toyota-Kamo	32-0459	35-0674
Văn phòng Công dân Nishi-Mikawa, Chi nhánh Toyota	32-3381	—
Tổ chức Nhà ở Tỉnh Aichi, Trung tâm Nhà ở Công cộng Toyota	34-2001	34-2043
Trung tâm Công nghiệp và Công nghệ Khoa học Tỉnh Aichi	0561-76-8301	0561-76-8304
Khoa Kiến trúc Cảnh quan Tổng hợp, Trường Cao đẳng Nghệ Mikawa	76-1424	76-1424
Các cơ sở quan trọng của quốc gia		
Cơ sở	Điện thoại	FAX
Văn phòng Kiểm định và Đăng ký Xe ô tô Nishi-Mikawa	050-5540-2047	51-1072
Trường Giáo dục Thanh thiếu niên Aichi	45-0511	43-0072
Tòa án Giảm lược Toyota	32-0329	32-0341
Viện kiểm sát Quận Toyota	32-0602	32-0602
Văn phòng An ninh Việc làm Công cộng Toyota (Hello Work)	31-1400	31-6188
Văn phòng Thuế Toyota	35-7777	—
Dịch vụ Trợ cấp Hưu trí Nhật Bản, Chi nhánh Toyota	33-1123	33-1211
Bộ phận Giám sát Tiêu chuẩn Lao động Toyota	35-2323	35-2341
Văn phòng Pháp luật Nagoya, Chi nhánh Toyota	32-0006	35-3837
Văn phòng Đường Quốc lộ Nagoya, Chi nhánh Bảo trì Toyota	32-6110	32-6121
Văn phòng đường cao tốc quốc gia Meishi, Chi nhánh Toyota	32-7581	32-7586
Văn phòng Quản lý Đập và Hồ chứa Yahagi	68-2321	68-2328
Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản, Văn phòng Khu vực Toyota	32-7384	32-7384
Văn phòng Công chứng Toyota	34-1731	41-6167

